

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP**





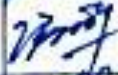



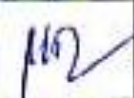

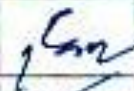
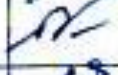

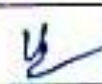

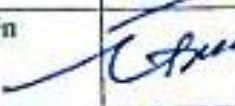



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH LÂM SINH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội tháng 10/ 2020**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
TỰ ĐÁNH GIÁ – KHOA LÂM HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường DHLN)*

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	GS. TS. Trần Văn Chú	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS. TS. Trần Quang Bảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	PGS. TS. Lê Xuân Trường	Trưởng Khoa Lâm học	Phó Chủ tịch TT	
4	TS. Trần Việt Hà	P. Trưởng Khoa Lâm học	Thư ký	
5	ThS. Nguyễn Xuân Hùng	P. Trưởng khoa Lâm học (Phân hiệu tại Đồng Nai)	Thành viên	
6	PGS. TS. Phạm Minh Toại	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	TS. Trịnh Hiền Mai	P. Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
8	TS. Cao Thị Thu Hiền	Giảng viên BM ĐTQHR	Thành viên	
9	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM KH Đất	Thành viên	
10	ThS. Nguyễn Hoàng Hương	P. Trưởng BM KH Đất	Thành viên	
11	ThS. Phạm Thị Hạnh	P. Trưởng BM Lâm sinh	Thành viên	
12	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên	
13	TS. Nguyễn Hồng Hải	P. Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên	
14	PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh	GD TTNCLN&BDKH	Thành viên	
15	ThS. Trần Thị Mai Sen	Giảng viên BM Lâm Sinh	Thành viên	
16	ThS. Lê Thị Khiếu	P.GD TT NCLN&BDKH	Thành viên	
17	Lục Thế Cầu	Sinh viên K62 Lâm sinh	Thành viên	

## MỤC LỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG.....	i
TỰ ĐÁNH GIÁ – KHOA LÂM HỌC .....	i
<i>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</i>	<i>1</i>
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Mục đích tự đánh giá.....	2
1.2. Quy trình tự đánh giá .....	3
1.3. Hội đồng tự đánh giá.....	3
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	3
2. Tổng quan chung .....	4
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Lâm nghiệp .....	4
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>13</b>
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	13
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. ....	13
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. ....	15
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	17
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	21
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	21
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật .....	25
Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	30
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	32
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	33
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng ....	36
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	40
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học .....	44

<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>45</i>
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra .....</i>	<i>47</i>
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....</i>	<i>50</i>
<i>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả của người học .....</i>	<i>53</i>
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....</i>	<i>53</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. ....</i>	<i>56</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	<i>59</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập .....</i>	<i>62</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập..</i>	<i>64</i>
<i>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</i>	<i>66</i>
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ.....</i>	<i>66</i>
<i>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>69</i>
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai..</i>	<i>72</i>
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. ....</i>	<i>73</i>
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ....</i>	<i>76</i>

<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>78</i>
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....</i>	<i>85</i>
<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. .</i>	<i>85</i>
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. ....</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....</i>	<i>93</i>
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	<i>97</i>
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	<i>99</i>
<i>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật .....</i>	<i>101</i>
<i>Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	<i>103</i>
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. ....</i>	<i>106</i>
<i>Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học .....</i>	<i>109</i>
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	<i>112</i>
<b><i>TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....</i></b>	<b><i>115</i></b>
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....</i>	<i>116</i>

<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....</i>	<i>118</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....</i>	<i>121</i>
<i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....</i>	<i>123</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. ....</i>	<i>127</i>
<b><i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học .....</i></b>	<b><i>132</i></b>
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến .....</i>	<i>136</i>
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....</i>	<i>138</i>
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học .....</i>	<i>143</i>
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến. ....</i>	<i>149</i>
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	<i>152</i>
<b><i>TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA.....</i></b>	<b><i>155</i></b>
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>155</i>
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>175</i>
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>181</i>
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....</i>	<i>186</i>

<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	<i>189</i>
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>192</b>
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Lâm sinh .....	192
2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành Lâm sinh .....	194
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Lâm sinh.....	197

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
1	BGH	Ban giám hiệu
2	BGDĐT	Bộ giáo dục đào tạo
3	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
4	CB	Cán bộ
5	CĐSP	Cao đẳng sư phạm
6	CTĐT	Chương trình đào tạo
7	CĐR	Chuẩn đầu ra
8	CVHT	Cổ vấn học tập
9	CBVC	Cán bộ viên chức
10	CBGD	Cán bộ giảng dạy
11	CĐ	Cao đẳng
12	CGCN	Chuyên gia công nghệ
13	CNTT	Công nghệ thông tin
14	CSGD	Cơ sở giáo dục
15	CSVC	Cơ sở vật chất
16	CTDH	Chương trình dạy học
17	CT&CTSV	Chính trị và công tác sinh viên
18	ĐH	Đại học
19	ĐHLN	Đại học Lâm nghiệp
20	ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
21	GD	Giảng dạy
22	GDDH	Giáo dục đại học
23	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
24	GD&NCKH	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
25	GS	Giáo sư
26	GV	Giảng viên
27	[H]	Hộp minh chứng
28	HCTH	Hành chính tổng hợp



29	HĐ	Hội đồng
30	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
31	HSSV	Học sinh sinh viên
32	KĐCL	Kiểm định chất lượng
33	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
34	KĐĐH	Kiểm định đại học
35	KH&ĐT	Kế hoạch và đào tạo
36	KHCN	Khoa học công nghệ
37	KQ	Kết quả
38	KQHT	Kết quả học tập
39	KTX	Kí túc xá
40	KT & ĐBCL	Kiểm tra và đảm bảo chất lượng
41	KTKĐCLGD	Kiểm tra kiểm định chất lượng giáo dục
42	KT&ĐBCL	Khảo thí và đảm bảo chất lượng
43	LS	Lâm sinh
44	LH	Lâm học
45	NCKH	Nghiên cứu khoa học
46	NCV	Nghiên cứu viên
47	NCLN&BĐKH	Nghiên cứu Lâm nghiệp và biến đổi khí hậu
48	NN	Nhà nước
49	NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
50	NSNN	Ngân sách nhà nước
51	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
52	PGS	Phó giáo sư
53	PowerPoint	Bài giảng điện tử
54	QĐ	Quyết định
55	QLTNR	Quản lý tài nguyên rừng
56	QTTB	Quản trị thiết bị
57	SV	Sinh viên
58	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
59	TCCB	Tổ chức cán bộ

60	TCLĐ	Tổ chức lao động
61	THPT	Trung học phổ thông
62	TCSP	Trung cấp sư phạm
63	TCKT	Tài chính kế toán
64	TS	Tiến sĩ
65	TNTH	Thí nghiệm thực hành
66	TTXTĐT&DH	Trung tâm xúc tiến đào tạo và du học
67	VLVH	Vừa học vừa làm
68	XTTS&TVVL	Xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm
69	XTTS	Xúc tiến tuyển sinh

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

	<b>Trang</b>
Bảng 2.1. So sánh sự thay đổi trong đề cương chi tiết một số học phần giữa năm 2015 so với năm 2017 và 2019	26
Bảng 3.1. Bảng thống kê tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức	39
Bảng 3.2 . Sơ đồ cấu trúc các môn học qua các học kỳ	40
Bảng 6.1. Số lượng và trình độ cán bộ giảng dạy thuộc Khoa Lâm học tại cơ sở chính năm 2019 [H6.06.01.02]	65
Bảng 6.2. Bảng thống kê số lượng người học/ giảng viên của Khoa Lâm học theo các năm học (từ 2016 đến 2020)	68
Bảng 6.3. Thống kê số lượng cán bộ Khoa Lâm học tham gia các khóa đào tạo từ năm 2016 đến 2020 [H6.06.05.09]	75
Bảng 6.4. Thống kê tổng số giờ giảng dạy và NCKH của Khoa Lâm học từ năm 2015 – 2020	76
Bảng 6.5. Thống kê số lượng NCKH và chuyển giao KHCN của đội ngũ GV, NCV của khoa Lâm học giai đoạn 2015 – 2020	79
Bảng 6.6. Thống kê số lượng sách đội ngũ GV, NCV xuất bản của khoa Lâm học giai đoạn 2015 – 2019	80
Bảng 7.1. Thống kê số lượng và năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo tại cơ sở chính & Phân hiệu Đồng Nai	84
Bảng 7.2. Thống kê số lượng và năng lực của đội ngũ nhân viên làm việc tại khoa Lâm học	85
Bảng 7.3. Kết quả đánh giá của cán bộ giảng dạy khoa Lâm về chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ tại Thư viện, phòng thí nghiệm, giảng đường	91
Bảng 7.4. Kết quả đánh giá của sinh viên ngành Lâm sinh đối với chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên	92
Bảng 7.5. Nhu cầu, kế hoạch bồi dưỡng đối với cán bộ hỗ trợ thuộc khoa Lâm học	93
Bảng 8.1. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn thí sinh đăng ký ngành Lâm sinh	100

Bảng 9.1. Kết quả khảo sát giáo viên về hệ thống công nghệ thông tin	122
Bảng 9.2. Kết quả đánh giá của SV về tình hình vệ sinh- y tế, an ninh - trật tự	126
Bảng 9.3. Kết quả đánh giá về vệ sinh y tế, an toàn và chất lượng phục vụ của bộ phận trực phòng TNTH	126
Bảng 10.1. So sánh chương trình giáo dục đại học ngành Lâm sinh qua các lần điều chỉnh năm 2015, 2017 và 2019	130
Bảng 10.2. Một số đề tài NCKH các cấp nổi bật và lĩnh vực áp dụng giai đoạn 2015-2019	139
Bảng 10.3. Thống kê các công bố của Khoa Lâm học giai đoạn 2015-2019	141
Bảng 10.4. Thống kê các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2019	143
Bảng 10.5. Bảng tóm tắt khảo sát ý kiến các bên liên quan từ 2015 – 2020	149
Bảng 11.1. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020	156
Bảng 11.2. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Phân hiệu)	157
Bảng 11.3. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Toàn trường)	158
Bảng 11.4. Thống kê số lượng và nguyên nhân sinh viên thôi học ngành Lâm sinh giai đoạn 2016-2020 (Cơ sở chính)	160
Bảng 11.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh giai đoạn 2015-2020 (Cơ sở chính)	161
Bảng 11.6. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh, giai đoạn 2015-2020 (Phân hiệu)	162
Bảng 11.7. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh giai đoạn 2015-2020 (Toàn trường)	163

Bảng 11.8. Phân loại tốt nghiệp ngành Lâm sinh (Cơ sở chính)	165
Bảng 11.9. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Phân hiệu)	167
Bảng 11.10. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Toàn trường)	168
Bảng 11.11. Thống kê Sinh viên đầu vào, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành QLTNR giai đoạn 2015-2020	169
Bảng 11.12. Thống kê Sinh viên đầu vào, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020	170
Bảng 11.13. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2020 (Cơ sở chính)	173
Bảng 11.14. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Phân hiệu)	175
Bảng 11.15. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Toàn trường)	176
Bảng 11.16. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành QLTNR qua các năm 2015-2020	178
Bảng 11.17. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020	179
Bảng 11.18. Đối sánh tình hình việc làm của sinh viên ngành Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng và Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp qua các năm 2015-2019	182
Bảng 11.19. Thu nhập bình quân của sinh viên sau tốt nghiệp ngành Lâm sinh từ 2015-2019	184
Bảng 11.20. Thống kê các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2013-2018	187
Bảng 11.21. Thống kê kinh phí hỗ trợ các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2013-2018	188
Bảng 11.22. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng về CTĐT của cựu sv	190
Bảng 11.23. Bảng tổng hợp số lượng đánh giá giảng viên và môn học theo học kì và năm học của sinh viên	190

**DANH MỤC HÌNH VẼ**

	<b>Trang</b>
Hình 1. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức Khoa Lâm học tại cơ sở chính	9
Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức khoa Lâm học tại Phân hiệu	10
Hình 5.1. Mức độ đánh giá việc giải thích rõ ràng cách đánh giá môn học/ học phần của sinh viên qua các học kỳ/ năm học	56

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là nhân tố cốt lõi, sống còn của một cơ sở đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo như hiện nay. Chất lượng đào tạo là chìa khóa khẳng định uy tín của cơ sở đào tạo. Nhận thức được giá trị và ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, dưới sự chỉ đạo của Nhà trường, tập thể khoa Lâm học đã tiến hành công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của ngành Lâm sinh là ngành học được đào tạo cho đối tượng sinh viên đại học do khoa phụ trách, là ngành truyền thống không chỉ của Khoa mà của cả Nhà trường.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường. Năm 2017 Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá để kiểm định chất lượng trường đại học. Từ ngày 08/9/2017 - 15/9/2017 Trường ĐHLN đã thực hiện quá trình khảo sát phục vụ đánh giá ngoài và đã được Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (theo Quyết định số 151/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2018). Tiếp tục kế hoạch tự đánh giá của Nhà trường, tháng 3 năm 2018 Trường ĐHLN đã tổ chức khóa tập huấn “*Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT*” do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức (theo Quyết định số 335/QĐ-ĐHLN ngày 05/3/2018) cho 114 viên chức và lao động hợp đồng của Trường, trong đó có 08 cán bộ của Khoa Lâm học tham gia. Đây là hoạt động quan trọng nhằm trang bị phương pháp và kỹ năng thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo cho cán bộ của Trường ĐHLN nói chung và của Khoa Lâm học nói riêng.

Ngành Lâm sinh là một trong những ngành đào tạo quan trọng của Trường ĐHLN nói chung và Khoa Lâm học nói riêng, trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Mục tiêu của Ngành là đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ đại học có kiến thức, kỹ năng về Lâm sinh có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp và đủ sức khỏe để thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ lâm nghiệp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong

nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Với lý do đó, tháng 4 năm 2018 Trường ĐHLN đã ra Quyết định số 513/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Lâm sinh để thực hiện nhiệm vụ triển khai tự đánh giá theo Qui định Bộ GD&ĐT và Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành Lâm sinh bao gồm 11 nội dung như sau: (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT; (2) Bản mô tả CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (6) Đội ngũ GV và nghiên cứu viên; (7) Đội ngũ nhân viên; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (9) CSVC và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra.

Báo cáo này giới thiệu toàn bộ kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Lâm sinh. Báo cáo được kết cấu bao gồm 4 phần, cụ thể như sau:

- Phần I. Khái quát: Nội dung chính phần này đề cập tới mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo của Khoa Lâm học đối với ngành Lâm sinh.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Phần này trình bày kết quả tự đánh giá của chương trình đào tạo theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí. Các tiêu chí được phân tích, xem xét điểm mạnh, điểm tồn tại sau khi được mô tả ngắn gọn. Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, điểm tồn tại, nhóm đánh giá đã đề ra kế hoạch hành động để khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh của từng tiêu chí. Kết thúc, mỗi tiêu chí được nhóm đánh giá cho điểm theo thang điểm 7 tương ứng với 7 mức đạt được của tiêu chí đó

- Phần III. Kết luận: Phần này trình bày tóm tắt các điểm mạnh và những tồn tại chính trong chương trình đào tạo ngành Lâm sinh, làm cơ sở đề xuất và lên kế hoạch cho những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại chưa đáp ứng tiêu chí.

- Phần IV. Phụ lục: Phần này tổng hợp các minh chứng có liên quan tới thông tin tổng quát của Khoa, các tài liệu có liên quan tới hoạt động tự đánh giá của Khoa.

### ***1.1. Mục đích tự đánh giá***

Mục tiêu của tự đánh giá là nhằm rà soát, đánh giá thực trạng những điểm mạnh, điểm tồn tại trong chương trình đào tạo của ngành để có những cải tiến cho phù hợp với



xu thế phát triển và nhu cầu của xã hội; Giúp xây dựng thái độ, nhận thức để từ đó có những chuyển biến về hành động của các cán bộ nhân viên trong khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng môi trường làm việc văn hóa, có trách nhiệm góp phần vào sự nghiệp chung của Nhà trường, góp phần vào hoạt động cải tiến chương trình đào tạo nhằm đạt tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao uy tín và vị thế của Nhà trường xứng đáng là trường đầu ngành trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

### ***1.2. Quy trình tự đánh giá***

Tiến trình thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện thông qua các bước cơ bản sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm chuyên trách
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá
- Bước 3: Thu thập thông tin và minh chứng
- Bước 4: Các nhóm chuyên trách xử lý thông tin, phân tích thông tin
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo
- Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá, sẵn sàng cho đánh giá ngoài

### ***1.3. Hội đồng tự đánh giá***

Để thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Lâm sinh, Trường DHLN đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 17 thành viên, Ban thư ký gồm 6 thành viên và 5 nhóm công tác chuyên trách với tổng số 31 thành viên, theo Quyết định số 513/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng. Tiến hành quá trình tự đánh giá từ khâu thu thập minh chứng, tổng hợp và phân tích thông tin và viết báo cáo là toàn thể cán bộ giảng viên của Khoa Lâm học, với sự hỗ trợ trực tiếp của Phòng KT & ĐBCL và toàn thể các phòng ban liên quan tại cơ sở chính và Phân hiệu Đồng Nai. Ngoài ra, quá trình tự đánh giá còn có sự tham gia của các cựu cán bộ, cựu giảng viên, cựu sinh viên đã từng công tác, học tập tại Khoa Lâm học và các khóa sinh viên đang học tập tại trường.

### ***1.4. Phương pháp tự đánh giá***

Quá trình tự đánh giá được triển khai dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành. Cụ thể là Tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo ban

hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Công văn hướng dẫn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Đối với mỗi tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách thực hiện theo trình tự sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng;
- Lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;
- Mô tả, làm rõ thực trạng của tiêu chí;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường theo từng tiêu chí.

Toàn bộ những phân tích, đánh giá và kết luận trong báo cáo đều dựa trên các thông tin, minh chứng hiện có trong vòng 5 năm trở lại đây, có thể tiếp cận được về tất cả các lĩnh vực liên quan đến chương trình đào tạo ngành Lâm sinh.

### ***Phương thức mã hoá minh chứng***

Toàn bộ các minh chứng được mã hóa để sử dụng thống nhất trong báo cáo, mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 8 ký tự; bắt đầu bằng một chữ cái (H - viết tắt của Hộp minh chứng), sau đó đến các chữ số biểu thị thứ tự của tiêu chuẩn, tiêu chí và cuối cùng là số thứ tự của minh chứng. Ví dụ cụ thể như sau:

- H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 01 thuộc tiêu chuẩn 01, được đặt ở hộp 1.
- H11.11.11.11 là minh chứng thứ 11 của tiêu chí 11 thuộc tiêu chuẩn 11, được đặt ở hộp 11.

## **2. Tổng quan chung**

### ***2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Lâm nghiệp***

Trường Đại học Lâm nghiệp được thành lập theo Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ.

- Tên giao dịch:
- + Tiếng Việt: Trường Đại học Lâm nghiệp - viết tắt là LNH

+ Tiếng Anh: **Vietnam National University of Forestry** - viết tắt là VNUF.

- Địa điểm: Trường ĐHLN có Trụ sở chính tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội; Phân hiệu tại Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

*Sứ mạng của Trường:* “Là trung tâm giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ có uy tín cao về các lĩnh vực kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan, kỹ thuật - công nghệ. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước”.

*Tầm nhìn của Trường:* “Trở thành trường đại học đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn, về Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong khu vực châu Á về các mặt: Môi trường làm việc, học tập và nghiên cứu, chất lượng đào tạo, trong đó chú trọng đào tạo đại học hệ chính quy, sau đại học và liên kết đào tạo quốc tế, kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ. Phát triển một số ngành theo định hướng nghiên cứu, một số ngành theo định hướng ứng dụng hoặc thực hành. Các yếu tố tạo thương hiệu cho Trường là môi trường văn hóa trí thức, chất lượng đào tạo sau đại học và đại học chính quy, xuất bản ấn phẩm khoa học (đặc biệt là ấn phẩm khoa học quốc tế và giáo trình), chuyển giao công nghệ, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, thành tích khoa bảng của sinh viên, danh tiếng của cựu SV và của đội ngũ GV, nhà khoa học. Mở rộng thêm nhiều ngành nghề ngoài lĩnh vực lâm nghiệp để Trường phát huy tốt hơn các tiềm năng, thế mạnh và tận dụng cơ hội, khắc phục các điểm yếu và giảm thiểu thách thức, qua đó góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng đầu của Trường là "đầu ngành của cả nước về lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn,...". Động lực phát triển của Trường nằm ở ba yếu tố căn bản nhất: (i) Tính hấp dẫn của Trường và của hệ thống ngành nghề đào tạo (có tác dụng thu hút đầu vào và cung cấp đầu ra có chất lượng tốt), (ii) Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ chủ chốt, (iii) Tâm huyết, tài năng và sức vươn lên của GV, nhà khoa học trong trường. Trong Trường ĐHLN, SV là nhân vật trung tâm; việc xây dựng đội ngũ GV và nhà nghiên cứu giỏi là trọng tâm; việc gắn kết đào tạo với nghiên cứu là tất yếu”.

*Mục tiêu chung của Trường:* “Tạo ra bước phát triển đáng kể về chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế và thứ hạng của Trường, thông qua các hoạt động giáo dục, đào tạo,

NCKH và chuyển giao công nghệ, HTQT; tạo ra môi trường sáng tạo, chuyên nghiệp, đổi mới, văn hóa tri thức và tự do học thuật; góp phần tích cực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội”.

*Các mục tiêu chiến lược cụ thể của Trường:* (i) Tạo ra môi trường làm việc mà ở đó phát huy được tối đa năng lực và tính năng động của mỗi tổ chức cấu thành, mỗi cá nhân cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và phục vụ; (ii) Phát triển nội lực và mối quan hệ chiến lược với các đối tác trong và ngoài nước để xây dựng năng lực thực hiện các nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội về đào tạo, nghiên cứu và tác động chính sách; (iii) Xây dựng bộ máy và cơ chế quản lý có khả năng dự báo nhu cầu, xác định điểm mạnh, điểm yếu, các khoảng trống trong hệ thống để có thể phản ứng một cách năng động với những thay đổi của môi trường hoạt động; (iv) Đến năm 2020, thứ hạng của Trường ĐHLN thuộc top 50 - 60 trong tổng số trường đại học ở Việt Nam; đến năm 2030 thuộc top 40-50.

*Giá trị cốt lõi của Trường:* Trường Đại học Lâm nghiệp không ngừng phấn đấu để tạo ra **“Văn hoá Chất lượng Đại học Lâm nghiệp”** đặc thù với **5 giá trị cốt lõi:** (i) Chất lượng và hiệu quả: Trường ĐHLN luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu trong mọi hoạt động phát triển của Nhà trường (chất lượng); Định hướng phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV (hiệu quả); (ii) Đổi mới và sáng tạo: Trường ĐHLN luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt và đa dạng trong quản trị Nhà trường, trong giảng dạy và nghiên cứu, trong định hướng phát triển Nhà trường; (iii) Kế thừa và phát triển: Trường ĐHLN luôn tôn trọng và kế thừa truyền thống phát triển của Nhà trường; luôn ưu tiên phát triển và nâng cao chất lượng các ngành truyền thống. Truyền thống là bộ phận cho sự phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai; (iv) Hợp tác và thân thiện: Trường ĐHLN luôn mở rộng hợp tác với tất cả các đối tác trong nước và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao KHCN. Quan hệ hợp tác trên nền tảng bình đẳng, cùng có lợi, lâu dài và bền vững; (v) Trung thực và trách nhiệm: Trường ĐHLN luôn yêu cầu sự trung thực và trách nhiệm trong công việc. Mỗi thành viên của ĐHLN phải luôn công hiến, tôn trọng luật pháp và quy định của Nhà trường.

Trường ĐHLN hiện có 34 đơn vị đầu mối gồm các phòng, ban, đoàn thể, các trung tâm, các khoa/viện chuyên môn và Phân hiệu ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Toàn Trường có 994 cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu. Đội ngũ GV cơ hữu của Trường gồm 596 người, trong đó có: 07 GS, 38 PGS, 100 tiến sĩ, 354 thạc sĩ và 97 cử nhân.

Nhà trường hiện đang đào tạo 06 ngành học ở bậc trung cấp chuyên nghiệp, 06 ngành học bậc cao đẳng, 32 ngành học bậc đại học, 10 ngành học bậc thạc sĩ và 06 ngành học bậc tiến sĩ.

Hiện tại, hệ thống CSVC, trang thiết bị của Nhà trường ở cả hai địa điểm Hà Nội và Đồng Nai đều đáp ứng tốt quy mô đào tạo và NCKH cho HSSV và cán bộ của Nhà trường.

Vấn đề nâng cao chất lượng ngành đào tạo được Nhà trường hết sức quan tâm để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, GV được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có tính hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT, CSVC và đội ngũ cán bộ của Nhà trường. Quá trình dạy và học được rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các đề tài NCKH của cán bộ GV, phong trào NCKH SV được quan tâm đáng kể. Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng và lồng ghép vào chương trình giảng dạy các môn học. Tăng khả năng tiếp cận với thực tiễn cho SV và giúp nâng tầm ảnh hưởng của ngành học đối với xã hội. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và cải thiện nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và việc học.

## **2.2. Giới thiệu về khoa Lâm học**

Khoa Lâm học là đơn vị quản lý chuyên môn thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp, có văn phòng tọa lạc trong khuôn viên của Trường, tại Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Hà Nội và Phân hiệu tại Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai. Khoa được thành lập trên cơ sở là tiền thân là Khoa Lâm nghiệp của Học viện Nông - Lâm Hà Nội được thành lập năm 1956 và đã được đổi tên thành Khoa Lâm học theo Quyết định số 551/TCLĐ ngày 24/08/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

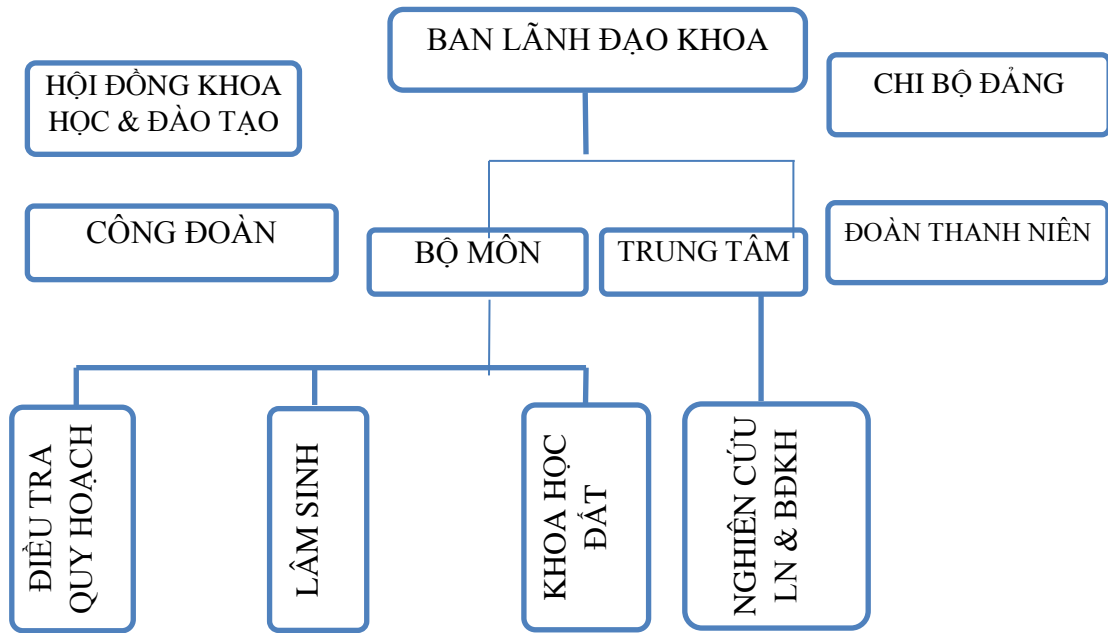
Ngành Lâm sinh có tên tiếng Anh là Silviculture, mã số ngành đào tạo là 52.62.02.05, đào tạo trình độ đại học trong thời gian 4 năm. Sau khi tốt nghiệp người học được cấp bằng Kỹ sư Lâm sinh, có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ và dịch vụ về lâm nghiệp và Lâm sinh; các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, đơn vị chủ rừng, doanh nghiệp lâm nghiệp, tổ chức quốc tế, phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

Từ khi thành lập tới nay, Khoa Lâm học, trường Đại học Lâm nghiệp đã có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển. Khoa Lâm học luôn được xác định là một trong những khoa nòng cốt để tạo lên thương hiệu của Trường ĐH Lâm nghiệp về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực lâm nghiệp. Nhiệm vụ chính của Khoa là đào tạo nguồn lực, cán bộ khoa học Lâm nghiệp đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hiện thực hóa sứ mệnh, mục tiêu của Nhà trường trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có chuyên môn trong lĩnh vực Lâm sinh, lâm nghiệp, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của ngành lâm nghiệp nói riêng và sự nghiệp phát triển nông thôn nói chung.

Mục tiêu đào tạo của ngành là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức về chuyên môn sâu về sinh lý thực vật, sinh thái rừng, cây rừng, đất rừng, điều tra rừng và động vật rừng. Có kỹ năng thiết kế, chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật xây dựng và phát triển bền vững tài nguyên rừng; điều tra đánh giá tài nguyên rừng, quy hoạch lâm nghiệp và quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, nghiên cứu khoa học và phát triển lâm nghiệp. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc quản lý, khai thác, bảo vệ, sử dụng rừng và tài nguyên thiên nhiên.

Hiện nay, khoa được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Đại học và sau Đại học gồm các ngành học sau:

- Đào tạo Đại học gồm các ngành: 1) Lâm sinh; 2) Lâm nghiệp; 3) Lâm nghiệp chất lượng cao (liên kết với Đại học Oregon, Hoa Kỳ), đào tạo bằng tiếng Anh.
- Đào tạo Thạc sỹ gồm các ngành: 1) Lâm học; 2) Lâm nghiệp nhiệt đới (liên kết với Đại học Goettingen và Đại học Dresden, CHLB Đức), đào tạo bằng tiếng Anh.
- Đào tạo Tiến sỹ gồm các chuyên ngành: 1) Lâm sinh; 2) Điều tra quy hoạch rừng



**Hình 1. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức Khoa Lâm học tại cơ sở chính**

Về cơ cấu tổ chức hành chính, Khoa Lâm học bao gồm 3 bộ môn và 01 trung tâm. Trong đó các bộ môn đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn, Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp và Biến đổi khí hậu có nhiệm vụ chính là hỗ trợ hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và chuyển giao về các lĩnh vực lâm nghiệp và biến đổi khí hậu.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Khoa hiện nay gồm có:

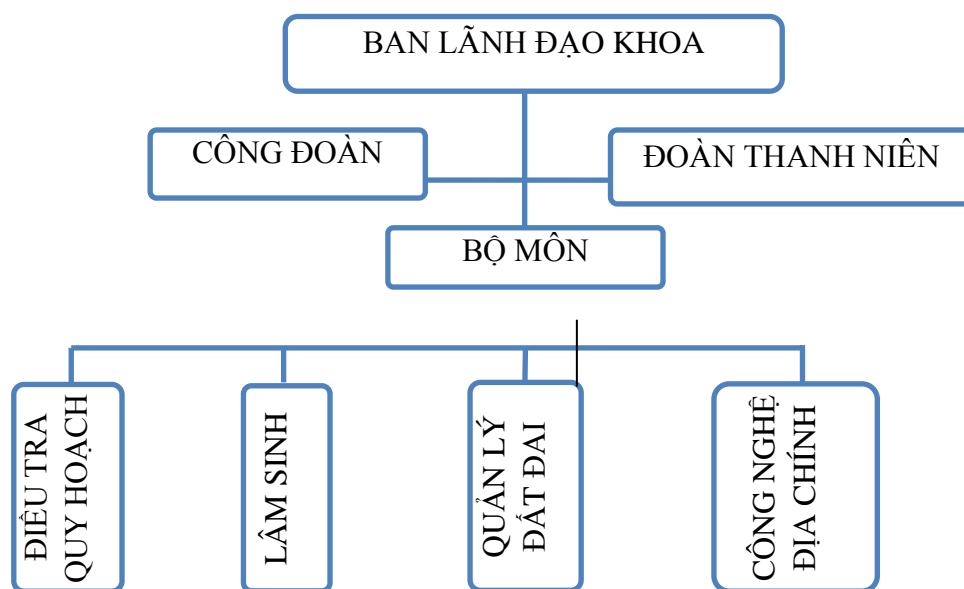
- PGS.TS. Lê Xuân trường, Chủ nhiệm khoa
- TS. Trần Việt Hà, Phó Chủ nhiệm khoa, Chủ nhiệm BM Lâm sinh
- TS. Bùi Mạnh Hưng, Phó chủ nhiệm khoa
- TS. Phạm Thế Anh, Chủ nhiệm Bộ môn Điều tra – Quy hoạch rừng
- TS. Phí Đăng Sơn, Chủ nhiệm Bộ môn khoa học đất
- PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh, Giám đốc TT Nghiên cứu lâm nghiệp và biến đổi

khí hậu

Khoa Lâm học có tổng số 48 cán bộ: Bao gồm 38 giảng viên, 02 chuyên viên, 04 cán bộ hướng dẫn thực hành thực tập và 04 kỹ thuật viên. Trong số đó có 04 PGS (8.1 %), 12 TS (25,00%), 30 thạc sĩ (61%) và 01 kỹ sư (02%). Hiện nay có 11 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh và học thạc sĩ trong và ngoài nước. Đến năm 2020, sẽ có khoảng 100 % cán bộ của Khoa có trình độ thạc sĩ và 58% có trình độ tiến sĩ.

Để đảm bảo chất lượng học tập và nghiên cứu cho sinh viên và cán bộ trong khoa, hiện nay Khoa Lâm học đang quản lý 01 phòng thực hành đất và đá khoáng cho các môn học thuộc bộ môn Khoa học đất; 01 phòng thực hành phục vụ cho các môn học thuộc 2 bộ môn còn lại (Lâm sinh và Điều tra quy hoạch rừng) phụ trách. Đối với các hoạt động thực tập nghề nghiệp, thực tập môn học, Khoa Lâm học có hiện trường thực tập tại núi Luốt – thuộc khuôn viên của trường.

Tại Phân hiệu Đồng Nai, Khoa Lâm học hiện nay tiền thân là Khoa Nông lâm thuộc trường Trung cấp Lâm nghiệp TW2, có trụ sở tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Khoa được chính thức thành lập từ năm 2016 theo Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB, ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. Khoa Lâm học tại Phân hiệu Đồng Nai có chức năng, nhiệm vụ đào tạo kỹ sư chuyên ngành Lâm sinh ở các bậc Đại học, Cao đẳng và TCCN, thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Từ năm 2020, Khoa được giao quản lý thêm các ngành Quản lý đất đai và Kiến trúc cảnh quan. Ngoài ra Khoa còn đảm nhận các nhiệm vụ mở các lớp tập huấn ngắn hạn về các lĩnh vực như Giống cây trồng, Điều tra, Đo đạc, vv. Hiện tại Khoa Lâm học tại Phân hiệu Đồng Nai có 05 bộ môn trực thuộc gồm Bộ môn Lâm sinh, Bộ môn Điều tra quy hoạch, Bộ môn Quản lý đất đai, Bộ môn Công nghệ địa chính và Bộ môn Kiến trúc cảnh quan, với đội ngũ gồm 22 cán bộ và giảng viên, trong đó có 03 Tiến sỹ và 19 Thạc sỹ.



**Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức khoa Lâm học tại Phân hiệu**



Đội ngũ cán bộ quản lý khoa Lâm học tại Phân hiệu hiện nay gồm có:

- TS. Nguyễn Văn Quý, Chủ nhiệm khoa
- ThS. Nguyễn Xuân Hùng, Phó chủ nhiệm khoa
- ThS. Nguyễn Tuấn Bình, Chủ nhiệm BM Lâm sinh
- ThS. Phan Trọng Thế, Chủ nhiệm BM Quản lý đất đai
- TS. Nguyễn Thanh Tuấn, Chủ nhiệm Bộ môn Điều tra – Quy hoạch rừng
- ThS. Phan Văn Tuấn, Phó trưởng BM Công nghệ địa chính

Khoa Lâm học có tổng số 23 cán bộ, trong đó có 03 Tiến sỹ; 4 Nghiên cứu sinh, 14 Thạc sỹ, 2 Kỹ sư và cử nhân.

Khoa cũng đã thiết lập được mối quan hệ và nhận được sự hợp tác hỗ trợ cho các hoạt động thực tập ngoại nghiệp tại các cơ sở như: các vườn quốc gia, các khu bảo tồn, các công ty lâm nghiệp, vv. Những nội dung thực tập được thiết kế sao cho luôn bám sát với các hoạt động thực tiễn quản lý, kinh doanh của các cơ sở qua đó gắn lý thuyết với thực tế sản xuất. Hoạt động này được coi là một trong các thế mạnh của Khoa Lâm học hiện nay.

Cùng với sự quan tâm của Nhà trường, ban lãnh đạo khoa cũng đánh giá cao vai trò của các cựu sinh viên và các đơn vị tuyển dụng trong việc kết nối thông tin, phản hồi chất lượng giáo dục, đào tạo cũng như việc chia sẻ những cơ hội việc làm cho sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp. Do đó, trong thời gian vừa qua, Khoa đã tiến hành một số khảo sát bằng nhiều hình thức (email, gọi điện, mạng xã hội) đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát là một chỉ tiêu tham khảo có giá trị cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra, thiết kế lại chương trình môn học cho các ngành đào tạo của Khoa.

Qui trình đào tạo của ngành Lâm sinh được tổ chức theo hệ thống tín chỉ và thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về qui chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Qui chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT. Ngành Lâm sinh tuyển sinh hệ đại học trên phạm vi cả nước, hiện đã tuyển sinh đến 64 khóa sinh viên, trong đó 61 khóa sinh viên đã tốt nghiệp ra

trường. Riêng phân hiệu Đồng Nai đã triển khai tuyển sinh hệ đại học ngành Lâm sinh từ năm 2013. Tính đến nay Phân hiệu đã tuyển sinh được 07 khóa học với tổng số 139 sinh viên ngành Lâm sinh, trong số đó đã có 04 khóa tốt nghiệp với 93 sinh viên ra trường. Nhìn chung ngành Lâm sinh của trường Đại học Lâm nghiệp đã cung cấp hàng vạn nhân lực chất lượng cao, đã và đang góp phần tích cực vào công cuộc phát triển ngành lâm nghiệp ở Việt Nam.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### *Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

**Mở đầu:** Ngành Lâm sinh là ngành đào tạo xương sống của khoa Lâm học và của trường Đại học Lâm nghiệp. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, CTĐT và CDR của ngành Lâm sinh thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung định kỳ cho phù hợp với yêu cầu ngành nghề của từng giai đoạn trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, người sử dụng lao động, cán bộ giảng dạy, các nhà khoa học và người học. CTĐT của Khoa được xây dựng theo các quy định hiện hành của bộ Giáo dục và đào tạo. CTĐT bậc đại học đã có sự tham khảo từ một số trường đại học uy tín trong nước và quốc tế. CTĐT của Khoa đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt yêu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu và CDR của ngành đã nhận được sự đồng thuận, nhất trí cao của toàn thể cán bộ, giảng viên trong Khoa.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu CTĐT ngành Lâm sinh được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT được xác định và công bố trong Quyết định ban hành chương trình đào tạo đại học các năm 2015, 2017 và 2019 [H1.01.01.01]. Mục tiêu CTĐT ngành cũng đã được thể hiện rõ trong quyết định chuẩn đầu ra năm 2015, 2016 và 2019 [H1.01.02].

Trải qua 3 lần điều chỉnh, đến nay mục tiêu chung của ngành được xác định như sau: “Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh nhằm đào tạo các cán bộ kỹ thuật trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng về Lâm sinh; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có khả năng hợp tác và quản lý nguồn nhân lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ kỹ thuật Lâm sinh”. [H1.01.01.01]. Với vai trò là ngành học truyền thống của trường ĐHLN, mục tiêu CTĐT của ngành luôn gắn liền với

sứ mạng của nhà trường đã được ghi trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2006 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau: *“Trường ĐHLN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam về lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến lâm sản và phát triển nông thôn...Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến nguồn nhân lực lâm nghiệp của cả nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước”*[H1.01.01.03].

Để xây dựng được mục tiêu CTĐT trên, nhà trường và khoa Lâm học đã nghiên cứu Luật giáo dục năm 2012 và Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 [H1.01.04]. Đối chiếu mục tiêu CTĐT ngành Lâm sinh và mục tiêu cụ thể đào tạo đại học tại điều 5, Luật giáo dục đại học 2012, chúng tôi thấy có sự lô gic: đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện (về Lâm sinh bao gồm: sinh thái rừng, đất rừng, ...), có kỹ năng cơ bản (kỹ năng điều tra đánh giá tài nguyên rừng, quy hoạch lâm nghiệp,... [H1.01.01.02]

Sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu của CTĐT và CDR ngành Lâm sinh đã được thể hiện rõ trong ma trận các kỹ năng trong bản mô tả chương trình đào tạo [H1.01.01.05]. Mỗi một mục tiêu đã được cụ thể hóa qua một hoặc nhiều CDR và ngược lại, một CDR phản ánh một hay nhiều mục tiêu CTĐT.

Để xây dựng được mục tiêu CTĐT, nhà trường và khoa đã tiến hành khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan về yêu cầu của một kỹ sư Lâm sinh qua các năm 2015, 2017 và 2019 [H1.01.01.06]. Báo cáo tổng hợp khảo sát các bên liên quan đã cho thấy mục tiêu CTĐT phản ánh được cơ bản nhu cầu thị trường lao động về nguồn nhân lực Lâm sinh [H1.01.01.07].

Mục tiêu CTĐT của ngành Lâm sinh cũng đã được Khoa công bố rộng rãi trên trang web Khoa để người học và xã hội cùng được biết [H1.01.01.08], tạo động lực cho sinh viên phấn đấu học tập và cũng là để khẳng định chất lượng người học với xã hội.

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu CTĐT ngành Lâm sinh của Khoa Lâm học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường, đáp ứng được cơ bản các nhu cầu của xã hội. Nhà trường và Khoa đã công bố rộng rãi mục tiêu CTĐT cho cán bộ, nhân viên, sinh viên và xã hội cùng được biết để phấn đấu hoàn thành mục tiêu đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu CTĐT đạt hiệu quả chưa cao do số lượng khảo sát chưa đủ lớn và chưa thực hiện được một cách rộng rãi trên nhiều đối tượng, nhiều vùng miền khác nhau.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Mở rộng phạm vi khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các cơ quan, doanh nghiệp trên cả nước nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu CTĐT.	Khoa Lâm học	Từ năm 2021, theo định kỳ

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.**

#### 1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành Lâm sinh đã được ban hành theo Quyết định số 516-1/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/4/2015, Số 859/QĐ-ĐHLN-KT&ĐBCL, ngày 15/03/2016 và Quyết định số 471/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 15/03/2019 [H1.01.02.01]. CĐR của ngành cũng đã được thể hiện rõ trong các bản mô tả CTĐT các năm 2017 và 2019 [H1.01.02.02] và được công bố công khai trong các buổi họp rà soát các bên liên quan [H1.01.02.03]. Để có được chuẩn đầu ra, Khoa đã bám sát các quy định, kế hoạch rà soát CTĐT đại học hệ chính quy của nhà trường [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Qua 3 lần công bố và điều chỉnh, đến nay CĐR đã được xác định rõ ràng cụ thể. CĐR gồm có các modul về kiến thức; modul về năng lực nghề nghiệp; modul về kỹ năng (bao gồm cụ thể về kỹ năng cứng và kỹ năng mềm); modul về thái độ; modul yêu cầu về ngoại ngữ; modul về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình

độ sau khi ra trường. Mỗi một modul của CĐR đã được cụ thể hóa bằng những yêu cầu cụ thể đối với người học sau khi tốt nghiệp. Các yêu cầu đó được viết ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu. Cụ thể như sau:

CĐR về kiến thức bao gồm kiến thức về nhận thức chính trị; kiến thức về các môn khoa học cơ bản, tin học,...; kiến thức chuyên ngành đào tạo như về sinh thái rừng, kỹ thuật trồng, phục hồi rừng, thiết kế các phương án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, quy hoạch lâm nghiệp,...

CĐR về kỹ năng đã được xác định cụ thể gồm có kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.

- Với kỹ năng cứng: yêu cầu người học nắm, hiểu và vận dụng các kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành (thổ nhưỡng, sinh thái rừng, điều tra, quy hoạch rừng, kỹ thuật Lâm sinh, trồng rừng...). Đây cũng là những yêu cầu cụ thể của kỹ sư Lâm sinh.

- Với kỹ năng mềm: yêu cầu cụ thể với người học sau khi tốt nghiệp phải có kỹ năng, năng lực tự phát triển bản thân, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, phân tích tư duy sáng tạo linh hoạt,... với những kỹ năng này đã đáp ứng được yêu cầu về năng lực chung của người học ngay sau khi tốt nghiệp CTĐT đại học.

Ngoài ra CĐR còn chỉ rõ yêu cầu cụ thể về thái độ, về ngoại ngữ, việc làm và khả năng nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

CĐR đã cụ thể hoá được mục tiêu của CTĐT đó là đào tạo kỹ sư Lâm sinh có khả năng điều tra lâm học, trồng rừng, phục hồi, phát triển rừng, quy hoạch lâm nghiệp. Mỗi một CĐR đều thể hiện được một hoặc nhiều mục tiêu đào tạo khác nhau và ngược lại một mục tiêu đào tạo cũng sẽ được cụ thể hóa bằng một hoặc nhiều CĐR khác nhau. Điều đó được thể hiện rõ thông qua ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR trong bản mô tả CTĐT [**H1.01.02.02**].

Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhằm xây dựng CĐR phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội, Khoa Lâm học đã kết hợp với các phòng ban liên quan tiến hành lấy thông tin khảo sát về nhu cầu xã hội đối với cựu người học, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động [**H1.01.02.07**]. Trên cơ sở số liệu thu thập được tiến hành phân tích, tổng hợp thành báo cáo kết quả khảo sát để làm cơ sở xây dựng cho CĐR của CTĐT được phù hợp và hoàn thiện hơn [**H1.01.02.08**]

## 2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của ngành được xác định rõ ràng cả về mặt kiến thức, kỹ năng của người học sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR được xây dựng nghiêm túc, bài bản, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thường xuyên, rộng khắp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR	Khoa Lâm học	Từ năm 2021, theo định kỳ
2	Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT	Khoa Lâm học	Từ năm 2021, theo định kỳ

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

### 1. Mô tả

Mục tiêu và CĐR của CTĐT đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch rà soát, điều chỉnh của nhà trường. Từ năm 2015 đến nay, CĐR của CTĐT ngành Lâm sinh đã được ban hành và công bố theo các Quyết định số 516-1/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/04/2015, Quyết định Số 859/QĐ-ĐHLN-KT&ĐBCL ngày 15/03/2016 và Quyết định số 471/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/3/2019 [**H1.01.03.01**].

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT đã được Khoa Lâm học thực hiện theo hướng dẫn của công văn số 2196/BGDĐT - GDĐH ngày 22/04/2010 [**H1.01.03.02**] và văn bản hướng dẫn của nhà trường vào các năm 2015 [**H1.01.03.03**] và 2018 [**H1.01.03.04**].

Mỗi lần xây dựng hay điều chỉnh CĐR của CTĐT, Khoa đều tiến hành khảo sát, xin ý kiến các bên liên quan, gồm các chuyên gia, giảng viên, các nhà tuyển dụng và cựu người học. Các mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan được xây dựng cho từng đối tượng, cụ thể như sau:

Đối với nhà tuyển dụng, nội dung khảo sát là sự tham vấn về các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết về các kiến thức, kỹ năng tương ứng với mỗi một vị trí công việc mà nhà tuyển dụng đang có nhu cầu tuyển dụng **[H1.01.03.05]**

Đối với giảng viên và nhà khoa học, nội dung khảo sát là sự tham vấn về mức độ cần thiết đối với một chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp cần đạt được. **[H1.01.03.05]**

Đối với cựu người học, nội dung khảo sát là sự tham vấn về các yêu cầu cụ thể và mức độ cần thiết của từng đơn vị kiến thức, từng kỹ năng để hoàn thành tốt được vị trí công tác mà cựu người học đang đảm nhiệm **[H1.01.03.05]**

Trong phiếu khảo sát, ngoài các đơn vị kiến thức và kỹ năng đã được soạn sẵn, người được khảo sát đều có thể trình bày những đơn vị kiến thức và kỹ năng khác cũng như các yêu cầu khác mà người được khảo sát thấy cần thiết của một kỹ sư tốt nghiệp ngành Lâm sinh cần phải đạt được.

Trên cơ sở các phiếu khảo sát, Khoa đã tiến hành tổng hợp, viết báo cáo khảo sát các bên liên quan về CĐR ngành Lâm sinh **[H1.01.03.06]**. Cụ thể: Năm 2015, hầu hết các nhà tuyển dụng có những yêu cầu rất cụ thể và nhấn mạnh về kiến thức, kỹ năng cần đạt được của người học sau khi tốt nghiệp như kỹ năng về chuyên môn Lâm nghiệp như: Kỹ thuật vườn ươm, Giống cây rừng, Quản lý rừng bền vững Quy hoạch lâm nghiệp **[H1.01.03.06]**. Đây là những thông tin quan trọng để xây dựng CĐR của ngành Lâm sinh năm 2016. Theo đó, CĐR năm 2016 được thể hiện cụ thể trong CTĐT năm 2017 đã có những thay đổi tích cực khi tăng tín chỉ các học phần chuyên môn, giảm số tín chỉ của các học phần giáo dục đại cương **[H1.01.03.07]**. CĐR năm 2016 đã cụ thể hóa một cách chi tiết những mô đun kiến thức về quy trình cải thiện giống, tạo giống mới, nhân giống và các phương pháp bảo tồn nguồn gen cây rừng; các tiêu chí xác định và phân loại rừng; quy hoạch lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng bền vững và chứng chỉ rừng **[H1.01.03.01]**. Năm 2019, nhiều ý kiến đã nêu yêu cầu khá chi tiết nhiều nhóm kỹ năng, bao gồm cả kỹ năng cứng và kỹ



năng mềm **[H1.01.03.06]**. Theo đó CĐR 2019 đã có một số thay đổi, bổ sung so với CĐR ban hành năm 2015 và 2016, cụ thể như sau:

- Về kiến thức: CĐR năm 2019 ngoài yêu cầu về “hiểu” và “nắm được” còn yêu cầu có khả năng “vận dụng được” các kiến thức cơ bản vào lĩnh vực Lâm sinh **[H1.01.03.01]**;

- Về kỹ năng: CĐR năm 2019 cũng đã mô tả 2 loại kỹ năng là kỹ năng cứng và kỹ năng mềm **[H1.01.03.01]**. Tuy nhiên, trong mỗi một loại kỹ năng, CĐR năm 2019 đã mô tả rất chi tiết nhiều kỹ năng nghề nghiệp của nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có đổi mới như yêu cầu kỹ sư Lâm sinh cần phải xác định được cơ sở kỹ thuật, kinh tế, xã hội để xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất lâm nghiệp; Kế hoạch quản lý rừng bền vững; Dự án, công trình Lâm sinh trong từng trường hợp cụ thể; Thành thạo các kỹ thuật xử lý hạt, gieo, ươm, chiết, ghép, giâm hom và chăm sóc cây con trong vườn ươm; Đề xuất và chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật Lâm sinh phù hợp để tạo rừng, nuôi dưỡng và khai thác rừng. Về kỹ năng mềm, CĐR năm 2019 đã mô tả nhiều nhóm kỹ năng mềm khác nhau bao gồm cả khả năng giao tiếp, hòa nhập, thích nghi với môi trường làm việc đặc thù của ngành lâm nghiệp; Đàm phán, ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm. Những điểm mới trong CĐR ngành Lâm sinh ở từng thời điểm (năm 2015, 2017 và 2019) đã phản ánh yêu cầu của các bên liên quan theo thực trạng nhu cầu xã hội trong từng thời kỳ. Những thay đổi này là sự hội tụ cơ bản của một kỹ sư có khả năng thích ứng và phát triển trong một xã hội năng động, có khả năng phát triển sự nghiệp không chỉ trong lĩnh vực chuyên môn mà còn trong cả các lĩnh vực khác theo đà phát triển của xã hội. **[H1.01.03.01]**

CĐR của ngành Lâm sinh đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan thông qua việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động **[H1.01.03.08]**, **[H1.01.03.09]**, **[H1.01.03.10]** mà còn đáp ứng tốt yêu cầu năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp, điều này được thể hiện rõ trong kết quả thống kê và xếp loại tốt nghiệp của người học **[H1.01.03.11]**.

CĐR của CTĐT ngành cũng đã được xây dựng dựa trên việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước và quốc tế **[H1.01.03.12]**, đảm bảo CĐR của ngành cập nhật với tình hình trong nước và quốc tế **[H1.01.03.01]**

CĐR ngành Lâm sinh từ khi ban hành năm 2015 đến nay, sau mỗi lần sửa đổi bổ sung đều được công bố công khai trên trang thông tin của Nhà trường và trên website của khoa Lâm học [H1.01.03.13]. Ngoài ra, CĐR còn được giới thiệu trong các tuần sinh hoạt công dân cho tân sinh viên khóa mới [H1.01.03.14] và trong công tác quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.15] của Khoa theo kế hoạch của Nhà trường hằng năm và trong các hội thảo về giảng dạy và nghiên cứu khoa học do Khoa tổ chức [H1.01.03.16]

Như vậy CĐR ngành Lâm sinh đã được xây dựng, bổ sung dựa trên việc lấy ý kiến của các bên liên quan và được định kỳ rà soát. Việc rà soát được tiến hành một cách bài bản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đồng thời CĐR được công bố công khai trên các trang thông tin của trường Nhà trường, Khoa, Phòng ban và được giới thiệu trong các hoạt động thường niên khác.

## 2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra được mô tả rõ ràng, được xây dựng bài bản và đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của xã hội, được định kỳ rà soát, sửa đổi trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà Khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thường xuyên, rộng khắp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Công bố CĐR công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau, đến nhiều đối tượng khác nhau, đặc biệt là nhà tuyển dụng và người học.	Khoa Lâm học; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2021 – 2022

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của một CTĐT là hết sức

quan trọng, giúp chúng ta có thể nhìn trước được sản phẩm của CTĐT. Do vậy trong quá trình xây dựng và rà soát CTĐT theo định kỳ, khoa Lâm học đã rất chú trọng đến việc xác định rõ ràng mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Theo đó mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được xây dựng một cách công phu, đáp ứng theo các hướng dẫn của Bộ GDĐT, đặc biệt chuẩn đầu ra được xây dựng trên cơ sở đáp ứng nhu cầu của xã hội theo từng giai đoạn phát triển của đất nước. Mặc dù CDR đã được công khai minh bạch cho xã hội qua website của Trường, tuy nhiên thông tin đến được các bên liên quan còn hạn chế, đặc biệt là nhà tuyển dụng và người học.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Lâm sinh Tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí này đều đạt 4/7 điểm.

### **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

**Mở đầu:** Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường ĐHLN ban hành và điều chỉnh theo các quy định, hướng dẫn của ĐHLN, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

#### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

##### **1. Mô tả**

Sau khi Chương trình đào tạo được ban hành năm 2017 [H2.02.01.01], khoa Lâm học đã tiến hành xây dựng Bản mô tả CTĐT chuẩn cho ngành Lâm sinh [H2.02.01.02] lần đầu tiên, và gần đây nhất năm 2019 Bản mô tả CTĐT ngành lâm sinh được điều chỉnh, cập nhật [H2.02.01.03] sau khi CTĐT năm 2019 được ban hành [H2.02.01.04]. Trước đó (năm 2015), triển khai việc dạy và học ngành Lâm sinh chủ yếu dựa theo CTĐT năm 2015 [H2.02.01.05]. Các bản mô tả CTĐT trên đều được xây dựng trên cơ sở của CDR [H2.02.01.06], khung CTĐT đã được ban hành [H2.02.01.01] [H2.02.01.04], đề cương chi tiết học phần [H2.02.01.07] và chuẩn theo hướng dẫn trong thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục

đại học, quy định chất lượng của chương trình đào tạo **[H2.02.01.08]**, thông báo số 76/TB-ĐHLN-ĐT kèm theo QĐ 194/QĐ-ĐHLN-ĐT về việc xây dựng và ban hành bản mô tả theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học **[H2.02.01.09]** và Công văn 1074/2016 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn TĐG CTĐT **[H2.02.01.10]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh trình bày cụ thể và đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo: tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo, tên đơn vị cấp bằng, mục tiêu và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của chương trình đào tạo, điều kiện tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, khung chương trình đào tạo, tiến trình đào tạo (kế hoạch học tập toàn khóa), ma trận kiến thức, kỹ năng, chương trình đối sánh, vị trí công tác (việc làm) có thể đảm nhận sau khi ra trường; nội dung chương trình đào tạo; tóm tắt nội dung học phần; phương pháp và hình thức đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập **[H2.02.01.02][H2.02.01.03]** ... Nói cách khác, bản mô tả CTĐT mang tính tổng hợp. Thông qua bản mô tả CTĐT, người học cũng như các đối tượng quan tâm khác hoàn toàn có thể hình dung một cách tổng quát về sự vận hành của CTĐT kỹ sư ngành Lâm sinh học trong suốt 4 năm học cũng như sự kỳ vọng về CDR của CTĐT này.

Trong quá trình vận hành, đồng thời cùng với CTĐT, bản mô tả CTĐT cũng được rà soát, sửa đổi cập nhật định kỳ 2 năm/lần theo kế hoạch rà soát sửa đổi CTĐT **[H2.02.01.11]**. Quá trình sửa đổi bản mô tả CTĐT đều tuân thủ theo quy định và hướng dẫn của thông tư số 07/2015/TT-BG&ĐT **[H2.02.01.12]** quy định khối lượng, kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực người học, và các QĐ có liên quan về việc tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT hệ chính quy của Trường Đại học Lâm nghiệp, công việc này được thực hiện thống nhất từ cấp bộ môn, cấp Khoa, cấp Trường thông qua các cuộc họp chuyên môn **[H2.02.01.13]**.

Qua quá trình sửa đổi CTĐT hàng năm, bản mô tả có những sự thay đổi theo CTĐT, cụ thể như sau:

- So với năm 2017 Bản mô tả CTĐT năm 2019 có tổng số tín chỉ đào tạo giảm từ 134 tín chỉ xuống còn 128 tín chỉ, một số học phần đại cương được bỏ khỏi CTĐT: Di truyền học, Hóa phân tích, Hóa sinh đại cương, Vật lý đại cương, bổ sung thêm môn Biến

đổi khí hậu đại cương vào học phần tự chọn. Tiếng Anh cơ bản được giảm từ 12 tín chỉ xuống còn 6 tín chỉ và tập trung vào tiếng Anh chuyên ngành, bổ sung thêm môn tiếng Anh chuyên ngành vào phần kiến thức cơ sở ngành. Bổ sung thêm nội dung rèn nghề vào trong chương trình học thay cho thực tập rèn nghề, bổ sung học kỳ doanh nghiệp vào kỳ cuối của khóa học nhằm thúc đẩy năng lực thực tế của người học giúp người học tích lũy các kiến thức thực tế nhiều hơn. Những thay đổi này phù hợp với xu thế chung hiện nay trong giáo dục đại học là giảm bớt những phần lý thuyết ít quan trọng với ngành nghề, tăng cường kỹ năng thực hành và tiếng Anh chuyên ngành để sinh viên ra trường dễ dàng tiếp cận công việc được thể hiện trong bản so sánh CTĐT các năm **[H2.02.01.14]**.

Nhìn chung các bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh năm 2017 và 2019 **[H2.02.01.02]** **[H2.02.01.03]** đã đáp được yêu cầu về nội dung chuyên môn của ngành, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của TT 04/2016/TT BG&ĐT về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT **[H2.02.01.08]**. Sự thay đổi về cấu trúc và nội dung chuyên môn của CTĐT trong mỗi giai đoạn đều phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của ngành Lâm sinh.

Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh đã chú trọng hơn các khối kiến thức chuyên ngành, kỹ năng làm việc thực tế và khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn những kiến thức này thiết thực với người học nếu được nắm bắt và vận dụng tốt thì sẽ có hiệu quả khi ra trường làm việc.

Các thông tin về bản CTĐT đều được truyền tải thông qua nhiều hình thức khác nhau như các bản tin trên website của khoa và Nhà trường, được phổ biến cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân HSSV **[H2.02.01.15]**. Các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo đáp ứng các mục tiêu của CDR ngành Lâm sinh **[H2.02.01.06]**.

Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành khi được xây dựng và điều chỉnh đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp **[H2.02.01.06]** phù hợp với Luật giáo dục đại học, quy trình mở ngành đào tạo và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 **[H2.02.01.16]**, Quyết định v/v ban hành Quy định về xây dựng và điều chỉnh, cập nhật CTĐT của Trường ĐHLN Số 670/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 22/7/2011

[H2.02.01.17], Thông tư Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học Số 07/2015/ TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 [H2.02.01.11]. Bản mô tả CTĐT có sự tham khảo các chương trình tiên tiến của các trường trong nước và quốc tế về lĩnh vực Lâm nghiệp và tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTĐT theo phiếu và báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan [H2.02.01.18]. Việc thực hiện các nội dung cập nhật, rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh này Khoa Lâm học đều có kế hoạch và phân công cụ thể để xây dựng, điều chỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả [H2.02.01.19], nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường kiến thức thực hành và chuyên môn cho SV, hoặc sắp xếp lại trật tự các môn học cho đúng logic và khả năng thực hiện của các bộ môn. Lần điều chỉnh gần đây nhất vào tháng 6/2019 là sự cải tiến cách tổ chức giảng dạy, giảm kiến thức đại cương (từ 52 xuống 45 tín chỉ) để tăng cường thời gian rèn luyện và nâng cao các kỹ năng khác. Đồng thời tăng cường đào tạo và đánh giá môn tiếng Anh chuyên ngành để nâng cao năng lực hội nhập của người học sau khi tốt nghiệp [H2.02.02.03].

Tất cả các thông tin về những hoạt động này đều được công bố công khai trên hệ thống trang thông tin của Khoa và Nhà Trường [H2.02.01.15].

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh được xây dựng bài bản trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và trường Đại học Lâm nghiệp, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Qua bản mô tả này, người học, nhà tuyển dụng và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

## 3. Điểm tồn tại

Các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết học phần mặc dù đáp ứng được nội dung chuyên môn tuy nhiên có nhiều học phần tài liệu tham khảo chưa được cập nhật.

## 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian
----------	----------	---------------	-----------

		<b>thực hiện</b>	<b>thực hiện</b>
Khắc phục tồn tại	Cập nhật thêm các tài liệu tham khảo mới cho các học phần	Khoa Lâm học	Từ năm 2020

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Đề cương chi tiết các học phần là một tài liệu rất quan trọng trong công tác đào tạo. Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp giảng viên và sinh viên thực hiện đúng nội dung của các học phần. Mỗi đề cương chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần, Khoa Lâm học đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT trong thông tư 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 về ban hành quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.02.01], thông tư Số 57/2012/TT- BGDĐT ngày 27/12/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H2.02.02.02] trong đó quy định Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Theo thông báo của nhà trường về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần các năm [H2.02.02.03], trên cơ sở khung CTĐT ngành Lâm sinh [H2.02.02.04] và bản mô tả các học phần được trình bày trong bản mô tả CTĐT [H2.02.02.05], khoa Lâm học đã tổ chức xây dựng Đề cương chi tiết các học phần ngành Lâm sinh [H2.02.02.06]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CDR của từng học phần được trình bày trong đề cương chi tiết các học phần [H2.02.02.06] và ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CDR của ngành [H2.02.02.07].

Đề cương các học phần có đầy đủ các thông tin tên môn học, mã môn học, số tín chỉ, mục tiêu chuẩn đầu ra của môn học, giờ tín chỉ đối với các hoạt động, mục tiêu môn học, mô tả vắn tắt nội dung môn học, nội dung chi tiết môn học, học liệu, hình thức tổ chức dạy học, yêu cầu của môn học và yêu cầu của giảng viên, cấu trúc môn học, phương pháp dạy - học phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Đề cương đã bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, phương pháp giảng dạy/ học tập để có thể đạt được các chuẩn đầu ra đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy **[H2.02.02.05]**. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định trong cuốn CTĐT **[H2.02.02.04]**

Đề cương chi tiết các học phần được cung cấp cho các người học thông qua quá trình học Các giảng viên lên lớp các học phần chuyên môn, trong tiết giảng đầu tiên đều giới thiệu với người học khái quát đề cương chi tiết môn học mình phụ trách, các nội dung chính trong các chương mục, cách thức và phương pháp tổ chức đánh giá chất lượng dạy và học, tài liệu tham khảo phục vụ học phần chuyên môn, qua đó người học có thể hình dung toàn bộ học phần và có kế hoạch học tập hợp lý để đạt hiệu quả cao nhất. **[H2.02.03.08]**. Ngoài ra ĐCCT các học phần còn được đưa lên trang thông tin điện tử của khoa, trường **[H2.02.02.09]**. Các nội dung thông tin của đề cương các học phần đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của các bên liên quan như người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng **[H2.02.02.10]**, **[H2.02.02.11]**

Đề cương chi tiết học phần sau được điều chỉnh, cập nhật vào tháng 12 năm 2015 **[H2.02.02.04]** theo thông báo của nhà trường việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần **[H2.02.02.03]** trên cơ sở xây dựng ma trận phát triển kiến thức kỹ năng được tích hợp trong Bản mô tả CTĐT **[H2.02.02.07]** và đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT **[H2.02.02.02]** sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến các nội dung thông tin trong đề cương học phần **[H2.02.02.10]**. Theo định kỳ 2 năm 1 lần dưới sự chỉ đạo vào hướng dẫn của nhà trường **[H2.02.02.03]** dựa trên các khung CTĐT đã được cập nhật **[H2.02.02.04]** và ý kiến các bên liên quan **[H2.02.02.10]** **[H2.02.02.11]**, các ý kiến trong các buổi họp chuyên môn của bộ môn và khoa **[H2.02.02.12]**, năm 2017 và 2019 Khoa Lâm học tiếp tục điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần ngày càng chi



tiết, cụ thể và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H2.02.02.05]. Đặc biệt từ năm 2017, theo hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần thuộc CTĐT đại học hệ chính quy của Trường Đại học Lâm nghiệp [H2.02.02.03] đề cương chi tiết học phần được thiết kế nhằm đáp ứng năng lực thực tế và kỹ năng thực hành của người học, các nội dung thông tin học phần được đổi mới đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố và phù hợp với nhu cầu xã hội, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của người học được thể hiện trong kết quả tổng hợp đánh giá môn học/học phần của sinh viên cuối mỗi kỳ học [H2.02.02.09], và ý kiến của các bên liên quan [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Cụ thể, đề cương học phần năm 2017 và năm 2019 có những điểm khác biệt so với đề cương học phần năm 2015 là:

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn đầu ra, xây dựng ma trận học phần phù hợp với năng lực của người học, đáp ứng mục tiêu đào tạo của CĐR.

Các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ chặt chẽ các chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo.

Các học phần cơ bản được xây dựng theo hướng giảm số giờ lý thuyết để tăng thời lượng thảo luận, bài tập, thực hành góp phần tăng cường năng lực thực tế cho người học, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả môn học được đánh giá cụ thể, phù hợp với năng lực và các chuẩn đầu ra của học phần đã được xây dựng. .

Các học phần chú trọng vào cả 3 mục tiêu đào tạo: kiến thức, thái độ, kỹ năng, tùy thuộc vào vị trí môn học trong khung chương trình đào tạo.

**Bảng 2.1. So sánh sự thay đổi trong đề cương chi tiết một số học phần giữa năm 2015 so với năm 2017 và 2019**

Môn học	Nội dung so sánh	Năm 2016	Năm 2017, 2019
Sinh thái rừng	Số tín chỉ:	2	2
	Phân bổ thời lượng: (lý thuyết/thảo luận/thực hành/.....): giảm thời lượng lý thuyết, tăng thời lượng thảo	25/0/5	20/0/10

<b>Môn học</b>	<b>Nội dung so sánh</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017, 2019</b>
	luận, bài tập		
	Tăng giờ bài tập trong chương 3, chương 4 nhằm tăng cường kỹ năng cho SV về xác định các loại cấu trúc và động thái rừng. Cụ thể về sự thay đổi đó như sau:		
	Chương 1: (lý thuyết/bài tập, thảo luận): Giảm lý thuyết, thêm thảo luận	2/0	1/1
6	Chương 2: (lý thuyết/bài tập, thảo luận):	6/1	5/2
	Chương 3: (lý thuyết/bài tập, thảo luận): Giảm lý thuyết, tăng bài tập	6/1	5/2
	Chương 4: (lý thuyết/bài tập, thảo luận): Giảm lý thuyết, tăng thảo luận	5/2	4/3
	Phương pháp đánh giá, cho điểm (chuyên cần/kiểm tra giữa kỳ/thực hành/thi hết môn) (trọng số)	10/10/20/60	10/10/20/60
	Trọng số không thay đổi nhưng số bài thực hành nhiều hơn nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp		
	Số tín chỉ:	3	3
Kỹ thuật Lâm sinh	Phân bổ thời lượng: (lý thuyết/bài tập, thảo luận/ bài tập lớn): giảm thời lượng lý thuyết, tăng thời lượng bài tập	30/0/15	21/9/15
	Nội dung: Giảm 9 giờ lý thuyết ở chương 1 (01 giờ), chương 2 (02 giờ)		

Môn học	Nội dung so sánh	Năm 2016	Năm 2017, 2019
	chương 3 (02 giờ) và chương 4 (02 giờ), chương 5 (02 giờ) Tăng 09 giờ thảo luận ở Chương 1 (01 giờ), Chương 2 (02 giờ) và chương 3 (02 giờ), chương 4(02 giờ), chương 5 (02 giờ) để SV tăng cường tìm hiểu về các biện pháp kỹ thuật Lâm sinh.		
	Phương pháp đánh giá, cho điểm (chuyên cần/kiểm tra giữa kỳ/thi hết môn) (trọng số)		
	Trọng số không thay đổi nhưng số giờ làm bài tập tăng lên nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	20/20/60	20/20/60

Riêng năm 2019 Đề cương chi tiết học phần bổ sung thêm Rubrics đánh giá kết quả học tập [H2.02.01.06]. Qua đó, phần đánh giá kết quả học tập của người học được chi tiết hóa, có yêu cầu cụ thể và được chia thang điểm khi đạt được yêu cầu ở các mức độ khác nhau. Với điểm mới này việc đánh giá kết quả học tập sẽ được rõ ràng và phản ánh tốt hơn năng lực của người học đối với học phần.

## 2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

## 3. Điểm tồn tại

Mặc dù mỗi lần điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết học phần đều được lấy ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên việc lấy ý kiến này vẫn chưa được rộng khắp đến nhiều nơi và bao phủ được trong cả nước.

#### 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Khắc phục tồn tại	Tiếp tục gửi Đề cương chi tiết các học phần để lấy ý kiến các bên liên quan đặc biệt là các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng sử dụng lao động trên nhiều địa bàn trong cả nước	Khoa Lâm học	Từ năm 2020

#### 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 4/7 điểm.

***Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

##### 1. Mô tả

Trên cơ sở CTĐT theo CDR ngành Lâm sinh được trường Đại học Lâm nghiệp ban hành theo các năm 2015, 2017, 2019 [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], khoa Lâm học đã công bố công khai cho người học, giảng viên và xã hội nội dung của Bản mô tả CTĐT [H2.02.03.03] và đề cương các học phần [H2.02.03.04] bằng nhiều hình thức và các kênh thông tin khác nhau như sau:

- Đăng tải trên trang Website của Nhà trường, khoa [H2.02.03.05];
- Đưa vào hệ thống trang cá nhân của sinh viên trong website của Nhà trường [H2.02.03.05];
- Giới thiệu cho SV khóa mới thông qua Tuần sinh hoạt Công dân HSSV, Trong cuốn sổ tay sinh viên, giới thiệu đến sinh viên qua kế hoạch học tập toàn khóa [H2.02.03.06]
- Trong các tờ giới thiệu về trường; các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông [H2.02.03.07]
- Đề cương chi tiết học phần được giảng viên giới thiệu cho sinh viên trong tiết giảng đầu tiên []

- Sau mỗi lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT và Đề cương chi tiết học phần, Khoa Lâm học đều có công bố CTĐT mới trong các hội thảo về đào tạo và nghiên cứu khoa học của khoa có sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác [H2.02.03.08]. Trong các hội thảo này các nhà khoa học đều có những nhận định là CTĐT mới đều có những điều chỉnh rất phù hợp với yêu cầu của xã hội, giúp tăng khả năng thích ứng với nghề nghiệp của sinh viên khi ra trường. Cụ thể qua các năm CTĐT đều cải tiến theo hướng giảm các tín chỉ giáo dục đại cương, tăng cường kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tiếng Anh của sinh viên. Thông qua quá trình trao đổi trực tiếp với sinh viên, các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng, Khoa và nhà trường có thể hiểu rõ hơn về yêu cầu chất lượng sinh viên của ngành khi tốt nghiệp, các kỹ năng thu nhận, từ đó có được những đánh giá khách quan, cần thiết.

Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được hội đồng khoa Lâm học cho ý kiến [H2.02.03.09]. CTĐT đi kèm Bản mô tả CTĐT và các Đề cương chi tiết học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập và tổng hợp ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối [H2.02.03.10], [H2.02.03.11], [H2.02.03.12]. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT ngành Lâm sinh được xuất bản và phổ biến tới các bên liên quan.

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng rất nhiều hình thức khác nhau, được công bố trực tiếp định kỳ đến các bên trong các hội thảo, đặc biệt được công bố công khai trên website để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

## 3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức hội thảo để công bố đến các bên liên quan mặc dù được làm định kỳ tuy nhiên vẫn còn chưa được rộng rãi đến nhiều nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

## 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện

Khắc phục tồn tại	Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp lập kế hoạch hàng năm mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo và kết quả đầu ra của sinh viên.	Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị - CTSV, khoa Lâm học	Từ năm 2020
-------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	-------------

### 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

**Kết luận về tiêu chuẩn 2:** Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT, Nhà trường đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham vấn của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của các nhà tuyển dụng để Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội.

Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh và bản mô tả học phần đầy đủ thông tin, có mục tiêu rõ ràng, có kết cấu gồm các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và chuẩn hóa theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nhà trường cần thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của CTĐT và đối sánh để làm căn cứ cho sửa đổi bổ sung bản mô tả chương trình đào tạo. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin và mời các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá chương trình đào tạo, kết quả đầu ra của sinh viên.

### Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

**Mở đầu:** Khoa Lâm học là tiền thân của Trường Đại học Lâm nghiệp và là Khoa truyền thống của Trường, có lịch sử phát triển trên 60 năm. Ngành Lâm sinh là ngành đào tạo có bề dày nhất của khoa Lâm học, Trường ĐHLN. Do đó, việc xây dựng chương trình đào tạo ngành Lâm sinh có yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của Khoa, Trường. Vì vậy, việc đổi mới, rà soát và điều chỉnh CTĐT là việc làm cần thiết và định kỳ trong từng giai đoạn.

Chương trình dạy học (CTDH) trình độ Đại học ngành Lâm sinh có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra như: kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. CTDH thuộc ngành Lâm sinh được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

Chương trình dạy học ngành Lâm sinh được xây dựng theo TT04/2016/BGDĐT và các công văn, quyết định hướng dẫn của Trường ĐHLN [H3.03.01.01], dựa trên chuẩn đầu ra [H3.03.01.02], chương trình đào tạo [H3.03.01.03], đề cương chi tiết học phần H3.03.01.04], bản mô tả chương trình đào tạo [H3.03.01.05]; chương trình dạy học đã được trường Đại học Lâm nghiệp ban hành năm 2018, 2020 [H3.03.01.06]. Chương trình dạy học bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần.
- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh ban hành năm 2015, 2017, 2019 [H3.03.01.03] được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra ban hành năm 2015, 2016, 2019 [H3.03.01.02] và các ý kiến đóng góp phản hồi của Các giảng viên, nhà khoa học; Sinh viên; Cựu sinh viên; Các nhà

tuyển dụng năm 2015, 2017, 2019 [H3.03.01.07], đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của chuẩn đầu ra ban hành năm 2015, 2016, 2019 về kiến thức, kỹ năng, yêu cầu về thái độ, yêu cầu về ngoại ngữ, tin học thông qua ma trận kiến thức kỹ năng trong bản mô tả chương trình đào tạo [H3.03.01.08].

CTDH ngành Lâm sinh ban hành gần đây nhất là CTDH năm 2020 [H3.03.01.06] được thiết kế 49 học phần với 128 tín chỉ, được xây dựng dựa trên CĐR năm 2019 [H3.03.01.02], CTĐT năm 2019 [H3.03.01.03], đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2020 [H3.03.01.04]; Bản mô tả chương trình đào tạo Đại học ban hành năm 2020 [H3.03.01.05]; CTDH năm 2020 bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo; CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần; Nội dung đào tạo; Phương pháp giảng dạy và học tập; Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Căn cứ vào CĐR về kiến thức cơ bản, kỹ năng mềm xác định được các học phần kiến thức giáo dục đại cương; Căn cứ vào CĐR về kiến thức chuyên môn, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm,.. xác định được các học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Từ những CĐR về kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tế tổng hợp xác định các học phần và phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp đánh giá.

Chương trình dạy học ngành Lâm sinh ban hành năm 2020 [H3.03.01.06] có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình giảng dạy của từng học phần, đồng thời đối với mỗi học phần đều xác định rõ các học phần tiên quyết nhằm giúp người học có những kế hoạch cụ thể [H3.03.01.09]. Bên cạnh đó chương trình cũng đảm bảo tính cân đối giữa khối kiến thức GDĐC (27 tín chỉ), khối kiến thức cơ sở ngành (40 tín chỉ), khối và khối kiến thức ngành (37 tín chỉ); tốt nghiệp và học kỳ doanh nghiệp (24 tín chỉ); giữa sự phân bổ các môn lý thuyết và các môn học mang tính thực hành ứng dụng, xác định các môn học trong mỗi học phần thực tập nghề nghiệp để thể hiện rõ chuẩn đầu ra của ngành [H3.03.01.10]. Trong đề cương chi tiết môn học/học phần 100% các môn học/học phần đã thể hiện rõ phương pháp dạy và học, Phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên đặc biệt thể hiện chi tiết qua Rubrics đánh giá kết quả học tập được áp dụng từ năm 2020, phân bổ rõ thời lượng lý thuyết nghe giảng trên lớp, thời lượng thảo



luận/bài tập nhóm, thời lượng thực hành trong phòng thí nghiệm dựa trên triết lý lấy người học làm trung tâm, nâng cao các kỹ năng tự học, tự đào tạo và tự làm giàu thêm tri thức cho người học, tăng cường tính chủ động sáng tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu của xã hội **[H3.03.01.04]**.

Ma trận kỹ năng trong bản mô tả chương trình đào tạo cho thấy mối quan hệ giữa các CĐR và các học phần. Một học phần có thể trau dồi một hay nhiều CĐR về kiến thức, kỹ năng. Một CĐR về kiến thức, kỹ năng có thể được rèn luyện ở một hoặc nhiều học phần. CĐR yêu cầu về thái độ được giáo dục, rèn luyện ở tất cả các học phần, ở mọi nơi, mọi lúc (trên giảng đường học lý thuyết, trong phòng thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp,..)**[H3.03.01.08]**.

Ví dụ để đạt được CĐR 4 về kiến thức cơ bản: “Vận dụng được các kiến thức cơ bản của các ngành khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và phát triển trình độ chuyên môn” trong CTDH ngành Lâm sinh đã được thiết kế các học phần: Tin học đại cương, Sinh học đại cương, sinh thái học, khí tượng thủy văn, pháp luật đại cương, sinh thái môi trường, ứng dụng thống kê trong lâm nghiệp **[H3.03.01.06]** **[H3.03.01.08]**.

Ví dụ để đạt được CĐR 6, CĐR11 về kiến thức chuyên môn và các CĐR16, CĐR 17, CĐR 18, CĐR 19, CĐR 20 về kỹ năng cứng; các CĐR 25, CĐR 26, CĐR 27, CĐR 28 về kỹ năng mềm trong CTDH ngành Lâm sinh đã được thiết kế các học phần: Kỹ thuật lâm sinh, Rừng ngập mặn, Trồng rừng, Quản lý rừng phòng hộ **[H3.03.01.06]** **[H3.03.01.08]**.

Ví dụ để đạt được các CĐR 10, CĐR 13 về kiến thức chuyên môn; các CĐR 16, CĐR 17, CĐR 24 về kỹ năng cứng; các CĐR 25, CĐR 26, CĐR 27, CĐR 28 về kỹ năng mềm trong CTDH ngành Lâm sinh đã được thiết kế các học phần: Điều tra rừng; Sản lượng rừng; Quy hoạch lâm nghiệp **[H3.03.01.06]** **[H3.03.01.08]**.

CTDH ngành Lâm sinh năm 2020, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo từng thang và chính xác, CTDH ngành Lâm sinh đã thiết kế Rubrics đánh giá kết quả học tập theo mức chất lượng từ (Xuất sắc, tốt, đạt yêu cầu, chưa đạt) trong từng học phần để đạt được CĐR của CTĐT. Bao gồm: Đánh giá kết quả điểm chuyên cần; Đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ (hình thức kiểm tra viết - tự luận); Đánh giá kết quả thực hành (báo cáo

thực hành) đối với các học phần có nội dung thực hành; Đánh giá kết quả thi cuối kỳ (hình thức thi vấn đáp). Các bài kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của người học qua từng học phần. Các giờ bài tập, thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, có tư duy phản biện, tạo cơ hội cho người học đạt được CĐR. Việc thực hiện các bài tập lớn (môn Kỹ thuật lâm sinh, Trồng rừng, Quy hoạch lâm nghiệp), giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết và giải quyết các bài toán trong thực tiễn. Đánh giá bài tập lớn và thực tập kỹ thuật được thực hiện thông qua bản báo cáo và hỏi vấn đáp, thuyết trình giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày báo cáo ở dạng văn bản và kỹ năng thuyết trình cũng như khả năng phản biện [H3.03.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học của ngành Lâm sinh được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liên mạch giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có các môn thực hành kỹ năng mềm liên quan với nghề thường xuyên tiếp cận sau khi ra trường như giao tiếp với cộng đồng người dân, đồng bào dân tộc thiểu số. Quá trình thu thập các thông tin về việc rà soát, xây dựng CĐR, CTĐT còn gặp nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp thời do sự phản hồi của các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng còn chậm.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT	Khoa Lâm học	2021
	Xây dựng khung tham chiếu, đối sánh về CĐR và CTĐT của Trường ĐHLN với các trường ĐH khác, bổ sung môn thực hành kỹ năng mềm vào CTĐT	Khoa Lâm học	2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7.

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

## 1. Mô tả

Theo định kỳ cứ 02 năm, Trường ĐHLN, khoa Lâm học tổ chức rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT ngành Lâm sinh [H3.03.02.01][H3.03.02.02], trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp phản hồi của giảng viên, nhà khoa học, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo ngành Lâm sinh, từ đó tổng hợp báo cáo khảo sát thu thập các ý kiến đóng góp phản hồi [H3.03.02.03] [H3.03.02.04] xây dựng đề cương chi tiết các học phần [H3.03.02.05] [H3.03.02.06], mô tả chương trình đào tạo [H3.03.02.07] và xây dựng CTDH ngành Lâm sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CĐR với các học phần cụ thể [H3.03.02.08] [H3.03.02.09]. Sau khi CTĐT ngành Lâm sinh được Nhà trường ban hành, khoa Lâm học công bố CTĐT, CĐR ngành Lâm sinh trên web khoa Lâm học và Hội thảo [H3.03.02.10][H3.03.02.11].

Trong CTDH đại học ngành Lâm sinh, mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập/ thảo luận, bài tập lớn, thực hành/ thí nghiệm, thực tập môn học cân đối, logic và chặt chẽ, có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CĐR ngành Lâm sinh. Trong đề cương chi tiết mỗi học phần ghi rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với mỗi học phần để đạt được mục tiêu đào tạo của ngành, để đảm bảo CĐR ngành Lâm sinh [H3.03.02.08].

Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương như: Tin học đại cương, Sinh học đại cương, Pháp luật đại cương, Khí tượng- Thủy văn,.. cung cấp kiến thức nền tảng, tăng cường khả năng tư duy, khả năng tính toán cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần cơ sở khối ngành như: Thực vật, Khoa học đất, Sinh thái rừng, Trắc địa; Ứng dụng thống kê trong lâm nghiệp; GIS và Viễn thám,... cung cấp những kiến thức nền tảng, hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành như: Điều tra rừng, Sản lượng rừng, Kỹ thuật lâm sinh, Trồng rừng, giúp sinh viên chiếm lĩnh được những tri thức về: Điều tra, Đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng và phân loại rừng; Cấu trúc rừng, sinh khối và khả năng tích lũy carbon của rừng; đánh giá đất đai để lựa chọn loài cây trồng thích hợp với lập địa; Các biện pháp kỹ thuật Lâm sinh phù hợp để tạo rừng, nuôi dưỡng rừng và khai thác rừng; Xây dựng và quản lý được bản đồ tài nguyên rừng bằng công nghệ Viễn thám và GIS, ...là cơ sở để tích lũy các kiến thức về ngành học. Trong mỗi một học phần/môn học đều có ghi rõ phân bổ số tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận và bài tập lớn

để hướng đến sự phát triển các kỹ năng khác nhau của sinh viên nhằm đạt được chuẩn đầu ra như kỳ vọng. Đặc biệt sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT đã được thể hiện rất rõ qua ma trận mối quan hệ giữa các môn học/học phần với các CĐR **[H3.03.02.08][H3.03.02.09]**.

Ví dụ: Các học phần Trắc địa, Khoa học đất, Độ phì đất và dinh dưỡng cây trồng, Nông lâm kết hợp, Kỹ thuật lâm sinh, Trồng rừng,... trang bị cho người học kỹ năng cứng để đạt được CĐR 18 ”Vận dụng được phương pháp đánh giá đất đai để lựa chọn loài cây trồng thích hợp với lập địa” **[H3.03.02.08][H3.03.02.09]**.

Ví dụ: các học phần: Thực vật học, cây rừng, sinh thái rừng, Trắc địa, Điều tra rừng, Sản lượng rừng, Quy hoạch lâm nghiệp,...trang bị cho người học kỹ năng cứng để đạt được CĐR 16 ” Tổ chức thực hiện được một cuộc điều tra, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng và phân loại rừng” **[H3.03.02.08][H3.03.02.09]**.

Ví dụ: Học phần Kỹ thuật lâm sinh trang bị cho người học: kiến thức chuyên môn để đạt được CĐR 6; kỹ năng cứng để đạt được CĐR 16, CĐR 17, CĐR 18, CĐR 19, CĐR 20 và các CĐR về kỹ năng mềm **[H3.03.02.08][H3.03.02.09]**.

Các học phần thực tập, rèn nghề giúp đạt được hầu hết các CĐR về kỹ năng cứng, kỹ năng mềm như: Chỉ đạo thực hiện được các biện pháp kỹ thuật Lâm sinh phù hợp để tạo rừng, nuôi dưỡng rừng và khai thác rừng; xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất lâm nghiệp; Vận dụng được phương pháp đánh giá đất đai để lựa chọn loài cây trồng thích hợp với lập địa; Kỹ năng giao tiếp, hòa nhập, thích nghi với môi trường làm việc đặc thù của ngành Lâm nghiệp; Kỹ năng đàm phán, ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm; Kỹ năng viết khoa học, thuyết trình lưu loát trước đám đông. Như vậy, có thể thấy không có một môn học/học phần nào thừa, không có sự đóng góp để đạt được CĐR của CTĐT.

Qua bản đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học ngành Lâm sinh ban hành năm 2020 cho thấy 100% các học phần đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học: Ví dụ: Đối với học phần Điều tra rừng sinh viên được giảng dạy theo 3 phương pháp: lý thuyết, thực hành và thực tập, điều này giúp sinh viên trau dồi kiến thức cơ bản về điều tra cây riêng lẻ, điều tra lâm phần và điều tra tài nguyên rừng; Nắm được các kỹ năng: Tổ chức thực hiện được một cuộc điều tra tài nguyên rừng, xác

định được các chỉ tiêu cấu trúc rừng, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng, sinh khối carbon và phân loại rừng; Kỹ năng viết khoa học, đàm phán, làm việc theo nhóm, thuyết trình lưu loát trước đám đông và thích nghi với môi trường làm việc đặc thù của ngành Lâm nghiệp. 100% đề cương chi tiết các học phần trong chương trình dạy học ngành Lâm sinh năm 2020 đều đánh giá kết quả của sinh viên bằng Rubrics đánh giá kết quả học tập theo mức chất lượng từ (Xuất sắc, tốt, đạt yêu cầu, chưa đạt) (Đề cương chi tiết các học phần năm 2015, 2017 chưa có), điểm đánh giá học phần là tổ hợp của các nội dung như: Đánh giá kết quả điểm chuyên cần, đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ (hình thức kiểm tra viết - tự luận), đánh giá kết quả thực hành (báo cáo thực hành), đánh giá kết quả thi cuối kỳ (hình thức thi vấn đáp). Những học phần góp phần nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên thì phải có hình thức đánh giá thông qua thảo luận nhóm, thuyết trình thường có trọng số lớn. Những môn học để góp phần đạt được CRĐ về kỹ năng (nhận biết, phân loại đá khoáng...) thì điểm số cho phần thực hành, thực tập thường có trọng số lớn, ví dụ các môn học Ứng dụng thống kê trong lâm nghiệp, Khoa học đất, GIS và Viễn thám, Trắc địa, Trồng rừng,... để đạt được CĐR của ngành Lâm sinh [H3.03.02.08]. [H3.03.02.12].

Việc rà soát chương trình đào tạo ngành Lâm sinh được Nhà trường và khoa Lâm học tổ chức theo định kỳ 2 năm/lần [H3.03.02.01][H3.03.02.02]. Trước khi xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, khoa Lâm học tổ chức lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của giảng viên, nhà khoa học, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Lâm sinh thông qua các phiếu thu thập bằng các hình thức gọi điện, gửi thư và đến các cơ quan tuyển dụng để sửa đổi và cập nhật các học phần đáp ứng được nhu cầu xã hội [H3.03.02.03][H3.03.02.04]. Sau khi CTĐT ngành Lâm sinh được Nhà trường ban hành, khoa Lâm học công bố CTĐT, CĐR ngành Lâm sinh trên web khoa Lâm học và Hội thảo [H3.03.02.10] [H3.03.02.11]. Việc này, giúp Nhà trường và khoa Lâm học điều chỉnh, sửa đổi cập nhật các học phần, phương pháp giảng dạy, tài liệu học tập cũng như trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập mỗi học phần để đạt được CĐR ngành Lâm sinh.

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong khung CTĐT ngành Lâm sinh được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Nội dung đề

cương chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, thể hiện được phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá. Tất cả các môn học đều góp phần đạt được CĐR CTĐT và được lấy ý kiến của các bên liên quan.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, của cựu người học cho CTĐT còn nhiều hạn chế như: Một số ý kiến mang tính chất chung chung, các ý kiến chưa được lấy rộng đến các bên liên quan.

Việc lấy ý kiến đóng góp mới chỉ được thực hiện trong việc rà soát CTĐT chưa được thực hiện đối với từng học phần.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, về nội dung các học phần.	Khoa Lâm học	2021
	Rà soát, điều chỉnh CTĐT	Khoa Lâm học	2021

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

#### 1. Mô tả

CTDH ngành Lâm sinh các năm 2018, 2020 được thiết kế tương ứng với các CTĐT đã được rà soát ban hành vào các năm 2017, 2019 [H3.03.03.01] [H3.03.03.02]. CTDH ngành Lâm sinh được cấu trúc một cách chặt chẽ và logic, trang bị cho sinh viên những kiến thức từ khoa học cơ bản đến chuyên ngành với một tỉ lệ hợp lý là 21.1% thời lượng giành cho khối kiến thức giáo dục đại cương, 31.3 % là khối lượng kiến thức cơ sở ngành và 28.9 % là khối kiến thức ngành, 10.9% khối kiến thức học kỳ doanh nghiệp, 7.8 % khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp. Sự phân bổ thời lượng này là khá chặt chẽ từ khối kiến thức đại cương đến khối cơ sở ngành và chuyên ngành được thể hiện qua sơ đồ/kế

hoạch tiến trình giảng dạy và bảng thống kê tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức [H3.03.03], [H3.03.04].

Chương trình dạy học ngành Lâm sinh ban hành gần đây nhất, là CTDH năm 2020 được thiết kế theo trật tự kiến thức từ khối kiến thức giáo dục đại cương (27 tín chỉ), kiến thức cơ sở ngành (40 tín chỉ), kiến thức ngành (37 tín chỉ), học kỳ doanh nghiệp (14 tín chỉ) và tốt nghiệp (10 tín chỉ). Các kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy cho Sinh viên trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở ngành được giảng dạy từ học kỳ 2 bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Các học phần thuộc kiến thức ngành được giảng dạy bắt đầu từ học kỳ 4. Học kỳ doanh nghiệp được bố trí vào kỳ 7, tốt nghiệp bố trí vào kỳ 8 [H3.03.02][H3.03.03][H3.03.04]. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng đáp ứng được CĐR của ngành, 100% các môn học/học phần của CTDH đều được phân bổ thời lượng giữa các nội dung với triết lý lấy người học làm trung tâm và tăng cường phát huy năng lực của người học.

**Bảng 3.1. Bảng thống kê tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức**

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ bắt buộc</b>	<b>Số tín chỉ tự chọn</b>	<b>Tổng số tín chỉ</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Giáo dục đại cương	23	2	27	21,1
2	Kiến thức cơ sở ngành (trong đó thực tập môn học 4 tín chỉ)	36	4	40	31,3
3	Kiến thức ngành (trong đó thực tập môn học 6 tín chỉ)	33	4	37	28,9
4	Học kỳ doanh nghiệp			14	10,9
5	Tốt nghiệp	10		10	7,81
<b>Tổng</b>		<b>103</b>	<b>10</b>	<b>128</b>	<b>100</b>

Trong mỗi một chương của môn học/học phần đều phân bổ rõ số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, số tiết bài tập/thảo luận đảm bảo sự cân đối và hướng đến CĐR. Với CĐR là các kỹ năng cứng thì số tiết thực hành lớn chiếm một trọng số lớn. Với CĐR là các kỹ năng mềm thì số tiết thảo luận/thuyết trình nhóm lại chiếm một tỉ lệ lớn hơn [H3.03.02]. Tất cả các học phần được bố trí hợp lý dựa trên môn học tiên quyết, thời

lượng, thời điểm thực hiện phù hợp [H3.03.03.03][H3.03.03.04].

Theo định kỳ cứ 02 năm, Nhà trường, khoa Lâm học tổ chức rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT ngành Lâm sinh [H3.03.03.05], dựa trên kết quả lấy ý kiến đóng góp phản hồi của giảng viên, nhà khoa học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo ngành Lâm sinh [H3.03.03.06][H3.03.03.07], từ đó xây dựng đề cương chi tiết các học phần [H3.03.03.08] [H3.03.03.09], mô tả chương trình đào tạo [H3.03.03.10] và xây dựng CTDH ngành Lâm sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CDR với các học phần cụ thể [H3.03.03.02] [H3.03.03.11]. Trên cơ sở đó, CTDH được cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với năng lực người học, yêu cầu thực tiễn sản xuất và yêu cầu đối với kỹ sư ngành Lâm sinh.

**Bảng 3.2 . Sơ đồ cấu trúc các môn học qua các học kỳ**

<b>HỌC KỲ</b>							
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
Khối kiến thức GDĐC							
Khối kiến thức cơ sở khối ngành							
Khối kiến thức ngành							
Rèn nghề							
Thực tập môn học						Học kỳ doanh nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp

Cùng với sự phát triển của xã hội, điều kiện tiếp cận để trau dồi các kiến thức và kỹ năng liên quan đến Anh văn và Tin học trở nên dễ dàng và phổ biến, để tạo điều kiện cho người học tự sắp xếp thời gian nâng cao trình độ Anh văn và Tin học, linh hoạt trong việc tự học ngoại ngữ, tin học và tăng tỷ trọng thời gian cho các môn chuyên ngành, thời lượng giảng dạy cho Anh văn và Tin học giảm xuống. Ví dụ: Học phần tiếng anh trong CTDH năm 2018 là 12 tín chỉ, trong CTDH năm 2020 là 6 tín chỉ. Đặc biệt khác với CTDH ngành Lâm sinh ban hành năm 2018. CTDH ngành Lâm sinh năm 2020 để tăng kỹ năng cứng, thực hành, thực tập, kỹ năng mềm và nhận thức nghề nghiệp, yêu nghề và làm quen với các cơ sở sản xuất. CTDH ngành Lâm sinh đã thiết kế nội dung rèn nghề được



bố trí vào 3 học kỳ liên tiếp, bắt đầu từ học kỳ thứ 2 (CTDH năm 2018 nội dung rèn nghề được bố trí vào một tuần đợt thực tập cuối cùng, kỳ 7); Nội dung thực tập môn học cũng được bố trí vào cuối mỗi kỳ học trước khi thi hết môn học (CTDH năm 2018 nội dung thực tập nghề nghiệp được bố trí tập trung vào từng đợt thực tập nghề nghiệp cuối kỳ 5, 6, 7); Hai học kỳ cuối của chương trình đào tạo, Sinh viên được tiếp cận với học kỳ doanh nghiệp và khóa luận tốt nghiệp, giúp cho sinh viên có thể lựa chọn thực hiện khóa luận theo hướng nghiên cứu tại các cơ sở doanh nghiệp. Đặc biệt khác với CTDH năm 2018, để đánh giá kết quả học tập sinh viên theo thang cụ thể và chính xác, CTDH ngành Lâm sinh ban hành năm 2020 đã thiết kế rubrics đánh giá kết quả học tập của từng học phần theo mức chất lượng từ (Xuất sắc, tốt, đạt yêu cầu, chưa đạt), điểm đánh giá học phần là tổ hợp của các nội dung như: Đánh giá kết quả điểm chuyên cần, đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ (hình thức kiểm tra viết - tự luận), đánh giá kết quả thực hành (báo cáo thực hành), đánh giá kết quả thi cuối kỳ (hình thức thi vấn đáp) **[H3.03.03.02]** **[H3.03.03.12]****[H3.03.03.13]**.

Khi thiết kế CTDH ngành Lâm sinh**[H3.03.03.02]**, Hội đồng khoa Lâm học đã tính toán, tham khảo các CTĐT của các ngành gần ngay trong trường Đại học Lâm nghiệp như ngành Lâm nghiệp **[H3.03.03.14]**, ngành Quản lý tài nguyên rừng **[H3.03.03.15]** để đảm bảo tính liên thông, linh hoạt. Nhiều môn học/học phần trong CTDH của ngành Lâm sinh giống với ngành Lâm nghiệp như các môn học Sinh thái rừng, thổ nhưỡng, điều tra rừng, kỹ thuật Lâm sinh, trồng rừng,... và hầu hết các môn học thuộc nhóm đại cương. Điều đó tạo sự liên thông và tích hợp giữa 2 ngành học, giúp sinh viên có thể dễ dàng theo học thêm một ngành học khác. Ngoài ra trong quá trình rà soát, xây dựng chương trình đào tạo khoa Lâm học đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan và tham khảo một số chương trình đào tạo ngành Lâm sinh của các trường trong và ngoài nước khối nông lâm nghiệp **[H3.03.03.16]**.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành Lâm sinh được rà soát và xây dựng theo định kỳ 2 năm/lần và CTDH ngành Lâm sinh năm 2020 đã được rà soát thực hiện cơ bản đầy đủ theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Các học phần trong CTDH được thiết kế gắn kết

và liên mạch giữa các khối kiến thức, việc bố trí các môn học theo thứ tự trong CTDH hợp lý, logic.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan đến việc rà soát và điều chỉnh CTDH còn gặp nhiều khó khăn và chưa lấy ý kiến rộng khắp của các bên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH	Khoa Lâm học	2021
2	Cập nhật và hoàn thiện CTDH	Các bộ môn chuyên môn	Từ năm học 2021-2022
3	Tổ chức cho cán bộ, giảng viên đi thực tế để bổ sung tài liệu, kiến thức để cập nhật CTDH	Các bộ môn chuyên môn	2021-2022

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:** Chương trình dạy học của ngành Lâm sinh được thiết kế khối kiến thức, các học phần phù hợp với chuẩn đầu ra và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học của ngành đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng về chương trình dạy học còn một số hạn chế trong việc điều chỉnh, rà soát chương trình đào tạo.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

**Mở đầu:** Hoạt động tổ chức dạy và học là một nhiệm vụ trọng tâm, hiện thực hoá mục tiêu giáo dục, đào tạo và đảm bảo chất lượng của bất kỳ một chương trình đào tạo nào. Trường Đại học Lâm nghiệp đã áp dụng hướng tiếp cận hiện đại trong giáo dục đại học, đó là lấy người học làm trung tâm, với mục đích giúp người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tế, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, say mê học hỏi, nghiên cứu. Tổ chức, triển khai các hoạt động dạy và học

bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy, học; phương pháp kiểm tra, đánh giá người học; nhằm mục đích giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. Hướng tiếp cận trong giáo dục tại Trường Đại học Lâm nghiệp được xây dựng trên cơ sở mục tiêu giáo dục, cụ thể bằng bộ chuẩn đầu ra các hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

**1. Mô tả**

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố chính thức tại Nghị quyết Hội đồng trường số 05/NQ-HĐT ngày 30/11/2013 [H4.04.01.01]: “Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người học khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề thuộc ngành được đào tạo; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản; có khả năng tự học, tự nghiên cứu thích ứng với thực tiễn; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế”. Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Lâm nghiệp là xác định rõ ràng là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, toàn diện về chính trị, đạo đức và có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc của ngành nghề và xã hội. Mục tiêu giáo dục được đăng tải trên website của trường (<http://vnuf.edu.vn/su-mang-tam-nhin>) [H4.04.01.02] và website của Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại Đồng Nai (<https://vnuf2.edu.vn/gioi-thieu/gioi-thieu-tong-quan.html>), cho phép toàn thể cán bộ viên chức của Nhà trường và các đơn vị, cá nhân ngoài Trường có quan tâm truy cập.

Trên cơ sở mục tiêu giáo dục của Nhà trường, chương trình đào tạo ngành Lâm sinh được xây dựng với mục tiêu chung như sau: “Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh nhằm đào tạo các cán bộ kỹ thuật trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng về Lâm sinh; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khoẻ, có khả năng hợp tác và quản lý nguồn nhân lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ kỹ thuật lâm sinh” Mục tiêu đào tạo cụ thể của ngành là: “Có kiến thức cơ bản và vững

*chắc, kiến thức về chuyên môn sâu về sinh lý thực vật, sinh thái rừng, cây rừng, đất rừng và động vật rừng. Có kỹ năng thiết kế, chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật xây dựng và phát triển bền vững tài nguyên rừng; điều tra đánh giá tài nguyên rừng, quy hoạch lâm nghiệp và quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, nghiên cứu khoa học và khoa học và phát triển lâm nghiệp. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn trong việc quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên” [H4.04.01.03].*

Mục tiêu được xây dựng trên sự thảo luận rà soát, chỉnh sửa khung chương trình, các học phần cho ngành Lâm sinh có sự tham gia của cán bộ, giảng viên cơ hữu, các chuyên gia ngành Lâm nghiệp [H4.04.01.04], [H4.04.01.05]. Đồng thời, Khoa Lâm học cũng thực hiện điều tra thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo [H4.04.01.06], đặc biệt là các chuẩn đầu ra. Hoạt động này cũng góp phần phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các bên liên quan.

Nhà trường và Khoa Lâm học đặc biệt chú trọng vào việc phổ biến, giải thích mục tiêu giáo dục cho sinh viên. Sinh viên nhập trường được phát Sổ tay sinh viên và được tổ chức nghiên cứu, học tập tuần sinh hoạt công dân, học sinh sinh viên đầu khóa [H4.04.01.07], [H4.04.01.08], [H4.04.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu chương trình đào tạo được tuyên bố rõ ràng và phổ biến đầy đủ tới các bên liên quan, thường xuyên và bằng đa dạng các phương tiện và cách thức.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong xu thế chung của Trường, Khoa Lâm học có mục tiêu giáo dục ngành Lâm sinh cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có triết lý giáo dục.

Các ý kiến phản hồi, đóng góp của một số người được tham khảo ý kiến thông qua bảng phỏng vấn còn chưa rõ ràng, cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>
1	Cần xây dựng triết lý giáo dục với sự tham gia của đông đảo cán bộ, các chuyên gia về	Khoa Lâm học, Trường ĐHLN	Năm 2021

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>
	lâm sinh, lâm học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng		
2	Đổi mới và đa dạng phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan	Khoa Lâm học, Trường ĐHLN	Từ tháng 1/2021
3	Cập nhật ý kiến phản hồi của các bên liên quan vào triết lý, mục tiêu giáo dục của trường	Khoa Lâm học, Trường ĐHLN	Theo định kỳ 2 năm

### **5. Tự đánh giá**

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

##### **1. Mô tả**

Mục tiêu giáo dục và mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hoá qua bộ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức, kỹ năng và thái độ [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Năm 2018, nhà trường đã ban hành thêm Chuẩn đầu ra chung về Tin học và Ngoại ngữ (áp dụng từ K62) đối với sinh viên hệ đại học chính quy thuộc tất cả các ngành học [H4.04.02.03]. Đây là căn cứ quan trọng xây dựng chương trình đào tạo, đề cương học phần, thiết kế hoạt động giảng dạy và thực hiện.

Chương trình dạy học và hoạt động học tập của mỗi môn học được thiết kế đa dạng, xen kẽ các nội dung lý thuyết, bài tập lớn, thực hành thể hiện trong đề cương chi tiết và kế hoạch bài giảng của từng môn học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT [H4.04.02.04] [H4.04.02.05].

Hoạt động dạy học của từng học phần được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo các chuẩn đầu ra của học phần và đóng góp chung vào chuẩn đầu ra của cả chương trình đào tạo. Trên cơ sở đề cương chi tiết các môn học, giảng viên xây dựng kế hoạch bài giảng chi tiết theo từng tuần bao gồm nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cụ thể với từng nội dung [H4.04.02.05]. Phương pháp giảng dạy được sử dụng đa dạng bao gồm thuyết trình, thảo luận, bài tập lớn, thực hành và nghiên cứu khoa học của sinh viên, theo hướng tiếp cận hiện đại `Người học là trung tâm` nhằm kích thích và phát

huy tính tích cực, chủ động của người học: bài tập thực hành, thảo luận, bài tập nhóm.

Từ năm 2017 (Khóa 62), đề cương chi tiết các môn học đã được cải tiến, thay đổi kết cấu theo hướng giảm số giờ lý thuyết và tăng số giờ bài tập, thực hành, thảo luận nhằm giúp sinh viên có cơ hội được thực hành, tự học nhiều hơn, khi ra trường giúp sinh viên có thể thích nghi nhanh hơn với công việc và môi trường làm việc trong thực tiễn. Tất cả các môn học đều bao gồm các nội dung bài tập/thảo luận, bài tập lớn và thí nghiệm thực hành, chiếm từ 20% tới 50% so với thời lượng lý thuyết [H4.04.02.06], [H4.04.02.07].

CHUẨN ĐẦU RA		PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY				
		PP1	PP2	PP3	PP4	PP5
<b>1. Kiến thức cơ bản</b>	<b>CDR 1 - 4</b>	✓	✓	✓	✓	
<b>2. Kiến thức chuyên môn</b>	<b>CDR 5 - 15</b>	✓	✓	✓	✓	✓
<b>3. Kỹ năng cứng</b>	<b>CDR 16 - 24</b>			✓	✓	✓
<b>4. Kỹ năng mềm</b>	<b>CDR 25 - 28</b>	✓	✓	✓	✓	✓
<b>5. Thái độ</b>	<b>CDR 29 - 31</b>	✓	✓	✓	✓	✓

*Ghi chú: PP1: thuyết trình; PP2: Semina; PP3: Thảo luận nhóm; PP4: Nghiên cứu tình huống (nêu vấn đề); PP5: NCKH (bài tập lớn, tiểu luận, NCKH, khóa luận tốt nghiệp)*

Kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên được xây dựng và rèn luyện thông qua các nội dung thực hành, thực tập và thực hiện bài tập lớn. Giảng viên thực hiện vai trò hướng dẫn về quy trình, kỹ thuật thao tác và yêu cầu cần đạt được của hoạt động. Hiện tại, Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh bao gồm ba đơn vị thực tập nghề nghiệp với tổng số 10 tín chỉ. Mỗi đơn vị thực tập nghề nghiệp, sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tế và vận dụng kiến thức của một vài học phần [H4.04.02.08].

Năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm được rèn luyện thông qua nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp và thực tập tại cơ sở. Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động đào tạo thường niên tại

Trường Đại học Lâm nghiệp, sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu theo nhóm trong một năm học [H4.04.02.09]. Khoá luận tốt nghiệp được sinh viên thực hiện độc lập có sự hướng dẫn giám sát của giáo viên trong một học kỳ cuối khoá học [H4.04.02.10].

Đồng thời, nhận thấy tầm quan trọng và tính hệ thống trong nâng cao chất lượng đào tạo được sự đồng ý của Nhà trường, Khoa đã tổ chức các khóa tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy thực hành, thực tập [H4.04.02.11], cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về phương pháp giáo dục đại học [H4.04.02.12] nhằm bồi dưỡng cho giảng viên phương pháp sư phạm, kỹ năng giáo dục đại học, soạn bài giảng, tổ chức hoạt động giảng dạy và đánh giá người học.

Phản hồi của sinh viên là phép đo sự hài lòng của người học đối với chương trình đào tạo, môn học cũng như hoạt động giảng dạy của giáo viên. Về môn học, các tiêu chí cơ bản phản ánh mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra như: mục tiêu môn học, tài liệu và phương pháp học, phương pháp đánh giá, thời lượng và kết quả người học thu được về kiến thức, nhận thức, tư duy và kỹ năng. Kết quả đánh giá giảng viên, môn học, học kỳ I, năm học 2019 - 2020, cho thấy sinh viên đánh giá các môn học ở mức tốt (Mục A.9, tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý với mức đánh giá là 89%), giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng (Mục B.12, 88% đồng ý và rất đồng ý) [H4.04.02.13], [H4.04.02.14].

## 2. Điểm mạnh

Toàn bộ đề cương môn học học phần đều có định hướng tới CĐR. Hoạt động dạy học được xây dựng chi tiết cho từng môn học. Đội ngũ giảng viên được tập huấn nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng giảng dạy. Cơ sở vật chất, địa bàn thực tập hiện trường tốt, đáp ứng tốt việc thực hiện hoạt động dạy và học theo thiết kế.

## 3. Điểm tồn tại

Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ra trường, đặc biệt các chuẩn về kỹ năng chưa được thực hiện rộng rãi và toàn diện.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương	Giảng viên, bộ môn	2021

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>
	pháp dạy và học	chuyên môn	
2	Tăng cường liên kết với các đơn vị bên ngoài trong hoạt động đào tạo, xúc tiến tổ chức học kỳ doanh nghiệp.	Khoa, bộ môn chuyên môn	2021
3	Cập nhật CTĐT theo hướng tăng cường kỹ năng theo yêu cầu của thực tiễn sản xuất.	Bộ môn chuyên môn	Theo định kỳ

### **5. Tự đánh giá**

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

##### **1. Mô tả**

Từ năm 2009, Nhà trường đã chuyển sang vận hành chương trình đào tạo theo tín chỉ. Cùng với đó, chương trình đào tạo các ngành đã được định kỳ rà soát phù hợp với chuẩn đầu ra, trong đó chú trọng tới xây dựng nền tảng cho sinh viên có thể tiếp tục học tập sau khi ra trường theo nhu cầu của cá nhân hoặc yêu cầu của công việc.

Hệ thống đào tạo theo tín chỉ cho phép sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập, linh hoạt phù hợp với cá nhân. Bên cạnh đó chương trình đào tạo cung cấp 18 môn học tự chọn (tương ứng 10 tín chỉ trên 137 tín chỉ tối thiểu) [H4.04.03.01]. Công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết các học phần theo hướng tăng khối lượng các tiết thảo luận, thực hành, nhưng không cắt giảm nội dung của môn, khuyến khích và thúc đẩy việc tự học của sinh viên. Đặc biệt trong lần điều chỉnh đề cương chi tiết học phần năm 2017 có nêu rất rõ phương pháp giảng dạy, phân công nhiệm vụ của giảng viên, của người học, những mục tiêu cần đạt được trong các học phần. Trên cơ sở Khung chương trình đào tạo, các học phần môn học cũng đã được điều chỉnh theo hướng đảm bảo khối lượng kiến thức, đồng thời xây dựng các kỹ năng cho người học. Đề cương học phần môn học đều nêu rõ mục tiêu của môn học, các chuẩn đầu ra đáp ứng CDR chung của Chương trình đào tạo, Hoạt động dạy và học cũng được nêu rõ trong tất cả các đề cương học phần môn học, trong đó chú trọng đến sự tham gia chủ động, tích cực của người học. Phương pháp



thuyết trình được thay thế một phần bằng các phương pháp khác như nêu vấn đề thảo luận, đặt câu hỏi,... Sự tham gia của người học vào quá trình cũng được đánh giá toàn diện hơn. Bên cạnh số giờ tham gia lớp học, thái độ học tập sự tích cực tham gia thảo luận, tương tác giữa người học và người dạy đều được đánh giá vào kết quả học tập **[H4.04.03.02]**.

Hệ thống bài giảng điện tử giúp người học nhanh chóng tiếp cận và chủ động tìm hiểu về kiến thức cần học **[H4.04.03.03]**. Tài liệu học tập cũng được bổ sung và cung cấp đầy đủ, phục vụ tốt cho việc tự học của sinh viên. Tất cả các đề cương học phần đã nêu rõ tài liệu học tập và các tài liệu tham khảo gợi ý cho sinh viên **[H4.04.03.02]**. Thư viện Nhà trường có đầy đủ các tài liệu yêu cầu của tất cả các học phần **[H4.04.03.04]**.

NCKH SV được coi là một hoạt động đào tạo thường niên. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học có sự hướng dẫn của giảng viên học được phương pháp xác định vấn đề, giải quyết vấn đề. Đồng thời nghiên cứu khoa học rèn luyện cho SV kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch **[H4.04.03.05]**. Hoạt động thực tập nghề nghiệp giúp SV phát triển thái độ và tinh thần làm việc nhóm, tuân thủ quy trình, khả năng quan sát vận dụng kiến thức **[H4.04.03.06]**. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV nắm bắt các phương pháp học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.

Ngoại ngữ là công cụ rất quan trọng trong việc tự học và học tập lâu dài của người học. Chương trình đào tạo thể hiện sự chú trọng đến trang bị Tiếng Anh như một kỹ năng thiết yếu với 12 tín chỉ ở khối học phần ngoại ngữ, công nghệ thông tin,... và 2 tín chỉ tiếng Anh chuyên ngành. Nhận thức rõ tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với người học, học phần tiếng Anh chuyên ngành đã được chuyển từ nhóm tự chọn sang bắt buộc **[H04.04.03.01]**. Bên cạnh đó Khoa Lâm học cũng đã và đang tự sưu tầm, xây dựng tủ sách ngoại văn phục vụ các học phần đào tạo **[H4.04.03.07]**.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường học tập thuận lợi cho người học để nâng cao chất lượng dạy và học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

## **3. Tồn tại**

Kỹ năng mềm chưa được đưa vào chương trình đào tạo, mới chỉ lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động đoàn, hội.

Chưa có phương pháp đo lường và đánh giá sự phát triển kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên	Các tổ chức đoàn thể phối hợp với khoa chuyên môn	Hàng năm
2	Tăng cường việc đánh giá năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	Khoa chuyên môn, Phòng khoa học, Phòng đào tạo	Từ tháng 1/2021
3	Tăng cường đầu tư trang, thiết bị và tăng hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động NCKH của sinh viên	Trường ĐHLN	từ tháng 1/2021
4	Khảo sát về học tập nâng cao trình độ, thay đổi ngành nghề của sinh viên sau khi ra trường.	Trường ĐHLN	Định kỳ

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:** Với mục đích giáo dục đại học là nhằm phát triển tri thức ngày càng cao trong người học. Mục tiêu giáo dục ngành Lâm sinh được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai tới các bên liên quan, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CDR, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Chương trình đào tạo đã gắn liền lý thuyết với thực hành, đòi hỏi người học phải xác định rõ ràng mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đồng thời thông qua các kênh thông tin rất quan trọng như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học của ngành đã phản ánh được CDR của chương trình đào tạo với các ý kiến phản hồi, góp ý cần cụ thể hơn. Tuy nhiên, một số hạn chế cần khắc phục là cần quan

tâm hơn nữa đến ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cũng như cần cải thiện phương pháp đánh giá các hoạt động tự nghiên cứu và tự học của sinh viên một cách thích hợp.

### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả của người học**

**Mở đầu:** Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng, mang tính quyết định không những trong việc học tập, kế hoạch nghề nghiệp của người học; mà còn trong việc phản ánh hiệu quả giảng dạy, mức độ cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt thời gian SV theo học tại khoa Lâm học thông qua kiểm tra định kỳ, đánh giá từng môn học, tổng kết theo học kì, năm học và cả quá trình học tập nhằm mục đích để đo lường được kiến thức (bao gồm cả khối kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành), năng lực so với mức độ chuẩn đầu ra (CDR) của ngành. Trong suốt quá trình học tại khoa Lâm học, việc đánh giá này được thực hiện đúng quy chế, phù hợp với mức độ CDR, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, kỹ năng thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa vào mức độ đạt được của chuẩn đầu ra. Việc triển khai đánh giá thực hiện theo Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo ĐHCĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, có Quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc môn học/học phần, Quy định tổ chức, quản lý đánh giá kết quả học tập rõ ràng [H5.05.01.01].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong 100% đề cương môn học. Chương trình học của ngành Lâm sinh bao gồm các học phần với đề cương môn học. Đề cương chi tiết thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu, nội dung lý thuyết và thực hành, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Đề cương môn học nêu rõ cách thức đánh giá môn học thông qua các trọng số cho từng nội dung đánh giá môn học bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần; tỷ lệ giữa chúng đã được quy định cụ thể của từng loại học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và được soạn thảo chi tiết trong đề cương của học phần (đề cương chi tiết môn học). Hiện nay hầu hết điểm học phần được tính theo công thức:

$$\text{Điểm học phần} = 0,4 \times \text{Điểm đánh giá quá trình} + 0,6 \times \text{Điểm thi kết thúc học phần}$$

Trong đó, điểm đánh giá quá trình do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá được tổng hợp từ các điểm đánh giá bộ phận, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; **[H5.05.01.04]**.

Việc kiểm tra đánh giá được thực hiện liên tục trong quá trình học tập; đánh giá quá trình học tập và thi kết thúc học phần mỗi môn học, đánh giá luận văn **[H5.05.01.05]**. Các hình thức kiểm tra, đánh giá KQHT người học của Nhà trường, Khoa được phổ biến và công khai thông qua website của nhà trường **[H5.05.01.02]**, sổ tay sinh viên **[H5.05.01.03]**, đề cương chi tiết các học phần **[H5.05.01.04]**. Cuốn sổ tay sinh viên này được cập nhật theo từng năm học. Cuốn sổ tay học tập sinh viên như một cuốn cẩm nang thu nhỏ hỗ trợ, gỡ rối cho sinh viên trong suốt quá trình học tập về quy chế, quy định cũng như chương trình học để sinh viên có kế hoạch học tập đạt được chuẩn đầu ra của từng ngành học. Tất cả các đề thi của ngành Lâm học đều được thiết kế phù hợp với nội dung học phần; phản ánh được mức độ tiếp thu của người học; phân loại được người học theo chuẩn đầu ra và được rường bộ môn phê duyệt **[H5.05.01.06]**.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm), thái độ **[H5.05.01.10]**.

Riêng với học phần có phần thực hành, thời lượng cũng như trọng số điểm đánh giá cho nội dung thực hành chiếm 20% đảm bảo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên **[H5.05.01.04]**. Số đợt thực tập thực tế của sinh viên ngành LH là 2 đợt vào các kỳ 6 và 7 (với tổng số tín chỉ là 10) chưa kể đợt thực tập tốt nghiệp. Mỗi đợt thực tập được đánh giá độc lập theo hình thức báo cáo và thực hành kỹ năng tay nghề tại hiện trường thực địa; điều này đảm bảo không chỉ chuẩn kiến thức mà còn chuẩn cả về kỹ năng, thái độ. Nội dung này cũng được nêu trong sổ tay sinh viên **[H5.05.01.03]**.

Việc triển khai tốt nghiệp sinh viên được khoa, nhà trường quyết định theo quy định rõ ràng [H5.05.01.01]. Để được làm khóa luận tốt nghiệp, các SV cần đạt điều kiện do hội đồng đào tạo Nhà trường quyết định theo mỗi năm học sau khi cân đối điểm trung bình chung học tập, số môn thi lại [H5.05.01.07]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp được lựa chọn phù hợp với định hướng chuyên môn của ngành đào tạo và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [H5.05.01.07]. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu đều có trọng số đánh giá [H5.05.01.07]. SV không làm KLTN phải học 10 tín chỉ thay thế, các môn học 10 tín chỉ thay thế khóa luận tốt nghiệp cũng bám sát yêu cầu về kiến thức, năng lực của toàn bộ chương trình học, có quan tâm đến nhu cầu người học với nhiều chuyên môn hóa tự chọn [H5.05.01.04].

Báo cáo công tác KT&ĐBCL [H5.05.01.08], báo cáo kết quả đánh giá đề thi [H5.05.01.9] cũng chứng minh phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đề cương môn học, tức là việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CĐR [H5.05.01.10].

## **2. Điểm mạnh**

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá quy định, được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CĐR từng học phần.

- Có các phòng chức năng để quản lý và đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá một cách độc lập chất lượng đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại**

Các thông tin về hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu hiện tại của các giảng viên đến các sinh viên cần được thông báo sớm để sinh viên có thể quyết định hướng nghiên cứu khóa luận của mình. Thời gian làm khóa luận quy định cố định có thể làm hạn chế

một số sinh viên trong việc nghiên cứu các đề tài thuộc các lĩnh vực chuyên môn cần thời gian nhiều hơn ví dụ như chuyên môn khoa học đất.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thông tin về hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu của các giảng viên từ cuối học kỳ 6	Bộ môn, Khoa Lâm học	Từ năm học 2020-2021
	Có các quy định để các sinh viên có thể tiến hành thực hiện khóa luận tốt nghiệp sớm hơn so với mặt bằng chung đối với các sinh viên thực hiện đề tài đặc thù.	Bộ môn, Khoa Lâm học	Từ năm học 2020-2021

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.**

##### 1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được khoa Lâm học thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo đại học, Quy định tổ chức, quản lý đánh giá kết quả học tập và Quy định về xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc môn học/ học phần [H5.05.01.01], đăng công khai trên trang web [H5.05.01.02]. Quy định cụ thể về thời gian, hình thức thi/kiểm tra đánh giá, phương pháp, tiêu chí, trọng số đối với đánh giá môn học, yêu cầu về trách nhiệm, nghĩa vụ của người học đều được quy định rõ trong quy định quản lý đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.01].

- Về thời gian: thời gian tiến hành đánh giá kết quả học tập của người học được phòng đào tạo lập kế hoạch cho từng môn học/ học phần cho từng kỳ học. Kế hoạch chung được thông báo trên website, được gửi tới các khoa, bộ môn, các lớp và các đơn vị liên quan cùng với kế hoạch giảng dạy, học tập trước khi bắt đầu học kỳ. Kế hoạch lịch

thi cụ thể được gửi tới các khoa, bộ môn, các lớp sinh viên, từng tài khoản cá nhân của sinh viên trên hệ thống của nhà trường và các đơn vị có liên quan chậm nhất là 5 tuần trước khi kết thúc kế hoạch giảng dạy và học tập của môn học/ học phần đó [H5.05.02.02].

- Về Phương pháp, tiêu chí và trọng số: hình thức thi có thể là: thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn hoặc kết hợp giữa các hình thức này. Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng, Nhà trường quy định: mỗi một học phần phải có ngân hàng đề thi kèm theo mẫu phiếu rubrics đánh giá bài thi cuối kì được soạn thảo, phê duyệt của Trưởng bộ môn theo hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.02.03]. Nội dung ngân hàng đề thi phải đáp ứng đòi hỏi của việc kiểm tra đánh giá chính xác, toàn diện và khách quan chất lượng học tập, nghiên cứu của người học; phải bao quát kiến thức của toàn bộ môn học, đánh giá được khả năng lĩnh hội kiến thức và tư duy sáng tạo của người học; phải đảm bảo tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tương thích với lượng thời gian làm bài; nội dung câu hỏi đảm bảo khoa học, chính xác, chặt chẽ, cập nhật kiến thức mới. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần và hình thức thi [H5.05.01.01]. Đề thi kết thúc học phần đều được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi được thiết lập sẵn và đảm bảo yêu cầu về CTĐT đặt ra. Điểm thi được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành theo mẫu phiếu rubrics đánh giá bài thi cuối kì bởi hai giảng viên chấm thi [H5.05.03.04].

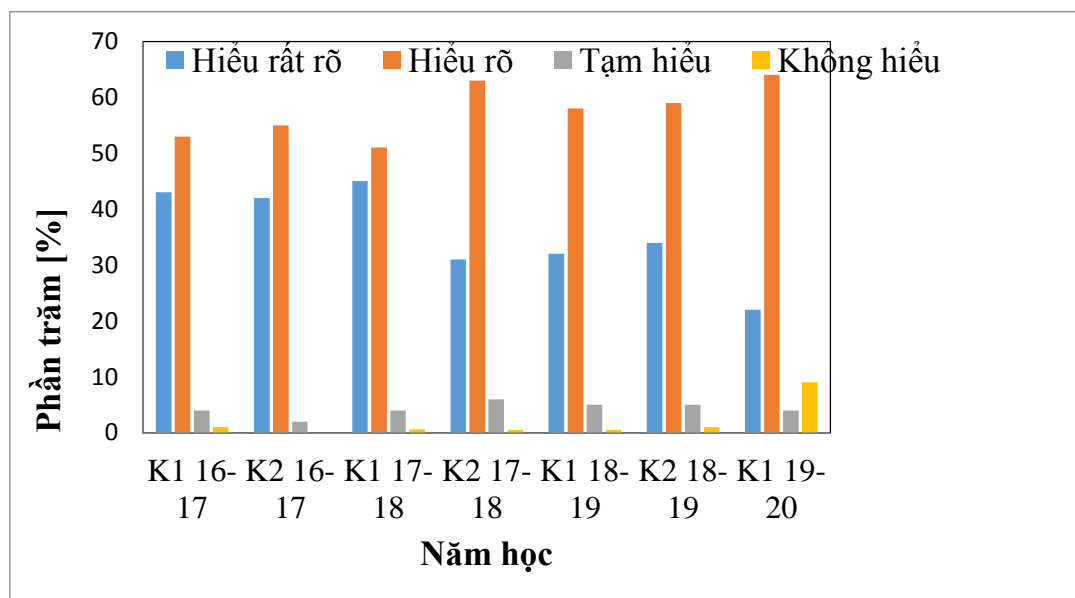
- Về tiêu chí, trọng số: đối với mỗi môn học, điểm tổng hợp của học phần (điểm học phần) bao gồm điểm quá trình (40%) và điểm cuối kì (60%). Từ năm 2018-2019, trường Đại học Lâm nghiệp áp dụng quy định nội bộ mới về điều kiện dự thi, theo đó SV cần tham gia tối thiểu 70% thời lượng học lý thuyết và 90% thời lượng thực hành. ĐHLN cũng có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi. Khoa có quy định rõ ràng về điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp và điều kiện được xét tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá khóa luận tốt nghiệp được quy định rõ ràng về nội dung, trọng số, được thể hiện rõ ràng trong các mẫu nhận xét quá trình hoàn thành khóa luận và phản biện khóa luận [H5.05.02.03].

Nhà trường có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi kết thúc học phần, về phản hồi kết quả đánh giá môn học [H5.05.02.04]. Từ năm

2018-2019, trường Đại học Lâm nghiệp áp dụng quy định nội bộ mới về điều kiện dự thi, theo đó SV cần tham gia tối thiểu 70% thời lượng học lý thuyết và 90% thời lượng thực hành. ĐHLN cũng có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi [H5.05.02.04]. GV phụ trách môn học nhập điểm quá trình và điều kiện thi; Phòng đào tạo nhập điểm thi kết thúc học phần và công bố điểm cho người học [H5.05.02.04], [H5.05.02.05]. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV [H5.05.02.05].

Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được tuyên bố công khai tới người học trước mỗi khoá học/kì học/học phần thông qua Website (<http://ktdbcl.vnuf.edu.vn/quy-trinh>) [H5.05.02.05], sổ tay SV [H5.05.02.06], các buổi họp lớp, tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học, đầu năm học [H5.05.02.07]. Do vậy, người học được thường xuyên cập nhật, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Kết quả đánh giá môn học cho thấy người học đánh giá cao việc tổ chức đánh giá kết quả học tập. Kết quả khảo sát người học của Khoa Lâm học ở tiêu chí 2 “Cách đánh giá kết quả môn học/ học phần đã được giải thích rõ ràng” cho thấy có trên 95% tổng số người học nắm rõ và nắm rất rõ về cách đánh giá kết quả môn học, chỉ 1% trong số đó là không nắm được (xem hình 5.1) [H5.05.02.08].



**Hình 5.1. Mức độ đánh giá việc giải thích rõ ràng cách đánh giá môn học/ học phần của sinh viên qua các học kỳ/ năm học**



## 2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành Lâm sinh là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Trợ lý Khoa, đội ngũ CVHT phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường để thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trực tiếp trong thời gian ngắn nhất.

## 3. Điểm tồn tại

Một số bộ phận nhỏ sinh viên chưa thường xuyên truy cập vào website, tài khoản riêng để cập nhật thông tin về tình hình học tập của bản thân.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá trên nhiều kênh thông tin	Phòng Đào tạo, Phòng KT&ĐBCL, Phòng CT&CTSV, khoa LH	Từ năm học 2020-2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

### *Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng*

#### 1. Mô tả

Hình thức thi của từng học phần do bộ môn phụ trách học phần đề xuất [H5.05.03.01]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, được thể hiện: mỗi một học phần phải có ngân hàng đề thi được soạn thảo, thiết kế bởi các giảng viên chuyên môn, chịu sự giám sát, phê duyệt của Trưởng bộ môn theo hướng dẫn của Nhà trường. Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời phải đảm bảo phân loại được người học [H5.05.03.02]. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần và với hình thức thi [H5.05.03.02]. Hình thức kiểm tra, đánh giá rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,... Việc dùng phối hợp nhiều phương pháp đánh giá trong 1 học phần giúp nhà trường linh hoạt trong tổ chức thi kết thúc học phần (thi lần 1, lần 2 với quy mô/số thí

sinh thi khác nhau), giúp GV/bộ môn đánh giá, so sánh được hiệu quả, ưu nhược điểm của mỗi hình thức thi để hoàn thiện quá trình đánh giá kết quả học tập. Việc GV sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học cũng được thể hiện trong đề cương chi tiết các môn học **[H5.05.03.03]**. Mẫu đề thi, mẫu đáp án, hướng dẫn ra đề, mẫu phiếu rubrics đánh giá bài thi cuối kì/ học phần được quy định rõ. Tài liệu hướng dẫn được đăng trên website của Phòng KT&ĐBCL, đề thi có thể ở dạng câu hỏi không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu,... được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng **[H5.05.03.04]**. Hình thức thi được nhà trường yêu cầu rà soát theo năm học giúp GV điều chỉnh và sử dụng linh hoạt các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể các bước rà soát, cập nhật hình thức thi, đề thi: đầu năm học, phòng KT&ĐBCL ra thông báo rà soát, cập nhật hình thức thi, đề thi; các bộ môn thực hiện thông kê hình thức thi/đề thi trong đó nêu rõ các thay đổi nếu có; các bộ môn thực hiện ra đề thi mới có thông qua xác nhận của bộ môn và nộp bộ đề thi kèm đáp án (bản cứng) cho phòng KT&ĐBCL **[H5.05.03.05]**.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, điểm học phần được tổng hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần; cách thức đánh giá điểm quá trình và điểm kết thúc học phần, tỷ lệ giữa chúng đã được quy định cụ thể của từng loại học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và được soạn thảo chi tiết trong đề cương của học phần (đề cương chi tiết môn học) **[H5.05.03.01]**. Hiện nay hầu hết điểm học phần được tính theo công thức: điểm học phần = a x Điểm đánh giá quá trình + b x Điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm đánh giá quá trình do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá được tổng hợp từ các điểm đánh giá bộ phận: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm thực hành; điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc trong mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50% **[H5.05.03.01]**. Về độ tin cậy, đề thi, đáp án thi cuối kì sau khi được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá được nộp về phòng KT&ĐBCL **[H5.05.03.06]**. Đề thi kết thúc học phần đều được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi được thiết lập sẵn và đảm bảo yêu cầu về CTĐT đặt ra. Việc rút, in sao đề thi, đánh số phách, cắt phách, ghép phách đều được thực hiện bởi phòng Khảo thí & ĐBCL. Sau khi làm phách xong phòng Khảo thí & ĐBCL có trách

nhệm bảo mật tuyệt đối phần phách, có trách nhiệm giao bài thi và đôn đốc các bộ môn chấm thi, nộp điểm đúng thời hạn [H5.05.03.07]. Mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể theo mục lục rubrics đánh giá bài thi cuối kỳ để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học [H5.05.03.07], [H5.05.02.03]. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá; bảng điểm mỗi môn học đều phải có ký xác nhận của Trưởng bộ môn [H5.05.03.01], [H5.05.03.02]. Nhà trường có sử dụng phần mềm nhập điểm quá trình để GV chủ động nhập điểm. Điểm quá trình các học phần sẽ được đăng tải công khai đến người học qua tài khoản cá nhân của SV.

Nhà trường có quy định, thông báo, phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học nhận xét GV, môn học... vào buổi học cuối, vào các buổi thi, trong đó có nội dung 19 khảo sát về “GV đã đánh giá công bằng quá trình học tập của SV” và nội dung 27 khảo sát về “Điểm thi cuối kỳ đã đánh giá đúng kết quả học tập của sinh viên?” [H5.05.03.08]. Kết quả thu được qua phiếu khảo sát cho thấy, việc học tập, tổ chức thi cho sinh viên của trường là tốt, khách quan, trung thực với 76% người được hỏi cho rằng “công bằng”, “chính xác”, 21,5% đánh giá ở mức rất “công bằng”, rất “chính xác”, 2,5% đánh giá ở mức chưa chính xác và không có thêm ý kiến nào khác [H5.05.03.08]. Bắt đầu từ học kỳ 2 năm học 2017-2018, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của SV bằng hình thức online [H5.05.03.08]. Kết quả đánh giá GV, môn học sẽ là căn cứ để GV điều chỉnh phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo độ giá trị và tin cậy hơn. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCL có báo cáo công tác KT&ĐBCL, nêu những điểm mạnh cần duy trì, những tồn tại cần khắc phục trong công tác kiểm tra đánh giá [H5.05.03.09]. Theo đó, công tác kiểm tra đánh giá ngày càng hiệu quả, đúng quy định, có phản hồi tốt từ người học [H5.05.03.10]. Từ học kì 1 năm học 2018-2019, nhà trường tổ chức đánh giá đề thi, kết quả đánh giá cũng là cơ sở để cải thiện công tác kiểm tra, đánh giá nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng [H5.05.03.10]. Theo đó, Nhà trường có thông báo về kế hoạch tổ chức đánh giá đề thi, có quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề thi với thành viên hội đồng là đại diện nhà trường, khoa và các bộ môn. Sau khi tổ chức thi, chấm điểm bài thi kết thúc học phần, các bộ môn tiến hành đánh giá đề thi trên phiếu khảo sát do Phòng KT&ĐBCL ban

hành. Phiếu khảo sát sau đó nộp về Phòng KT&ĐBCL. Phòng KT&ĐBCL tổng hợp kết quả đánh giá đề thi và gửi về các đơn vị (khoa, bộ môn) [H5.05.03.10].

## 2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng.

## 3. Điểm tồn tại

Công tác đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Tăng cường năng lực đánh giá quá trình và kết quả học tập cho giảng viên.	Trường ĐHLN	Tháng 1/2021
2	Rà soát, đổi mới và bổ sung ngân hàng đề thi cho phù hợp với nội dung đổi mới CTĐT	Phòng KT&ĐBCL, khoa chuyên môn	Định kỳ hàng năm

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

### *Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập*

#### 1. Mô tả

Nhà trường có các quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá môn học, có quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến GV và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát [H5.05.04.01]. Điểm quá trình được thông báo đến SV sau khi kết thúc lịch học, trước khi thi kết thúc học phần; cụ thể GV phụ trách môn học nhập điểm quá trình và công bố điểm cho người học chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần và điểm thi kết thúc học phần (trong vòng 1 tuần kể từ ngày kết thúc giảng dạy học phần) [H5.05.04.02]. Người học truy cập vào tài khoản cá nhân trong hệ thống quản lý người học của Nhà trường để xem điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần [H5.05.04.03]. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ, chính xác theo đúng tiến độ học tập của người học [H5.05.04.03].

Kết quả phản hồi học tập được thông báo công khai đến SV trên bảng tin của phòng KT&ĐBCL, được cập nhật điểm vào tài khoản của SV. Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ, các CVHT đều tiến hành họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt, giải đáp thắc mắc của người học trong học tập, tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả. Lý do thay đổi điểm sau mỗi đợt phúc khảo được các bộ môn tổng hợp, nêu rõ [H5.05.04.04]. Do vậy, ngoài điểm thi/kiểm tra, người học được phản hồi thêm thông tin về lí do thay đổi điểm nếu có đề nghị.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. Nhà trường cũng tạo điều kiện cho SV học cải thiện điểm sau các đợt phúc khảo thông qua tổ chức các đợt học bổ sung vào giữa mỗi học kỳ [H5.05.04.05].

Kết quả khảo sát SV trước khi tốt nghiệp năm 2019 về nội dung “Công bố, phản hồi kết quả học tập đảm bảo nhanh chóng, chính xác” cho kết quả lựa chọn “rất đồng ý” và “đồng ý” đạt trên 60%, lựa chọn “tạm chấp nhận” đạt 30%. Như vậy, đa số người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập, về việc công bố, phản hồi kết quả học tập. [H5.05.04.06]. Kết quả đánh giá của người học được Phòng KT&ĐBCL gửi về khoa và các bộ môn để cải thiện việc dạy và đánh giá môn học [H5.05.04.06]. Thống kê số lượng và kết quả phúc khảo bài thi cũng được tổng hợp trong mỗi năm học, là thông tin để các Bộ môn, Khoa, triển khai công tác kiểm tra, đánh giá đúng quy định và hiệu quả hơn [H5.05.04.07].

## **2. Điểm mạnh**

Việc tổ chức thi, chấm thi, báo điểm và phúc khảo được thực hiện đúng quy định về thời gian, quy trình, người học có thể đăng ký học, cải thiện được kết quả học tập của mình. Kết quả phúc tra đảm bảo công bằng.

## **3. Điểm tồn tại**

Một bộ phận nhỏ SV chưa tích cực trong việc cải thiện kết quả học tập.

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học (đặc biệt là SV phải thi lại).

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Theo dõi, khích lệ SV cải thiện kết quả học tập	Khoa LH	Từ năm học 2021 - 2022
	Đầu tư, nâng cấp đường truyền Internet, cập nhật, hoàn thiện phần mềm chuyên dụng phục vụ quản lý kết quả học tập	Trường ĐHLN	Tiếp tục tiến hành từ tháng 1/2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7.

**Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

### 1. Mô tả

Các quy định, quy trình khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học được phổ biến, hướng dẫn rõ ràng cho người học thông qua tuần sinh hoạt công dân, website của Nhà trường và sổ tay SV [H5.05.05.01].

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được trường Đại học Lâm nghiệp ban hành quy định hướng dẫn rất rõ ràng cho người học thông qua tuần sinh hoạt công dân, website của Nhà trường và sổ tay SV [H5.05.05.01], [H5.05.05.02].

Sau khi công bố kết quả thi, SV được thông báo về thời gian, thủ tục, lệ phí, được cung cấp mẫu đơn, có quyền đề nghị chấm phúc khảo kết quả thi kết thúc môn học, không có giới hạn về số lượng đơn xin phúc khảo, thông báo này được đăng trên trang web (<http://ktdbcl.vnuf.edu.vn/thong-bao-kt>) và dán tại Phòng KT&ĐBCL [H5.05.05.03]. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi phải được gửi đến Phòng Đào tạo trong vòng 1 tuần kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do trường quy định. Thời gian chấm phúc khảo không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên. Thời gian chấm phúc khảo, công bố kết quả phúc khảo đúng quy định, kết quả phúc khảo đảm bảo công bằng [H5.05.05.04]. Sau khi chấm phúc tra, nếu có chênh lệch bất thường trong kết quả chấm trước và sau khi phúc khảo, cán bộ chấm thi bản giải trình

lý do chênh lệch điểm có xác nhận của bộ môn [H5.05.05.05]. Điểm sau phúc tra là kết quả cuối cùng của môn học.

Từ năm học 2016-2017 và năm học 2017-2018, có không quá 9% số người học khiếu nại về kết quả học tập (năm học 2016-2017 có 38 lượt khiếu nại thuộc về môn học khoa Lâm học trên tổng số 680 lượt khiếu nại trong đó kì 1 có 21 khiếu nại trên tổng số 402, kì 2 có 17 khiếu nại trên tổng số 278; năm học 2017-2018 có tổng số 12 lượt khiếu nại thuộc môn học khoa Lâm học phụ trách trên tổng số 150 lượt khiếu nại, trong đó kì 1 là 5/66, kì 2 là 7/84). Số lượt khiếu nại giảm dần từ năm 2016 đến năm 2019-2020. Đặc biệt, năm học 2018-2019, 2019-2020 không có khiếu nại về kết quả học tập thuộc ngành lâm sinh. Kết quả học tập luôn được giải quyết kịp thời, thoả đáng. [H5.05.05.06].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình khiếu nại rõ ràng về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường. Sinh viên dễ dàng tiếp cận được với quy trình khiếu nại về kết quả học tập giúp sinh viên tiết kiệm thời gian, nhanh chóng, hiệu quả và chính xác để điều chỉnh cho phù hợp.

## 3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm và tiến độ học tập của SV.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Theo dõi, giám sát thúc đẩy để việc chấm và công bố điểm thi KTHP đúng tiến độ theo quy định.	Phòng KT&ĐBCL, khoa LH	Từ năm học 2020 – 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:** Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành Lâm sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường, phù hợp với CĐR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Quy trình khiếu nại KQHT của người học được ban hành rõ ràng. Tuy vậy, việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Khoa LH sẽ phối hợp với phòng KT&ĐBCL theo dõi, giám sát công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện quá trình.

### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

**Mở đầu:** Trường ĐHLN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế - xã hội, và bảo vệ môi trường của đất nước. Vì vậy, Nhà trường cần một đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên có đủ số lượng, đủ phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH của Nhà trường.

Trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển, quy hoạch bổ nhiệm giảng viên và nghiên cứu viên đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ này là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Đội ngũ GV được giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định. Theo đó, đội ngũ GV của ngành Lâm học cũng đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các giảng viên có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

Những nội dung trên được đánh giá cụ thể qua các tiêu chí sau:

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ***

#### **1. Mô tả**

Đối với khối các Trường đại học nói chung và Trường Đại học Lâm nghiệp nói riêng, một trong những mục tiêu quan trọng phải đạt được để đáp ứng nhu cầu của xã hội đó là phải có một đội ngũ viên chức có năng lực, trình độ cao về chuyên môn. Nhiệm vụ này được Đảng ủy và Ban giám hiệu nhà Trường xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên của Trường theo đúng yêu cầu của Công văn về công tác quy hoạch cán bộ của Bộ NN&PTNT [H6.06.01.01].



Việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ Giảng viên và NCV được thực hiện căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của cá nhân và đơn vị tuyển dụng. Nhà Trường và Khoa Lâm học xác định đây là việc làm thường xuyên và cần thiết để luôn có được một đội ngũ giảng viên đáp ứng được yêu cầu.

Căn cứ theo bảng thống kê danh sách cán bộ, giảng viên của Khoa lâm học trong tháng 8 năm 2020 [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], số lượng và trình độ các cán bộ giảng dạy thuộc Khoa Lâm học được cụ thể hóa trong bảng sau:

**Bảng 6.1. Số lượng và trình độ cán bộ giảng dạy thuộc Khoa Lâm học tại cơ sở chính năm 2019 [H6.06.01.02]**

TT	Chức danh	Số lượng	Đào tạo trong nước			Đào tạo nước ngoài		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Sau tiến sĩ
	Giáo sư	1	6			5		3
	Phó giáo sư	2						
	Tiến sĩ	12						
	Thạc sĩ	31						
	Đại học	1						
	Cao đẳng	0						
	<b>TỔNG</b>	<b>47</b>						

Hiện tại số lượng cán bộ giảng dạy thuộc khoa Lâm học 47 (không tính 04 cán bộ kiêm giảng), trong đó gồm 35 giảng viên, 02 chuyên viên, 05 KSHDTH, 03 kỹ sư và 02 kỹ thuật viên. Trong đó, có 11 cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước. Dự kiến đến năm 2022 sẽ có khoảng 100% cán bộ giảng dạy của Khoa có trình độ từ Thạc sĩ trở lên.

Về công tác tuyển dụng của Khoa, hàng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác năm học và nhu cầu về cán bộ của từng Bộ môn, Khoa Lâm học sẽ lập kế hoạch tuyển dụng đối với vị trí đó. Dựa vào Quy định và Quyết định ban hành về công tác tuyển dụng giảng viên [H6.06.01.04], [H6.06.01.05] và Quy định chung về chức danh nghề nghiệp ngạch giảng viên [H6.06.01.06]. Thông tin tuyển dụng sẽ được phòng Tổ chức cán bộ thông báo tới toàn thể các đơn vị trong trường và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo nhân dân, trang thông tin điện tử của trường [H6.06.01.07].

Để triển khai công tác tuyển dụng, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để sát hạch chuyên môn phù hợp với từng đối tượng dự tuyển (cán bộ giảng dạy, cán bộ hành chính...), bao gồm Hội đồng Bộ môn, Khoa, Phòng và Hội đồng tuyển dụng Trường.

Kết quả tuyển dụng được thông báo công khai cho các đơn vị trong trường và lưu giữ tại phòng TCCB. Hội đồng tuyển dụng Nhà trường có Hiệu trưởng là người đứng đầu đơn vị, đại diện bên sử dụng lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn và ra quyết định phân công công tác với những người trúng tuyển theo kết quả thi tuyển của các ứng viên. Người trúng tuyển thực hiện quy trình thử việc hay tập sự giảng dạy theo đúng các quy định đối với ngạch GV [H6.06.01.09]. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên [H6.06.01.10].

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ các chức danh lãnh đạo của Khoa Lâm học được thực hiện theo đúng quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm tại Quyết định số 2336/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/10/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT [H6.06.01.11] và Quyết định số 277/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 23/2/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp [H6.06.01.12]. Chức vụ lãnh đạo quản lý cũng được Khoa Lâm học thực hiện theo đúng quy định, quy chế [H6.06.01.13], [H6.01.01.16].

Hàng năm Khoa và Nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV tham gia công tác giảng dạy thuộc ngành Lâm học để có đội ngũ kế cận thay thế các cán bộ nghỉ hưu [H6.06.01.18]. Nhiều giảng viên đã đăng ký tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước [H6.06.01.19], đăng ký đi học tiến sĩ, thạc sĩ, tham dự các lớp nghiệp vụ sư phạm [H6.06.01.21], tin học, ngoại ngữ, các lớp đào tạo giảng viên hạng III và lớp giảng viên chính... [H6.06.01.23], [H6.06.01.24] nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo chuẩn chức danh theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động hợp đồng trường Đại học Lâm nghiệp.

## **2. Điểm mạnh**

Khoa Lâm học luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH của ngành Lâm học và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Khoa và Nhà trường chú trọng đến việc quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ, tuy vậy, tiến độ thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn của một số cán bộ trong Khoa còn chậm hơn so với kế hoạch.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nhân sự hằng năm và bồi dưỡng giảng viên.	Khoa Lâm học	Tháng 7 hàng năm
2	Tiếp tục công tác quy hoạch đội ngũ GV để nhà trường, khoa, ngành có đội ngũ GV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cho chất lượng đào tạo và NCKH cho nhà trường.	Phòng TCCB, Phòng Đào tạo, Khoa Lâm học	Đầu năm học (Tháng 8 hàng năm)

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### 1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học thì hoạt động dạy học cũng như khối lượng công việc của giảng viên phải được giám sát chặt chẽ.

Thời gian làm việc của Giảng viên được thực hiện theo quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.01]. Khoa Lâm học dựa trên căn cứ này để thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tại mỗi Bộ môn để kịp thời nhắc nhở, đảm bảo đáp ứng được công việc giảng dạy và nghiên cứu của các cán bộ, giảng viên trong Khoa.

Khối lượng giảng dạy của Giảng viên được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H6.06.02.02]. Cụ thể là, mỗi giảng viên phải đảm bảo tối thiểu về giảng dạy là 270 tiết/năm. Trên cơ sở đó, số giờ NCKH cũng do Nhà trường quy định đối với từng đối tượng. cụ thể, trước năm 2018 số giờ NCKH là 90 tiết/năm đối với GV [H6.06.02.02]. Tuy nhiên số giờ NCKH đã được thay đổi cho năm 2019. Quy định về số

giờ NCKH của trường Đại học Lâm nghiệp áp dụng cho GV đã tăng lên (GV: 180 tiết NCKH/năm, GV chính, Tiến sĩ: 215 giờ NCKH/năm; GV cao cấp, GS, PSG: 240 giờ NCKH/năm). Điều này nhằm thúc đẩy GV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH, tham gia hội thảo khoa học, tích cực viết bài báo khoa học và thực hiện nhiều đề tài dự án trong nước và quốc tế [H6.06.02.02].

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, thì tỉ lệ giữa giảng viên (người dạy) và sinh viên (người học) cũng được Khoa Lâm học chú trọng [H6.06.02.03]. Cụ thể, số lượng và tỉ lệ này được thống kê trong vòng 5 năm (từ 2016) trở lại đây được trình bày ở bảng 6.2.

**Bảng 6.2. Bảng thống kê số lượng người học/ giảng viên của Khoa Lâm học theo các năm học (từ 2016 đến 2020)**

STT	Năm học	Số lượng SV	Số lượng GV	Tỉ lệ GV/SV
1	2016 – 2017	743	36	1/21
2	2017 – 2018	603	36	1/16
3	2018 – 2019	255	36	1/7
4	2019 - 2020	163	36	1/4

Nhìn chung, số lượng sinh viên của Khoa Lâm học có sự giảm đi theo các năm. Đối với năm học 2016 - 2017, có tỉ lệ sinh viên/giảng viên đồng nhất (1/21) thì nhìn chung hoạt động giảng dạy vẫn đảm bảo được chất lượng theo quy định chung có trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường [H6.06.02.02].

Khối lượng và chất lượng giảng dạy của Giảng viên của Khoa cũng được giám sát chặt chẽ. Vào đầu năm học, Nhà trường và Khoa đều có kế hoạch về hoạt động giảng dạy và hoạt động khoa học công nghệ [H6.06.02.04]. Trong quá trình thực hiện và kết thúc năm học khối lượng giảng dạy và NCKH của GV được đo lường, giám sát thông qua bảng thống kê khối lượng giảng dạy và bảng thống kê số giờ NCKH hằng năm [H6.06.02.05]. Đây chính là căn cứ để tính mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV. Theo đó, đối với cán bộ thuộc Khoa Lâm học đều hoàn thành vượt định mức quy định cả về số lượng giờ giảng và số giờ NCKH.

Việc đánh giá cán bộ giảng dạy phải được thực hiện theo Quy định đánh giá cán bộ giảng dạy của trường Đại học Lâm nghiệp [H6.06.02.06], theo quy trình như sau: Mỗi GV sẽ tự đánh giá, sau đó là đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa và cuối cùng là Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá. Cụ thể là: hàng tháng và mỗi năm

học, GV sẽ tự đánh giá kết quả hoạt động thông qua bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng và năm học (Phiếu đánh giá cán bộ giảng dạy hàng năm) [H6.06.02.06]. Sau đó, Bộ môn tiến hành họp rà soát và đánh giá cho từng cán bộ của bộ môn [H6.06.02.09]. Nhà Trường và Khoa sẽ lập hội đồng đánh giá [H6.06.02.070], căn cứ vào kết quả tự đánh giá giảng viên và kết quả rà soát của của Bộ môn, kết quả đánh giá GV của sinh viên Khoa Lâm học [H6.06.02.06] để phân loại GV [H6.06.02.11]. Nhà trường xếp loại thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân cụ thể dựa trên các kết quả bình xét, đánh giá.

Nhìn chung, có thể thấy rằng việc giám sát đánh này giá đem lại các ý kiến góp ý thiết thực cho các GV trong Khoa, từ đó cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV thấp hơn quy định của Bộ GD và ĐT, khối lượng công việc giảng dạy và NCKH đã được đo lường hằng năm và được giám sát, đánh chặt chẽ bởi các Bộ môn chuyên môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong nhà trường góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 3. Điểm tồn tại

Khối lượng công việc của GV và NCV phụ thuộc chủ yếu vào số lượng lớp sinh viên vì vậy sự thay đổi số lượng sinh viên đầu từng khóa gây biến động về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng các giảng viên và nghiên cứu viên để nâng số lượng GV có học hàm học vị GS, PGS, TS, đảm bảo tất cả GV đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình giảng dạy.	Cán bộ thuộc các Khoa Lâm học	2021
2	Duy trì tỷ lệ người học/giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo.	Toàn bộ các Khoa, Viện	2021

	Từ năm học 2018 – 2019, các GV phấn đấu luôn hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn khác.	trong Nhà trường	
--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------	--

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### 1. Mô tả

Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên là nguồn lực rất quan trọng và được quan tâm hàng đầu trong Chiến lược phát triển của Trường DHLN. Trong những năm qua, Nhà trường luôn có những chính sách và kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và GV. Để triển khai được điều này Nhà trường đã có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển [H6.06.03.02] trên cơ sở tham khảo hướng dẫn của Bộ NN &PTNT, lấy ý kiến góp ý từ các bên liên quan [H6.06.03.01]. Đây cũng chính là căn cứ để Khoa lâm học trong quá trình tuyển dụng cán bộ giảng dạy của Khoa áp dụng để đáp ứng được yêu cầu về năng lực giảng dạy chuyên môn.

Mỗi cán bộ giảng dạy của Khoa khi được tuyển dụng, ngoài các yêu cầu đáp ứng về mặt chuyên môn, thì cần phải đáp ứng đầy đủ theo các chuẩn chung có trong văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng như: 1) phẩm chất đạo đức và có lý lịch rõ ràng; 2) có bằng tốt nghiệp đại học trở lên (đối với giảng viên phải có bằng Thạc sĩ trở lên, xét đặc cách đối với trường hợp có bằng Tiến sĩ trở lên); 3) có trình độ tin học, ngoại ngữ phù hợp với chuyên môn, vị trí tuyển dụng (tùy thuộc vào đối tượng cụ thể); 4) có đủ sức khỏe [H6.06.03.02].

Tiêu chuẩn về tuyển dụng giảng viên được nhà trường và Khoa áp dụng đúng theo các quy định chung có trong Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.03.03] và Quy định về công tác tuyển dụng giảng viên của trường Đại học Lâm nghiệp [H6.06.03.02] (quy định này được ban hành dựa trên các góp ý từ các bên liên quan).

Để đảm bảo tính minh bạch, các tiêu chí tuyển dụng giảng viên được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phổ biến tới các cán bộ viên chức qua hệ thống văn bản điều hành của nhà Trường [H6.06.03.04]. Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng lao động (Hội đồng bộ môn, khoa, phòng) và các Tiểu ban sát hạch lĩnh vực chuyên môn, tuyển chọn những ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn đối với trợ giảng, giảng viên. Những ứng viên trúng tuyển thực hiện theo quy trình làm nhiệm vụ tập sự trợ giảng hoặc giảng viên và có sự hướng dẫn tập sự của một cán bộ tại các bộ môn có chỉ tiêu tuyển dụng.

## 2. Điểm mạnh

Căn cứ từ những yêu cầu đặt ra về tuyển dụng trên thực tế cho thấy, Khoa Lâm học đã tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng được yêu cầu về học vị, nghiên cứu khoa học, nghiệp vụ sư phạm có nhiều thành tích trong giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc theo chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Bổ sung và hoàn thiện văn bản quy định về chế độ cử cán bộ đi học tập bồi dưỡng	Phòng TCCB, Trường ĐHLN	Từ năm 2021
2	Xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình, công bố bài báo trong nước và quốc tế	Phòng ĐT, Khoa, các bộ môn	Từ năm 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

### 1. Mô tả

Hiện nay, Trường Đại học Lâm nghiệp không có chức danh NCV cho ngành Lâm học, vì vậy nhiệm vụ NCKH do đội ngũ GV đảm nhận. Nhìn chung, nhà Trường và Khoa Lâm học rất chú trọng tới năng lực của đội ngũ GV. Cụ thể là hàng năm, các GV phải tự đánh giá trình độ, năng lực khi kết thúc năm học dựa trên các tiêu chí kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết; thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp; tinh thần thái độ và năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy

học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, cán bộ giảng dạy còn được kiểm tra, đánh giá thông qua các kênh thông tin khác nhằm đảm bảo tính khách quan, cụ thể như qua kênh người học (sinh viên), các buổi sinh hoạt chuyên môn. Các hoạt động đánh giá như sau:

Thứ nhất, mỗi giảng viên trong Khoa phải có bảng kê khai về năng lực giảng dạy và nghiên cứu của cá nhân (gọi là hồ sơ năng lực) [H6.06.04.01], Định kì theo năm học, Giảng viên được hội đồng chuyên môn (bao gồm HĐ khoa học Khoa, Bộ môn, các phòng ban liên quan) đánh giá năng lực giảng dạy thông qua việc thăm lớp, dự giờ giảng. Công việc này được thực hiện thường xuyên với 01 lượt/GV/học kì, kết quả được tổng hợp, ghi vào các mẫu phiếu đánh giá. Sau đó được phòng KT & ĐBCL tổng hợp thành Báo cáo gửi về các Khoa đào tạo và cá nhân được đánh giá để tự kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của mình **[H06.06.04.02]**.

Bên cạnh việc đánh giá chung đối với giảng viên hàng năm, đánh giá còn được thực hiện nghiêm túc đối với các cán bộ giảng dạy trẻ (dưới 10 năm kinh nghiệm). Quy trình đánh giá cũng được thực hiện như quy định chung về đánh giá đối với cán bộ giảng dạy của Khoa và nhà Trường.

Xét về năng lực của người GV thuộc ngành Lâm học được tiếp cận theo hai khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH. Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, trường ĐHLN thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm **[H6.06.04.09]**. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Song song với việc xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Bộ môn, Khoa, nhà trường thể hiện thông qua việc bộ môn, Khoa, nhà trường thường xuyên thảo luận, bàn về vấn đề giúp đỡ những GV có năng lực chưa cao như phân công GV có kinh nghiệm về chuyên môn để giúp đỡ GV tập sự **[H6.06.04.03]**. Thông qua công tác đánh giá giảng viên hàng năm, nhiều GV được SV đánh giá có năng lực tốt nhưng cũng có một số GV được đánh giá có năng lực chưa thực sự cao và các GV này đã được Nhà trường, đơn vị chức năng, Khoa, Bộ môn trao đổi giúp đỡ để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực đảm bảo công tác giảng dạy và



NCKH [H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Đánh giá GV được nhà trường thực hiện hàng tháng và hằng năm theo đúng quy định của nhà nước và quy định của nhà trường về đánh giá cán bộ, GV của trường ĐHLN [H6.06.02.05]. Việc đánh giá GV hằng năm được thực hiện một cách công bằng và khách quan từ các kênh đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa từ hoạt động dự giờ lên lớp của giảng viên và đặc biệt là đánh giá của sinh viên thông qua phiếu đánh giá phản hồi của người học [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Kết quả dự giờ cho thấy, các GV đều được đánh giá về chuyên môn và phương pháp sư phạm là tốt.

Mỗi GV sẽ thực hiện viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để Bộ môn và Khoa đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Mỗi cán bộ GV phải thực hiện tự đánh giá theo Phiếu đánh giá cán bộ giảng dạy hàng năm, sau đó kết quả đánh giá này được đánh giá tiếp bởi lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa [H6.06.04.05], và nhà trường, kết quả đánh giá GV cũng như bình xét các danh hiệu thi đua được công bố đến các đơn vị [H6.06.04.07]. Thông qua việc đánh giá hàng năm, mỗi GV sẽ nhận thấy năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## 2. Điểm mạnh

Năng lực giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV được xác định theo tiêu chuẩn cụ thể trong các mẫu phiếu đánh giá, được đánh giá hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

## 3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đa số GV còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo tiếng Anh, thi có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: TOEFL và IELTS	Nhà trường	Từ năm 2021
2	Xây dựng kế hoạch cử cán bộ đi học để đạt học vị tiến sỹ, và phấn đấu đạt học hàm PGS, GS	Phòng TCCB, bộ môn chuyên	Từ năm 2021

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		môn	

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

### 1. Mô tả

Để thực hiện được hoạt động giảng dạy đại học, việc nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên là nhu cầu cần thiết, phải được đáp ứng thường xuyên dựa trên từng cán bộ giảng viên cụ thể theo đúng các yêu cầu đối với cán bộ giảng dạy.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định hàng năm. Thông qua việc lập kế hoạch hằng năm của Khoa chuyên môn, căn cứ vào các cuộc họp kế hoạch của từng Bộ môn trong Khoa, trong đó có thống kê nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng cho từng cá nhân cụ thể, nhà Trường sẽ có các thông báo về việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn [H6.06.05.01]. Dựa trên các thông báo của nhà Trường, Khoa thực hiện thống kê nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và đăng ký với nhà trường. Sau đó căn cứ vào số lượng GV đăng ký bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhà trường sẽ xem xét và ra quyết định mở các lớp đào tạo [H6.06.05.03].

Khoa Lâm học có đội ngũ GV có năng lực chuyên môn và đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề. Nhà trường và Khoa Lâm học luôn quan tâm đến nhu cầu về đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn của GV.

Số lượng và trình độ của GV thuộc Khoa Lâm học được thể hiện trong bảng 6.1.1.[H6.06.01.03], và tổng hợp danh sách nhân sự thuộc Khoa từ 2014-2018 [H6.06.02.03]. Kết quả tổng hợp về các lớp đào tạo trong và ngoài nước cho thấy, trong vòng 5 năm qua, 2 GV được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư.

Nhà trường có chính sách khuyến khích giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, có chính sách ưu đãi về tài chính, có ưu đãi về giờ giảng. Cụ thể là, các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi

dưỡng ở trong nước được giảm 70% khối lượng công việc đối với đào tạo tiến sĩ và được hỗ trợ học phí, tài liệu học tập **[H6.06.05.06]**.

Theo quy định của nhà trường, những GV được cử đi học tập và hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng thời hạn thì sẽ được hưởng chế độ khen thưởng bằng tiền mặt **[H6.06.05.07]**.

Như vậy, nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV ngành Lâm học được đánh giá là xác định rõ ràng, Nhà trường và Khoa Lâm học đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Hiện tại, Khoa đang có 8 giảng viên tham gia khóa đào tạo Tiến sĩ trong nước và ngoài nước, đảm bảo đúng tiến độ học tập. 22 lượt cán bộ giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn trong, ngoài nước [H.06.05.09]

**Bảng 6.3. Thống kê số lượng cán bộ Khoa Lâm học tham gia các khóa đào tạo từ năm 2016 đến 2020 [H6.06.05.09]**

Năm	Đào tạo Tiến sĩ		Đào tạo ngắn hạn khác
	Trong nước	Ngoài nước	
2016	2	2	22
2017	3	1	
2018	0	0	
2019	0	0	
2020	0	0	

## 2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV của khoa Lâm học luôn được xác định rõ.

## 3. Điểm tồn tại

Một số cán bộ đi học tiến sĩ nước ngoài chưa hoàn thành đúng tiến độ như kế hoạch ban đầu.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Đánh giá nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn về phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên	Trường ĐHLN, Khoa Lâm học	Năm 2019
2	Xây dựng và áp dụng đúng nội qui, qui chế đối với các trường hợp cán bộ cố tình vi phạm kế hoạch hoàn thành các khóa đào tạo, đặc biệt là đào tạo tại các cơ sở ngoài nước.	Bộ môn/Khoa/Viện	Theo kế hoạch hàng năm

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### 1. Mô tả

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học được coi là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi giảng viên, nghiên cứu viên khi tham gia hoạt động đào tạo tại các cơ sở giáo dục và phải được thực hiện theo những quy định chung của nhà trường [H6.06.05.01]. Trên cơ sở đó, cơ sở đào tạo có những quy định cụ thể về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của đơn vị mình làm căn cứ cho các giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện. Hàng năm, dựa trên việc rà soát kế hoạch của các đơn vị trong khoa Lâm học, mỗi GV, NCV sẽ có kế hoạch cụ thể cho từng năm học, căn cứ vào tình hình thực tế các trường bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được nhà trường giao và phân công cho từng GV theo quy định của nhà trường tổng hợp [H6.06.06.02]. Định mức khối lượng công việc của giảng dạy sẽ được quy định cụ thể đối với chức danh công việc. Đối với nhiệm vụ NCKH nhà trường cũng có những tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên. Bên cạnh đó, cũng có những quy định cụ thể về việc hỗ trợ, miễn giảm, khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu khoa học được tổng hợp và kết quả việc thực hiện được công bố toàn trường [H6.06.02.02].

Kết quả thực hiện công việc của mỗi năm học, sẽ được sử dụng để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, kỷ luật hoặc làm căn cứ để xét danh hiệu thi đua khác, khuyến khích động viên các cá nhân nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cá nhân và tập thể được nhà trường công bố công khai [H6.06.06.03]. Trên cơ sở kế hoạch công tác của năm học, căn cứ vào quy chế thi đua khen thưởng, các cá nhân và tập thể tiến hành đăng ký thi đua ngay đầu năm học làm căn cứ để bình xét thi đua khi kết thúc năm học [H6.06.06.07] [H6.06.06.08].

Để đánh giá kết quả công tác của năm học nhà trường công khai các kết quả giảng dạy và các hoạt động khác của giáo viên như: cố vấn học tập, giáo viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải, giáo viên kiêm nhiệm bí thư liên chi. Đây cũng là căn cứ để bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Quá trình công bố các kết quả công tác năm học của giảng viên và nghiên cứu viên được thực hiện công khai, minh bạch [H6.06.06.04]. Kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học được các đơn vị chức năng của nhà trường tổng hợp gửi đến các cá nhân để phản hồi [H6.06.06.05]. [H6.06.07.08].

---

#### **Bảng 6.4. Thống kê tổng số giờ giảng dạy và NCKH của Khoa Lâm học từ năm**

## 2015 – 2020

STT	Giờ/Năm		2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1	Giờ dạy	Định mức	8.800	11.280	11.280	6.303	6.600
2		Quy đổi	17.700	21.071	21.071	10.708	10.331
3	Giờ nghiên cứu khoa học	Định mức	3.113	3.052	3.052	2.158	2.158
4		Quy đổi	3.520	6.065	6.065	4.759	4.724

Các kết quả hoạt động của cá nhân giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện được trong năm đều căn cứ theo kế hoạch công tác năm đã được xây dựng **[H6.06.06.06]**. Nhìn bảng 6.2 ta thấy, giờ dạy và giờ NCKH sau khi quy đổi đã vượt khá nhiều so giờ định mức của giảng viên. Năm gần đây, số giờ thực giảng dạy giảm dần, tuy nhiên NCKH vẫn đảm bảo đủ hoặc dư để chuyển sang tiết dạy.

Kết quả này là căn cứ để các bộ môn, khoa/viện thực hiện việc theo dõi, giám sát và đánh giá. Kết quả của việc theo dõi, giám sát và đánh giá được thực hiện rất cụ thể. Cuối năm học các cá nhân tự nhận xét, đánh giá việc hoàn thành kế hoạch, kết quả đạt được của cá nhân, sau đó bộ môn sẽ tiến hành họp, bình xét căn cứ đăng ký thi đua, khen thưởng, căn cứ tiêu chí đánh giá và căn cứ vào kết quả thực hiện của cá nhân để đánh giá, xếp loại, sau khi có kết quả bình xét của bộ môn các khoa/Viện sẽ tổng hợp và thông qua hội đồng thi đua khen thưởng của khoa/Viện để đề nghị lên nhà trường. Nhà Trường ra Quyết định về Đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức và người lao động **[H6.06.06.08]** **[H6.06.06.09]**

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã có những quy định cụ thể rõ ràng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV giúp tạo động lực để các cán bộ GV, NCV cố gắng phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đồng thời giúp công tác quản lý đạt được hiệu quả tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển chung của Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm vừa qua, các giảng viên, NCV của Khoa mới chỉ dừng lại ở việc tham gia, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, cấp Bộ mà chưa có đề tài cấp Nhà nước. Số giờ dạy giảm và không đều ở các bộ môn.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học từ cấp khoa trở lên. Hoàn thiện, bổ sung các tài liệu tham khảo, chuyên khảo và bài giảng trình một số môn học làm căn cứ tính giờ NCKH và định mức giờ dạy	Giáo viên Bộ môn, trung tâm	Hàng năm
2	Nhà trường cải tiến cách đánh giá khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV và quản trị linh hoạt theo kế hoạch công việc của từng cán bộ trong khoa.	Phòng TCCB, khoa Lâm học	Hàng năm

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

##### 1. Mô tả

Các hoạt động NCKH góp phần làm tăng nguồn lực CSVC, tăng cường năng lực NCKH cho các cán bộ GV, NCV của Nhà trường cũng như Khoa, Viện. Nhiệm vụ NCKH của giảng viên và NCV được thực hiện dựa trên những quy định chung của Nhà trường và quyết định số 3456/QĐ-ĐHLN-KHCN [H6.06.07.01]. Căn cứ những quy định chung, Nhà trường đã xây dựng những quy định cụ thể áp dụng cho đội ngũ GV, NCV trong nhà trường [H6.06.07.02]. Căn cứ những quy định chung và những quy định cụ thể của nhà trường các GV, NCV xây dựng kế hoạch NCKH làm căn cứ thực hiện trong năm học [H6.06.07.03]. Trên cơ sở kế hoạch đã đăng ký các cá nhân tiến hành đăng ký thực hiện đề tài theo thông báo của nhà trường. Nhà trường gửi thông báo về việc triển khai NCKH các cấp cho các GC, NCV yêu cầu về số lượng và chất lượng của các NCKH để

đăng ký và làm căn cứ thực hiện [H6.06.07.04]. Trên cơ sở đăng ký của các đơn vị Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, xét duyệt nhằm đảm bảo các đề xuất có ý nghĩa khoa học và đảm bảo đúng quy định [H6.06.07.05]. Sau đó Nhà trường sẽ ban hành Quyết định giao nhiệm vụ KHCN cho các GV, NCV làm căn cứ thực hiện các nhiệm vụ [H6.06.07.02].

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ NCKH, Nhà trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát rất chặt chẽ thông qua việc định kỳ báo cáo tiến độ của các chủ trì nhiệm vụ, từ đó làm căn cứ đối sách, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng các công trình NCKH cho phù hợp với nhiệm vụ [H6.06.07.07].

Để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV đối với mỗi nhiệm vụ Nhà trường sẽ thành lập một hội đồng nghiệm thu, được thông báo công khai cho các chủ trì và thực hiện nghiệm thu các nhiệm vụ NCKH đảm bảo đúng quy định [H6.06.07.08].

Hàng năm nhà trường thực hiện thống kê giờ NCKH của các GV, NCV làm căn cứ để trả lương tăng thêm và bình xét thi đua. Để thực hiện việc thống kê giờ NCKH Nhà trường triển khai thống kê và thông báo cho tất cả các GV, NCV các công trình NCKH trong năm và số giờ NCKH quy đổi [H6.06.07.07]. Căn cứ phản hồi của các GV, NCV Nhà trường sẽ ban hành bản chính thức thông báo kết quả NCKH cho toàn bộ GV, NCV biết và làm căn cứ thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo [H6.06.07.07]. Một sổ sách đã được xuất bản đúng theo đăng ký của các công trình NCKH của các GV, NCV được công bố công khai. Các công trình xuất bản cụ thể [H6.06.07.08].

Kết quả NCKH của đội ngũ GV, NCV được thể hiện cụ thể qua thống kê sau:



**Bảng 6.5. Thống kê số lượng NCKH và chuyển giao KHCN của đội ngũ GV, NCV của khoa Lâm học giai đoạn 2015 – 2020 [H6.06.07.08]**

STT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng
		2015	2016	2017	2018	2019	
1	Đề tài cấp NN			1			1
2	Đề tài cấp Bộ*	3	2			1	6
3	Đề tài cấp cơ sở	4	3	4	3	4	18
4	Đề tài cấp tỉnh		1				1
4	Đề tài khoa học	1				1	2
5	Số bài báo trong nước	36	22	20	19	20	117
6	Số bài báo nước ngoài			6	1		7
7	Hoạt động khác						

Trong vòng 5 năm từ 2015 đến 2019, cán bộ khoa Lâm học đã thực hiện 28 đề tài khoa học từ cấp Nhà nước đến cấp cơ sở, đăng 117 bài báo, tạp trí trong nước và 7 bài báo quốc tế.

**Bảng 6.6. Thống kê số lượng sách đội ngũ GV, NCV xuất bản của khoa Lâm học giai đoạn 2015 – 2019 [H6.06.07.08]**

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng
		2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo				5		5
2	Sách giáo trình		3	2		4	9
3	Sách tham khảo	1	3	3	1	2	10
4	Sách hướng dẫn/Bài giảng			4	2	2	8

Cán bộ Khoa Lâm học đã xuất bản 5 sách chuyên khảo, 9 sách giáo trình, 10 tài liệu tham khảo và 8 bài giảng.

Bên cạnh đó, nhằm cải thiện về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV hằng năm Nhà trường đều tiến hành Hội nghị KHCN. Tại hội nghị sẽ tiến hành tổng

kết, đánh giá các hoạt động KHCN, đánh giá những thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế, khó khăn nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và thay đổi số lượng các hoạt động KHCN phù hợp với thực tiễn [H6.06.07.09]. Trung bình mỗi năm học, các cán bộ khoa thực hiện đầy đủ giờ dạy và nghiên cứu khoa học theo bảng 6.2.

## 2. Điểm mạnh

Các GV, NCV luôn coi trọng NCKH là nhiệm vụ quan trọng song hành cùng nhiệm vụ giảng dạy, để phản ánh điều này, các cán bộ GV, NCV đã nỗ lực không ngừng cho NCKH được thể hiện qua các bài báo, số lượng hướng dẫn NCKH, xuất bản giáo trình bài giảng hàng năm. Đó cũng là cơ sở để phản ánh thực tế năng lực chuyên môn, cũng như năng lực nghiên cứu của GV, NCV chuyên ngành Lâm sinh.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng công bố nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín chưa có nhiều và số lượng công trình nghiên cứu khoa học ngày càng giảm. Đề tài cấp nhà nước, bộ và tỉnh giảm những năm gần đây. Các NCKH được thực hiện còn mang tính cá nhân, chưa huy động được sức mạnh của tập thể. Đội ngũ cán bộ trẻ còn chưa tích cực tham gia các hoạt động KHCN.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khai thông đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp bộ/cấp tỉnh	Khoa/Viện, các Bộ môn, trung tâm. GV, NCV	Từ năm 2021
2	Tăng cường các hoạt động viết giáo trình, bài giảng, sách tham khảo	Khoa/Viện, các Bộ môn, trung tâm. GV, NCV	Từ năm 2021
3	Khuyến khích và có cơ chế khuyến khích cán bộ trẻ tham gia các hoạt động NCKH. Nhà trường hỗ trợ kinh phí hoặc tạo điều kiện khuyến khích NCKH để chuyển sang định mức giờ dạy cho giảng viên	Khoa/Viện, các Bộ môn, trung tâm. GV, NCV	Từ năm 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

**Kết luận về Tiêu chuẩn 6:** Nhìn chung, đội ngũ giảng viên ở khoa Lâm học nói chung và ngành Lâm sinh nói riêng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và NCKH. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ của CBVC được khuyến khích, tổ chức khoa học, hợp lý, không gây gián đoạn cho hoạt động của khoa. Đội ngũ GV ngành Lâm sinh hiện nay đang hoàn thành các nhiệm cơ bản, tuy nhiên cần tăng cường đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động nghiên cứu khoa học như: tham gia đề tài cấp cơ sở trở lên, đăng ký viết soạn bài giảng, tài liệu tham khảo.

### Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

**Mở đầu:** Xây dựng đội ngũ nhân viên bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, cơ cấu cân đối với đội ngũ cán bộ toàn trường, là một trong những nhân tố quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. Việc dạy và học không thể hoàn thành tốt nếu không có đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, chất lượng. Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng ủy, lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo Khoa Lâm học thường xuyên coi trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân viên của đơn vị.

Sinh viên ngành Lâm sinh không chỉ nhận được sự hỗ trợ từ đội ngũ nhân viên khoa Lâm học mà còn nhận được sự hỗ trợ từ đội ngũ nhân viên tại các phòng ban chức năng như: phòng Đào tạo, phòng Chính trị công tác sinh viên, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Thư viện, Ban công nghệ thông tin... Đội ngũ nhân viên là những người tiên phong trong việc tiếp xúc và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết, đã có đóng góp lớn vào sự nghiệp giáo dục - đào tạo của nhà trường.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### 1. Mô tả

Phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn cao là một trong những mục tiêu quan trọng của trường Đại học Lâm nghiệp trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2006 - 2020 và tầm nhìn 2030. Nhiệm vụ này được Đảng ủy và BGH xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ

nhằm đáp ứng yêu cầu về tăng quy mô đào tạo đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ **[H7.07.01.01]**.

Đội ngũ nhân viên là lực lượng tham gia trực tiếp vào thực hiện chương trình đào tạo, tùy từng vị trí công tác, nhà trường có những yêu cầu tương ứng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự điều chỉnh theo hướng ngày càng yêu cầu cao hơn. Chính vì vậy, trong công tác quy hoạch cán bộ, Nhà trường đã ban hành các quy định về tuyển dụng lao động hợp đồng và viên chức khôi phục vụ để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH chung của Nhà trường **[H7.07.01.02]**. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Nhà trường cũng thực hiện theo đúng các Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do Bộ Nội vụ, Bộ KH-CN, Bộ VHTTDL ban hành **[H7.07.01.03]**, **[H7.07.01.04]**, **[H7.07.01.05]**.

Để thực hiện tốt công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ khối hành chính, phục vụ trong đó có đội ngũ cán bộ hỗ trợ công tác đào tạo ngành Lâm sinh, Nhà trường ra thông báo về việc rà soát nhân lực, định biên đội ngũ nhân viên hỗ trợ các chương trình đào tạo tại các đơn vị liên quan. Căn cứ vào thông báo của Nhà trường các đơn vị thực hiện rà soát, thống kê được khối lượng công việc của từng viên chức, lao động hợp đồng đã thực hiện, xác định được số lượng viên chức, lao động hợp đồng cần có để đảm nhận, hoàn thành nhiệm vụ của từng vị trí trong đơn vị. Từ đó lãnh đạo đơn vị có ý kiến về việc bổ sung, thay đổi, điều chuyển viên chức, lao động hợp đồng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về nhân lực của từng đơn vị. Đồng thời Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban rà soát, Ban có nhiệm vụ cùng Trưởng các đơn vị lập kế hoạch, tiến hành rà soát, tư vấn cho Hiệu trưởng **[H7.07.01.06]**. Trên cơ sở đó Nhà trường phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng viên chức và HĐLĐ cho các đơn vị hằng năm **[H7.07.01.07]**.

Đối với khoa Lâm học, để phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ cho công tác đào tạo ngành Lâm sinh, ban lãnh đạo khoa Lâm học căn cứ vào kế hoạch giảng dạy thực hành, thực tập và số lượng sinh viên trong khoa... từ đó phân tích, dự báo số lượng cán bộ hỗ trợ và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển nhân sự **[H7.07.01.08]** của toàn khoa trong đó có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên.

Tính đến thời điểm hiện nay, trường đại học Lâm nghiệp đã thành lập được rất nhiều các phòng, ban chức năng để phục vụ cho công tác đào tạo trong toàn trường như:

Ban Công nghệ thông tin (từ tháng 3/2019 trở về trước) và hiện nay là Trung tâm ngoại ngữ & Tin học; Thư viện; phòng KT&ĐBCL; phòng Đào tạo; phòng Khoa học công nghệ; phòng Chính trị & công tác SV và các phòng ban liên quan khác. Đội ngũ nhân viên tại các phòng ban đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí công việc được giao vì vậy đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo ngành Lâm sinh cả về số lượng và chất lượng [H7.07.01.09]. Hiện nay đội ngũ nhân viên tại các phòng ban liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo của toàn trường là 106 người (Cơ sở chính 75 người; Phân hiệu Đồng Nai 31 người).

Từ bảng thống kê 7.1 nhận thấy, đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo có trình độ Đại học trở lên chiếm đến 95%. Đây là những minh chứng thể hiện rất rõ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường đã và đang đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**Bảng 7.1. Thống kê số lượng và năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo tại cơ sở chính & Phân hiệu Đồng Nai [H7.07.01.09]**

T T	Đơn vị	Số lượng nhân viên	Trình độ					
			Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
	<b>CƠ SỞ CHÍNH</b>							
1	Trung tâm ngoại ngữ tin học	9		1	0	3	4	1
2	Thư viện	20		0	1	9	9	1
3	Phòng đào tạo	16		0	0	6	9	1
4	Phòng KT&ĐBCL	9		0	0	1	7	1
5	Phòng CT&CTSV	9		0	0	4	5	0
6	Phòng KH&CN	6				3	2	1
7	Phòng hợp tác quốc tế	6				4	2	
	<b>PHÂN HIỆU ĐỒNG NAI</b>							
1	Phòng CT&CTSV	7	1	1		4	1	
2	Phòng Đào tạo	6				3	3	
3	Phòng KT&ĐBCL	4		1		2	1	

T T	Đơn vị	Số lượng nhân viên	Trình độ					
			Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
4	Phòng KHCN&HTQT	2					2	
5	Khoa Lâm học	1					1	
6	Thư viện	4				3	1	
7	Trung tâm tin học & NN	1				1		
8	Trung tâm TN&PTCN	6				3	3	
	<b>Tổng</b>	106	1	3	1	46	50	5
	<b>Tỷ lệ %</b>	100	0,94	2,83	0,94	43,40	47,17	4,72

Cùng với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên tại các phòng ban trong trường, sinh viên ngành Lâm sinh còn nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa Lâm học. Hiện nay, khoa Lâm học có 06 cán bộ hỗ trợ trên tổng số 132 sinh viên. Các cán bộ hỗ trợ của khoa đều có bằng cấp và trình độ từ Kỹ sư trở lên, 5 nhân viên có trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Lâm nghiệp, 1 nhân viên trình độ Đại học chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng. Cơ cấu chuyên môn của đội ngũ nhân viên trong khoa phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phục vụ đào tạo của Trường và khoa Lâm học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo của khoa luôn hoàn thành tốt khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đặc lực cho Ban chủ nhiệm khoa giải quyết các vấn đề cho giảng viên và người học.

**Bảng 7.2. Thống kê số lượng và năng lực của đội ngũ nhân viên làm việc tại khoa Lâm học [H7.07.01.10]**

TT	Họ và tên	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
			Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
			Trình độ	Ngành đào tạo		
1	Phạm Thị Hiền	Kỹ sư	Thạc sĩ	Lâm học	B	Anh B
2	Lương Kim Chi	Kỹ thuật viên	Thạc sĩ	Lâm học	B	Anh B
3	Trần Thanh Sơn	Kỹ sư	Thạc sĩ	Lâm học	B	Anh B
4	Nguyễn Thị Bích Hòa	Kỹ thuật viên	Đại học	QLTN rừng	B	Anh A
5	Nguyễn Thanh Thủy Vân	Chuyên viên	Thạc sĩ	Lâm học	B	Anh

						B1
6	Nguyễn Thị Dung	Chuyên viên	Thạc sĩ	Lâm học	B	Anh B
7	Bùi Thị Vân	Kỹ thuật viên	Thạc sĩ	Lâm học	B	Tiếng Anh VB2

Số liệu thống kê ở trên cho thấy, số lượng nhân viên hỗ trợ đào tạo của khoa đáp ứng tốt cả về số lượng và năng lực chuyên môn. Chuyên ngành được đào tạo đáp ứng đúng vị trí việc làm cũng như nhiệm vụ được phân công.

Đội ngũ nhân viên tại các phòng ban trong trường được trưởng các đơn vị phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân theo từng năm học hoặc năm công tác [H7.07.01.11]. Nhiệm vụ của từng nhân viên hỗ trợ đào tạo thuộc trường và thuộc khoa Lâm học được xác định rõ ràng nhằm đáp ứng tốt nhất công việc được giao. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại các phòng, ban đã hỗ trợ đắc lực cho người học từ lúc nhập học cũng như trong suốt quá trình học tập tại trường Đại học Lâm nghiệp.

Đối với khoa Lâm học đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa có chức năng, nhiệm vụ cụ thể như: Phục vụ tại các phòng thí nghiệm của khoa, hỗ trợ giảng viên và người học trong công tác giảng dạy và nghiên cứu, tham gia nghiên cứu khoa học, theo dõi điểm thi, lập kế hoạch giao ban, hỗ trợ sinh viên đăng ký học, giải đáp thắc mắc của sinh viên...[H7.07.01.12].

Qua các dẫn chứng ở trên cho thấy, với trình độ chuyên môn phù hợp, thái độ và tinh thần làm việc nghiêm túc, tận tụy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong toàn trường cũng như ở khoa Lâm học đã hỗ trợ rất tích cực cho công tác giảng dạy, NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên ngành Lâm sinh.

## 2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của khoa Lâm học cũng như các đơn vị hỗ trợ khác trong trường hầu hết đều có tuổi đời còn trẻ nên có sự năng động, nhanh nhạy trong việc tiếp cận các tri thức mới, tích cực bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên của khoa Lâm học, Thư viện, Ban công nghệ thông tin, Phòng

Khảo thí & đảm bảo chất lượng, phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có những tiêu chí, tiêu chuẩn quy định rõ ràng trong công tác tuyển dụng đội ngũ nhân viên, tuy nhiên chưa có chính sách thu hút và giữ chân đội ngũ nhân viên giỏi.

Công tác phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ chưa được đề cập đến trong chiến lược phát triển trường ĐHLN giai đoạn 2006-2020 ban hành năm 2006 và điều chỉnh bổ sung năm 2013.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tăng cường trao đổi chuyên môn để nâng cao chất lượng phục vụ thực hành của đội ngũ nhân viên khoa Lâm học tại các phòng thí nghiệm của khoa.	Khoa Lâm học	Hàng năm
2	Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng, các khóa tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là đội nhân viên phòng thí nghiệm.	Phòng TCCB	Từ tháng 1/2021
3	Tiếp tục thực hiện rà soát nhân sự, lập kế hoạch phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Phòng TCCB Khoa Lâm học	Từ tháng 1/2021

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 6/7 điểm



***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

**1. Mô tả**

Nhà trường và khoa Lâm học đã rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, điều chuyển vị trí làm việc nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường và Khoa Lâm học được thực hiện theo đúng các quy định của Luật viên chức, Luật giáo dục đại học, Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ [H7.07.02.01]. Trên cơ sở đó hằng năm Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và ban hành các văn bản quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể rõ ràng cho từng vị trí việc làm [H7.07.02.02].

Trong văn bản quy định về tuyển dụng khôi phục vụ nêu rõ: Lao động hợp đồng được Nhà trường cho dự xét tuyển viên chức đối với các chức danh nghề nghiệp khôi phục vụ khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của Nhà trường;
- Có năng lực chuyên môn được đơn vị đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; được đơn vị (nơi LDHD đang thử việc) đề nghị Nhà trường cho dự thi xét tuyển;
- Đạt được đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện xét tuyển theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm xét tuyển;
- Có thời gian làm việc đủ 3 năm trở lên, tính từ khi hết thời gian tập sự;
- Đơn vị, vị trí việc làm có chỉ tiêu xét tuyển viên chức.

Tất cả các vị trí tuyển dụng đều có những yêu cầu, tiêu chí để tuyển dụng rõ ràng, những ứng viên đạt được các yêu cầu về hồ sơ mới được xét tuyển.

Để đảm bảo tính minh bạch trong công tác tuyển dụng, Phòng TCCB phối hợp với lãnh đạo các đơn vị lập kế hoạch, xác định vị trí, số lượng chỉ tiêu cần tuyển, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo đến các đơn vị trong Trường. Đồng thời các thông tin về tuyển dụng khôi phục vụ và đội ngũ cán bộ hỗ trợ công tác đào tạo được công bố bằng văn bản và được đăng tải công khai trên website của Nhà trường (*Vnuf.edu.vn*), báo Lao

động, trang Web tuyển công chức và được niêm yết tại Phòng TCCB theo đúng quy định[H7.07.02.03].

Cán bộ hỗ trợ nếu có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực làm việc sẽ được bổ nhiệm vào vị trí quản lý. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện theo đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [H7.07.02.04].

Cùng với đó quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cũng tuân thủ theo đúng các Quy chế của Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN&PTNN, Trường đại học Lâm nghiệp đã ban hành [H7.07.02.05].

Để thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức lãnh đạo, quản lý, Nhà trường đã có công văn số 2688 ngày 19/9/2016 về việc rà soát và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021; 2021-2026 gửi về tất cả các đơn vị trong toàn trường, yêu cầu Bí thư chi bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trường triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2016-2021 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026. Quy trình rà soát, xây dựng quy hoạch cán bộ được thực hiện theo 4 bước:

Bước 1: Tổ chức lấy ý kiến của CBVC, LDHD ở đơn vị.

Bước 2: Lấy ý kiến của cấp ủy và lãnh đạo đơn vị: Trên cơ sở kết quả của Hội nghị ở bước 1 hoặc bản quy hoạch cán bộ đã xây dựng và căn cứ tiêu chuẩn cán bộ quy hoạch, cấp ủy và lãnh đạo đơn vị thảo luận và bỏ phiếu kín.

Bước 3: Đơn vị báo cáo bằng văn bản kết quả công tác quy hoạch về Nhà trường qua phòng Tổ chức cán bộ. Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp kết quả quy hoạch của các đơn vị, chuẩn bị các thông tin cần thiết về cán bộ, báo cáo Đảng ủy trường.

Bước 4: Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ

Trên cơ sở nghiên cứu thông tin từ các bước đã tiến hành, Hội nghị Đảng ủy và lãnh đạo trường thảo luận và bỏ phiếu quyết định cán bộ quy hoạch cho các chức danh lãnh đạo, quản lý đơn vị thuộc diện trường quản lý. Ban thường vụ Đảng ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch cán bộ cấp Bộ môn và tương đương [H7.07.02.06].

Phòng TCCB là đơn vị được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ soạn thảo và công bố các Quyết định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển nhân viên đến các đơn vị trong toàn trường. Các thông báo này cũng được công khai trên website Nhà trường tại địa chỉ: <http://vnuf.edu.vn> [H7.07.02.07].

## 2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng nhân viên hỗ trợ của Nhà trường và Khoa lâm học được quy định rõ ràng.

Việc rà soát quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và điều chuyển nhân viên của Nhà trường được thực hiện theo quy trình chặt chẽ và công khai minh bạch.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường và các đơn vị đào tạo thuộc trường chưa có kết quả phân tích nhu cầu và góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của nhân viên, từ đó làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung và hoàn thiện bộ tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức cán bộ; phòng Hành chính tổng hợp	Từ năm 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

### *Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.*

#### 1. Mô tả

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo được thực hiện theo đúng Văn bản quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên. Năm 2016, Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp đã ký quyết định về việc ban hành quy định đánh giá viên chức, lao động hợp đồng khối quản lý, phục vụ của Nhà trường [H7.07.03.01]. Cùng với các văn bản quy định trên Nhà trường còn ban hành các văn bản

hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức, giảng viên, người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo từng năm học **[H7.07.03.02]**.

Đội ngũ nhân viên của khoa Lâm học cũng như các phòng ban liên quan đến công tác đào tạo sinh viên ngành Lâm sinh được đánh giá phân loại theo đúng với những văn bản quy định và các văn bản hướng dẫn đánh giá cán bộ viên chức của Nhà trường. Việc đánh giá này nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của từng cá nhân.

Năng lực đội ngũ nhân viên được đánh giá hằng tháng thông qua các phiếu đánh giá **[H7.07.03.03]** nhằm đánh giá các hoạt động chuyên môn, ý thức, thái độ làm việc, hoạt động đoàn thể, cộng đồng, kết quả đánh giá để làm căn cứ xếp loại nhân viên theo tháng. Ngoài ra, việc đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn được thực hiện vào cuối mỗi năm học thông qua phiếu đánh giá phân loại viên chức **[H7.07.03.04]**. Các cá nhân căn cứ nhiệm vụ được giao tự đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện, ưu nhược điểm của bản thân vào phiếu đánh giá. Sau đó các đơn vị tổ chức họp tổng kết cuối năm để bình xét thi đua khen thưởng, tại cuộc họp này các cá nhân sẽ được các đồng nghiệp góp ý kiến và lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý viên chức nhận xét, đánh giá và phân loại viên chức **[H7.07.03.05]**. Nhà trường căn cứ vào kết quả đánh giá, phân loại này là để bình xét thi đua khen thưởng cho viên chức trong toàn năm học. Sau khi Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường họp xét và thông nhất, phòng TCCB sẽ gửi thông báo kết quả bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng về các đơn vị, việc làm này nhằm lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị **[H7.07.03.06]**. Khi kết thúc thời gian phản hồi, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định về việc công nhận các danh hiệu thi đua trong năm học và quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức và người lao động **[H7.07.03.07]**.

Cùng với công tác đánh giá phân loại viên chức theo từng tháng và hằng năm, năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn được đánh giá thông qua đội ngũ giảng viên tại các Khoa, Viện đào tạo. Để thực hiện công việc này, hằng năm Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của đội cán bộ giảng dạy trong toàn trường để đánh giá về CSVC, trang thiết bị và

thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên tại Thư viện, giảng đường, phòng thí nghiệm... thông qua các phiếu khảo sát [H7.07.03.08].

Tổng hợp kết quả đánh giá của cán bộ giảng dạy khoa Lâm học trong 3 năm 2017, 2018, 2020 về: Chất lượng phục vụ bạn đọc của Thư viện; Vệ sinh và chất lượng phục vụ của bộ phận trực giảng đường; Vệ sinh, an toàn và chất lượng phục vụ của bộ phận trực phòng TNTH được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 7.3. Kết quả đánh giá của cán bộ giảng dạy khoa Lâm về chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ tại Thư viện, phòng thí nghiệm, giảng đường [H7.07.03.09]**

Năm	Số lượng mẫu khảo sát	Chất lượng phục vụ của thư viện (%)				Vệ sinh, an toàn và chất lượng phục vụ của bộ phận trực phòng TNTH (%)				Vệ sinh và chất lượng phục vụ của bộ phận trực giảng đường (%)			
		Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng
2017	28	10,71	64,29	25,00	0	14,29	75,00	10,71	0	10,71	46,43	32,14	10,71
2018	35	0	42,9	51,4	5,7	14,3	65,7	20,00	0	0	42,9	51,4	5,7
2020	28	19,00	57,1	23,8	0	36,4	50,00	13,6	0	14,3	42,9	42,9	0

Qua kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ cán bộ giảng dạy của khoa Lâm học đánh giá rất cao về chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ tại Thư viện, giảng đường và phòng thí nghiệm. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm việc tại trung tâm Thí nghiệm thực hành của khoa Lâm học (từ tháng 1/2019 đến nay là Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp & Biến đổi khí hậu thuộc khoa Lâm học) đã có được tỷ lệ rất cao về mức độ hài lòng và rất hài lòng của đội ngũ giảng viên. Từ kết quả trên cũng cho thấy, đội ngũ cán bộ hỗ trợ của khoa Lâm học đã không ngừng tu dưỡng phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để ngày càng phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo ngành Lâm sinh.

Kết hợp với các hình thức đánh giá trên, đội ngũ nhân viên tại các đơn vị như: Thư viện, Giảng đường, phòng thí nghiệm tại các Khoa - Viện đào tạo, các phòng ban chức năng... trong đó có đội ngũ nhân viên phục vụ công tác đào tạo ngành Lâm sinh còn

được đánh giá hằng năm thông qua việc khảo sát sinh viên vừa tốt nghiệp. Công việc này được tiến hành thông qua việc phát và thu thập các phiếu đánh giá. Cấp độ đánh giá được chia làm 4 mức: Tốt, khá, trung bình, không Điểm [H7.07.03.10].

Kết quả đánh giá của sinh viên ngành Lâm sinh thuộc các hệ chính quy và VLVH về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong toàn trường qua các đợt khảo sát từ năm 2015 đến năm 2019 như sau:

**Bảng 7.4. Kết quả đánh giá của sinh viên ngành Lâm sinh đối với chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.11]**

Năm học	Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Không Điểm (%)
2015-2016	56	22	19	3
2016-2017	25	50	25	0
2017-2018	16	51	23	10
2018-2019	30	51	17	2

Theo kết quả tổng hợp cho thấy, hằng năm đều có trên 70% ý kiến đánh giá về thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành Lâm sinh đạt từ mức khá trở. Đây là kết quả rất khả quan, thể hiện sự chuyên nghiệp, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo của ngành Lâm sinh.

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa Lâm học đảm bảo tính chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định chung của Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Trong phiếu đánh giá phân loại viên chức hàng năm, thiếu mức phân loại cho từng tiêu chí.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tiếp tục thực hiện việc đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên chính xác và phù hợp với từng đối tượng.	Phòng TCCB Khoa Lâm học	Từ năm 2021

2	Bổ sung thêm các mức phân loại cho từng tiêu chí cụ thể và chi tiết nhằm đảm bảo tính công bằng trong phân loại viên chức	Phòng TCCB Khoa Lâm học	Từ năm 2021
---	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------	----------------

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### 1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh.

Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần được thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch theo các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảm bảo chuẩn chức danh theo quy định. Quy chế về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức và lao động [H7.07.04.01] được Nhà trường rà soát 2 năm một lần.

Việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, hằng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng viên chức và hợp đồng lao động [H7.07.04.02] dựa trên việc đăng ký nhu cầu học tập và bồi dưỡng của từng đơn vị theo từng năm [H7.07.04.03].

**Bảng 7.5. Nhu cầu, kế hoạch bồi dưỡng đối với cán bộ hỗ trợ thuộc khoa Lâm học**

Năm học	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	
	Tiến sĩ	Thạc sĩ
2016-2017	1	2
2017-2018	1	1
2018-2019	1	
2019-2020	1	

Dựa trên danh sách đăng ký, nhà trường cử cán bộ đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn tại các cơ sở đào tạo ngoài trường hoặc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng như bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm tại trường, cử cán bộ đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính... [H7.07.04.04].

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã cử đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên và nhân viên Ban công nghệ thông tin tham gia các lớp học bồi dưỡng [H7.07.04.05]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện, Nhà trường đã chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và nhân viên thư viện [H7.07.04.06].

Đối với công tác quản lý học sinh viên viên, công tác phong trào thanh niên cũng được Nhà trường chú trọng thông qua cử các cán bộ liên quan tham gia tập huấn và đào tạo. Ngoài ra, các cán bộ và nhân viên của phòng đào tạo, phòng tài chính kế toán, phòng tổ chức cán bộ, phòng thanh tra, phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng cũng được cử đi học các lớp về lý luận chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp để góp phần làm tốt nhiệm vụ được nhà trường phân công [H7.07.04.07].

Để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các thành viên tham gia các lớp bồi dưỡng để thực hiện tốt quy định, nội quy của lớp học và được cấp chứng chỉ phù hợp với công việc đang đảm nhiệm [H7.07.04.08].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng năng lực của cán bộ hỗ trợ, Khoa Lâm học tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của GV thông qua phiếu khảo sát về các hoạt động hỗ trợ phát triển chuyên môn của Khoa và Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy 100% cán bộ GV đánh giá tập thể khối quản lý, phục vụ đạt mức tốt [H7.07.04.9].

## **2. Điểm mạnh**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động cụ thể triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Lâm học chưa đều đặn và liên tục.



#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tổ chức các lớp tập huấn để bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa và Trường thường xuyên hơn.	Khoa Lâm học	Từ năm 2020

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7.

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

##### 1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng được hệ thống văn bản quy định về chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; trong đó đã thể hiện tính đặc thù cho từng vị trí công việc như: cán bộ quản lý (trưởng đơn vị) khối phòng ban, Khoa/Viện, Bộ môn/Trung tâm TNTH, Công ty; cũng như Trợ lý tổng hợp ở các Khoa/Viện, giáo viên chủ nhiệm lớp [H7.07.05.01]; nhân viên các đơn vị trên [H7.07.05.02]; nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn thực hành, thực tập, rèn nghề [H7.07.05.03]. Bên cạnh đó; Nhà trường cũng ban hành các quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ này [H7.07.05.04], [H7.07.05.05]; trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.06].

Đầu năm học; theo thông báo của Nhà trường về tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua [H7.07.05.7], nhân viên sẽ tự đăng ký danh hiệu thi đua của bản thân, mỗi nhân viên đều tự xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết. Sau đó, nhà trường sẽ thông báo về kết quả đăng ký các danh hiệu thi đua [H7.07.05.8].

Theo quy định của Nhà trường; mỗi lần thay đổi - điều chỉnh các nội dung trong quy chế nội bộ; một bản thảo đã được gửi đến từng đơn vị và yêu cầu toàn thể nhân viên trong đơn

vị tham gia xây dựng, góp ý để hoàn thiện bản quy chế nội bộ này [H7.07.05.9]. Trong các nội dung cần góp ý, có nội dung về các quy định đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên.

Cho đến nay, vẫn chưa có báo cáo điều tra xã hội học nào đưa ra thống kê mức độ hài lòng của nhân viên khôi phục vụ/hỗ trợ về việc quản trị theo kết quả công việc, và việc tổ chức thi đua khen thưởng. Tuy nhiên, sau mỗi lần thông báo kết quả bình xét thi đua khen thưởng vào cuối năm; Nhà trường đều cho một khoảng thời gian để các nhân viên phản hồi kết quả, trợ lý Khoa là người tổng hợp các ý kiến sau đó phản hồi lại với nhà trường [H7.07.05.10]. Tuy nhiên hầu như không có ý kiến thắc mắc, chứng tỏ hầu hết nhân viên đều hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường.

## 2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa Lâm học.

## 3. Điểm tồn tại

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa rất khó khăn để phấn đấu đạt được danh hiệu chiến sĩ cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Bổ sung và điều chỉnh quyết định về thi đua khen thưởng phù hợp hơn	Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường	Từ năm 2019

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7.

### Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

**Mở đầu:** Trường ĐHLN lấy việc nâng cao chất lượng đào tạo và lợi ích của người học làm mục tiêu, lấy năng lực và tiền đề của người học khi ra trường làm thước đo, luôn phấn đấu tạo ra những động lực để người học tự hào về nơi họ đã tu dưỡng và rèn luyện. Đây là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thực hiện sứ mạng của Trường, đồng thời đảm bảo cho Trường ngày càng phát triển bền vững.

Người học chính là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển đi lên trong lĩnh vực đào tạo, NCKH của khoa Lâm học.

Theo xu thế chung của cả nước, Trường ĐHLN đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ. Hình thức đào tạo này là thể hiện rõ ưu điểm là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc đào tạo của bản thân mình, là thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục: người học tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu môn học dựa trên hệ thống tự chọn, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo đó, tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính và quỹ thời gian để giúp người học có thể chủ động trong quá trình học tập. Để tạo điều kiện cho sinh viên các ngành học trong đó có ngành Lâm sinh, nhà trường, khoa đã tạo môi trường và điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học thành lập và phát triển đội ngũ cộng tác viên của các câu lạc bộ; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp phần mềm quản lý sinh viên....

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của khoa Lâm học cũng như Nhà trường trong đào tạo, NCKH về lĩnh vực Lâm sinh.

Các sinh viên đã và đang phát huy truyền thống của Khoa và Nhà trường giúp góp phần đưa Nhà trường trở thành một trường Đại học có chất lượng cao trong khu vực và hội nhập quốc tế.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

**1. Mô tả**

Chính sách tuyển sinh Đại học của Nhà trường được xây dựng và triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Trước khi ban hành thông báo về việc tuyển sinh đại học các hệ, Nhà trường căn cứ quy định của Bộ về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh trong năm với Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.01.01]. Sau khi Bộ duyệt chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường mới tiến hành thông báo kế hoạch tuyển sinh rộng rãi đến xã hội [H8.08.01.02].

Thông tin về chính sách tuyển sinh đại học của Nhà trường khá đầy đủ; thí sinh muốn đăng ký vào một ngành nào đó đều được cung cấp đầy đủ thông tin về: (1). Các hệ/hình thức

đào tạo, thí dụ ngành Lâm sinh có hệ đào tạo: chính quy, liên thông chính quy, văn bằng 2 chính quy, liên thông VLVH, văn bằng 2 VLVH; (2). Đối tượng tuyển sinh khác nhau theo hệ đào tạo, hệ chính quy ngành Lâm sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT; (3). Hình thức thi xét tuyển cũng khác nhau theo hệ đào tạo, thí dụ với hệ chính quy ngành Lâm sinh thì xét tuyển dựa vào điểm thi tốt nghiệp THPT khối thi A, A1, B; và xét học bạ ba năm THPT; (4). Hồ sơ đăng ký; (5). Thời gian xét tuyển, thông báo trúng tuyển; (6). Chính sách đối với người trúng tuyển như: học phí, đối tượng được xét học bổng và miễn - giảm học phí **[H8.08.01.02]**. Như vậy, chính sách tuyển sinh của Nhà trường là rất rõ ràng, thông tin đầy đủ và chi tiết tới từng ngành học, hệ đào tạo.

Nhà trường đã công khai chính sách tuyển sinh theo nhiều kênh thông tin khác nhau; như thông báo bằng văn bản, đăng trên website của Nhà trường và của khoa chuyên môn; trên đài truyền hình, báo mạng, báo giấy, đài Phát thanh, trên mạng xã hội youtube - facebook, zalo,...(<https://tuyen.sinh.vnuf.edu.vn>) để thông tin có thể đến được với các đối tượng tuyển sinh tiềm năng. **[H8.08.01.03]**.

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức Hội nghị tổng kết và định hướng công tác tuyển sinh với sự tham gia của các bên liên quan **[H8.08.01.04]**. Nội dung kết luận Hội nghị cho thấy; chính sách tuyển sinh của Nhà trường được cập nhật hằng năm theo sự góp ý của các bên liên quan và kết quả phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực. Trước năm 2015; Nhà trường chỉ tổ chức xét tuyển qua kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia. Từ năm 2015 đến nay đã tổ chức xét tuyển theo 03 phương thức: xét tuyển điểm kỳ thi THPT quốc gia; tổ chức thi môn năng khiếu (đối với một số ngành đặc thù) kết hợp xét tuyển điểm môn thi của kỳ thi THPT quốc gia; xét tuyển theo học bạ những thí sinh tốt nghiệp THPT (một số ngành) **[H8.08.01.05]**. Từ năm 2018 đã giao tự chủ tuyển sinh về các Khoa/Viện đào tạo **[H8.08.01.05]**.

## **2. Điểm mạnh**

Đã huy động được cả hệ thống chính trị của Nhà trường quan tâm đến công tác tuyển sinh; đã thành lập một bộ phận xúc tiến tuyển sinh để khâu nối các đơn vị, các khoa chuyên môn trong trường cùng tham gia các hoạt động tuyển sinh. Do vậy, công tác tuyển sinh của nhà trường trong những năm qua đã được đầu tư đầy đủ nguồn lực để nghiên cứu, ban hành và thực hiện chính sách tuyển sinh phù hợp với điều kiện hiện nay.

### 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động quảng bá, xúc tiến tuyển sinh đôi khi còn thiếu nhất quán làm cho thí sinh bị nhầm lẫn khi đăng ký ngành học. Ví dụ trong việc soạn tờ quảng cáo giới thiệu chung về Trường, các Khoa, Viện lại có 1 tờ quảng cáo cho đơn vị mình. Việc quảng cáo giới thiệu về trường trong tờ rơi và sổ tay sinh viên chưa thực sự đẹp, bắt mắt và dễ hiểu.

Mặc dù chính sách tuyển sinh đã được quảng bá, công khai trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Nhưng phương thức quảng bá vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa tạo được sức thu hút của các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp đối với thí sinh và xã hội.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đưa công tác tuyển sinh về một đầu mối để thuận tiện cho toàn bộ quá trình thực hiện; Vận dụng linh hoạt chính sách tuyển sinh, phương thức quảng bá; nhằm tuyển được đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng đầu vào. Thiết kế các tờ quảng cáo ngắn gọn, dễ hiểu và giới thiệu chung cho tất cả các ngành học.	Phòng Đào tạo; khoa Lâm học	Thực hiện hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai cơ chế phối hợp, chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan trong công tác tuyển sinh	Phòng Đào tạo; khoa Lâm học	Thực hiện hàng năm

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

#### 1. Mô tả

Phòng đào tạo là đơn vị chủ trì xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người

học. Hội nghị công tác tuyển sinh là diễn đàn để các bên liên quan góp ý cho các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn [H8.08.02.01]. Hàng năm; tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho từng ngành đào tạo của Nhà trường đều được xác định để phục vụ cho công tác tuyển sinh; thông tin đối với ngành Lâm sinh được trình bày cụ thể ở bảng sau.

**Bảng 8.1. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn thí sinh đăng ký ngành  
Lâm sinh [H8.08.02.02]**

<b>Năm</b>	<b>Điểm sàn của Bộ GD&amp;ĐT</b>	<b>Điểm tiếp nhận hồ sơ của trường</b>	<b>Điểm- số lượng thí sinh trúng tuyển</b>	<b>Phương pháp tuyển chọn</b>
2015	A00, A01, B00, D01: 15 điểm	A00, A01, B00, D01: 15 điểm	- Bảng điểm tiếp nhận hồ sơ - 42 thí sinh	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT
2016	A00, A01, B00, D01: 15 điểm	A00, A01, B00, D01: 15 điểm	- Bảng điểm tiếp nhận hồ sơ -142 thí sinh	
2017	A00, A16, B00, D01: 15 điểm	A00, A16, B00, D01: 15 điểm	- Bảng điểm tiếp nhận hồ sơ - 49 thí sinh	
2018	Bỏ quy định đối với các trường ngoài ngành Sư phạm	A00, B00, D01, A16: 15 điểm Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT	- Bảng điểm tiếp nhận hồ sơ - Kết quả học bạ THPT - 45 thí sinh	Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT và kết quả thi tốt nghiệp THPT
2019	Bỏ quy định đối với các trường ngoài ngành Sư phạm	A00, B00, D01, A16: 15 điểm Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT	- Bảng điểm tiếp nhận hồ sơ - Kết quả học bạ THPT - 12 thí sinh	Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT và kết quả thi tốt nghiệp THPT

Năm	Điểm sàn của Bộ GD&ĐT	Điểm tiếp nhận hồ sơ của trường	Điểm- số lượng thí sinh trúng tuyển	Phương pháp tuyển chọn
2020	Bỏ quy định đối với các trường ngoài ngành Sư phạm	A00, B00, D01, A16 15 điểm, xét học bạ	Chưa cập nhật	Xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT và kết quả thi tốt nghiệp THPT

Kết quả cho thấy: tiêu chí và phương pháp tuyển chọn sinh viên ngành Lâm sinh là rất rõ ràng, đúng theo các quy định tại thời điểm tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, dữ liệu về điểm - số thí sinh trúng tuyển ngành Lâm sinh hằng năm cũng cho thấy; thí sinh nào hội đủ điều kiện để Nhà trường tiếp nhận hồ sơ (điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia, điểm học bạ) thì đều trúng tuyển. Có thể nói tiêu chí tuyển chọn người học của Nhà trường là: những thí sinh đã nộp hồ sơ hội đủ các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2018, Bộ GD&ĐT bỏ quy định điểm sàn [H8.08.02.03]; thì điểm tiếp nhận hồ sơ của Nhà trường là 15 điểm và điểm xét tuyển học bạ là 15 điểm [Bảng 8.2.1]

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan nên không có các hiện tượng tiêu cực trong công tác tuyển sinh.

## 3. Điểm tồn tại

- Do điều kiện làm việc của sinh viên ngành Lâm sinh sau khi ra trường thường ở những nơi khó khăn, thu nhập thấp nên không thu hút được nhiều thí sinh đăng ký theo học.

- Nhà trường, Khoa Lâm học chưa xác định rõ chiến lược, định hướng mới trong đào tạo đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục	Thường xuyên đánh giá	Phòng Đào tạo;	

	tồn tại	và cập nhật hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Cần xây dựng chiến lược đào tạo kết hợp với các đơn vị tuyển dụng, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường, nhằm tăng sức hút đối với ngành nghề.	khoa Lâm học	Thực hiện hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Dự kiến và giải quyết tốt các thách thức làm sai lệch quy trình xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	Phòng Đào tạo; Phòng HCTH; khoa Lâm học	Thực hiện hàng năm

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7.

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

#### 1. Mô tả

Quá trình học tập, rèn luyện cũng như khối lượng học tập và kết quả đạt được của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ tại Trường Đại học Lâm nghiệp được quản lý và giám sát có hệ thống chặt chẽ và logic với nhiều quy định và các biện pháp phù hợp. Thể hiện cụ thể trên các đơn vị tổ chức có liên quan đến hoạt động trên như sau:

Phòng Đào tạo là đơn vị quản lý thống nhất trong toàn Trường về hệ thống CTĐT, hoạt động tổ chức đào tạo và kết quả của người học. Toàn thể cán bộ của Phòng Đào tạo đã được Trưởng phòng phân công nhiệm vụ cụ thể như: phụ trách các vấn đề như tuyển sinh đại học, tiếp đón SV nhập học, tổ chức lớp học, lịch học, quản lý điểm, các thủ tục



cấp bằng điểm và bằng đại học cho SV tốt nghiệp, giới thiệu việc làm và các nhiệm vụ có liên quan đến đào tạo **[H8.08.03.01]**

Phòng KT&ĐBCL Tham mưu, giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về công tác tổ chức triển khai, quản lý công tác thi và đánh giá kết quả học tập của người học; tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo; đánh giá nhu cầu về việc làm, định kỳ điều tra và xây dựng báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp; quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra... **[H8.08.03.02]**

Phòng CT&CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ quản lý thống nhất toàn trường về chế độ chính sách, hoạt động rèn luyện; khen thưởng, kỷ luật của sinh viên. Được lãnh đạo phòng phân công nhiệm vụ cụ thể như: phụ trách về điểm rèn luyện, quản lý khen thưởng kỷ luật của sinh viên... **[H8.08.03.03]**.

Ngoài hệ thống quản lý là các phòng ban chức năng, mỗi lớp sinh viên được phân công 1 cố vấn học tập (*Cố vấn học tập vừa là cán bộ giảng dạy, vừa là cố vấn theo dõi hướng dẫn chỉ đạo lớp do mình phụ trách cụ thể như: Nắm vững tình hình học tập, rèn luyện; hướng dẫn ban cán sự lớp trong việc tổ chức học tập, rèn luyện, sinh hoạt, thực hiện nội quy quy chế, chế độ chính sách đối với HSSV trong lớp.....*) **[H8.08.03.04]** và ban cán sự lớp **[H8.08.03.05]** để theo dõi và giám sát quá trình học tập của người học. Hàng tháng, cố vấn học tập sẽ họp với lớp thông báo các tình hình chung để lắng nghe, giúp đỡ sinh viên giải quyết các vấn đề học tập và các hoạt động khác của lớp **[H8.08.03.06]** **[H8.08.03.07]**.

Đối với ngành Lâm sinh, khối lượng học tập người học sẽ phải hoàn thành là 136 tín chỉ (áp dụng đối với sinh viên từ K59 trở về trước), 141 tín chỉ (đối với K60 trở đi) **[H8.08.03.08]** **[H3.03.01.04]** với thời gian hoàn thành đúng thời hạn 1 chương trình đào tạo ngành Lâm sinh là 4 năm (tối đa là 6 năm). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm đó là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ cái. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp sinh viên không đạt (bị điểm F) được quyền thi lại 1 lần và nếu vẫn được điểm F phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên được trường

công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2.0 trở lên theo thang điểm 4 [H8.08.03.09].

Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của ngành Lâm sinh có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, đảm bảo người học có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn được thể hiện trong kế hoạch phân bổ các môn học trong từng học kỳ 1,4,5,6 là 19 tín chỉ; học kỳ 2 là 20 tín chỉ, học kỳ 3 là 18 tín chỉ, học kỳ 7 là 17 tín chỉ và học kỳ cuối là 10 tín chỉ [H8.08.03.10]. Khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành Lâm sinh không vượt quá 20 tín chỉ nhưng không được ít hơn 14 tín chỉ (trừ học kỳ cuối) theo đúng bản “Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo QĐ số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

Theo hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của trường ĐH Lâm nghiệp Ban hành theo quyết định số 2458/QĐ-ĐHLN-CT&CTSV ngày 24/8/2016 (*trang 79 sổ tay sinh viên*) và Quy định về tổ chức, quản lý đánh giá kết quả học tập của sinh viên Ban hành theo quyết định số 155/QĐ-ĐHLN-KT&ĐBCL ngày 24/2/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN (*trang 55 sổ tay sinh viên*) cuối mỗi học kỳ, sinh viên phải tự đánh giá bản thân và đưa ra tập thể lớp sẽ đánh giá. Bản đánh giá này phản ánh kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên [H8.08.03.11] [H8.08.03.12]. Đây là căn cứ để Phòng CT&CTSV (đơn vị đầu mối) giúp Hội đồng khen thưởng của Nhà trường xét học bổng cho sinh viên [H8.08.03.13] [H8.08.03.14].

Nhà trường còn có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học như thống kê từng năm về chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên. Phương pháp giám sát, công cụ giám sát thông qua kế hoạch học tập, thời khóa biểu, lịch kiểm tra và thi của từng cá nhân sinh viên, kết quả được đăng tải trên trang điện tử của Nhà trường và gửi vào tài khoản cá nhân của từng SV [H8.08.03.15]. Nhờ phương pháp giám sát này mà sinh viên có thể dễ dàng truy cập tài khoản trực tuyến của họ để có được thông tin cần thiết, chủ động thực hiện tiến độ học tập cho mỗi kỳ học cũng như cả chương trình, phù hợp với năng lực và điều kiện học tập của bản thân [H8.08.03.11] [H8.08.03.12]

## **2. Điểm mạnh**

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay sinh viên về quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên nói chung và sinh viên ngành Lâm sinh nói riêng.

### 3. Điểm tồn tại

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp đường truyền internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng để lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.	Phòng TCKT Ban CNTT	Từ năm 2018

## 5. Tự Đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

***Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

### 1. Mô tả.

Trường Đại học Lâm nghiệp nói chung, Khoa Lâm học nói riêng đã huy động toàn bộ hệ thống chính trị vào cuộc, từ Đảng ủy; Chi ủy; các phòng ban chức năng, công đoàn Trường, công đoàn Khoa, các cán bộ, Giảng viên...

Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho:

Phòng đào tạo quản lý thống nhất trong toàn Trường về hệ thống CTĐT, hoạt động tổ chức đào tạo và kết quả học tập của sinh viên, từ khâu lập kế hoạch học tập, tổ chức lớp học, lịch học, quản lý điểm, các thủ tục cấp bằng điểm và bằng đại học cho SV tốt nghiệp... [H8.08.03.01].

Phòng CT&CTSV quản lý thống nhất toàn trường về chế độ chính sách, hoạt động rèn luyện; khen thưởng, kỷ luật của sinh viên; quản lý HSSV nội trú: thực hiện công tác

bảo vệ nội bộ trong HSSV; Hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính theo chức năng nhiệm vụ cho HSSV: các thủ tục vay vốn; cấp lại thẻ sinh viên...; Tiếp nhận, quản lý và thực hiện các chế độ chính sách của HSSV: như chính sách trợ cấp xã hội.[H8.08.03.03];

Phòng KT&ĐBCL thu thập ý kiến của sinh viên và chương trình học, đề thi, tổ chức các kỳ thi trong các khâu coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, phúc khảo điểm thi...để tham mưu cho Lãnh đạo trường chỉnh sửa chương trình học phù hợp với người học và đồng thời hỗ trợ người học khi có vấn đề thắc mắc về điểm học của các học phần, giúp người học yên tâm học tập[H8.08.03.02];

Giao nhiệm vụ cho cố vấn học tập [H8.08.03.04], trợ lý Khoa chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ học tập cho người học, theo dõi toàn bộ kết quả học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật của người học để kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Khoa (quản lý sinh viên) có hướng tháo gỡ các khó khăn (tìm hiểu những nguyên nhân hay tâm tư nguyện vọng của người học) để người học có tác phong học tập tốt hơn [H8.08.04.01];

Hệ thống Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc Bộ tổ đội nhóm [H8.08.04.02] là nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa ý nghĩa nhằm giúp sinh viên phát huy hết sở trường của bản thân, nâng cao kỹ năng sinh hoạt tập thể mang lại cho người học niềm vui, giải trí giúp cho việc học tập tốt hơn trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các cá nhân đoàn thể trên luôn khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động nhằm cải thiện việc học tập của người học bằng các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích như: các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ hội nhóm như Câu lạc bộ Ước Mơ Xanh; Câu lạc bộ Tiếng Anh...[H8.08.04.03]

Đề tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên có việc làm sau khi ra trường, năm 2016 Nhà trường đã thành lập Ban Xúc tiến tuyển sinh và Tư vấn việc làm đến năm 2018 sát nhập vào Trung tâm xúc tiến đào tạo và Du học. Đây là bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học [H8.08.04.04]. Ban đã có quy trình kế hoạch cụ thể để thực hiện triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học như: Xây dựng các quy trình khảo sát và tư vấn việc làm cho sinh viên [H8.08.04.05];Tiếp cận, liên hệ trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp[H8.08.04.06]; Hàng năm tổ chức ngày hội tư vấn việc làm cho sinh viên[H8.08.04.07], kết hợp với các phòng ban chức năng tổ chức cuộc thi khởi

nghiệp lâm nghiệp cho sinh viên [H8.08.04.08]. Ngoài ra, các thông tin tuyển dụng được Ban XTTS đăng tải lên các phương tiện thông tin đại chúng để nhiều sinh viên và cựu sinh viên dễ dàng tiếp cận hơn [H8.08.04.09]. Bằng hình thức gửi thư điện tử đã cung cấp kịp thời về thông tin giới thiệu việc làm đến sinh viên cựu sinh viên nên hiệu quả của các công tác tư vấn và giới thiệu việc làm mang lại hiệu quả cao [H8.08.04.10]. Năm 2019 sau khi trung tâm giải thể nhiệm vụ tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học đã được điều chuyển về phòng CT&CTSV.

Chính nhờ những hoạt động này cùng với các hoạt động quảng cáo, giới thiệu về Trường, Khoa, ngành Lâm sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng [H8.08.04.11] và SV được bố trí thời gian đi thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, thực tập tốt nghiệp [H8.08.04.12] để tìm hiểu kiến thức thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ngày càng cao hơn, đối với K56 (Tốt nghiệp năm 2015) là 77.8% trong đó có 85% làm việc tại các cơ quan nhà nước. Với K57 (Tốt nghiệp năm 2016) theo kết quả khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm là 87.1%. Với sinh viên tốt nghiệp năm 2018 là 85,79%, và năm 2019 là 81% [H8.08.04.13]. Nhiệm vụ khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp ra trường được nhà trường được nhà trường điều chuyển về phòng KT&ĐBCL sau khi trung tâm Trung tâm xúc tiến đào tạo và Du học giải thể năm 2019

Đối với sinh viên, ngay tuần đầu tiên của năm học Phòng CT&CTSV phối hợp cùng với phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H8.08.04.14] để cung cấp cho sinh viên các thông tin về các qui định, qui chế đào tạo, cơ sở vật chất, chính sách và các dịch vụ hỗ trợ (đăng ký ký túc xá, kiểm tra sức khỏe và cũng như các chính sách miễn giảm học phí...). Sinh viên cũng có thể tìm được các thông tin này trong cuốn sổ tay sinh viên của nhà trường [H8.08.04.15]. Cũng trong thời gian này, Khoa Lâm học tổ chức gặp mặt tân sinh viên để giới thiệu về Khoa, các bộ môn/trung tâm trực thuộc khoa và về chương trình đào tạo của ngành Lâm sinh trong ngày nhập trường, tại đây có rất nhiều các hoạt động giới thiệu về các câu lạc bộ của trường, Khoa để sinh viên có thể tự do lựa chọn theo năng khiếu và sở thích của mình [H8.08.04.16].

Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, trao giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình **[H8.08.03.14]**.

Theo kết quả tổng hợp phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp do phòng KT&ĐBCL cung cấp. Ý kiến người học cho thấy Nhà trường chăm lo tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ (tỷ lệ 38% tốt, 51% khá), thể dục thể thao (tỷ lệ 40% tốt, 49% khá). Và năm 2020 tỷ lệ khá tốt đạt đến 96% về nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. **[H8.08.04.17]**

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường, Khoa, ngành đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

### *3. Điểm tồn tại.*

Các hoạt động ngoại khóa do đoàn thanh niên, hội sinh viên tổ chức chưa thu hút được đông đảo người học tham gia, mới chỉ tập trung ở đối tượng sinh viên giữ chức vụ trong lớp như ban cán sự lớp, Đoàn, Hội.

### *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
1	CVHT; Trợ lý khoa; Ban chấp hành Liên chi đoàn, chi hội sinh viên cần động viên tất các sinh viên trong khoa tham gia vào các hoạt động ngoại khóa do đoàn, hội tổ chức.	Phòng CT-CTSV Khoa Lâm học	Định kỳ hàng năm

### *5. Tự đánh giá*

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

#### *1. Mô tả*

Nhà trường có các hệ thống Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc Bộ tổ đội nhóm **[H8.08.04.02]** là nơi tổ chức các hoạt động ngoại khóa ý nghĩa nhằm giúp sinh viên phát huy hết sở trường của bản thân, nâng cao kỹ năng sinh hoạt tập thể mang lại cho

người học niềm vui, giải trí giúp cho việc học tập tốt hơn trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các cá nhân đoàn thể trên luôn khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho SV tham gia các hoạt động nhằm cải thiện đời sống tinh thần của người học bằng các hoạt động văn, thể, mỹ lành mạnh, bổ ích như: các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ hội nhóm như Câu lạc bộ Ước Mơ Xanh; Câu lạc bộ Tiếng Anh...[H8.08.04.03]

Nhà trường, Khoa Lâm học thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học, gắn kết tình cảm giữa thầy và trò, giữa các SV của các chi đoàn với nhau bằng các hoạt động như định kỳ tổ chức các cuộc đối thoại với sinh viên để lắng nghe những ý kiến thắc mắc của sinh viên về các hoạt động đào tạo và khả năng đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập và sinh hoạt [H8.08.05.01]

Trường có tổng diện tích 170,674 ha (bao gồm diện tích của Trụ sở chính tại Hà Nội và Phân hiệu tại tỉnh Đồng Nai), được tách thành các phần rõ rệt. Khu vực giành cho các hoạt động thể thao, khu vực nhà ở KTX cho HSSV, khu vực dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính. Nhà trường có hệ thống sân chơi, bãi tập, hội trường phục vụ cho các hoạt động thể thao, văn nghệ: 02 sân bóng đá, 05 sân bóng chuyền, các sân cầu lông, khu liên hợp thể thao, câu lạc bộ SV, Hội trường lớn, vv. Việc bố trí các khu làm việc, học tập vui chơi thuận lợi cho các hoạt động giảng dạy, học tập của chương trình đào tạo[H8.08.05.02].

Với khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh, có hồ Thủy đình, hồ sinh thái, rừng thực nghiệm Núi Luốt đáp ứng tốt nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ hàng ngày của HSSV [H8.08.05.03]. Trường có bộ phận riêng làm nhiệm vụ vệ sinh, chăm sóc cây xanh, cảnh quan môi trường của toàn trường đảm bảo luôn được sạch sẽ, tạo sự thoải mái cho người học [H8.08.05.04]. Theo kết quả tổng hợp phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp do phòng KT&ĐBCL cung cấp được đánh giá khá - tốt bởi đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập, nghiên cứu (với 28-31% tốt, 46-56% khá) [H8.08.04.17].

Khuôn viên nhà trường có tường bao, hàng rào bao quanh, có đơn vị bảo vệ túc trực tại mỗi tòa nhà nên tình hình an ninh trật tự được đảm bảo. Theo kết quả tổng hợp phiếu

khảo sát SV trước khi tốt nghiệp do phòng KT&ĐBCL cung cấp cho thấy tình hình an ninh trật tự được đánh giá (tỷ lệ 31% tốt; 45% khá), năm 2020 đạt 94% tỷ lệ khá, tốt. **[H8.08.04.17]**.

Trường cũng rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc sức khỏe cho sinh viên cụ thể như: Trạm y tế là đơn vị thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe tổng thể cho tất cả sinh viên mới nhập học**[H8.08.05.05]**, hàng ngày (kể cả ngày lễ tết, thứ 7 và chủ nhật) đều có cán bộ của Trạm làm việc và túc trực phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người học. Đặc biệt trong thời gian gần đây dịch covid 19 bùng phát vấn đề chăm sóc sức khỏe của người học càng được trú trọng như công tác phun khử khuẩn vệ sinh giảng đường, khu ký túc xá, khu làm việc được diễn ra theo đúng quy định, nhà trường đã vận động cán bộ trong toàn trường quyên góp mua khẩu trang phát miễn phí cho người học, khi người học bắt đầu quy trở lại học tập được kiểm tra sức khỏe ngay tại cổng chính, cổng ký túc xá của nhà trường **[H8.08.05.06]**. Theo kết quả tổng hợp phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp do phòng KT&ĐBCL cung cấp cho thấy vấn đề về vệ sinh y tế (tỷ lệ 20% tốt; 48% khá), năm 2020 đạt 95% tỷ lệ khá tốt **[H8.08.04.17]**.

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường được đặt lên hàng đầu. Nhà trường tiến hành các buổi tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cả cán bộ và sinh viên theo định kỳ. Đồng thời, nhà trường cũng mua các gói bảo hiểm về phòng chống cháy nổ giúp người học được yên tâm, thoải mái trong học tập cũng như lúc vui chơi **[H8.08.05.07]**.

## *2. Điểm mạnh*

Người học được học tập, phát triển, NCKH trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, môi trường xanh, sạch, đẹp, gắn liền với thiên nhiên, đảm bảo sự phát triển đầy đủ cả thể chất và tinh thần.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số khu phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khá cũ. CSVC còn chưa đồng bộ. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy còn chưa được trang bị đầy đủ. Các khu giảng đường chưa được cung cấp internet

## *4. Kế hoạch hành động*



<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch sửa chữa, mua thêm thiết bị để đồng bộ và hiện đại hóa CSVC	Phòng QTTB; Khoa Lâm học	Từ năm 2019
2	Xây dựng phương án lắp đặt mạng internet đến từng khu giảng đường	Phòng HCTH Phòng TCKT	Định kỳ hàng năm

### 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

**Kết luận về tiêu chuẩn 8:** Chất lượng người học là yếu tố cơ bản để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Lâm sinh. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành Lâm sinh khi nhà trường tổ chức tuyển sinh; cho đến kết quả học tập rèn luyện đào tạo tại nhà trường của người học được lưu giữ trên phần mềm quản lý của Nhà trường. Bên cạnh đó, người học còn được hỗ trợ từ phía Khoa đào tạo; các phòng ban chức năng của nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội cho những sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà trường. Nhằm khuyến khích, người học nâng cao chất lượng học tập và tích cực tham gia các hoạt động NCKH.

### **TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

**Mở đầu:** Trường Đại học Lâm nghiệp là một Trường Đại học đầu ngành về lĩnh vực lâm nghiệp. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở vật chất (CSVC) đã được trường từng bước đầu tư, nâng cao đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, CGCN.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa, lành mạnh trong Nhà trường.

Trường luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH, CGCN.

Với sự quan tâm của nhà trường, khoa Lâm học được cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học bao gồm hệ thống các phòng

thực hành tại các tòa nhà A3 và T3 (bao gồm các trang thiết bị phục vụ thực hành, điều hòa, ánh sáng...), phòng sinh hoạt chung.

***Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Mô tả*

Trường Đại học Lâm nghiệp có đủ phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng (Hội trường, Phòng họp...) ở cả Cơ sở chính và Phân hiệu Đồng Nai đảm bảo cho chất lượng đào tạo của Trường. Các phòng làm việc của cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ ánh sáng, có điều hòa, quạt, máy tính, máy in, bàn ghế. Các phòng họp được trang bị đầy đủ trang thiết bị như hệ thống điện (quạt, điều hòa, đèn điện chiếu sáng...), rèm cửa, bàn ghế, máy chiếu, hệ thống âm thanh... phục vụ tốt nhất cho các buổi Hội nghị, Hội thảo và các buổi họp lớn nhỏ trong toàn Trường.

Khoa Lâm học được giao làm việc tại tòa nhà A3 và các phòng thực hành tại tòa nhà T3 (bao gồm 12 phòng làm việc, trong đó 01 phòng dành cho Trưởng khoa, 01 phòng dành cho các Phó khoa và 10 phòng dành cho bộ môn, trung tâm và phòng chức năng; Các phòng đều được trang bị các thiết bị và diện tích, số lượng phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng CSVC đầy đủ nhất cho giảng viên, CBCNV có điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ bản thân cũng như tạo điều kiện cho người học phát huy hết khả năng học tập của mình **[H9.09.01.01]**.

Tại Phân hiệu Đồng Nai, diện tích đất đai Nhà trường quản lý sử dụng là 26.106m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng là 26.556m<sup>2</sup> trong đó có đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc đáp ứng nhu cầu đào tạo và làm việc của cán bộ, giảng viên và người học **[H9.09.01.02]**.

Diện tích khu giảng đường tại cơ sở chính là 6.347m<sup>2</sup>, phòng học với 64 phòng học lớn nhỏ khác nhau đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của sinh viên ở quy mô hiện nay. Về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hiện nay về đào tạo và NCKH với 36 chương trình đào tạo bậc đại học, 10 ngành học Thạc sĩ và 6 ngành học bậc Tiến sĩ, trong đó đều có đào tạo ngành Lâm sinh. Theo quy định hiện hành là 1,3 m<sup>2</sup>/SV, với diện tích như trên, tại trụ sở chính đảm bảo yêu cầu về diện tích phòng học trong trường đại học. Việc quản lý, theo dõi phòng học được thực hiện thông qua Tổ giảng đường thuộc phòng Quản trị thiết

bị ghi lại trong các sổ nhật ký theo dõi phòng học, giảng đường đã đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng phòng học cũng như theo dõi, quản lý các trang thiết bị máy móc để kịp thời thông báo và sửa chữa nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình giảng dạy và học tập [H9.09.01.03].

Công tác kiểm kê tài sản cũng được thực hiện đều đặn và chặt chẽ giữa Nhà trường, các bộ phận chức năng và Khoa nhằm quản lý, sử dụng, mua sắm máy móc, trang thiết bị, các tài sản có giá trị một cách hợp lý [H9.09.01.04].

Nhà trường luôn chú trọng nâng cấp hệ thống phòng học nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập cho sinh viên. Điển hình, từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2020 trường ĐH Lâm nghiệp tại Cơ sở chính đã chi hơn 24 tỷ đồng để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng học thông qua các hợp đồng cải tạo, sửa chữa công trình; Tại Phân hiệu Đồng Nai là gần 14 tỷ đồng [H9.09.01.05].

Hàng năm, Nhà trường đầu tư các trang thiết bị học tập cũng như các trang thiết bị phục vụ đào tạo cũng như các phòng làm việc, phòng họp của CB, Giảng viên trong các đơn vị [H9.09.01.06].

Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng cũng thường xuyên tiến hành khảo sát theo quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện [H9.09.01.07]. Ngoài ra, Phòng có sự kết hợp với cán bộ, giảng viên toàn trường thường xuyên tiến hành khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp. Theo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên toàn Trường năm học 2014 - 2015 về chất lượng phòng học tại giảng đường thì mức độ hài lòng trở lên là 73,8%, Trung bình 23,4% và không đạt chiếm tỉ lệ nhỏ 2,8%. Sau khi tiếp nhận các ý kiến đóng góp, đến năm học 2019 - 2020, kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp trước khi ra trường ĐHCQ về phòng học cho thấy mức độ hài lòng trở lên là 95%. Kết quả khảo sát năm 2018 của cán bộ, giảng viên khoa Lâm học là 35 phiếu nhận xét về diện tích và chất lượng phòng học tại giảng đường là 80% từ mức độ hài lòng trở lên và kết quả khảo sát năm 2019 với 39 phiếu nhận xét về diện tích và chất lượng của phòng học là 66,67% [H9.09.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính hiện có và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả cao hơn trong công tác đào tạo, NCKH... của Trường, Khoa.

### 3. Tồn tại

Một số phòng làm việc còn nhỏ; vẫn còn một số trường hợp trang thiết bị hỏng đôi khi chưa được sửa chữa kịp thời (như: máy tính, điều hòa, máy in,...).

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Thường xuyên kiểm tra các loại máy móc, trang thiết bị trên giảng đường và cả phòng làm việc của các bộ phận chức năng.	Phòng QTTB	Từ năm 2021

### 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm

### **Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

#### 1. Mô tả

Trước năm 2018, Thư viện được bố trí tại nhà T10, với tổng diện tích là 2200m<sup>2</sup>. Từ đầu năm 2018 đến nay, thực hiện kế hoạch về việc bố trí lại khu làm việc của một số đơn vị trong trường, Thư viện chuyển đến làm việc tại tòa nhà T2 để thuận tiện hơn cho người học trong việc tìm kiếm nguồn học liệu. Tổng thể khu vực Thư viện được bố trí từ tầng 1 đến tầng 2 tại tòa nhà T2 với diện tích khoảng 1.050m<sup>2</sup>, bao gồm cả sảnh nghỉ, khu vực nghiên cứu và khu vực làm việc của các phòng chức năng, có hệ thống phòng đọc khá rộng rãi [H9.09.02.01]. Các phòng làm việc và phòng đọc được trang bị đầy đủ tiện nghi cho các cán bộ làm việc, người học như: hệ thống máy tính gồm có 35 bộ trong đó có máy tính cây để bàn và máy tính xách tay, các phòng được lắp thiết bị điều hòa (22 cái) cùng với trang bị thêm 15 cái quạt vào mùa hè nhằm đáp ứng tốt nhất không gian học tập cho người học. Trong các phòng đọc bố trí 27 bàn đọc to, 198 ghế đọc sinh viên, các giá sách được kê theo đúng chủng loại sách, báo, tạp chí, luận văn tham khảo... và được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học [H9.09.02.02].

Tính từ năm 2015 đến tháng 6/2020, theo thống kê danh mục tài liệu phục vụ chương trình đào tạo ngành Lâm sinh của Thư viện tại Trụ sở chính đã có 18.103 bản tài liệu phân theo lĩnh vực tri thức và tài liệu phát hành bằng tiếng Việt do các nhà xuất bản trong nước phục vụ và các tài liệu tham khảo là kết quả NCKH, 39 luận án tiến sĩ, 316

luận văn thạc sĩ, 114 khóa luận tốt nghiệp của người học tại Trường ĐHLN [H9.09.02.03].

Công tác hướng dẫn độc giả sử dụng nguồn học liệu, quy chế hoạt động của Thư viện cũng được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên và người đọc thông qua các quyết định, nội quy được dán ngay tại các phòng đọc mà người đọc có thể dễ dàng nhìn thấy được. Ngoài ra, còn có các cán bộ chuyên trách tại phòng đọc có thể trực tiếp hướng dẫn người đọc tra cứu học liệu thực hiện theo đúng quy định chung do Thư viện đề ra. Đối với SV, vào các kỳ/tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa, Nhà trường đã bố trí một thời lượng nhất định để cho cán bộ giới thiệu về Thư viện và hướng dẫn chi tiết cho SV khóa mới cách sử dụng nguồn tin và khai thác dữ liệu tại Thư viện. Ngoài ra, tất cả các đối tượng quan tâm đều có thể tìm hiểu trực tiếp thông qua quây hỏi đáp tại các khu vực phục vụ của Thư viện hoặc mục hỏi đáp trên Cổng thông tin Thư viện; đồng thời trên giao diện màn hình (Desktop) của tất cả các máy tính công cộng ở Thư viện đều thường trực tin mục Hướng dẫn sử dụng và khai thác nguồn học liệu [H9.09.02.04].

Với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao ngoài việc đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy thì việc học tập, nghiên cứu khoa học cũng rất được chú trọng. Từ đó, những bài báo, ấn phẩm được đăng trên các Tạp chí chuyên ngành chính là kết quả minh chứng cho việc phấn đấu, tự trau dồi kiến thức cá nhân của đội ngũ giảng viên. Các bài báo đăng trên Tạp chí trong nước và các bài báo, ấn phẩm, báo cáo khoa học chuyên ngành Lâm sinh nhằm phục vụ tốt cho công tác bổ sung nguồn học liệu phong phú cho người học. Từ năm 2015 đến nay, chuyên ngành Lâm sinh có đến 173 bài báo, báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí trong nước và quốc tế [H9.09.02.05].

Thư viện Trường ĐHLN là thành viên của Hội Thư viện đại học Khu vực phía Bắc, thành viên của Liên hợp thư viện Việt nam [H9.09.02.06]. Ngoài ra, Thư viện trường ĐH Lâm nghiệp còn liên kết với các thư viện của một số trường khác như: Thư viện đại học Nông lâm Bắc Giang, thư viện Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, thư viện đại học Nguyễn Tất Thành (trang web: <http://lib.vnuf.edu.vn/>). Từ sự sẻ chia nguồn tài nguyên điện tử sẽ càng trở nên phong phú, tạo điều kiện để người học có thể tham khảo tốt nhất cho quá trình học tập, nghiên cứu của mình.

Cùng với sự phát triển chung của Nhà trường, thư viện cũng thường xuyên lập kế hoạch rà soát, lên kế hoạch mua mới, bổ sung các giáo trình, tài liệu mới cũng như truy cập, tìm kiếm các nguồn tài liệu trên mạng hàng năm với dự toán kinh phí và cụ thể hóa danh mục tài liệu cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo. Từ năm 2015 đến năm 2020, Trường đã chi tới gần 2,5 tỷ cho việc mua sách, giáo trình, báo, tạp chí cho chuyên ngành Lâm sinh [H9.09.02.07]. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

Song song với quá trình trưng cầu ý kiến bạn đọc của Thư viện, Nhà trường (đơn vị đầu mối là Phòng KT&ĐBCL) đã tổ chức khảo sát ý kiến của CB, GV và SV (trước khi ra trường) về CSVC, thái độ của đội ngũ phục vụ, các tiện ích của Thư viện. Tổng hợp số liệu các báo cáo cho thấy: Năm 2019 số lượng GV khoa Lâm học tham gia nhận xét qua mẫu phiếu khảo sát là 39 phiếu, mức độ đáp ứng về giáo trình, bài giảng cho học tập và giảng dạy của thư viện là 64% hài lòng trở lên; Mức độ đáp ứng tài liệu tham khảo cho giảng dạy, học tập và NCKH thì mức độ hài lòng trở lên là 58,98%; Chất lượng phục vụ bạn đọc của Thư viện từ mức hài lòng trở lên là 74,36%. Năm học 2019 - 2020, khảo sát sinh viên trước khi ra trường của các chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành Lâm sinh thì mức độ hài lòng trở lên là 97%. Như vậy, có thể đánh giá rằng: Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất về CSVC và đội ngũ nhân viên phục vụ của Thư viện đã cố gắng đáp ứng, phục vụ cho cán bộ, GV và HSSV học tập và NCKH tại Thư viện [H9.09.02.08].

## *2. Điểm mạnh*

Diện tích, cơ sở vật chất của Thư viện đáp ứng được nhu cầu học tập, đào tạo, NCKH của học viên, giảng viên và cán bộ, nhân viên.

Hàng năm, nhà trường đều lên kế hoạch mua sắm tài liệu, các loại trang thiết bị phục vụ học viên chuyên ngành lâm sinh nói riêng và tất cả các chuyên ngành đào tạo trong Trường nói chung, điều đó cho thấy nguồn tài liệu phong phú, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập của người học.

## *3. Tồn tại*

Hiện nay, số lượng người học đến Thư viện vẫn còn hạn chế, đặc biệt là sinh viên mới nhập học.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thực hiện công tác quảng bá, khuyến khích người học đến Thư viện tìm kiếm nguồn học liệu phong phú.	Thư viện	Từ năm 2021

*5. Tự đánh giá:*

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

*1. Mô tả*

Phục vụ cho việc đào tạo chuyên ngành Lâm sinh có 8 phòng thí nghiệm do khoa Lâm học quản lý, cụ thể là Trung tâm thí nghiệm thực hành nay là Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp và biến đổi khí hậu quản lý và sử dụng. Với đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên phục vụ được đào tạo chuyên môn phụ trách giảng dạy và phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học tại các phòng thực hành [H9.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm được bố trí hợp lý ở 2 tòa nhà A3 và T3, có sơ đồ tại các tòa nhà, biển hiệu trước cửa phòng học với tổng diện tích 236m<sup>2</sup>, mỗi phòng có diện tích khoảng từ 20m<sup>2</sup> đến 30m<sup>2</sup> và được sắp xếp theo tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, thực hành nên luôn đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH của sinh viên và giảng viên [H9.09.03.02]. Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành lâm sinh còn thực hành tại các phòng thí nghiệm của hầu hết các Khoa khác trong trường, như: phòng thực hành Viễn thám và GIS hiện được chuyển lên tại giảng đường G1, do tổ Giảng đường quản lý; một số môn học đại cương như hóa học, vật lý thực hành tại Khoa QLTNR&MT; Các môn học: sinh học đại cương, Giống cây rừng, thực vật rừng thực hành tại các phòng thí nghiệm thực hành thuộc Viện Công nghệ sinh học Lâm nghiệp quản lý. Nhà trường còn có khu rừng nghiên cứu và thực nghiệm Núi Luốt với 73,6ha đáp ứng yêu cầu thực tập thực tế của các học phần có liên qua. Các phòng thí nghiệm thực hành của khoa Lâm học đều được trang bị hệ thống trang thiết bị đầy đủ để phục vụ đào tạo và NCKH. Đảm bảo quá trình học tập của sinh viên theo đúng tài liệu thực hành, thực tập và thúc đẩy quá trình học tập, NCKH của sinh viên cũng như cán bộ, giảng viên trong Khoa, Trường [H9.09.03.03].

Nội quy thực hành trong các phòng thí nghiệm đều được Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp và biến đổi khí hậu - Khoa Lâm học dán bảng biểu rõ ràng, đặt ở nơi sinh viên, cán bộ có thể dễ dàng nhận thấy và thực hiện theo đúng mọi quy định trong đó. Nhà trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng các phòng thí nghiệm, thực hành và có những chuyển đổi thích hợp nhằm phục vụ công tác học tập, giảng dạy, NCKH cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tốt hơn, hiệu quả hơn. Để làm được điều đó, tại các phòng thí nghiệm, thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng phòng học cũng như trang thiết bị, máy móc trong phòng. Các phòng thực hành đều có đội ngũ cán bộ, nhân viên được giao quyền quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị, máy móc, vệ sinh phòng thực hành đảm bảo theo đúng tiến độ học tập, đào tạo của người dạy và học. Đội ngũ giảng dạy, phục vụ đào tạo thường xuyên được khuyến khích tham gia các lớp Tập huấn về phương pháp giảng dạy, trao đổi, học hỏi lẫn nhau về các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị trong phòng thực hành nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng mọi yêu cầu đào tạo cho học viên cũng như thúc đẩy kỹ năng tay nghề, nghiên cứu khoa học **[H9.09.03.04]**.

Các trang thiết bị, máy móc được kiểm tra thường xuyên và giao cho Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp và biến đổi khí hậu quản lý, bảo dưỡng. Hàng năm, Trung tâm và các bộ môn lập kế hoạch dự trù kinh phí và đề nghị mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác giảng dạy và thực hành, thực tập nhằm thúc đẩy các hoạt động đào tạo và nghiên cứu một cách tốt nhất **[H9.09.03.05]**.

Các hoạt động quản lý, sử dụng và bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị trong phòng thực hành được thực hiện theo Quy định quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà trường ban hành từ năm 2016 **[H9.09.03.06]**.

Khoa luôn thực hiện theo kế hoạch khảo sát của nhà trường lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, máy móc thực hành thông qua phiếu khảo sát hàng năm. Theo báo cáo khảo sát đánh giá, lấy ý kiến của cán bộ GV (vào cuối học kỳ) và SV (trước khi ra trường): Năm học 2014 - 2015, kết quả khảo sát sinh viên trước khi ra trường của các chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành Lâm sinh thì mức độ hài lòng trở lên là 74,8%, nhưng đến năm học 2019 - 2020 thì mức độ hài lòng và rất hài lòng là 91%. Kết quả khảo



sát của CB, GV năm 2019 của khoa Lâm học (39 phiếu khảo sát) về diện tích, chất lượng phòng thí nghiệm thực hành thì mức độ từ chấp nhận được trở lên là 89,7% [H9.09.03.07].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch và dự án đầu tư dài hạn cho hệ thống CSVC phục vụ học tập, thí nghiệm, thực hành, thực tập cho toàn trường nói chung và Khoa Lâm học nói riêng.

Các phòng thí nghiệm, thực hành được xây dựng và bố trí đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng theo tiêu chuẩn quy định, hệ thống trang thiết bị tương đối đồng bộ, hoạt động tốt.

Công tác tổ chức quản lý các hoạt động thí nghiệm, thực hành, thực tập đã được thường xuyên cải tiến hoàn thiện để khai thác hiệu quả nhất các nguồn lực nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

## 3. Tồn tại

Phòng thí nghiệm hiện chưa có nhiều loại trang thiết bị, máy móc hiện đại.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Dự án đầu tư phòng thí nghiệm chất lượng cao	Phòng TCKT Phòng QTTB Khoa Lâm học	Từ năm 2021 - 2022
2	Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm	Trung tâm NCLN&BĐKH	
3	Đẩy mạnh công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thí nghiệm	Phòng QTTB Trung tâm NCLN&BĐKH	Thường xuyên

## 5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả

Cơ sở vật chất của Nhà trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa cũng như của Nhà trường. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện đang sử dụng mạng Viettel và mạng FPT để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường; cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH **[H9.09.04.01]**

Tại các Trung tâm và Thư viện của Nhà trường được lắp đặt 325 bộ máy vi tính, trong đó: 192 bộ máy vi tính tại nhà T2 (Năm 2017 chuyển lên T10) để phục vụ việc thực hành tin học đại cương và các chuyên ngành khác; 01 phòng máy tính thực hành đồ họa tại nhà T3(25 bộ) và 01 phòng GIS đặt tại nhà T7 (26 bộ), Thư viện (16 bộ)... Đảm bảo 100% sinh viên có máy tính để thực hành trong các phòng máy tính. Số lượng máy tính và phần mềm phục vụ riêng cho ngành Lâm sinh bao gồm 25 bộ (tính đến năm 2016) và 05 phần mềm (Mapinfo, ArcGis, Envi, SPSS, Excell) **[H9.09.04.02]**. Từ năm 2017 đến nay ngành Lâm sinh sử dụng hệ thống máy tính chung của Nhà trường. Hiện nay, toàn bộ hệ thống máy tính được chuyển lên giảng đường G1 và G2 phục vụ thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và phục vụ đào tạo chung cho toàn trường trong đó có ngành Lâm sinh.

Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý đó là các phần mềm thuộc các lĩnh vực: Văn phòng (phần mềm của Microsoft, phần mềm quản lý văn bản của Tân Dân...); kế toán (phần mềm Misa, phần mềm tính học phí của CMC...); phần mềm quản lý thư viện Libol; quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ của CMC; phần mềm từ dự án GIS – Viễn thám; phần mềm từ dự án CNTT; diệt virus Kaspersky; công thông tin điện tử của Viettel... **[H9.09.04.03]**.

Thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT (giai đoạn 2014 -2020), Trường đã tiến hành và duy trì phòng máy chủ và hệ thống mạng Internet, mạng Lan trong toàn trường; hệ thống website trường và các đơn vị; hệ thống email cho hơn 1.000 CB, GV; xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử SV và cựu SV; hệ thống sao lưu định kỳ; hỗ trợ hạ tầng cho thư viện số; tích hợp các phần mềm quản lý **[H9.09.04.04]**.

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT hơn nữa trong công tác đào tạo, học tập và nghiên cứu trong toàn trường, tháng 8 năm 2017 Nhà trường đã thành lập Trung tâm CNTT và ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm **[H9.09.04.05]**. Trung tâm đã bố trí các cán bộ chuyên trách phụ trách hệ thống mạng và cán bộ chuyên trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ổn định và ngày càng tốt hơn **[H9.09.04.06]**. Cụ thể, khi có sự cố về máy tính, mạng các đơn vị trong Trường có thể gọi điện, gửi phiếu yêu cầu yêu cầu sửa chữa, Ban CNTT sẽ cử cán bộ thực hiện sửa chữa, khắc phục sự cố **[H9.09.04.07]**. Hàng năm, nhà trường luôn đầu tư kinh phí cho công tác duy tu bảo dưỡng hệ thống CNTT trong toàn trường nhằm đảm bảo hoạt động CNTT không bị gián đoạn, tính từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2020 tổng kinh phí đầu tư cho hệ thống CNTT là trên 3 tỷ đồng **[H9.09.04.08]**. Từ tháng 3 năm 2019, Ban CNTT giải thể, nhiệm vụ của Ban CNTT được chuyển về phòng Hành chính tổng hợp. thành lập tổ CNTT trực thuộc phòng HCTH, tháng 6 năm 2020 chuyển bộ phận Website sang phòng HCTH thành lập Tổ CNTT, tổ này đảm nhiệm công việc theo đúng chức năng nhiệm vụ do phòng HCTH giao **[H9.09.04.09]**

Nhằm đánh giá, nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu để từ đó khắc phục tối đa những hạn chế còn mắc phải, Nhà trường đã và đang duy trì tổ chức khảo sát định kỳ hàng năm theo đúng quy trình **[H9.09.04.10]** lấy ý kiến của cán bộ GV về cơ sở vật chất trong đó có nội dung đánh giá về chất lượng hệ thống công nghệ thông tin. Trong một đợt khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ GV bằng phiếu khảo sát vào tháng từ 11/4/2017 đến 30/7/2020 của Trường về mức độ hài lòng đối với thiết bị tin học, khoa Lâm học có 39 cán bộ được khảo sát, kết quả cho thấy: có 8,3% đánh giá rất hài lòng, 29,2% đánh giá là hài lòng và chấp nhận được ở mức 62,5%, 0% GV không hài lòng. Mức độ trang bị và sử dụng các phần mềm phục vụ giảng dạy và học tập có 43,4% GV rất hài lòng và hài lòng, 56,5% GV cho rằng chấp nhận được, không GV nào không hài lòng. Mức độ trang bị và sử dụng các thiết bị kết nối mạng (mạng LAN, wifi...) có 33,4% GV rất hài lòng và hài lòng, 66,6% GV cho rằng chấp nhận được và 0% GV không hài lòng. Tốc độ và độ ổn định của đường truyền nối mạng có 26,9% GV rất hài lòng và hài lòng, 73,1 GV đánh chấp nhận được và 0% GV không hài lòng. Qua kết quả khảo sát cho thấy đa số cán bộ Khoa Lâm học đánh chất

lượng của hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và học tập là chấp nhận được trở lên, tuy nhiên vẫn còn có sự không hài lòng đặc biệt là về tốc độ và ổn định của đường truyền kết nối mạng, để khắc phục điều đó cần có sự cải tiến, nâng cấp, sửa chữa và trang bị thêm thiết bị để đường truyền có tốc độ mạng ổn định hơn [H9.09.04.11].

Năm	Quy mô mẫu	Kết quả khảo sát giáo viên về hệ thống công nghệ thông tin															
		Mức độ trang bị thiết bị tin học cho giảng dạy và học tập				Mức độ trang bị và sử dụng các phần mềm phục vụ giảng dạy và học tập				Mức độ trang bị các thiết bị kết nối mạng (mạng LAN, Wifi)				Tốc độ và độ ổn định của đường truyền kết nối mạng			
		Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)
2017	28	3,6	35,7	57,1	3,6	3,7	29,6	51,9	14,8	3,6	28,6	53,6	14,3	3,6	25,0	60,7	10,7
2018	35	5,7	34,3	60,0	0,0	2,9	20,0	77,1	0,0	0,0	20,0	68,6	11,4	0,0	22,9	51,4	25,7
2019	39	5,1	53,8	41,0	0,0	5,1	43,6	43,6	7,7	5,1	33,3	51,3	10,3	5,1	30,8	46,2	17,9
2020	21	8,3	29,2	62,5	0,0	4,3	39,1	56,5	0,0	4,2	29,2	66,7	0,0	3,8	23,1	73,1	0,0

## 2. Điểm mạnh

Trường, Khoa đầu tư tập trung và liên tục CSVN, hạ tầng cho CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng học, được đảm bảo hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy, NCKH và công tác quản lý của Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Máy tính tại một số văn phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao, thiếu đồng bộ. Giảng viên phải tự đầu tư máy tính xách tay trong khi đời sống còn khó khăn, kết nối wifi internet còn một số bất cập như tốc độ đường truyền, tính ổn định không cao.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Nâng cấp hệ thống máy tính tại phòng làm việc của các khoa chuyên môn	Phòng TCKT	Từ năm
2	Nâng cấp hệ thống thiết bị kết nối internet để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng của Nhà trường.	Phòng QTTB Khoa Lâm học	2021

### 5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4.5/7 điểm

*Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

#### 1. Mô tả

Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như KTX sinh viên. Trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến sinh viên thông qua các buổi trao đổi giữa lãnh đạo các phòng ban với sinh viên. Đối với công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, an toàn cho cán bộ và HSSV, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe và Vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống dịch bệnh [H9.09.05.01]. Đầu năm 2020, khi có quyết định công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới viruts Corona gây ra, căn cứ vào quyết định, công văn của Thủ tướng chính phủ, quyết định của Bộ y tế và kế hoạch của UBND huyện Chương Mỹ, Nhà trường đã khẩn trương xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh và thông báo đến toàn thể cán bộ, học sinh, sinh viên trong toàn trường về việc thực hiện công tác phòng chống dịch, thông báo lịch nghỉ học tạm thời theo đúng chỉ đạo của Bộ y tế. Ban chỉ đạo phòng chống dịch nhanh chóng được thành lập. Bên cạnh đó tổ Giám sát phòng chống dịch bệnh, Ban chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe và Vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống dịch bệnh năm 2020 cũng được thành lập, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho 8 đơn vị trong trường nhằm thực hiện tốt nhất công tác phòng chống dịch bệnh nguy hiểm và sớm đẩy lùi dịch bệnh [H9.09.05.02]. Công tác phun thuốc phòng dịch được thực hiện làm 7 đợt, phun cho toàn bộ khu vực trong trường đảm bảo an toàn cho cán bộ làm việc và học sinh sinh viên khi quay trở lại trường học tập. Thực hiện đo thân nhiệt cho

cán bộ, học sinh, sinh viên một cách nghiêm túc ngay từ cổng chính của trường, trên lớp học sinh viên cũng được đo thân nhiệt 2 lần/ ngày. Cổng phụ được đóng hoàn toàn, các đối tượng ra vào trong trường được kiểm soát chặt chẽ. Nhìn chung, công tác phòng chống dịch Covid-19 đã được Nhà trường làm rất tốt, Đoàn kiểm tra của trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội đánh giá cao công tác phòng chống dịch của Nhà trường [H9.09.05.03]. Để kế hoạch học tập của học sinh, sinh viên không bị gián đoạn trong thời gian dịch bệnh, Nhà trường đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và các điều kiện khác phục vụ cho giảng dạy và học trực tuyến, sinh viên chính quy được hỗ trợ kinh phí Internet, dữ liệu di động để có điều kiện học tập tốt nhất. Tình hình dịch bệnh thường xuyên được cập nhật để triển khai các hoạt động làm việc, giảng dạy phù hợp. [H9.09.05.04]. Trước khi sinh viên quay trở lại trường học tập, để đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh phòng chống dịch, Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 đã chỉ đạo tiếp tục tổng vệ sinh khử khuẩn toàn trường và chuẩn bị các biện pháp an toàn chống dịch [H9.09.05.05]. Hàng năm, Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe cùng với Trạm y tế thực hiện các công tác: lập kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, HSSV mới nhập học; động viên, khuyến khích các cá nhân tham gia bảo hiểm y tế; phối hợp với cơ quan y tế khám sức khỏe cho CBVC và HSSV [H9.09.05.06]. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường được thực hiện thường xuyên: Thuê đơn vị có chuyên môn thực hiện công tác thu dọn vệ sinh định kỳ, ổn định trong toàn cơ quan; Nhà trường phối hợp cơ quan chuyên ngành thực hiện công tác kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nước sinh hoạt trong dịp có các hoạt động lớn như kỷ niệm thành lập Trường, trước các kỳ thi tuyển sinh đại học [H9.09.05.07].

Công tác bảo vệ và đảm bảo an toàn cho CBVC và HSSV được nhà Trường xác định rõ và có các chủ trương đề ra các biện pháp bảo vệ an toàn cho tài sản của cơ quan cũng như an ninh trong khu vực. Phòng bảo vệ nay chuyển thành tổ bảo vệ trực thuộc phòng Hành chính tổng hợp được thành lập với nhiệm vụ làm công tác bảo vệ trật tự, an ninh trong Nhà trường và hoạt động theo quy chế công tác rõ ràng, được đầu tư những trang thiết bị phù hợp theo yêu cầu công việc [H9.09.05.08]. Với số lượng 28 người, lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong trường. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các

ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ **[H9.09.05.09]**.

Nhà Trường còn tham gia vào Cụm địa bàn Chương - Quốc - Lương, Tiểu cụm địa bàn an toàn Xuân Hòa. Địa bàn hoạt động của Tiểu cụm này là thị trấn Xuân Mai (Hà Nội) và thị trấn Lương Sơn (Hòa Bình). Tiểu cụm gồm 11 thành viên hoạt động trên nguyên tắc: Vì sự an toàn của địa bàn, cùng nhau giải quyết, xử lý các vụ việc về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phải kiên quyết, thận trọng, tích cực và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định họp mặt trao đổi, giao ban, tổng kết tối thiểu 4 lần/năm **[H9.09.05.10]**.

Tất cả các dãy nhà trong toàn trường nói chung và của Khoa Lâm học nói riêng đều được trang bị hệ thống cửa, khoá bảo vệ chắc chắn, có hệ thống đèn chiếu sáng, để đảm bảo an toàn về tài sản. Tại các dãy nhà thí nghiệm thực hành đều được gắn bảng tiêu lệnh và trang thiết bị chuyên dùng trong phòng cháy chữa cháy. Trong các phòng thí nghiệm, thực hành đều có các nội quy và hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị an toàn nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản **[H9.09.05.11]**.

Về công tác bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo hoạt động phòng chống cháy nổ. Hàng năm, Ban bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ thực hiện các công tác: xây dựng phương án chữa cháy; lập kế hoạch mở lớp tập huấn về chữa cháy (có sự tham gia của cơ quan chức năng về đào tạo, huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy); phối hợp với Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy thực hiện công tác kiểm tra định kỳ, lập hồ sơ quản lý công tác phòng cháy chữa cháy; lập báo cáo về hoạt động phòng cháy chữa cháy; lập báo cáo công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng; Lập báo cáo tổng kết/ sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. Đầu năm 2020, Nhà trường đã thành lập Ban Bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ làm nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác Bảo hộ lao động và Phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành **[H9.09.05.12]**

Các biện pháp an toàn trong phòng thí nghiệm, thực hành được Nhà trường luôn chấn chỉnh đội ngũ GV hướng dẫn TNTH thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị và phòng chống cháy nổ; Công bố quy trình vận hành thiết bị ngay tại

khu vực đặt máy; Lòng ghép nội dung đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị trong các lớp Tập huấn phương pháp luận và kỹ năng giảng dạy thực hành ở các khoa/viện chuyên môn trong Nhà trường [H9.09.05.13]. Trong 5 năm trở lại đây, Khoa Lâm học không xảy ra vụ việc đáng tiếc nào về mất an toàn trong phòng thí nghiệm thực hành.

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên khảo sát thu thập thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường sinh viên, cán bộ và giảng viên, từng bước cải tạo, nâng cấp, bổ sung đáp ứng nhu cầu tốt nhất. Theo kết quả khảo sát sinh viên trước khi ra trường bằng phiếu khảo sát của Phòng KT&ĐBCL về vấn đề vệ sinh - y tế. Hệ chính quy cũng đã được khảo sát ở nhiều ngành học, trong đó có ngành Lâm sinh, năm 2019 cho kết quả như sau: có 42,1% cho rằng thực hiện rất tốt, 34,2% khá và 21,1% trung bình và 2,6% là không đạt. Về vấn đề an ninh trật tự, sinh viên ngành Lâm sinh đánh giá 86,8% đạt chất lượng tốt và khá, 11,8% đạt trung bình và chỉ có 1,3% là không đạt [H9.09.05.14]. Kết quả đánh giá theo các năm cho thấy tỷ lệ đánh giá thực hiện tốt được nâng lên đồng thời tỷ lệ trung bình và không đạt yêu cầu giảm dần qua từng năm, điều đó thể hiện sự thay đổi tích cực trong công tác đảm bảo chất lượng về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người học.

Năm	Số lượng mẫu	Kết quả đánh giá của SV về tình hình vệ sinh- y tế				Kết quả đánh giá của SV về tình hình an ninh -trật tự			
		Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Không đạt yêu cầu (%)	Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Không đạt yêu cầu (%)
2016-2017	56	16,1	42,9	33,9	7,1	21,4	50,0	21,4	7,1
2017-2018	138	24,6	47,8	24,6	2,9	39,1	38,4	19,6	2,9
2018-2019	76	42,1	34,2	21,1	2,6	51,3	35,5	11,8	1,3

Theo kết quả khảo sát năm 2020 đối với GV, 21 GV Khoa Lâm học được khảo sát đã có 66,7% GV rất hài lòng và hài lòng với tiêu chí vệ sinh y tế, an toàn và chất lượng của bộ phận trực phòng thí nghiệm, 33,3% GV cho rằng chấp nhận được và không có GV nào không hài lòng [H9.09.05.15].



STT	Năm	Số lượng mẫu	Đánh giá về vệ sinh y tế, an toàn và chất lượng phục vụ của bộ phận trực phòng TNTH			
			Rất hài lòng	Hài lòng	Chấp nhận được	Không hài lòng
1	2017	28	3,6	42,9	50,0	3,6
2	2018	35	2,86	62,86	25,71	8,57
3	2019	39	0,00	61,54	38,46	0,00
4	2020	21	14,3	52,4	33,3	0,00

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định rõ ràng mục tiêu các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Hàng năm, toàn thể đội ngũ bảo vệ, trạm y tế, tổ giảng đường, tổ cảnh quan ... đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo an toàn, sức khỏe, môi trường xanh – sạch – đẹp.

Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ đều được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, trong nhiều năm không có vụ tai nạn lao động hoặc cháy nổ nào xảy ra trong Khoa Lâm học.

## 3. Điểm tồn tại

Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số sinh viên chưa mua bảo hiểm y tế. Chưa có chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tăng cường đèn bảo vệ vào các nơi thiết yếu, lắp camera quan sát,...	Phòng Bảo vệ	Từ năm 2021
2	Tăng cường nhắc nhở, đảm bảo 100% sinh viên mua bảo hiểm y tế, xây dựng chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Trạm y tế	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

**Kết luận tiêu chuẩn 9:** Nhà trường, Khoa trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị, đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo ngành Lâm sinh hiện nay. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về Lâm nghiệp nói chung và lâm sinh nói riêng. Thư viện của nhà trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư hiện đại. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ để phục vụ cho sinh viên toàn trường. Trường có sân bãi, hội trường, nhà thi đấu phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của CB, GV và sinh viên. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai và được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhu cầu của CB, GV và SV. Mặc dù ngành Lâm sinh hiện tại không có học sinh khuyết tật học tập, song tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cần được lưu ý đến nhu cầu đặc thù của đối tượng này.

**Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học**

### **1. Mô tả**

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu và chất lượng nguồn nhân lực cho ngành Lâm sinh bao gồm: Phòng KT&ĐBCL, trung tâm XTĐT&DH, Phòng Đào tạo và Khoa Lâm học, Sinh viên, Cựu sinh viên, Nhà khoa học. Phòng KT&ĐBCL được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHLN -TCCB ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHLN [H10.10.01.01] với chức năng đảm bảo, kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo. Phòng Đào tạo có nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng phương án phát triển CTĐT, CTDH; tổ chức chỉ đạo, xây dựng và thực hiện mục tiêu, CTĐT các ngành học, các bậc học, các loại hình đào tạo [H10.10.01.02]. Ngoài ra, trung tâm XTĐT&DH và Khoa Lâm học, là các đơn vị có nhiệm vụ thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan như chuyên gia, cán bộ quản lý, người học, người sử dụng lao động và giảng viên để làm căn cứ đánh giá chất lượng, thiết kế, cập nhật và phát triển chương trình dạy học [H10.10.01.01]. Trường Đại học Lâm nghiệp cũng đã ban hành Quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng và sử dụng lao động [H10.10.01.02], các văn bản giao nhiệm vụ đến từng cá nhân thuộc trung tâm XTĐT&DH,

phòng KT&ĐBCL và phòng Đào tạo làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH [H10.10.01.01]. Các Sinh viên, Cựu sinh viên, Nhà khoa học cung cấp ý kiến phản hồi về CTĐT thông qua các phiếu khảo sát thông tin [H10.10.01.03]

Chất lượng CTĐT được phản ánh qua kết quả khảo sát đánh giá của các bên liên quan, bao gồm: Người học (sinh viên), cựu sinh viên, giảng viên và đơn vị tuyển dụng lao động thông qua các phương pháp thu thập thông tin như: phỏng vấn trực tiếp, phiếu khảo sát, phỏng vấn qua điện thoại, lấy ý kiến chuyên gia [H10.10.01.03]. Việc này được thực hiện như sau:

(1) Phòng KT&ĐBCL thực hiện khảo sát: i) Sinh viên đánh giá môn học và GV cuối mỗi học kỳ và thông báo kết quả khảo sát về các bộ môn [H10.10.03.04]. (ii) Sau đó, bộ môn tiến hành họp, rút kinh nghiệm và gửi biên bản họp về phòng KT&ĐBCL [H10.10.03.04];(iii) Cuối cùng, báo cáo tổng hợp gửi tới Ban giám hiệu nhà trường nhằm cải tiến các mặt hoạt động trong đó có CTĐT của từng môn học;

(2) Khảo sát sinh viên trước khi ra trường, phòng KT&ĐBCL tiến hành theo quy trình [H10.10.01.02]. Kết quả khảo sát được gửi về các Khoa để tổng hợp và viết báo cáo theo từng ngành đào tạo [H10.10.01.04].

3) Khảo sát Cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, Khoa Lâm học cũng tiến hành khảo sát theo quy trình [H10.10.01.02] và các phiếu khảo sát được thu thập và tổng hợp [H10.10.01.03]. Kết quả khảo sát được các khoa tổng hợp và viết báo cáo góp ý theo ngành đào tạo của khoa [H10.10.01.04].

Bên cạnh đó, kết quả thu thập các phiếu điều tra khảo sát cũng được Khoa Lâm học tổng hợp [H10.10.01.04]. Căn cứ vào đó, Hội đồng khoa học đào tạo khoa tiến hành tổ chức họp trao đổi ý kiến, phân tích đánh giá kết quả thu được để điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra cho ngành Lâm sinh [H10.10.01.04]. Kết quả khảo sát cho thấy: các nhà tuyển dụng có những yêu cầu rất cụ thể về kiến thức, kỹ năng cần đạt được của người học sau khi tốt nghiệp như kỹ năng điều tra và giám sát tài nguyên rừng; kỹ năng về công tác tổ chức xây dựng các phương án quản lý tài nguyên rừng; kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình. Họ cũng chỉ ra các điểm yếu của sinh viên ngành Lâm học như: khả năng sử dụng ngoại ngữ; kỹ năng viết báo cáo, phân tích số liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc. Ngoài ra, nhà tuyển dụng cũng đã đưa ra các vị trí

công việc cụ thể tại có nhu cầu tuyển dụng [H10.10.01.04]. Các nhà khoa học và giảng viên đánh giá CTĐT năm 2015: nên loại bỏ một số học phần không phù hợp, thêm vào một số học phần mới cần thiết; năm 2017: cần điều chỉnh một số học phần cho hợp lý, tăng thêm thời lượng thực hành/thực tập, bổ sung kỹ năng mềm; năm 2019: loại bớt một số học phần về lý luận chính trị, bổ sung các học phần chuyên sâu, tăng thời lượng cho một số học phần bắt buộc từ 2 lên 3 tín chỉ, tổ chức lại thực tập môn học ngay sau khi kết thúc học phần, bổ sung kỹ năng mềm như: xây dựng đề cương đề tài NCKH, xây dựng bản đồ, dự án Lâm nghiệp, giao tiếp cộng đồng [H10.10.01.04]. Cựu sinh viên đánh giá CTĐT năm 2015: nên loại bỏ một số học phần đại cương, thêm các học phần chuyên sâu, tăng thời lượng thực hành/thực tập, bổ sung kỹ năng mềm; năm 2017: thêm kỹ năng mềm như: Viễn thám, GIS, viết báo cáo khoa học, xây dựng dự án; năm 2019: tăng thời lượng thực hành/thực tập, điều chỉnh hoạt động thực tập môn học theo hướng kết hợp thực hành và thực tiễn [H10.10.01.04].

Theo ý kiến khảo sát phản hồi của các bên liên quan về CTĐT và CĐR, CTDH ngành Lâm sinh đã được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu ngành nghề trong 3 lần gần nhất vào các năm 2015, 2017 và 2019 [H10.10.01.04]. Từ biên bản họp rà soát các bên liên quan về CTĐT [H10.10.01.04], trường ĐHLN đã triển khai các hội nghị rà soát sửa đổi CTĐT, CTDH [H10.10.01.05] và ban hành CTĐT, CTDH Đại học hệ chính quy ngành Lâm sinh [H10.10.01.06].

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, CTDH đã được điều chỉnh, cụ thể so với năm 2015 thì chương trình đào tạo năm 2017 và 2019 đã có bản mô tả chương trình đào tạo với đầy đủ nội dung và đề cương các học phần, đã bổ sung thêm chuẩn đầu ra, phương pháp kiểm tra đánh giá. Ngoài ra, một số học phần trong chương trình đào tạo được bổ sung hoặc thay thế để đảm bảo người học đáp ứng được chuẩn đầu ra mới [H10.10.01.04].

**Bảng 10.1. So sánh chương trình giáo dục đại học ngành Lâm sinh qua các lần điều chỉnh năm 2015, 2017 và 2019**

Stt	Nội dung so sánh	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2019
1	Kiến thức GDCN/GDĐC	52	45	26
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79	79	77

2.1	- Kiến thức cơ sở ngành	29	29	40
2.2	- Kiến thức ngành	40	40	37
2.3	- Thực tập nghề nghiệp	10	10	0
3	Học kỳ doanh nghiệp	0	0	15
4	Tốt nghiệp	10	10	10
<b>Tổng số tín chỉ</b>		141	134	128

**2. Điểm mạnh** hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan

Với hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi tích cực từ các bên liên quan đã góp phần giúp Nhà trường và khoa Lâm học rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo của ngành Lâm sinh nhằm phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Kết quả rà soát, thay đổi và cập nhật chương trình đào tạo ngành Lâm sinh đã góp phần nâng cao chất lượng chương trình dạy học, loại bớt học phần và giảm số tín chỉ của học phần cho thực sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

### 3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi cho CTDH nhưng hệ thống này chưa thu thập đủ lớn các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các ý kiến đóng góp còn mang tính định tính và chưa thực sự sâu sắc. CTĐT ngành Lâm sinh sửa đổi qua các năm 2015, 2017 và 2019 vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của người học và người sử dụng lao động về các kỹ năng mềm, các kỹ năng thực hành.

### 4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường việc lấy ý kiến các bên liên quan đến phát triển CTDH: Mở rộng đối tượng lấy ý kiến, cải tiến câu hỏi theo hướng định lượng để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường	Khoa Lâm học, phòng KT&ĐBCL	Thực hiện thường xuyên

	lao động		
2	Phát triển CTĐT, CTDH có sự liên kết với các đơn vị sử dụng lao động: Hợp tác với các Vườn quốc gia, Lâm trường và đơn vị sử dụng lao động khác để người học có điều kiện thực tập nghề nghiệp, kiến tập, tiếp cận công việc tương lai, bổ sung các kỹ năng mềm.	Khoa Lâm học, phòng Đào tạo	Thực hiện thường xuyên

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến***

#### 1. Mô tả

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học đã được Khoa Lâm học thường xuyên rà soát điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật, xây dựng mới gồm các bước: (1) Phòng đào tạo đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.01]; (2) Khoa Lâm học áp dụng và thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.06]; (3) Sau các lần sửa đổi, điều chỉnh theo quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã có sự thay đổi [H10.10.01.06].

Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo, Ban thư ký và các Tiểu ban rà soát, điều chỉnh CDR các CTĐT bậc đại học hệ chính quy của Trường ĐHLN cũng đã được thành lập nhằm rà soát chương trình dạy học cho phù hợp với CDR của các chuyên ngành [H10.10.02.02]. Theo quy trình rà soát năm 2018, Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng Đào tạo chủ trì: thông báo và ban hành các mẫu biểu khảo sát; Khoa Lâm học tiến hành phát phiếu điều tra của các bên liên quan, bao gồm cả SV đang theo học tại trường, Cựu sinh viên, Nhà tuyển dụng và giảng viên đang giảng dạy các môn học [H10.10.02.03]. Sau đó kết quả được tổng hợp và gửi kết quả về Khoa [H10.10.02.04].

Ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kiến thức và kỹ năng cần đạt được của người học đặc biệt là từ cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động cho thấy phân bổ thời lượng của hầu hết các môn học chuyên ngành Lâm học đều thay đổi theo xu hướng tăng thời lượng thảo luận, thực hành, bài tập nhóm, giảm thời lượng lý thuyết để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng hơn trước, theo hướng tăng cường kỹ năng cho sinh viên (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán...). Số lượng tín chỉ thực tập nghề nghiệp phù hợp, chú trọng đến những kỹ năng cơ bản của sinh viên sau khi ra trường như: điều tra lập địa, điều tra rừng và mô tả được quy luật phát triển của rừng tự nhiên và rừng trồng trên thực tế. [H10.10.02.04].

Tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa Lâm học thực hiện việc rà soát chương trình chi tiết các môn học, xây dựng lại đề cương chi tiết các môn học/học phần của CTDH căn cứ vào chuẩn đầu ra được cập nhật theo giai đoạn 2 năm/lần [H10.10.02.05]. Theo đó, các bộ môn tiến hành họp xây dựng đề cương chi tiết mới, thay đổi tỉ trọng giữa lý thuyết và thực hành thảo luận [H10.10.02.06]; Khoa Lâm học, Nhà trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần làm căn cứ sửa đổi CTDH [H10.10.02.07]. Sau đó, Nhà trường ra thông báo thay đổi tỉ trọng giữa lý thuyết và thực hành thảo luận trong đề cương chi tiết các học phần [H10.10.02.03].

So với CTDH năm 2017, CTDH ban hành năm 2019 có sự điều chỉnh số tín chỉ các môn học, thay đổi, thay thế môn học... cho phù hợp với CDR của ngành Lâm sinh và nhu cầu sử dụng lao động hiện tại [H10.10.01.06]. (*xem bảng 10.01.01*).

## **2. Điểm mạnh**

Với quy trình thiết kế và phát triển CTDH rõ ràng và thống nhất giữa các cấp quản lý Nhà trường, Khoa Lâm học và các bộ môn trong khoa nên quá trình thực hiện thiết kế và phát triển CTDH ngành Lâm sinh diễn ra rất thuận lợi. Quy trình này được thực hiện thường xuyên 2 năm/lần, 3 lần gần nhất đối với chương trình ngành Lâm sinh là các năm 2015, 2017 và 2019. Kết quả là CTDH thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan và có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và đối tượng sử dụng lao động.

### 3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế CTDH ngành Lâm sinh còn bộc lộ các tồn tại: còn mang tính hình thức, chưa thực sự đổi mới mạnh mẽ về nội dung các môn học theo yêu cầu của thị trường lao động. Phiếu thu thập thông tin chỉ cho phép thu thập thông tin định tính và hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Cải tiến hình thức thu thập thông tin phản hồi: Lấy ý kiến người học bằng hình thức online, có nhiều câu hỏi và mang tính định lượng hơn để cải tiến CTĐT, CTDH.	Phòng KT&ĐBCL	Tiếp tục thực hiện từ năm 2021
2	Duy trì việc cải tiến quy trình thiết kế CTDH: để liên tục cập nhật CTDH ngành Lâm sinh	Khoa, phòng KT&ĐBCL	Thực hiện định kỳ hằng năm

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

#### 1. Mô tả

Để đánh giá được hiệu quả của hoạt động giảng dạy và khả năng tự học của sinh viên, trường đại học Lâm nghiệp đã ban hành các quy định, quy trình thực hiện đánh giá khảo sát quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra [H10.10.03.01]. Theo đó, triển khai rà soát và đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy như: dự giờ, khảo sát/đánh giá giảng viên của sinh viên cuối mỗi học kỳ, đánh giá/xếp loại giảng viên cuối năm học, thanh tra hoạt động giảng dạy [H10.10.03.04]; phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên bao gồm: quy chế đánh giá kết quả học tập [H10.10.03.01] công nhận chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học [H10.10.03.07] theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Cụ thể, phòng KT&ĐBCL lập kế hoạch, tổ chức phát và thu phiếu khảo sát đánh giá giảng viên theo môn học; phân tích và xử lý dữ liệu; sau đó tổng hợp và gửi kết quả về



Khoa Lâm học theo quy trình theo quy trình [H10.10.03.01]. Hoạt động giảng dạy của giảng viên được đánh giá bởi người học sau khi kết thúc mỗi học kỳ [H10.10.03.02]. Cụ thể là, trước đây SV được đánh giá thông qua phiếu khảo sát [H10.10.03.03] thì từ học kỳ 2 năm học 2017-2018, sau mỗi một học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ người học qua ứng dụng khảo sát đánh giá online. Phần mềm này mở trong vòng 45 ngày (SV sẽ không biết được điểm các môn học nếu không đánh giá GV online, là một hình thức bắt buộc phải đánh giá) [H10.10.03.02]. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được trưởng Bộ môn thông báo cho GV biết, Bộ môn tiến hành họp, đưa ra điều chỉnh kịp thời và gửi báo cáo về Khoa. Khoa tiến hành tổng hợp và có báo cáo phản hồi gửi về Ban giám hiệu đề xuất kế hoạch khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của người học [H10.10.03.04].

Thông qua kết quả đánh giá giảng viên của người học, Khoa Lâm học đã thay đổi phương pháp giảng dạy, chuyển từ giảng dạy truyền thống sang hình thức dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm với sự hỗ trợ của các trang thiết bị hiện đại [H10.10.03.05], tăng cường phương pháp thảo luận, bài tập lớn, làm việc nhóm,... [H10.10.03.06]. Việc bố trí giờ thực hành và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các giờ giảng lý thuyết và phù hợp với mục tiêu của môn học [H10.10.03.06]. Thông qua các hình thức dự giờ, mỗi giảng viên đều có bản nhận xét đánh giá của các GV trong bộ môn và Khoa cũng có báo cáo đánh giá gửi về phòng KT&ĐBCL [H10.10.03.08]. Đối với giảng viên tập sự, có thời gian 01 năm tập sự để hoàn thiện giáo án, bài giảng. Kết thúc thời gian tập sự, các GV này phải hoàn thiện các chứng chỉ Tin học và ngoại ngữ, chứng nhận thời gian thực tế tại các cơ sở có liên quan đến chuyên ngành và được giảng thử trước hội đồng sát hạch. Nếu được hội đồng thông qua và có biên bản kèm theo thì mới được ký hợp đồng giảng dạy [H10.10.03.10].

Hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng (thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, trình bày báo cáo,...) cũng được thể hiện trong các đề cương môn học [H10.10.03.06] và có cập nhật theo học kỳ, năm học [H10.10.03.07] đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Qua đó, tính chủ động, sáng tạo của người học được nâng cao; gắn kết kiến thức lý thuyết và thực tiễn; rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm cho SV.

Bên cạnh đó, GV của Khoa cũng thường xuyên tham gia viết giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động dạy học cho phù hợp định hướng đào tạo **[H10.10.03.11]**. Tính hiệu quả của hoạt động giảng dạy được đánh giá thông qua: kết quả đánh giá của người học đối với môn học, quá trình dạy học và kết quả tổng kết công tác giảng dạy và nghiên cứu cuối năm học được sử dụng làm căn cứ để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV **[H10.10.03.12]**.

Việc đánh giá KQHT không chỉ nhằm mục đích đánh giá kết quả quá trình học tập của người học mà còn giúp GV nắm bắt được tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy, từ đó có những điều chỉnh phù hợp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện thường xuyên theo qui trình cụ thể **[H10.10.03.13]**. Theo đó, GV giảng dạy mỗi môn học đánh giá điểm quá trình (chiếm 40% tổng điểm của môn học) của người học gồm : điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, bài tập lớn...; bài thi kết thúc học phần (chiếm 60% tổng điểm của môn học) được thực hiện sau khi đã kết thúc môn học; lịch thi, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cập nhật trên tài khoản cá nhân của SV **[H10.10.03.14]**. Nhà trường có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi kết thúc học phần, phản hồi kết quả đánh giá môn học **[H10.10.03.15]**. Hàng năm, phòng KT&ĐBCL ra thông báo rà soát hình thức thi, các bộ môn đề xuất các hình thức thi và tiến hành cập nhật ngân hàng đề thi cho phù hợp với hình thức thi và gửi về phòng KT&ĐBCL **[H10.10.03.16]**. Việc đánh giá kết quả học tập của người học qua thay đổi hình thức thi, ra đề thi kết thúc môn học hằng năm giúp cho GV điều chỉnh và sử dụng linh hoạt các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, đồng thời đòi hỏi người học cần phải có thái độ nghiêm túc học tập để đạt được chuẩn đầu ra. Mẫu đề thi, mẫu đáp án và hướng dẫn ra đề được quy định rõ, tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên *Website* của phòng KT&ĐBCL. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu,...được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng **[H10.10.03.16]**. Bên cạnh đó, những quy định về quy trình tổ chức thi, quản lý bài thi, quản lý và đánh giá kết quả học tập cũng được ban hành nhằm đảm bảo nâng cao toàn diện hiệu quả, chất lượng của quá trình dạy học **[H10.10.03.13]** để đạt được chuẩn đầu ra.

Việc xây dựng, điều chỉnh và rà soát đề cương chi tiết các học phần theo định kỳ luôn đề cập đến phương pháp đánh giá các học phần với các hình thức kiểm tra, cơ cấu và tỷ trọng điểm thành phần, điểm kết thúc các học phần phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá học phần **[H10.10.02.06]**. Các hình thức thi đa dạng được áp dụng gồm tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thi trên máy, tiểu luận, đồ án. Đối với mỗi môn học, trọng số điểm là: điểm quá trình (40%), cuối kì (60%) **[H10.10.03.05]**. Từ năm 2018-2019, Trường ĐHLN áp dụng quy định nội bộ mới về điều kiện dự thi, theo đó SV cần tham gia tối thiểu 70% thời lượng học lý thuyết và 90% thời lượng thực hành. ĐHLN cũng có quy định rõ ràng về công bố, cập nhật điểm quá trình và điều kiện thi **[H10.10.03.15]**. Kết quả khảo sát đối với SV ngành Lâm sinh cũng cho thấy người học hài lòng về việc công bố, phản hồi kết quả học tập **[H10.10.03.17]**.

Với học phần có thực hành, thời lượng chiếm 30-50%, trọng số điểm đánh giá cho nội dung thực hành trong khoảng 20 - 30%, đảm bảo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV **[H10.10.03.18]**. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế các đợt thực tập nghề nghiệp của ngành Lâm sinh cũng được thay đổi cho phù hợp với yêu cầu ngành nghề để đáp ứng được CĐR **[H10.10.03.18]**. Đối với SV năm cuối, việc triển khai tốt nghiệp có quy định rõ ràng **[H10.10.03.13]**. Để được làm khóa luận tốt nghiệp, các SV cần đạt điều kiện do hội đồng đào tạo Nhà trường quyết định theo mỗi năm học sau khi cân đối điểm trung bình chung học tập, số môn thi lại **[H10.10.03.19]**. Đề tài khóa luận tốt nghiệp được lựa chọn phù hợp với định hướng chuyên môn của ngành đào tạo và có tính thực tiễn cao. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu đều có trọng số đánh giá **[H10.10.03.19]**. Theo kết quả khảo sát của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng năm 2018, các kỹ năng của SV ngành Lâm sinh sau khi ra trường như: viết báo cáo, thu thập số liệu ngoài thực địa, kỹ năng làm việc với cộng đồng, yêu cầu sử dụng các phần mềm kiểm kê đánh giá tài nguyên rừng như sử dụng công nghệ GIS và ảnh viễn thám, các phần mềm ArcGIS, Mapinfor, phần mềm R, phần mềm SPSS.... đã được nâng lên rõ rệt **[H10.10.03.20]**.

Vấn đề rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập người học thường xuyên được đưa vào báo cáo tổng kết công tác năm học, bình xét thi đua trong hội nghị

CBVC khoa và nhà trường [H10.10.03.12]. Tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan: người học, cựu người học, GV... về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng CTDH và CDR của Khoa Lâm học. Kết quả đánh giá giảng viên/môn học của người học năm học 2016-2017: 50.2% rất tốt, 46.3% tốt, 2.9% chấp nhận được và 0% không chấp nhận được [H10.10.03.04]. Các năm học 2017-2018, 2018-2019 và 2019-2020, giảng viên/môn học của Khoa đều nhận được đánh giá tích cực từ người học, với tỷ lệ tốt và rất tốt ở mức > 50% [H10.10.03.04].

**Bảng 10.2. Kết quả sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh**

Khóa học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Tốt nghiệp đúng hạn				Tốt nghiệp muộn			
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2011 – 2015 (K56)	77	0	9	32	10	0	0	7	19
		0.0%	11,69	41,56	12,99	0,00	0,00	9,09	24,68
2012 – 2016 (K57)	66	0	6	34	9	0	0	2	15
		0.0%	9,09	51,52	13,64	0,00	0,00	3,03	22,73
2013 – 2017 (K58)	162	1	8	90	17	0	0	17	29
		0,45	4,94	55,56	10,49	0,00	0,00	10,49	17,90
2014 – 2018 (K59)	141	0	15	68	18	0	0	19	21
		0,00	10,64	48,23	12,77	0,00	0,00	13,48	14,89
2015 – 2019 (K60)	31	0	7	13	4	0	1	3	3
		0,00	22,58	41,94	12,90	0,00	3,23	9,68	9,68
2016 – 2020 (K61)	4	1		2	1	0	0	0	0
		25,00	0,00	50,00	25,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Kết quả học tập của người học được thể hiện ở bảng 10.2 [H10.10.03.04]. Kết quả cho thấy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá chiếm tỷ trọng lớn nhất đối với các sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tiếp theo là loại trung bình và loại giỏi. Đối với các sinh viên tốt nghiệp muộn, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá lớn hơn loại trung bình.

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá quá trình giảng dạy và học tập được nhà trường, Khoa Lâm học, Bộ môn và các GV rà soát và đánh giá thường xuyên (như: dự giờ giảng viên, thay đổi hình thức thi, đánh giá chất lượng đề thi), nghiêm túc đảm bảo người học khi ra trường đáp ứng được các CDR của ngành học. Kết quả đánh giá được thông báo cho GV và người học đã giúp cho việc điều chỉnh kịp thời về phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và chương trình dạy học.

## 3. Điểm tồn tại

Kết quả đánh giá quá trình dạy và học chưa thực sự được sử dụng làm căn cứ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học nhằm đáp ứng CDR của ngành học.

## 4. Kế hoạch hành động

STT	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Điều chỉnh chương trình dạy học, cách thức đánh giá quá trình dạy và học: Đánh giá giảng viên/môn học, Khảo sát kết quả học tập của SV nhằm nâng cao chất lượng	Khoa Lâm học, Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

### 1. Mô tả

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là các hoạt động chính của mỗi trường Đại học, có liên quan chặt chẽ và có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao. Chính vì vậy, cán bộ khoa Lâm học luôn tích cực tham gia

các phong trào nghiên cứu khoa học: sinh hoạt học thuật [H10.10.04.01], xây dựng các ý tưởng và tìm kiếm các nguồn tài trợ [H10.10.04.02], thực thi các đề tài dự án và công bố các bài báo trên các tạp chí trong nước và quốc tế [H10.10.04.02]; hướng dẫn các SV trong khoa làm nghiên cứu khoa học sinh viên và khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.01]. Từng bước sử dụng các kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên.

Nhằm thống nhất trong cách thức triển khai công tác NCKH, năm 2016, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ của Trường ĐHLN [H10.10.04.01]. Thêm vào đó, hằng năm các Khoa/Viện đều có kế hoạch công tác năm học được Nhà trường phê duyệt, trong đó có kế hoạch hoạt động NCKH. Các hoạt động NCKH hằng năm của giảng viên khoa Lâm học như viết giáo trình/ bài giảng phục vụ giảng dạy, thực hiện các đề tài cơ sở, tham gia thực hiện đề tài các cấp.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa Lâm học được đánh giá cao và được thể hiện trong “*Danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện từ năm 2012 đến 2019*” và “*Các hoạt động NCKH phục vụ giảng dạy năm 2010 -2019*” [H10.10.04.02]. Trong giai đoạn từ năm 2015 -2019, GV trong Khoa đã thực hiện 17 đề tài các cấp và công bố 124 bài báo khoa học trong nước và 105 bài báo khoa học quốc tế có liên quan đến các lĩnh vực nghiên cứu ngành Lâm sinh [H10.10.04.02]. Các kết quả nghiên cứu này là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho giảng viên và sinh viên của khoa, cũng như các khoa khác trong trường [H10.10.04.02], [H10.10.04.03]. Trên cơ sở đó, chất lượng giảng dạy ngày được nâng cao, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, các nội dung giảng dạy bám sát với CTĐT nhưng luôn có những tình huống thực tế, giúp SV ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Trong số đề tài cấp tỉnh trở lên, có một số đề tài đã được ứng dụng trong quá trình dạy và học của thầy trò Khoa Lâm học (*Xem chi tiết phụ biểu 02*), cụ thể trong các môn học sau: Trồng rừng, Khoa học Đất, Quản lý rừng bền vững, Điều tra rừng, GIS và Viễn thám, Sản lượng rừng, Quy hoạch Lâm nghiệp.

Từ các đề tài nêu trên, cùng với những nghiên cứu độc lập, cán bộ khoa Lâm học đã công bố được tổng cộng 228 bài báo khoa học và 7 sách/giáo trình trong giai đoạn 2015-2019 [Bảng 10.04.03]. Trong số này có 203 bài công bố trên các tạp chí trong nước và 25 bài

trên các tạp chí quốc tế, trong đó bao gồm một số tạp chí quốc tế uy tín như: Forest Ecology and Management, Forests, Soil Biology Biochemistry, Plant ecology and Diversity. Bài giảng và giáo trình được biên soạn gồm các lĩnh vực: Điều tra rừng, Thống kê sinh học, Lâm nghiệp đại cương, Địa lý sinh thái, Trồng rừng, Quy hoạch Lâm nghiệp, Quản lý sử dụng đất

**Bảng 10.2. Thống kê các công bố của Khoa Lâm học  
giai đoạn 2015-2019**

TT	Loại tạp chí	Số lượt tác giả/đồng tác giả					Tổng cộng
		2015	2016	2017	2018	2019	
1	Trong nước	19	44	36	40	64	203
2	Quốc tế	2	3	7	8	5	25
3	Sách, Bài giảng, Giáo trình			3	2	2	7
<b>Tổng cộng</b>		21	47	46	50	71	235

Kết quả khảo sát người học và giảng viên tháng 3/2016 thấy rằng người học đã được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia NCKH (tỷ lệ 40% hoàn toàn đồng ý), GV đồng ý (tỷ lệ 62%) với tính hữu ích của các sản phẩm NCKH cho công việc của người học khi ra trường.

Bên cạnh NCKH của giảng viên thì NCKH sinh viên là một trong những nội dung của các hoạt động khoa học công nghệ trong khoa. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo đăng ký đề tài NCKH SV để khuyến khích sinh viên có nguyện vọng tham gia NCKH và tổ chức đăng ký thành 2 đợt vào tháng 6 và tháng 8 và ra quyết định giao nhiệm vụ cho giáo viên hướng dẫn [H10.10.04.01], [H10.10.04.04].

Căn cứ theo Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ của Trường ĐHLN [H10.10.04.01], những SV có kết quả học tập đạt loại khá trở lên, bắt đầu từ học kỳ thứ 2 của toàn khoá học đều có quyền đăng ký các chuyên đề nghiên cứu khoa học. Những quy định này giúp SV có động lực cố gắng phấn đấu trong học tập để đạt ngưỡng có thể đăng

ký tham gia NCKH. Sinh viên được khuyến khích đưa ra ý tưởng và thực hiện nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm (khoảng từ 2-5 sinh viên) dưới sự hướng dẫn của 1-2 giảng viên và thực hiện trong một năm. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành Lâm sinh đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành Lâm sinh đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo như nghiên cứu bảo tồn rừng, gây trồng các loại lâm sản, nghiên cứu cấu trúc rừng, quản lý rừng bền vững, điều tra sinh khối rừng, nghiên cứu đất lâm nghiệp.... để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Nhiều đề tài của sinh viên đã có ý nghĩa thiết thực trong quá trình học tập và đào tạo tại trường của sinh viên. Sinh viên nghiên cứu khoa học sẽ có cơ hội học hỏi, nghiên cứu và hiểu rõ hơn về ngành học hay lĩnh vực khoa học mình muốn tìm hiểu và nghiên cứu. Hằng năm các đề tài NCKH sinh viên được nghiệm thu và đánh giá tốt sẽ được gửi dự thi các cấp như cấp trường, NCKH sinh viên toàn quốc... Kết quả tổng kết từ năm 2015 đến nay có 45 đề tài NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh, qua đó thực sự được áp dụng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo **[H10.10.04.01]**.

Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban theo đề xuất của hội đồng khoa học Khoa và được nhà trường ra quyết định. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong phiên toàn thể hội nghị NCKH SV. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, nhà trường xuất bản Kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải nhất cấp trường tại các tiểu ban. Các đề tài xuất sắc được công bố rộng rãi và tuyên dương trước các cuộc họp tổng kết phong trào NCKH **[H10.10.04.07]**. Với những chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Nhà trường, hằng năm mỗi chuyên đề nghiên cứu khoa học SV được hỗ trợ một phần kinh phí trực tiếp theo quy định sau khi nghiệm thu theo quy chế chi tiêu nội bộ. Bên cạnh đó hội đồng khoa học của Khoa và Nhà trường xét mức độ đáp ứng để trao những giấy khen và giải thưởng xứng đáng cho các công trình nghiên cứu khoa học của SV **[H10.10.04.05]**. Từ các chính sách khuyến khích và hỗ trợ của Nhà trường và nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học, hằng năm số lượng sinh viên cũng như số lượng đề tài NCKH sinh viên trong khoa càng tăng lên. Số liệu cụ thể được thể hiện qua các báo cáo tổng kết hoạt động NCKH SV từ năm 2013- 2018 **[H10.10.04.07]**.





**Bảng 10.3. Thống kê các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2019**

Năm học	Số sinh viên tham gia		Số chuyên đề NCKH		
	Đăng ký	Thực hiện	Đăng ký	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)
2014-2015	15	14	8	7	87,5
2015-2016	35	33	14	11	78,6
2016-2017	9	6	3	2	66,7
2017-2018	42	36	12	10	83,3
2018-2019	24	3	7	2	28,6
2019-2020	2	2	1	1	100

Nhìn chung, trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2019, sinh viên của Khoa Lâm học rất quan tâm đến lĩnh vực NCKH. Các buổi tọa đàm NCKH, sinh hoạt học thuật của cán bộ giảng viên trong khoa cũng thu hút được các em SV quan tâm và nhiệt tình tham gia NCKH.

## **2. Điểm mạnh**

Thông qua các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã được nghiệm thu và bài giảng/giáo trình được biên soạn, GV và SV khoa Lâm học đã vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học. Từ các hoạt động này, sinh viên trong khoa cũng đã nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của NCKH trong việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn nên đã rất tích cực hưởng ứng. Số lượng các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học ngày càng tăng, đã gắn kết được các kiến thức lý thuyết với thực tiễn và mối quan hệ giữa thầy và trò trong Khoa.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc tiếp cận các nguồn kinh phí phục vụ NCKH của các tổ chức nước ngoài, các đề tài dự án cấp Quốc gia còn hạn chế. Một số đề tài NCKH sinh viên không hoàn thành. Thông tin đánh giá hiệu quả của NCKH đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa đầy đủ. Chưa có tổng kết, đánh giá một cách cụ thể về tính hiệu quả của việc áp dụng các kết quả NCKH vào hoạt động dạy và học.

#### 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại: Đánh giá tính hiệu quả của việc áp dụng các nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực đào tạo của Khoa để nâng cao hiệu quả việc giảng dạy và học tập. Tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài: các tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Kết hợp các chương trình đề tài, dự án của các GV, để SV có thêm kinh phí thực hiện đề tài NCKH.	Khoa Lâm học, phòng KH&CN	Từ năm học 2020 – 2021
2	Phát huy điểm mạnh: Tăng cường số lượng SV tham gia NCKH.	Khoa Lâm học	Từ năm học 2020 – 2021

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

##### 1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao sẽ quyết định lớn đến chất lượng đào tạo sinh viên nói chung và ngành Lâm sinh nói riêng. Bên cạnh đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một trong những nhân tố quan trọng để tạo nên chất lượng đào tạo sinh viên. Trường ĐHLN có đầy đủ hệ thống thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho đào tạo, NCKH và vui chơi giải trí của CBVC và người học. Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dành cho giảng viên như Phiếu khảo sát CSVC [H10.10.01.02]. Ngoài ra, thu thập ý kiến từ phía

sinh viên và cựu sinh viên là: Phiếu khảo sát các môn học, Phiếu đánh giá chất lượng toàn khóa học [H10.10.01.02]. Việc khảo sát được tiến hành theo quy trình đã được phê duyệt và khảo sát sinh viên trước khi ra trường về Thư viện, Phòng thực hành thí nghiệm, hệ thống CNTT, hoạt động đoàn thể. Nhiệm vụ khảo sát ý kiến của CB, GV và sinh viên về chất lượng của cơ sở vật chất phục vụ đào tạo được giao cho Phòng KT&ĐBCL [H10.10.01.02].

Nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu học và đọc của cán bộ giảng viên, hằng năm nhà trường khảo sát lấy ý kiến đánh giá phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện nhằm rút kinh nghiệm và cải thiện chất lượng theo hướng phục vụ tốt nhất luôn được thư viện thực hiện thường xuyên (hàng năm) theo một quy trình chặt chẽ. Thư viện được phân công khảo sát ý kiến bạn đọc về công tác phục vụ và CSVC của thư viện [H10.10.05.01].

Trong 3 năm gần đây, từ 2017-2019, kết quả khảo sát giảng viên, người học về các dịch vụ tiện ích phục vụ gồm 16 tiêu chuẩn, được đánh giá theo 4 mức (rất hài lòng, hài lòng, chấp nhận được và không chấp nhận được) như: Thư viện (tiêu chuẩn 1-3), Phòng học, giảng đường (tiêu chuẩn 4-6), Phòng thực hành thí nghiệm (tiêu chuẩn 7-9), Phòng làm việc (tiêu chuẩn 10-12), Thiết bị công nghệ thông tin (tiêu chuẩn 13-16) [H10.10.05.03] được tổng hợp gửi cho các khoa/viện/ phòng ban chức năng.

**Bảng 10.5. Tổng hợp đánh giá dịch vụ tiện ích (mức độ hài lòng và rất hài lòng)**

Năm	Tiêu chuẩn 1-3 (%)	Tiêu chuẩn 4-6 (%)	Tiêu chuẩn 7-9 (%)	Tiêu chuẩn 10-12 (%)	Tiêu chuẩn 13-16 (%)
2017	54.2	48.9	53.0	48.8	38.7
2018	62.18	61.16	61.36	66.67	35.24
2019	62.51	60.68	59.12	54.59	48.89

Kết quả của Bảng 10.5 cho thấy các tiêu chuẩn 1-12 đều đạt > 50% và tăng theo thời gian về mức độ hài lòng và rất hài lòng. Tiêu chuẩn 13-16 tỷ lệ này có tăng theo thời gian nhưng vẫn chưa đạt 50%.

Hệ thống phòng thí nghiệm luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu và được đánh giá ở mức độ hài lòng và rất hài lòng từ 53-61.36%. Ngoài ra, Khoa Lâm học có Trung tâm

ngiên cứu Lâm nghiệp và Biến đổi khí hậu được thành lập nhằm hỗ trợ một cách hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, NCKH và sự vận hành CTĐT của Khoa cũng như của Nhà trường. Trung tâm được phân công quản lý và sử dụng trang thiết bị có sổ theo dõi và có kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị CSVC phục vụ đào tạo hằng năm thông qua kế hoạch tài chính và các yêu cầu cần sửa chữa trang thiết bị hằng năm [H10.10.05.04].

Nhà trường căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu sửa chữa trang thiết bị của các đơn vị sẽ tổng hợp và lập đề xuất, dự toán mua hoặc sửa chữa nâng cấp các trang thiết bị theo yêu cầu của đơn vị. Phòng Quản lý đầu tư là đơn vị phụ trách lập kế hoạch, dự toán và hồ sơ thầu, hợp đồng cung cấp trang thiết bị, chứng từ thanh toán [H10.10.05.09]. Đặc biệt trang thiết bị phòng thí nghiệm thực hành là vấn đề ưu tiên và luôn được đầu tư kinh phí hằng năm thông qua kế hoạch tài chính phân bổ kinh phí hằng năm [H10.10.05.09]. Qua đó, chất lượng dịch vụ được nâng lên đáng kể như: phòng máy tính được bảo dưỡng, nâng cấp để có thể hoạt động liên tục; các thiết bị đo hiện đại được bổ sung (máy đo khoảng cách bằng laser, máy định vị toàn cầu GPS, máy đo pH cầm tay, máy đo áp suất thẩm thấu, máy xác định các yếu tố đa lượng NPK), thư viện bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, phủ sóng WIFI toàn bộ các tòa nhà làm việc và một số giảng đường [H10.10.05.07], [H10.10.05.08].

Bên cạnh trang thiết bị phòng học và phòng thí nghiệm thì việc cải tiến cũng như nâng cao chất lượng phục vụ thư viện cũng được quan tâm. Thư viện cùng với các phòng ban chức năng căn cứ vào nhu cầu của bạn đọc và các khoa viện về tài liệu phục vụ giảng dạy hằng năm sẽ tiến hành ký kết các hợp đồng mua bán, in ấn tài liệu, biên bản ghi nhớ, hợp tác cung cấp CSDL để nâng cao số lượng đầu sách, tăng thời lượng và chất lượng phục vụ.... [H10.10.05.07].

Từ các ý kiến đóng góp Nhà trường cùng với Thư viện đã liên kết với nhiều đơn vị cung cấp thông tin và mua bản quyền khai thác dữ liệu trực tuyến như Proquest..., thời lượng phục vụ tại thư viện cũng tăng lên [H10.10.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong Nhà trường được đánh giá và cải tiến hàng năm, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội

ngộ và thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường đã đầu tư, cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

### 3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ hỗ trợ chưa được đánh giá thường xuyên như: công nghệ thông tin, chất lượng phục vụ của các phòng thí nghiệm/thực hành, thư viện. Những cải tiến, nâng cấp chưa được thể hiện rõ ràng sau khi có kết quả khảo sát.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khảo sát ý kiến thường xuyên của giảng viên và sinh viên về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ	Thư viện, Phòng HCTH; Trung tâm NCLN & PTBV, Khoa Lâm học	Thực hiện thường xuyên (từ năm 2021)	Phối hợp các bộ phận phụ trách

### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7điểm.

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Mô tả

Cơ chế thu nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan được tiến hành bởi nhiều đơn vị chức năng trong trường như Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo, Trung tâm XTĐT& DH, phòng CT&CTSV, Thư viện, Khoa Lâm học.

Phòng KT&ĐBCLĐT được thành lập năm 2012 và sửa đổi với chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ trong QĐ313/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31/03/2014 [H10.10.06.01]. Để thực hiện được nhiều đầu công việc mang tính hệ thống như vậy, phòng KT&ĐBCL đã có sự phân công nhiệm vụ giữa các cán bộ trong đơn vị rõ ràng hằng năm [H10.10.06.01].

Ngoài ra, Phòng Đào tạo cũng tham gia lấy ý kiến phản hồi của các khoa/viện về việc rà soát CTĐT và lấy ý kiến góp ý về CTĐT; trước khi giải thể năm 2018, Trung tâm

XTĐT&DH đã có quy định về khảo sát cựu sinh viên và Nhà tuyển dụng [H10.10.06.02]; trong tuần học chính trị dành cho sinh viên khóa mới, Phòng CT&CTSV cũng tiến hành khảo sát sinh viên; Với mục đích nâng cao chất lượng phục vụ, Thư viện cũng tiến hành khảo sát và lấy ý kiến góp ý của cán bộ giảng viên [H10.10.05.03]

Năm 2016, phòng KT&ĐBCL đã ban hành quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu SV và đơn vị tuyển dụng với mục đích tìm hiểu thông tin việc làm của sinh viên, nhu cầu tuyển dụng cũng như các ý kiến phản hồi để nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.06.02]. Theo đó, việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, cách thức tổ chức có hệ thống: Từ việc ban hành quy định khảo sát, [H10.10.06.02] thông báo khảo sát, lấy ý kiến, báo cáo kết quả khảo sát và cuối cùng gửi kết quả về các đơn vị có liên quan trong trường. [H10.10.06.04]

Có những công việc được làm thường xuyên như khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ, khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTĐT, khảo sát CVHT. Tuy nhiên, có những việc chưa được làm thường xuyên (khảo sát về CTĐT, khảo sát về CTDH đối với GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng) [H10.10.06.02], [H10.10.06.03]. Trong những năm gần đây, để đảm bảo tính khách quan đối với người học, hình thức lấy ý kiến trực tuyến (online) được áp dụng và thể hiện nhiều ưu việt.

Các kết quả khảo sát được phòng KT&ĐBCL tổng hợp thành báo cáo gửi về các đơn vị có liên quan. Đây là cơ sở để các đơn vị cải tiến công tác dạy học, công tác phục vụ giảng dạy và NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng đào tạo theo yêu cầu của xã hội [H10.10.06.04].

Tóm tắt về cơ chế phản hồi của các bên liên quan trong những năm qua như Phụ biểu 03.

Các thông tin thể hiện ở **Bảng 10.06.01** cho thấy có sự cải tiến về nội dung, cách thức khảo sát, bộ phận thực hiện khảo sát và các bộ phận sử dụng kết quả khảo sát theo các năm học. Dựa vào những kết quả điều tra, nhiều hoạt động cải tiến đã được tiến hành như: nâng cấp các thiết bị trong phòng học (máy chiếu, đèn chiếu sáng...), hoàn thiện về CSVC, CTĐT, khung chương trình môn học, trình độ của người dạy....[H10.10.06.05]. Những cải tiến này giúp trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của cơ quan tuyển dụng, của xã hội và trước mắt là đáp ứng một phần thị hiếu của người học hiện tại.

## 2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập, có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, cơ sở vật chất trang thiết bị.

Nhà trường cập nhật điều chỉnh các mẫu phản hồi, đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Tăng cường sử dụng đánh giá qua website, mạng internet. Các hình thức lấy ý kiến phản hồi đã được đa dạng hóa như: phỏng vấn online, qua điện thoại, . . . đã giúp cho việc thu thập ý kiến phản hồi một cách nhanh chóng và khách quan.

## 3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ các phòng ban có liên quan như phòng Tài chính kế toán, phòng Công tác chính trị và HSSV chưa được thực hiện thường xuyên. Nội dung khảo sát chưa được cải thiện nhiều qua các năm. Nhiều câu hỏi còn mang tính định tính, chưa được lượng hóa. Các mẫu phiếu phản hồi chưa được cập nhật đổi mới qua hằng năm và chưa cụ thể cho từng CTĐT, môn học và còn có sự lồng ghép nhiều nội dung trong 1 phiếu.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung, mục tiêu	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thường xuyên điều chỉnh các mẫu phản hồi, hình thức lấy ý kiến để thu thập được thông tin đa dạng.	Phòng KT&ĐBCL, Khoa	Thực hiện thường xuyên hàng năm
2	Các phòng ban có liên quan đến hoạt động dạy và học cũng cần được lấy ý kiến phản hồi để có thông tin đa chiều và đa dạng.	Các phòng ban và Khoa	Thực hiện bổ sung hàng năm

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.



## **TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA**

**Mở đầu:** Trường Đại học Lâm nghiệp là trường hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành Lâm nghiệp ở Việt Nam rất chú trọng đến hoạt động đánh giá kết quả đầu ra của sinh viên. Nhà trường đã thành lập và giao nhiệm vụ đến các phòng ban chức năng và các khoa để thống kê, đánh giá kết quả đầu ra của các ngành đào tạo trong trường.

Với Nhà trường nói chung và khoa Lâm học nói riêng thì hoạt động đánh giá kết quả đầu ra có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng. Hằng năm khoa Lâm học đã phối hợp với các phòng ban chức năng để thực hiện giám sát kết quả đầu ra, tổ chức thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ sinh viên buộc thôi học, thôi học, bảo lưu, lưu ban, vv. lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên.

Ngoài việc đào tạo lý thuyết và thực hành thực tập thì các hoạt động NCKH cho SV được cũng được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành Lâm sinh, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường được lên kế hoạch hằng năm và khuyến khích thực hiện.

Những nhận định trên được đánh giá theo những tiêu chí cụ thể như sau:

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### **1. Mô tả**

Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo và giao nhiệm vụ quản lý giám sát cụ thể cho Phòng Chính trị và Công tác HSSV (quản lý, theo dõi tình hình học tập, sinh hoạt... của sinh viên), Phòng đào tạo (tổ chức xét lưu ban, lên lớp, thôi học, ngừng học... của sinh viên) và Cố vấn học tập (theo dõi sát sao tình hình lớp sinh viên...) và hệ thống văn bản quản lý đào tạo [**H11.11.01.01**]. Từ khi thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ (từ khóa 53, năm học 2008-2009), sinh viên và cán bộ quản lý thực hiện quá trình đăng ký, theo dõi trên phần mềm (đăng ký học tín chỉ và tác nghiệp tín chỉ); điều này cho phép sự thống kê, giám sát trở nên thuận tiện hơn. Cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT hằng kỳ, hằng năm; đặc biệt là tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học hằng năm cho các khóa đào tạo được thống kê dễ dàng). Đồng thời Nhà trường đã thống kê sinh viên giai đoạn 2015-2020 về người học tham gia CTĐT như số SV trúng

tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống, diễn biến sinh viên trong các năm học, số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và muộn vv.[H11.11.01.02]. Cùng với đó Nhà trường đã tổ chức các kỳ học bổ sung nhằm đáp ứng nguyện vọng học trước tiến độ, học cải thiện điểm của sinh viên [H11.11.01.01].

Tình hình diễn biến sinh viên, đặc biệt tỷ lệ thôi học qua các khóa của ngành Lâm sinh được thống kê ở các bảng dưới đây. Số liệu được cập nhật đến ngày 22/07/2020. [H11.11.01.02].

**Bảng 11.1. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Cơ sở chính) [H11.11.01.02]**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học					Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)
					Tổng	Trong đó					
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học	Buộc thôi học		
	56	2011 - 2015	100	89					3	9	3,37
	57	2012 - 2016	84	84	2	3	1	6	2	6	13,10
	58	2013 - 2017	218	222	4		2	17	5	36	9,91
	59	2014 - 2018	197	210	5			15		48	7,14
	60	2015 - 2019	46	48			1	4		10	8,33
	61	2016 - 2020	66	63						54	0
<b>Trung bình</b>										<b>6,98</b>	

Kết quả thống kê bảng 11.1 cho thấy số lượng SV trúng tuyển nhập học của 2 khóa 58 và 59 nhiều hơn đáng kể so với 4 khóa 56, 57, 60 và 61, tỷ lệ thuận với điều đó là tỷ lệ sinh viên thôi học cũng nhiều hơn: 13,10% và 9,91%, so với tỷ lệ thôi học trung bình trong 5 năm 6,98% là cao gần gấp đôi. Trong tỷ lệ thôi học của SV thì từ khóa 59-61 không còn SV bị buộc thôi học, đồng thời số lượng SV xin thôi học giảm dần. Đặc biệt khóa 61 đến nay là năm thứ 4 nhưng không có SV xin thôi học hay buộc thôi học đã chứng minh chất lượng đào tạo của ngành cũng như tinh thần thái độ học tập của các em sinh viên ngày càng nâng cao.

**Bảng 11.2. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Phân hiệu) [H11.11.01.02]**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học				Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)
					Tổng	Trong đó				
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học		
	58	2013 - 2017	42	42			3	1	3	9,5
	59	2014 - 2018	25	25			3	2	1	20
	60	2015 - 2019	35	35			4	5	4	25,7
	61	2016 - 2020	12	12		1	1	4	2	41,67
<b>Trung bình</b>										<b>24,22</b>

Kết quả thống kê bảng 11.2 cho thấy số lượng SV trúng tuyển nhập học của ngành Lâm sinh ở phân hiệu Đồng Nai giảm dần từ khóa 58 đến khóa 61. Tuy nhiên tỷ lệ sinh viên thôi học lại tăng lên, đặc biệt là khóa 61 tỷ lệ sinh viên thôi học rất cao lên đến 41,67%. Phân hiệu nói riêng và Nhà trường nói chung cần có giải pháp khắc phục tình trạng thôi học đang tăng dần lên này.

**Bảng 11.3. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Toàn trường)**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học					Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)
					Tổng	Trong đó					
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học	Buộc thôi học		
	56	2011 - 2015	100	89					3	9	3,37
	57	2012 - 2016	84	84	2	3	1		2	6	13,10
	58	2013 - 2017	260	264	8		2	0	6	39	10,6
	59	2014 - 2018	222	235	0			8	2	49	8,51
	60	2015 - 2019	81	83	4		1		5	14	16,87
	61	2016 - 2020	78	75		1			4	56	8,0
<b>Trung bình</b>										<b>10,08</b>	

Qua số liệu tổng hợp tình hình thôi học của sinh viên ngành Lâm sinh toàn trường thấy rõ ràng sự biến động về tỷ lệ thôi học trên số lượng nhập học: Cụ thể tỷ lệ này thấp nhất là khóa 56 (3,37%), cao nhất là khóa 60 (16,87%). Số lượng SV thôi học tăng lên chủ yếu do nguyên nhân là: nhu cầu cá nhân, học lực, sức khỏe kém, một số ít là do hoàn cảnh khó khăn và Nhà trường đã ra quyết định đồng ý cho SV được thôi học **[H11.11.01.02]**; Các nguyên nhân thôi học chủ yếu của SV ngành Lâm sinh trong giai đoạn 2016-2020 này (theo đơn và quyết định cho SV thôi học) **[H11.11.01.02]** được tổng hợp ở bảng sau:

**Bảng 11.4. Thống kê số lượng và nguyên nhân sinh viên thôi học ngành Lâm sinh giai đoạn 2016-2020 (Cơ sở chính)**

Khóa	Tổng số SV thôi học	Hình thức thôi học		Nguyên nhân thôi học			
		Buộc thôi học	Xin thôi học	Do học lực	Gia đình khó khăn	Nhu cầu cá nhân	Sức khỏe yếu, Tai nạn,...
K57	1		1			1	
K58	6		6	1	2	3	
K59	7		7	1	1	4	1
K60	6		6		3	2	1
K61	3		3		2	1	

Sinh viên buộc thôi học và sinh viên xin thôi học thông thường sẽ viết đơn (trong đơn nêu rõ lý do xin thôi học) từ đó các bộ phận chức năng liên quan sẽ kiểm soát được nguyên nhân thôi học, tỷ lệ thôi học và Nhà trường sẽ ra quyết định cho thôi học [H11.11.01.02]. Từ khi chuyển sang học chế tín chỉ (K53, 2008), sinh viên có điểm tích lũy không đạt theo quy định sẽ bị cảnh báo học vụ ngay trên tài khoản cá nhân và bị buộc thôi học khi không đạt điểm tích lũy theo quy định. Tỷ lệ buộc thôi học do không đủ điểm tích lũy theo quy định thể hiện sự kiểm soát chất lượng của chương trình đào tạo, điều này thể hiện rõ ở các cuốn sổ tay học tập sinh viên [H11.11.01.02].

Số lượng sinh viên tốt nghiệp chương trình Lâm sinh theo các năm, các khóa thể hiện trên các bảng sau: (Số liệu được cập nhật đến ngày 22/07/2020) [H11.11.01.03].

**Bảng 11.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh  
giai đoạn 2015-2020 (Cơ sở chính)**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong		
			3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)
2011-2015 (K56)	89	77	0	51	26
		86,52%	0,00%	57,30%	29,21%
2012-2016 (K57)	84	66	0	49	17
		78,57%	0,00%	58,33%	20,24%
2013-2017 (K58)	222	162	0	116	46
		72,97%	0,00%	52,25%	20,72%
2014-201 (K59)	210	141	0	101	40
		67,14%	0,00%	48,10%	19,05%
2015-2019 (K60)	48	31	0	24	7
		64,58%	0,00%	50,00%	14,58%
2016-2020 (K61)	63	4	0	4	0
		6,35%	0,00%	6,35%	0,0%
<b>Trung bình</b>	<b>119</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>58</b>	<b>23</b>
		<b>63%</b>	<b>0%</b>	<b>45%</b>	<b>17%</b>

Từ bảng trên có thể thấy là trong giai đoạn 2015-2020, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành lâm sinh ở cơ sở chính giảm dần theo các khóa, cụ thể: K56 có tỷ lệ SV hoàn thành chương trình học cao nhất đạt 86,52%, K57 là 78,57%, K58 là 72,97%, K59 là 67,14%, K60 là 64,58% và thấp nhất là K61 với 6,35%. Tuy nhiên tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm chủ yếu là do bị buộc thôi học hoặc xin thôi học (đã thống kê ở bảng 11.1) và các em vẫn còn thời gian hoàn thành các tín chỉ còn nợ, cũng như gia hạn thời gian hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.



**Bảng 11.6. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh, giai đoạn 2015-2020 (Phân hiệu)**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong		
			3 năm (trước hạn)	4-4,5 năm (đúng hạn)	> 4,5 năm (quá hạn)
2011-2015 (K56)	Chưa đào tạo				
2012-2016 (K57)	Chưa đào tạo				
2013-2017 (K58)	42	35	0	35	0
		83,33%	0,0%	83,33%	0,0%
2014-2018 (K59)	25	19	0	19	0
		76,00%	0,0%	76,00%	0,0%
2015-2019 (K60)	35	22	0	22	0
		62,86%	0,0%	62,86%	0,0%
2016-2020 (K61)	12	4	0	4	0
		33,33%	0,0%	33,33%	0,0%
<b>Trung bình</b>	<b>28,5</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
		<b>63,88%</b>	<b>0,0%</b>	<b>63,88%</b>	<b>0,0%</b>

Từ bảng trên có thể thấy là trong giai đoạn 2017-2020, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành lâm sinh ở phân hiệu giảm dần theo các khóa, cụ thể: K58 có tỷ lệ SV hoàn thành chương trình học cao nhất đạt 83,33%, K59 là 76,00%, K60 là 62,86% và thấp nhất là K61 với 33,33% (riêng K56 và K57 chưa đào tạo). Tuy nhiên tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm chủ yếu là do bị buộc thôi học hoặc xin thôi học (đã thống kê ở bảng 11.02).

Tổng hợp từ 2 bảng 11.5 và 11.6, số lượng sinh viên tốt nghiệp chương trình Lâm sinh toàn trường giai đoạn 2015-2020 được thống kê ở bảng sau:

**Bảng 11.7. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành Lâm sinh giai đoạn 2015-2020**  
(Toàn trường)

Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong		
			3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)
2011-2015 (K56)	89	77	0	51	26
		86,52%	0,0%	57,3%	29,21%
2012-2016 (K57)	84	66	0	49	17
		78,57%	0,0%	58,33%	20,24%
2013-2017 (K58)	264	197	0	151	46
		74,62%	0,0%	57,20%	17,42%
2014-2018 (K59)	235	160	0	120	40
		68,09%	0,0%	51,06%	17,02%
2015-2019 (K60)	83	53	0	46	7
		63,86%	0,0%	55,42%	8,43%
2016-2020 (K61)	75	8	0	8	0
		10,67%	0,0%	10,67%	0,00%
<b>Trung bình</b>	<b>148</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>78</b>	<b>23</b>
		<b>67,76%</b>	<b>0,0%</b>	<b>78%</b>	<b>23%</b>

Từ kết quả thống kê ở bảng 11.7 cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp có sự biến động qua các năm, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp có xu hướng giảm dần từ khóa 56 đến khóa 61, nguyên nhân chủ yếu là một số SV đã bị buộc thôi học, xin thôi học và các em vẫn còn thời gian hoàn

thành các tín chỉ còn nợ, cũng như gia hạn thời gian hoàn thành khóa luận tốt nghiệp dẫn đến tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp còn khá cao, cá biệt là khóa 61 (10,67%).

Hàng năm Phòng Đào tạo đều xây dựng báo cáo tổng kết kế hoạch đào tạo và đề ra nhiệm vụ kế hoạch đào tạo năm học tiếp theo trong đó có đề cập đến các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu của người học (trang 24 báo cáo tổng kết KHĐT năm học 2017-2018) [H11.11.01.03]. Thông qua đó Nhà trường cũng tổ chức Hội nghị công tác kế hoạch đào tạo trong đó có đề cập đến kết quả tốt nghiệp của SV và đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp cần khắc phục trong năm học tiếp theo, điển hình là giải pháp bố trí giảng viên giảng dạy học kỳ hè nhằm tạo điều kiện cho SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.01.03].

Song song với giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo thì việc tăng cường hoạt động của các Cố vấn học tập là giải pháp quan trọng trong công tác quản lý sinh viên để giảm tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp muộn nên Nhà trường có quy định về công tác cố vấn học tập và hàng năm đánh giá công tác đó [H11.11.01.04].

Để quản lý, theo dõi và giám sát tình hình SV bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp..., hàng năm Nhà trường đã tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV, quy định về thời gian họp thường kỳ các lớp SV (1 tháng 1 lần), các CVHT có các báo cáo hằng tháng, hằng năm, các lớp có biên bản họp lớp hằng tháng [H11.11.01.04].

Kết quả xếp loại sinh viên tốt nghiệp ngành lâm sinh các khóa gần đây được thể hiện qua các bảng sau:

**Bảng 11.8. Phân loại tốt nghiệp ngành Lâm sinh (Cơ sở chính)**

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2011 – 2015 (K56)	89	77	0	0	9	32	10	0	0	7	19
			0,0%	0,0%	11,69%	41,56%	12,99%	0,00%	0,00%	9,09%	24,68%
2012 – 2016 (K57)	84	66	0	0	6%	34	9	0	0	2	15
			0,0%	0,0%	9,09%	51,52%	13,64%	0,0%	0,0%	3,03%	22,73%
2013 – 2017 (K58)	222	162	0	1	8	90	17	0	0	17	29
			0,0%	0,45%	4,94%	55,56%	10,49%	0,0%	0,0%	10,49%	17,90%
2014 – 2018 (K59)	210	141	0	0	15	68	18	0	0	19	21
			0,0%	0,0%	10,64%	48,23%	12,77%	0,0%	0,0%	13,48%	14,89%

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2015 – 2019 (K60)	48	31	0	0	7	13	4	0	1	3	3
			0,0%	0,0%	22,58%	41,94%	12,90%	0,0%	3,23%	9,68%	9,68%
2016 – 2020 (K61)	63	4	0	1		2	1	0	0	0	0
			0,0%	25,00	0,0%	50,00%	25,00%	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%

Kết quả tốt nghiệp của sinh viên ngành lâm sinh tại cơ sở chính đạt loại khá trở lên chiếm trên 50 - 75%, đặc biệt là khóa 58 và khóa 61 đều có SV đạt kết quả tốt nghiệp loại xuất sắc.

**Bảng 11.9. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Phân hiệu)**

Khóa học	Trúng	Tổng	Xếp loại	Xếp loại TN đúng hạn	Xếp loại TN Muộn
----------	-------	------	----------	----------------------	------------------

	<b>tuyển nhập học</b>	<b>số người hoàn thành chương trình</b>	<b>TN sớm</b>	<b>Xuất sắc</b>	<b>Giỏi</b>	<b>Khá</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Xuất sắc</b>	<b>Giỏi</b>	<b>Khá</b>	<b>Trung bình</b>
Chưa đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Chưa đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			0%	0%	0%	0%	0	0	0	0	
2013 – 2017 (K58)	42	35	0	0	2	24	1	0	0	0	0
			0,00%	0,00%	5,71%	68,57%	2,86%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2014 – 2018 (K59)	25	19	0	0	4	10	5	0	0	0	0
			0,00%	0,00%	21,05%	52,63%	26,32%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2015 – 2019 (K60)	35	22	0	0	4	15	3	0	0	0	0
			0,00%	0,00%	18,18%	68,18%	13,64%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
2016 – 2020 (K61)	12	4	0	0	0	3	1	0	0	0	0
			0,00%	0,00%	0,00%	75,00%	25,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Kết quả tốt nghiệp của sinh viên ngành lâm sinh tại Phân hiệu của các khóa từ 58-61 chủ yếu là đạt loại khá trở lên: chiếm trên 73-86%.

**Bảng 11.10. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Toàn trường)**

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2011 – 2015 (K56)	89	77	0	0	9	32	10	0	0	7	19
			0,00%	0,00%	11,69%	41,56%	12,99%	0,00%	0,00%	9,09%	24,68%
2012 – 2016 (K57)	84	66	0	0	6	34	9	0	0	2	15
			0,00%	0,00%	9,09%	51,52%	13,64%	0,00%	0,00%	3,03%	22,73%
2013 – 2017 (K58)	264	162	0	1	8	90	17	0	0	17	29
			0,00%	0,45%	4,94%	55,56%	10,49%	0,00%	0,00%	10,49%	17,90%
2014 – 2018 (K59)	235	141	0	0	15	68	18	0	0	19	21
			0,00%	0,00%	10,64%	48,23%	12,77%	0,00%	0,00%	13,48%	14,89%
2015 – 2019 (K60)	83	31	0	0	7	13	4	0	1	3	3
			0,00%	0,00%	22,58%	41,94%	12,90%	0,00%	3,23%	9,68%	9,68%

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2016 – 2020 (K61)	75	4	0	1	0	2	1	0	0	0	0
			0,00%	25,00%	0,00%	50,00%	25,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Thông kê kết quả tốt nghiệp của sinh viên đạt loại khá trở lên của toàn trường trong giai đoạn 2015-2020 là từ 53 đến 75%. Đây là tỷ lệ khá cao và phản ánh được chất lượng học tập của sinh viên ngành lâm sinh.

Đối sánh với ngành QLTNR (xem bảng 11.11) [H11.11.01.05] là một ngành tách ra từ khoa Lâm học có thể thấy rằng số lượng sinh viên đầu vào của ngành lâm sinh trong giai đoạn 2015-2020 ít hơn so với ngành QLTNR nguyên nhân là do nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên xét về số lượng và tỷ lệ SV thôi học, bảo lưu, tốt nghiệp, vv. thì có phần như nhau. Thông kê cụ thể về tình hình SV ngành QLTNR tính đến ngày 22/07/2020 được thể hiện ở bảng sau:



**Bảng 11.11. Thống kê Sinh viên đầu vào, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành QLTNR giai đoạn 2015-2020****[H11.11.01.05]**

<b>TT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Tổng số sinh viên</b>	<b>Đang học</b>	<b>Tạm ngừng học</b>	<b>Nghỉ học tạm thời</b>	<b>Thôi học</b>	<b>Buộc thôi học</b>	<b>Tốt nghiệp</b>	<b>Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)</b>	<b>Tỷ lệ SV tốt nghiệp được xác lập (%)</b>
1	K56	209	16	3	0	7	12	171	<b>9,09</b>	<b>81,82</b>
2	K57	148	20	6	0	1	6	115	<b>4,73</b>	<b>77,7</b>
3	K58	395	87	0	0	27	6	273	<b>8,35</b>	<b>69,11</b>
4	K59	312	83	0	2	19	0	201	<b>6,09</b>	<b>64,42</b>
5	K60	186	69	0	1	11	0	100	<b>5,91</b>	<b>53,76</b>
6	K61	76	72	0	0	3	0	0	<b>3,95</b>	<b>0</b>
<b>Trung bình</b>									<b>6,35</b>	<b>57,8</b>

Cũng như ngành lâm sinh, ngành QLTNR cũng có tỷ lệ sinh viên thôi học, buộc thôi học khá cao (trung bình 6,35%): Nguyên nhân thôi học của SV ngành QLTNR chủ yếu là do nhu cầu cá nhân, ngoài ra có các nguyên nhân khác như không theo kịp tiến độ và gia đình khó khăn... và Nhà trường đã ra quyết định đồng ý cho SV được thôi học **[H11.11.01.05]**; Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành QLTNR (cơ sở chính) đạt 57,8%, tỷ lệ này thấp hơn so với của ngành Lâm sinh - 63% (cơ sở chính). Cũng giống như ngành Lâm sinh, nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV ngành QLTNR chủ yếu là vì các em vẫn còn thời gian hoàn thành các tín chỉ còn nợ, học nâng điểm... dẫn đến tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp còn khá cao như khóa 60 (46,24%).

Đối sánh với ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020:

**Bảng 11.12. Thống kê Sinh viên đầu vào, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 [H11.11.01.05]**

<b>TT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Tổng số sinh viên</b>	<b>Đang học</b>	<b>Tạm ngừng học/Nghỉ học tạm thời</b>	<b>Thôi học</b>	<b>Buộc thôi học</b>	<b>Tốt nghiệp</b>	<b>Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)</b>	<b>Tỷ lệ SV tốt nghiệp được xác lập (%)</b>
1	K43	108	2	1	5	7	93	<b>11,11</b>	<b>86,11</b>
2	K44	40	0	3	2	6	29	<b>20,00</b>	<b>72,50</b>
3	K45	159	6	13	4	14	122	<b>11,32</b>	<b>76,73</b>
4	K46	212	26	23	6	50	107	<b>26,42</b>	<b>50,47</b>
5	K47	77	9	3	8	13	44	<b>27,27</b>	<b>57,14</b>
6	K48	39	9	3	1	3	23	<b>10,26</b>	<b>58,97</b>
<b>Trung bình</b>								<b>17,73</b>	<b>66,99</b>

Từ kết quả thống kê của biểu 11.12 có thể thấy là ngành QLTNR của Trường Đại học Thái Nguyên có tỷ lệ sinh viên thôi học, buộc thôi học rất cao (trung bình 17,73). Tỷ lệ này cao hơn hẳn so với tỷ lệ sinh viên thôi học của ngành Lâm sinh-Trường Đại học Lâm nghiệp (trung bình 10,08%). Còn tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV ngành QLTNR - ĐH Thái Nguyên là đạt 66,99%, tỷ lệ này thấp hơn so với của ngành Lâm sinh - Trường Đại học Lâm nghiệp - 67,76% (toàn trường).

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên các khóa. Sinh viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên trong quá trình đào tạo.

Sinh viên thôi học được kiểm soát tốt, quy trình xin thôi học được thực hiện đầy đủ từ việc SV viết đơn nêu rõ lý do xin thôi học vì vậy đã giúp tìm hiểu nguyên nhân sinh viên thôi học. Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê và khảo sát; đưa ra các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ sinh viên thôi học.

Quy trình xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp đại học cho sinh viên hệ chính quy kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng được thực hiện tốt nhằm kiểm soát đầu ra của sinh viên, đồng thời cho phép sinh viên hoãn tốt nghiệp để có thời gian tích lũy điểm cao hơn nhằm nâng hạng tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác đánh giá về nguyên nhân thôi học và chưa tốt nghiệp mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá khái quát là chủ yếu do nhu cầu cá nhân của SV chứ chưa có đánh giá toàn diện để tìm ra nguyên nhân cụ.

#### 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Tìm ra đầy đủ nguyên nhân tỉ lệ sinh viên thôi học để cải tiến kịp thời	Có các điều tra tâm tư nguyện vọng của sinh viên đang học đối với ngành nghề, việc làm và khả năng học tập. Giáo dục tính yêu nghề, yêu ngành cho sinh viên.	Phòng CT&CTSV, Khoa đào tạo, Các Cố vấn học tập	Thực hiện thường xuyên
Giám sát thông tin đối với sinh viên có khả năng bỏ học, tốt nghiệp muộn.	Tăng cường công tác liên hệ với sinh viên, gia đình sinh viên có học lực yếu, chưa tốt nghiệp.	Phòng CT&CTSV, Khoa đào tạo, Các Cố vấn học tập	Thực hiện thường xuyên
Tìm hiểu tình hình sinh viên sau khi thôi học	Liên lạc với sinh viên theo các kênh, giao cho cố vấn học tập và trợ lý sinh viên thực hiện.	Khoa đào tạo	Từ năm học 2020-2021
Đối sánh với CTĐT các cơ sở đào tạo khác	Thực hiện các đối sánh với CTĐT khác về tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp.	Khoa đào tạo và Phòng KT&KĐCL	Từ năm học 2020-2021
Dự đoán tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp cho các khóa	Khoa đào tạo và Phòng KT&KĐCL	Từ năm học 2020-2021

#### 5. Tự đánh giá: 5/7 điểm

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

Để giám sát quá trình tốt nghiệp của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo và giao nhiệm vụ quản lý giám sát cụ thể cho Phòng Chính trị và Công tác HSSV và Phòng đào tạo đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01].

Thời gian tốt nghiệp đúng hạn của sinh viên theo Quy chế đào tạo cho ngành Lâm sinh trình độ đại học là: hệ chính quy 4,0 năm; hệ liên thông từ trung cấp 2,5 năm; hệ liên thông từ cao đẳng 1,5 năm; hệ VLVH 4,5 năm. Thời gian tốt nghiệp có thể bị kéo dài hơn nếu sinh viên không hoàn thành các môn học theo đúng tiến độ mà phải cần thêm thời gian để tích lũy đủ điểm tốt nghiệp hoặc muốn nâng cao hạng tốt nghiệp hoặc do các nguyên nhân khác như bảo lưu do sức khỏe, kinh tế của gia đình gặp khó khăn. [H11.11.02.02]

Phòng Đào tạo đã thống kê số lượng và thời gian tốt nghiệp về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là đã có cơ sở dữ liệu của SV khóa K56 - K61 ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 được cập nhật đến ngày 22 tháng 07 năm 2020 [H11.11.02.03].

Thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng khóa được tính theo công thức:

$$\sum_{i=1}^n \frac{SSV_i * i}{TSSV}$$

**Trong đó:**  $SSV_i$  là số lượng sinh viên tốt nghiệp năm thứ  $i$

$i$  là số năm đào tạo tương ứng với năm thứ  $i$ ,  $i = 3, 4, \dots, n$  ( $i > 4$  tạm tính trung bình là 5 năm)

TSSV là tổng số sinh viên đã tốt nghiệp toàn khóa.

Thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2020 được thống kê ở các bảng sau:

**Bảng 11.13. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2020**

## (Cơ sở chính) [H11.11.02.03]

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
				3 năm		4 năm		>4 năm		
				Số lượng	(%)	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng
2011-2015 (K56)	89	77	86,52	0	0	51	66,23	26	33,77	<b>4,3</b>
2012-2016 (K57)	84	66	78,57	0	0	49	74,24	17	25,76	<b>4,3</b>
2013-2017 (K58)	222	162	72,97	0	0	116	71,60	46	28,40	<b>4,3</b>
2014-2018 (K59)	210	141	67,14	0	0	101	71,63	40	28,37	<b>4,3</b>
2015-2019 (K60)	48	31	64,58	0	0	24	77,42	7	22,58	<b>4,2</b>
2016-2020 (K61)	63	4	6,35	0	0	4	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>
<b>Trung bình</b>										<b>4,2</b>

Từ năm 2015 đến 2020 sinh viên ngành lâm sinh ở cơ sở chính tốt nghiệp hầu hết là đúng hạn (đạt tỷ lệ 66-75%), riêng khóa 61 mới chỉ tạm tính tốt nghiệp đợt 1 đạt 100% tốt nghiệp đúng hạn. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Lâm sinh cơ sở chính dao động từ 4,0 - 4,3 năm, trung bình là 4,2 năm.

**Bảng 11.14. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Phân hiệu) [H11.11.02.03]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
				3 năm		4 năm		>4 năm		
		Số lượng	(%)	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Năm
2011-2015 (K56)	Chưa đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2012-2016 (K57)	Chưa đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2013-2017 (K58)	42	35	83,33	0	0	35	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>
2014-2018 (K59)	25	19	76,00	0	0	19	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>
2015-2019 (K60)	35	22	62,86	0	0	22	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>
2016-2020 (K61)	12	4	33,33	0	0	4	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>
<b>Trung bình</b>										<b>4,0</b>

Từ năm 2015 đến 2020 sinh viên ngành lâm sinh ở Phân hiệu tốt nghiệp 100% đúng hạn nên thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Lâm sinh - Phân hiệu là 4,0 năm.

**Bảng 11.15. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Toàn trường) [H11.11.02.03]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
				3 năm		4 năm		>4 năm		
				Số lượng	(%)	Số lượng	%	Số lượng	%	
2011-2015 (K56)	89	77	86,52	0	0	51	66,23	26	33,77	<b>4,34</b>
2012-2016 (K57)	84	66	78,57	0	0	49	74,24	17	25,76	<b>4,26</b>
2013-2017 (K58)	264	197	74,62	0	0	151	76,65	46	23,35	<b>4,23</b>
2014-2018 (K59)	235	160	68,09	0	0	120	75,00	40	25,00	<b>4,25</b>
2015-2019 (K60)	83	53	63,86	0	0	46	86,79	7	13,21	<b>4,13</b>
2016-2020 (K61)	75	8	10,67	0	0	8	100,00	0	0,00	<b>4,00</b>
<b>Trung bình</b>										<b>4,2</b>

Từ năm 2015 đến 2020 sinh viên ngành lâm sinh (toàn trường) tốt nghiệp hầu hết là đúng hạn (đạt tỷ lệ 66-87%), riêng khóa 61 mới chỉ tạm tính tốt nghiệp đợt 1 đạt 100% tốt nghiệp đúng hạn. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Lâm sinh dao động từ 4,0-4,35 năm, riêng khóa 2016-2020 (K61) mới chỉ tốt nghiệp 1 đợt nên có giá trị tạm tính là 4,0 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình các khóa là 4,2 năm tương ứng với thời việc kéo dài thời gian đào tạo là  $4,2/4,0 \times 100\% = 105\%$  hay



thêm khoảng 5% thời gian đào tạo nữa.

Nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV chủ yếu là do điểm tích lũy chưa đạt 2.0 dẫn đến học nâng điểm nhiều và các yếu tố xã hội tác động chưa phân tích được nguyên nhân. Theo kết quả thống kê từ bảng 11.15 có thể dễ dàng nhận thấy là thời gian tốt nghiệp trung bình từ khóa 56 đến khóa 61 là giảm dần (từ 4,34 năm giảm xuống 4,0 năm), đây là tín hiệu tích cực cho thấy các giải pháp của Nhà trường như: mở nhiều lớp học bổ sung, tổ chức nhiều đợt tốt nghiệp trong năm... [H11.11.02.04] để rút ngắn thời gian tốt nghiệp cho sinh viên là khả thi và có hiệu quả cao.

Để xét công nhận tốt nghiệp của SV trong đó có SV ngành Lâm sinh, hằng năm Nhà trường đã tổ chức họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học. Hằng năm Nhà trường cũng tổ chức Hội nghị công tác kế hoạch đào tạo trong đó có đề cập đến kết quả tốt nghiệp của SV trong đó có SV ngành Lâm sinh và đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp cần khắc phục trong năm học tiếp theo [H11.11.02.03].

Đặc biệt Nhà trường Phòng đào tạo hỗ trợ sinh viên đăng ký học, tư vấn online qua hệ thống đào tạo tín chỉ, facebook đăng ký học, mở các lớp học hè, học bổ sung [H11.11.02.04]; Nhà trường xét tốt nghiệp 3 tháng 1 lần vào các tháng 3,6,9,12, cũng tạo điều kiện cho sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp; Các đợt này sinh viên viết đơn xin xét tốt nghiệp hoặc xin hoãn tốt nghiệp [H11.11.01.04].

Để quản lý, theo dõi và giám sát tình hình SV bảo lưu, tốt nghiệp, chưa tốt nghiệp vv. hằng năm Nhà trường đã tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV, quy định về thời gian họp thường kỳ các lớp SV (1 tháng 1 lần), các CVHT có các báo cáo hằng tháng, hằng năm, các lớp có biên bản họp lớp hằng tháng [H11.11.02.04].

Khoa Lâm học cũng đã tổ chức các cuộc học rà soát, phân tích nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn và tổng kết đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.04].

Đối sánh về tình hình tốt nghiệp của SV ngành Lâm sinh với ngành QLTNR: Kế thừa kết quả ở bảng 11.02.02 trang 189 của Báo cáo Tự đánh giá ngành QLTNR - Trường ĐH Lâm nghiệp năm 2019.

**Bảng 11.16. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành QLTNR qua các năm 2015-2020****[H11.11.02.05]**

Khóa đào tạo	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp			Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	
			QLTNR (đúng hạn)	QLTNR (toàn khóa)	Trung bình các CTĐT của Trường	QLTNR	Trung bình các CTĐT của Trường
2010-2014	188	150	71.3	79.8	87.2	4.17	4.15
2011-2015	209	171	62.2	81.8	87.3	4.30	4.18
2012-2016	158	123	58.2	77.8	76.2	4.28	4.11
2013-2017	516	365	62.4	70.7	72.2	4.15	4.18
2014-2018	401	272	58.1	67.8	67.0	4.14	4.18
2015-2019	323	156	48.3	48.3	45.9	4.00	
<b>Trung bình</b>		<b>1237</b>				<b>4.2</b>	

Qua số liệu tại các bảng 11.15 và 11.16 có thể nhận thấy rằng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành Lâm sinh tương đương với tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành QLTNR với thời gian trung bình là 4,2 năm. Nguyên nhân chính dẫn đến kết quả sinh viên của 2 ngành tốt nghiệp muộn và chưa tốt nghiệp đều tương đồng nhau là do không đảm bảo tiến độ tích lũy điểm hoặc sinh viên muốn điểm tổng kết cao hơn (xin hoãn tốt nghiệp để học nâng điểm các học phần có điểm D).

Đối sánh với ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020:

**Bảng 11.17. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Quản lý Tài nguyên rừng, Trường ĐH Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 [H11.11.01.05]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
		Số lượng	(%)	3 năm		4 năm		>4 năm		
				Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Năm
2011-2015 (K43)	108	93	86,11	0	0	82	88,17	11	11,83	<b>4,1</b>
2012-2016 (K44)	40	33	82,50	0	0	23	69,70	10	30,30	<b>4,3</b>
2013-2017 (K45)	159	129	81,13	0	0	90	69,77	39	30,23	<b>4,3</b>
2014-2018 (K46)	212	150	70,75	0	0	105	70,00	45	30,00	<b>4,3</b>
2015-2019 (K47)	77	55	71,43	0	0	29	52,73	26	47,27	<b>4,5</b>
2016-2020 (K48)	39	28	71,79	0	0	17	60,71	11	39,29	<b>4,4</b>
<b>Trung bình</b>										<b>4,3</b>

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành QLTNR ở Trường Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2015-2020 là 4,3 năm, dài hơn so với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Lâm sinh - Trường ĐH Lâm nghiệp. Điều này cho thấy các giải pháp hỗ trợ rút ngắn thời gian tốt nghiệp của Nhà trường, Khoa và các phòng ban chức năng là có hiệu quả.

## 2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giám sát người học được Nhà trường và Khoa triển khai đồng bộ. Nhà trường đã có những kế hoạch như mở các lớp học bổ sung, học lại, học hè; tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành chương trình sớm để tốt nghiệp đúng tiến độ, hỗ trợ học bổng cho sinh viên đã góp phần giảm số thời gian tốt nghiệp trung bình. Khoa cũng triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và đẩy mạnh công tác quản lý sinh viên, tìm hiểu phân tích nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn và tổng kết đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

## 3. Điểm tồn tại

Một số SV trả nợ học phần gặp khó khăn do các lý do: Lịch học trùng lặp; Số lượng môn học cần học bổ sung, nâng điểm nhiều nên thời gian tốt nghiệp tăng lên. Ngoài ra do các yếu tố tác động do xã hội và gia đình dẫn đến SV chưa tốt nghiệp đúng hạn.

Số lượng sinh viên chưa tốt nghiệp chiếm tỷ lệ đáng kể, thời gian tốt nghiệp kéo dài. Đây là điều cần khắc phục, cần tăng cường các giải pháp nhằm hỗ trợ lượng sinh viên này. Khoa chưa thực sự kiểm soát được thời gian tốt nghiệp trung bình, chưa phân tích triệt để nguyên nhân để giảm thời gian tốt nghiệp trung bình. Khoa chưa có đối sánh với nhiều CTĐT khác trong và ngoài nước. Chưa có Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp.

## 4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
Nâng cao tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Hỗ trợ	Hỗ trợ sinh viên đăng ký học bổ sung. Liên hệ với gia đình sinh viên cùng có biện pháp quản lý sinh viên	Khoa đào tạo, Cố vấn học tập, Phòng Đào tạo	Thực hiện thường xuyên

<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
sinh viên tốt nghiệp muộn.	tốt nghiệp chậm, sinh viên đang học và cả sinh viên mới bắt đầu học. Huy động các nguồn lực cung cấp học bổng cho các sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên học giỏi...		
Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo.	Thường xuyên tổ chức các hội nghị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Tăng cường các hoạt động quản lý hoạt động dạy-học của giảng viên và sinh viên.	Khoa đào tạo, Cố vấn học tập, Phòng Đào tạo	Thực hiện thường xuyên
Bổ sung tài liệu về quản lý sinh viên	Bổ sung Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp	Phòng đào tạo	Từ năm học 2020-2021
Đổi sánh để nâng cao chất lượng	Thực hiện đổi sánh trong và ngoài nước thường xuyên, có phân tích và báo cáo nhằm nâng cao chất lượng	Khoa đào tạo và Phòng KT&KĐCL	Từ năm học 2020-2021

**5. Tự đánh giá:** 5/7 điểm.

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đổi sánh để cải tiến chất lượng***

**1. Mô tả**

Tại Khoa Lâm học, sinh viên luôn được các giảng viên tạo điều kiện cũng như quan tâm hỗ trợ tốt nhất để phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết trong học tập và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, sinh viên thường xuyên được áp dụng các kiến thức kỹ năng về thực tế, vì vậy sinh viên Khoa Lâm học, trường Đại học Lâm nghiệp, có ưu thế cạnh tranh rất lớn so với sinh viên cùng chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo khác sau khi tốt nghiệp.

Hiện nay, nhu cầu của người học là sau khi tốt nghiệp sẽ có được việc làm, đúng ngành nghề đào tạo, có mức thu nhập phù hợp, môi trường làm việc ổn định, phát huy được năng lực đã được đào tạo trong nhà trường. Đây cũng chính là mục tiêu Đào tạo của Cán bộ, Giảng viên Khoa Lâm học. Để đạt được mục tiêu này, Khoa Lâm học đã và đang cùng với Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp tích cực như rà soát chương trình đào tạo; điều chỉnh và xây dựng chuẩn đầu ra căn cứ theo nhu cầu xã hội; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập **[H11.11.03.01]**.

Song song với các biện pháp kể trên, Nhà trường đã thành lập TTXTĐT&DH theo Quyết định số 139/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 19 tháng 1 năm 2018 **[H11.11.03.01]**, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Trung tâm là tổng hợp, phân tích số liệu và xây dựng báo cáo số liệu liên quan đến các hoạt động xúc tiến và tư vấn việc làm ; tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên; Điều tra đánh giá nhu cầu về việc làm; định kỳ điều tra xây dựng báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến phù hợp. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2018 TTXTĐT&DH giải thể, việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên ra trường được Nhà trường giao cho phòng KT&ĐBCL thực hiện theo quyết định số 2331**[H11.11.03.01]**.

Nhà trường cùng với Khoa Lâm học đã tiến hành khảo sát tình trạng việc làm qua các tiêu chí: Tình trạng việc làm; Khu vực làm việc chủ yếu; Mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng của việc làm của sinh viên tốt nghiệp; Nhu cầu học thêm của sinh viên sau khi tốt nghiệp; Cảm nghĩ của sinh viên về Trường sau khi tốt nghiệp... cụ thể theo mẫu phiếu khảo sát thông tin dành cho cựu sinh viên Đại học Lâm Nghiệp **[H11.11.03.02]**.

Các phương pháp khảo sát được tiến hành đa dạng : Thông qua ban liên lạc các lớp, các khóa thành lập theo Quyết định số 1096/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 20/5/2018 của Hiệu trưởng **[H11.11.03.01]**; Gửi email kèm đường link phiếu khảo sát điện tử (<https://goo.gl/forms/KmAzsAZ8LmRRroex1>) tới những sinh viên có địa chỉ email; - Gọi điện tới những cựu sinh viên có số điện thoại để khảo sát nhanh bằng điện thoại thông qua một số nội dung chính của phiếu khảo sát.

- Gửi thư kèm phiếu khảo sát theo địa chỉ thư tới những cựu sinh viên không có điện thoại, email [H11.11.03.02].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của nhà trường và Khoa Lâm học qua các năm 2015-2019 với đối tượng khảo sát là cựu sinh viên các khóa K56, K57, K58, K59 cho thấy, sinh viên ngành Lâm học có việc làm với tỷ lệ cao hơn so với ngành Quản lý tài nguyên rừng và thấp hơn so với ngành Quản trị kinh doanh trong trường cụ thể được trình bày ở bảng 11.5 [H11.11.03.02]; So với một số ngành Nông Lâm ngư nghiệp của Đại học Nông Lâm Bắc Giang thì tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành Lâm sinh cao hơn [H11.11.03.04] (*Xem chi tiết Phụ biểu 13*)

Kết quả ở phụ biểu 13 cho thấy sinh viên ngành Lâm sinh phần lớn ra trường làm việc tại các cơ quan Nhà nước, tại các khu vực tư nhân và liên doanh còn thấp. Điều này đặt ra một nhiệm vụ mới cho Nhà trường cũng như Khoa Lâm học trong những năm gần đây là làm sao phải gia tăng tỷ lệ việc làm cho sinh viên ở các doanh nghiệp tư nhân và liên doanh. Theo đó, Nhà trường đã đẩy mạnh và gia tăng thời lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp gắn với các cơ sở sản xuất, xây dựng học kỳ doanh nghiệp [H11.11.03.03] nhằm phát triển kỹ năng thực hành cho sinh viên, giúp sinh viên làm quen với thực tiễn sản xuất và tiếp cận Nhà tuyển dụng ngay khi còn ngồi trên ghế Nhà trường.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa tìm được việc làm chiếm khoảng 13% - 22%. Những nguyên nhân sinh viên chưa có việc làm sau tốt nghiệp được tổng kết, đánh giá trong “ Báo cáo khảo sát cựu sinh viên, nhà tuyển dụng năm 2017”, “ Báo cáo khảo sát đơn vị tuyển dụng lao động năm 2018, 2019” trong đó chủ yếu tập trung vào: do đặc thù ngành nghề; do một số sinh viên thiếu kỹ giao tiếp xã hội, các phần mềm ứng dụng phổ biến.... [H11.11.03.02].

Khảo sát nhà tuyển dụng nhằm thu thập những thông tin về: Nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp từ trường Đại học Lâm nghiệp; khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của người lao động là cựu sinh viên của trường. Kết quả khảo sát là cơ sở để đánh giá lại mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của Khoa và Nhà trường, từ đó đề ra các giải pháp phát huy kết quả đạt được và khắc phục hạn chế trong quá trình dạy học nhằm nâng cao và

hoàn thiện chương trình dạy học của Khoa và Nhà trường [H11.11.03.02]. Đa phần các Nhà tuyển dụng hài lòng với người lao động.

Nhìn chung sinh viên ngành Lâm sinh sau khi tốt nghiệp ra trường mức thu nhập bình quân/tháng có sự dao động khác nhau theo từng năm tuy nhiên tập trung ở mức từ 4-10 triệu đồng thể hiện qua bảng 11.03.02 (Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên khoa Lâm học) [H11.11.03.02].

**Bảng 11.19. Thu nhập bình quân của sinh viên sau tốt nghiệp ngành Lâm sinh từ 2015-2019**

Năm Tốt nghiệp	Số SV khảo sát	Số SV có việc làm	Thu nhập bình quân/tháng (triệu đồng)			
			2-4	4-6	6-10	>10
2015	10	8	3	3	2	0
2016	24	19	7	3	7	2
2017	34	28	12	8	7	1
2018	49	42	12	14	14	2
2019	53	43	9	17	14	0

Thu nhập luôn là một trong những đặc điểm nghề nghiệp được quan tâm trong các điều tra thông tin việc làm. Thông tin về mức thu nhập có nhiều ý nghĩa, phản ánh kinh nghiệm làm việc, khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp, mức độ ứng dụng các kiến thức được đào tạo ở đại học vào thực tiễn cũng như phản ánh môi trường làm việc mà SV tham gia. Với thu nhập bình quân hàng tháng của SV tốt nghiệp dao động ở mức 4-6 triệu đồng/tháng, có thể nói đây là mức thu nhập không cao, nhưng nó hoàn toàn phù hợp với SV mới tốt nghiệp, và phù hợp với mức thu nhập chung của thị trường lao động tại thời điểm điều tra.

Để tăng được tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm và tăng thu nhập bình quân/ tháng cho sinh viên, Nhà trường và Khoa luôn tạo các điều kiện tốt nhất giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn và các kỹ năng khác, thông qua việc tổ chức “Ngày hội việc làm cho sinh viên”, (Thông báo số 870/TB -ĐHLN-XTTS&TVVL), tổ chức “Cuộc thi



khởi nghiệp Lâm nghiệp” (Thông báo số 1216/TB-ĐHLN-KHCN, về việc tổ chức cuộc thi Khởi nghiệp Lâm nghiệp 2018), ban hành đề án Hỗ trợ học sinh sinh viên Trường Đại học Lâm nghiệp Khởi nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 [H11.11.03.05].

Song song với các kế hoạch, định hướng trên của Nhà trường Khoa Lâm học luôn luôn tận dụng các cơ hội để gặp gỡ, trao đổi với các bên liên quan như: các doanh nghiệp, người tuyển dụng, cựu sinh viên ... để tìm hiểu về tình hình việc làm, mức thu nhập, khả năng đáp ứng nhu cầu công việc... từ đó có những thay đổi cho phù hợp với thực tiễn [H11.11.03.05]. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên của Khoa cũng luôn sẵn sàng chia sẻ, giới thiệu việc làm cho người học thông qua việc thành lập 1 fanpage riêng để thông báo các thông tin tuyển dụng của các công ty giúp sinh viên tiếp cận được Nhà tuyển dụng ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường [[H11.11.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

Đa số SV tốt nghiệp ngành Lâm học đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các Công ty lâm nghiệp, các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, các cơ sở doanh nghiệp... Một lý do khác là CTĐT được tăng cường thực hành thực tế, SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp. Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

Mặt khác, Khoa Lâm học có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của khoa. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa khảo sát được đầy đủ sinh viên sau khi tốt nghiệp, khó khăn trong việc liên hệ với sinh viên chưa có việc làm. Chưa có phân tích toàn diện nguyên nhân một bộ phận sinh viên chưa có việc làm.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Thành lập mạng hỗ trợ việc làm cho sinh viên trước và sau tốt nghiệp.	Phòng CTCTSV, KT&ĐBCL, Khoa Lâm học	Hàng năm
2	Thực hiện khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường	Phòng CTCTSV, KT&ĐBCL, Khoa Lâm học	Hàng năm
3	Phân tích toàn diện nguyên nhân một bộ phận sinh viên chưa có việc làm làm căn cứ để đổi mới CTĐT	Phòng CTCTSV, KT&ĐBCL, Khoa Lâm học Phòng Đào tạo	Hàng năm

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### 1. Mô tả

Khoa Lâm học, với một lực lượng cán bộ giảng dạy với trình độ chuyên môn cao với trên 90% có trình độ từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 1 GS, 02 PGS, 08 TS (không kể lực lượng kiêm giảng). Khoa Lâm học là một trong những cơ sở giảng dạy và nghiên cứu hàng đầu trong số các trường đại học ở Việt Nam về lĩnh vực Lâm sinh. Không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy và sinh viên của Khoa còn tham gia nghiên cứu khoa học với những công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và hội thảo quốc tế có uy tín. Hoạt động khoa học và công nghệ được quy định rõ trong Quy chế quản lý các KHCN của Nhà trường [H11.11.04.01]. Hoạt động khoa học công nghệ không chỉ là hoạt động của các nhà khoa học và giảng viên mà còn là hoạt động thường xuyên của sinh viên. Để đảm bảo hoạt động NCKH được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, Nhà trường đã có hệ thống giám sát, đánh giá hoạt động NCKH của người học thông qua các quy định/hướng dẫn thực hiện đề

tài nghiên cứu; nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH; hồ sơ theo dõi tiến độ; đánh giá sản phẩm; công bố kết quả sản phẩm NCKH [H11.11.04.01].

Hàng năm, hoạt động NCKH trong sinh viên được Nhà trường triển khai, thông báo bằng văn bản đến các Khoa và toàn thể sinh viên. Căn cứ vào thông báo của Nhà trường, Khoa triển khai thực hiện đến các lớp sinh viên và đăng ký chuyên đề NCKH sinh viên phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H11.11.04.02]. Với sự quan tâm hỗ trợ từ phía Nhà trường và Khoa, trong những năm gần đây đã thu hút được số lượng SV tham gia NCKH khá cao. Từ 2013 đến 2019 Sinh viên của Khoa rất quan tâm đến lĩnh vực NCKH, thông qua các buổi tọa đàm về phương pháp thực hiện NCKH do Khoa tổ chức đã thu hút được nhiều SV nhiệt tình tham gia NCKH, trong đó có một số công trình nghiên cứu đạt được kết quả cao. Mặc dù vậy, số lượng SV đăng ký tham gia NCKH so với số SV thực hiện hoàn thành đề tài nghiên cứu còn có sự chênh lệch khá lớn, ngoài ra tỷ lệ đề tài NCKH được hoàn thành chỉ chiếm tỷ lệ từ 53,85% đến 87,50% (xem bảng 11.10).

**Bảng 11.10. Thống kê các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2013-2018**

Năm học	Số sinh viên tham gia		Số chuyên đề NCKH		
	Đăng ký	Thực hiện	Đăng ký	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
2013-2014	29	12	13	7	53,85
2014-2015	15	14	8	7	87,50
2015-2016	35	33	14	11	78,57
2016-2017	9	6	3	2	66,67
2017-2018	42	36	12	10	83,33

(Nguồn: phòng KHCN – Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH SV 2013-2018)[H11.11.04.02].

Bên cạnh đó, Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học công nghệ của trường Đại học Lâm nghiệp đã quy định rõ quy chế quản lý chuyên đề nghiên cứu khoa học của sinh viên [H11.11.04.01]. Với quy chế này, Nhà trường khuyến khích sinh viên đều có quyền đăng ký các chuyên đề nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực được đào tạo. Sinh viên được Nhà trường và

các giảng viên trực tiếp giảng dạy khuyến khích đưa ra ý tưởng và thực hiện nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm (khoảng từ 2-5 sinh viên) dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong một năm được thể hiện rõ trong danh sách đề tài NCKH sinh viên.

**Bảng 11.11. Thống kê kinh phí hỗ trợ các hoạt động NCKH của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2013-2018**

Năm học	Số chuyên đề NCKH			Kinh phí hỗ trợ của nhà trường
	Đăng ký	Thực hiện	Tỉ lệ hoàn thành (%)	
2013-2014	13	7	53,85	5.600.000
2014-2015	8	7	87,50	5.600.000
2015-2016	14	11	78,57	13.200.000
2016-2017	3	2	66,67	2.400.000
2017-2018	12	10	83,33	12.000.000

Chuyên đề nghiên cứu khoa học sinh viên được Nhà trường hỗ trợ kinh phí theo quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được thể hiện ở bảng 11.8 với mức chi phí là 800.000 đồng/1 đề tài từ trước năm 2015, và 1.200.000 đồng/đề tài từ sau 2015 đến nay [H11.11.04.03], phòng KHCN là đơn vị trực tiếp giám sát tiến độ và đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên hàng năm. Số lượng kinh phí thể hiện là kinh phí hỗ trợ của Nhà Trường, tuy nhiên các nhóm sinh viên còn được hỗ trợ từ các nhóm nghiên cứu, người hướng dẫn.

## 2. Điểm mạnh

Các giảng viên hướng dẫn trong khoa là những nhà khoa có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn sinh viên NCKH.

Nhà trường và khoa luôn khuyến khích SV tham gia tích cực trong NCKH với loại hình đa dạng và số lượng lớn đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường. Các quy định liên quan được ban hành đầy đủ.

## 3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa hiểu rõ tầm quan trọng của NCKH đối với việc hình thành kiến thức, kỹ năng chuyên môn nên chưa hào hứng với các chương trình NCKH, mặt khác do kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài nghiên cứu hạn chế nên rất khó triển khai những đề tài, dự án chất lượng cao.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV	Phòng Công tác chính trị SV, Khoa Lâm học	Hàng năm
2	Tăng cường kết nối tìm nguồn tài trợ từ doanh nghiệp phục vụ công tác NCKH	Phòng Công tác chính trị SV, Khoa Lâm học, Đoàn TN, Hội SV	Từ năm 2021

#### 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

**Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

##### 1. Mô tả

Mức độ hài lòng của các bên liên quan là tiêu chí được xác lập nhằm mục đích giám sát, đối sánh và đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo, Cơ sở vật chất, Chương trình dạy học,... của cơ sở đào tạo. Với mục tiêu cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với xu thế mới Nhà trường, Khoa, các Phòng ban chức năng hằng năm đã tổ chức hội thảo về đào tạo và NCKH để từ đó đánh giá nhu cầu xã hội, (*khảo sát ý kiến của người học, cán bộ GV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học*).

Nhà trường đã ban hành quyết định về việc quy định về việc thực hiện, đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục của CSGD [H11.11.05.01]. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng hiện nay là đơn vị chức năng làm nhiệm vụ khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Qua đó, việc đánh giá môn học, chất lượng giảng viên cũng được thực hiện

hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy cũng như CTĐT của CSGD. Công việc này được thực hiện hàng năm và được tiến hành ở cuối mỗi học kỳ khi kết thúc các môn học. Quá trình đánh giá được thực hiện công khai theo quyết định của Nhà trường [H11.11.05.05] và thông qua phiếu đánh giá môn học và giảng viên [H11.11.05.03], kết quả đánh giá được tổng hợp và phản hồi về bộ môn và giảng viên làm căn cứ để đánh giá và điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan đều hài lòng với CTĐT, CDR, phương pháp dạy và học được thể hiện ở bảng 11.12 dưới đây [H11.11.05.03].

**Bảng 11.12. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng về CTĐT của cựu sv**

Đánh giá của cựu SV	Rất không phù hợp	Không phù hợp	Bình thường	Phù hợp	Rất phù hợp
1. Mức độ hài lòng với kiến thức kỹ năng được đào tạo tại trường ĐHLN	2.0	4.0	52.0	36.0	6.0
2. Ngành học có mức độ phù hợp với nhu cầu xã hội như thế nào?	2.0	2.0	46.0	42.0	6.0
3. Anh chị có phải học thêm những kỹ năng khác sau khi tốt nghiệp hay không?	2% trả lời không; 75% trả lời có; 20% có ý kiến khác; 3% không trả lời				

**Bảng 11.13. Bảng tổng hợp số lượng đánh giá giảng viên và môn học theo học kỳ và năm học của sinh viên**

Năm	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
HK I	1016	1254	1492	1730	1968
HK II	1258	1338	1418	1498	1578
Tổng số	2274	2592	2910	3228	3546

Trên cơ sở kết quả đánh giá, các bộ môn tổ chức họp lấy ý kiến và đề xuất giải pháp cải thiện nâng cao chất lượng giảng dạy và có ý kiến phản hồi về phòng KT&ĐBCL để tổng hợp gửi BGH nhà trường nhằm cải tiến các mặt hoạt động, nâng cao chất lượng.

Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc và các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTĐT một cách kịp thời. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường, Khoa Lâm học trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành và xã hội ngày càng được nâng lên, mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là động lực để Nhà trường và Khoa tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa, xứng đáng với nhiều phần thưởng danh giá, cao quý khác của Đảng và Nhà nước.

## 2. Điểm mạnh

Đã triển khai việc lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

## 3. Tồn tại

Hoạt động đối sánh của nhà trường, khoa, ngành chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa có được kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan	Phòng Công tác chính trị SV, Khoa Lâm học	Hàng năm
2	Khảo sát các ngành học khác trong và ngoài trường làm cơ sở đối sánh	Khoa Lâm học, Phòng KT&ĐBCL	Từ 2021

## 5. Tự đánh giá

Điểm tự đánh giá: 4/7 điểm.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 11:** Nhìn chung SV ngành Lâm sinh có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, số lượng sinh viên nghỉ học hoặc bị buộc thôi học ít và giảm dần theo các năm. SV tốt nghiệp đã nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động, thể hiện thông qua số lượng sinh viên có việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp là khá lớn. Giảng viên, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Mặc dù vậy, việc tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm, vv. cho SV là hết sức

cần thiết. Mặt khác, cần đẩy mạnh hệ thống theo dõi, giám sát và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng đầu ra để có những cải thiện kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

### **PHẦN III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Lâm sinh**

- Mục tiêu của CTĐT ngành Lâm sinh được mô tả rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, đáp ứng được cơ bản các nhu cầu của xã hội, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất ngành Lâm nghiệp. Chuẩn đầu ra của ngành Lâm sinh đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được xác định rõ ràng cả về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần. CĐR được xây dựng định kỳ rà soát theo quy định của Bộ GD&ĐT,

- Bản mô tả CTĐT ngành Lâm sinh có đầy đủ thông tin và được cập nhật theo định kỳ. CTĐT sau khi xây dựng đã được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và chuẩn hóa theo mục tiêu tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đề cương các học phần đầy đủ các thông tin, được cập nhật dựa trên ý kiến tham vấn các bên liên quan và được công bố công khai, dễ dàng tiếp cận để tạo điều kiện tốt nhất cho các hoạt động dạy và học.

- Chương trình dạy học của ngành Lâm sinh được thiết kế phù hợp với CĐR, được cập nhật theo định kỳ. Cấu trúc các học phần trong chương trình dạy học có sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức. Các môn học được bố trí theo thứ tự logic, mỗi học phần đều góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Mục tiêu giáo dục ngành Lâm sinh được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai tới các bên liên quan, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR và hướng tới việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề, góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Các quy định về đánh giá kết quả học tập rất rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp kiểm tra đánh giá được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng.



- Việc tổ chức thi, chấm thi, phân hồi kết quả được thực hiện nhanh chóng, kịp thời để người học có thể cải thiện việc học tập của mình. Những quy định về kiểm tra đánh giá, quy trình khiếu nại về KQHT được thông báo công khai tới người học thông qua sổ tay sinh viên để người học dễ dàng tiếp cận, thực hiện.

- Khoa Lâm học luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV, Năng lực giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV được được xác định theo tiêu chuẩn cụ thể và được đo lường hàng năm và được giám sát chặt chẽ để góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV được được xác định theo tiêu chuẩn cụ thể và được đánh giá định kỳ. Các nỗ lực cho NCKH được thể hiện qua số lượng các đề tài NCKH, bài báo khoa học, cập nhật kết quả NCKH vào giáo trình, bài giảng hàng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ luôn được đánh giá để có chiến lược bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho các GV trong Khoa.

- Đội ngũ nhân viên của khoa Lâm học cũng như các đơn vị hỗ trợ khác trong trường rất năng động trong việc tiếp cận các tri thức mới, tích cực bồi dưỡng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên của khoa Lâm học, phòng ban và các đơn vị hỗ trợ khác của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Chất lượng người học thể hiện trước hết ở việc xét tuyển đầu vào của ngành học đảm bảo đúng quy trình, nhấn mạnh chất lượng hơn số lượng. Trong qua trình học tập và rèn luyện tại Trường ĐHLN, người học được hỗ trợ từ phía Khoa đào tạo, các phòng ban chức năng của nhà trường về hoạt động tư vấn học tập. Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động NCKH trong sinh viên, các hoạt động ngoại khóa và thường xuyên phát động thi đua trong quá trình học tập.

- Nhà trường, Khoa trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị, đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo ngành Lâm sinh hiện nay. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Thư viện của nhà trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư hiện đại. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT đáp ứng được nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ để phục vụ cho sinh viên toàn trường. Nhà trường có sân bãi, hội trường, nhà thi đấu phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của CB, GV và sinh viên.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, thường xuyên được đánh giá và cải tiến với sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan. Quá trình dạy và học cùng với việc đánh giá kết quả học tập luôn được rà soát và đánh giá thường xuyên, để có những điều chỉnh kịp thời, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các kết quả NCKH được vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong Nhà trường được đánh giá và cải tiến hàng năm. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập, có tính hệ thống và được đánh giá để cải thiện.

- Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập. Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm để có thông tin đầy đủ về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học đa dạng và được giám sát chặt chẽ. Nhà trường cũng đã triển khai việc lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan làm cơ sở xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

## **2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành Lâm sinh**

- Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT và CDR của cựu người học, chuyên gia và nhà tuyển dụng đạt hiệu quả chưa cao do số lượng khảo sát chưa đủ lớn và chưa thực hiện được một cách rộng rãi trên nhiều đối tượng, nhiều vùng miền khác nhau.

- Các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa được cập nhật, bổ sung một cách thỏa đáng. Do hạn chế về số lượng ý kiến khảo sát của các bên liên quan dẫn đến khó khăn trong việc điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết các học phần. Hình thức công bố bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần thông qua các cuộc hội thảo tỏ ra ít hiệu quả vì hạn chế về số lượng tham gia của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

- Quá trình thu thập các thông tin về việc rà soát, xây dựng CDR, CTĐT còn gặp nhiều bất cập do một số ý kiến phản hồi chưa sâu sắc, không đúng trọng tâm khảo sát và thời gian phản hồi chậm. Việc thu thập ý kiến phản hồi chủ yếu tập chung cho rà soát CDR và CTĐT, chưa chú trọng đến các phản hồi phục vụ việc cải thiện nội dung chi tiết của từng học phần. Chương trình dạy học còn thiếu một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp với cộng đồng,

đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khoa Lâm học có mục tiêu giáo dục ngành Lâm sinh cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có triết lý giáo dục. Khảo sát yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ra trường, đặc biệt các chuẩn về kỹ năng chưa được thực hiện rộng rãi và toàn diện. Đào tạo kỹ năng mềm mới chỉ được lồng ghép trong các học phần và thông qua các hoạt động đoàn hội mà chưa có trong chương trình đào tạo chính thức. Chưa có phương pháp đo lường và đánh giá sự phát triển kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học. Một số ý kiến phản hồi thông qua bảng phỏng vấn còn mang tính chiếu lệ, gây khó khăn cho việc tổng hợp, phân tích và sử dụng vào phát triển chương trình đào tạo.

- Công tác đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên. Một số bộ phận nhỏ sinh viên chưa thường xuyên truy cập vào website của Nhà trường để cập nhật thông tin khoa học phụ vụ quá trình học tập. Mặt khác, do hạn chế về hạ tầng mạng nên việc đăng ký học, truy cập kết quả học tập và thông tin xét tốt nghiệp trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho việc quyết định khiếu nại, thi lại hoặc thi nâng điểm của sinh viên. Thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp của sinh viên ngắn, ít phù hợp với các lĩnh vực chuyên môn sâu cần đầu tư nhiều thời gian NC nên ít nhiều gây ảnh hưởng tới kết quả các khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.

- Tiến độ thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn của một số cán bộ trong Khoa còn chậm hơn so với kế hoạch, mặt khác do năng lực ngoại ngữ của đa số CBGV còn yếu nên khó khăn cho việc nâng cao trình độ ở nước ngoài, nhiều cán bộ đi học ở nước ngoài chưa hoàn thành đúng tiến độ như kế hoạch đề ra. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV và NCV chưa được thực hiện triệt để, đặc biệt hoạt động NCKH của Nhà trường nói chung, khoa Lâm học nói riêng mới chú trọng vào quản lý số lượng, việc tiếp cận và khai thác các nguồn kinh phí hỗ trợ các đề tài NCKH của Khoa chưa hiệu quả. Số lượng công bố nghiên cứu khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín chưa nhiều. Đề tài cấp nhà nước, cấp bộ và cấp tỉnh không tăng trong những năm gần đây. Các đề tài NCKH chưa huy động được sức mạnh của tập thể. Đội ngũ cán bộ trẻ còn chưa tích cực tham gia các hoạt động KHCN.

- Nhà trường thiếu chính sách thu hút và giữ chân đội ngũ nhân viên giỏi, mặt khác công tác phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ chưa được đề cập đến trong chiến lược phát triển trường

ĐHLN giai đoạn 2006-2020, hơn nữa Nhà trường và các đơn vị đào tạo thuộc trường chưa có kết quả phân tích vị trí việc làm của nhân viên làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển nhân viên. Việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Lâm học chưa đều đặn và liên tục.

- Hoạt động quảng bá tuyển sinh chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa tạo được sức thu hút của các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp đối với thí sinh và xã hội. Mặt khác, do xu hướng chung của xã hội và thiếu cơ chế đặc thù của ngành nghề nên số lượng thí sinh tuyển được vào ngành Lâm sinh giảm theo từng năm. Hơn nữa, việc tuyển sinh đầu vào chú trọng số lượng hơn chất lượng ảnh hưởng đến việc dạy và học, gây khó khăn cho việc nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên. Một số cơ sở hạ tầng phục vụ cho đào tạo và NCKH đã bắt đầu xuống cấp hoặc đang trong thời gian nâng cấp nên thiếu đồng bộ. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ, các khu giảng đường chưa được cung cấp internet, phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo. Các hoạt động ngoại khóa do đoàn thanh niên, hội sinh viên tổ chức chưa thu hút được đông đảo người học tham gia, mới chỉ tập trung ở đối tượng sinh viên giữ chức vụ trong lớp như ban cán sự lớp, Đoàn, Hội.

- Nhiều phòng làm việc có diện tích nhỏ hơn so với nhu cầu, hệ thống máy tính tại một số văn phòng làm việc đã sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, thiếu đồng bộ một số trường hợp trang thiết bị hỏng chưa được sửa chữa kịp thời, cơ sở hạ tầng internet yếu dẫn đến tốc độ đường truyền thấp, thiếu ổn định. Nhiều phòng thí nghiệm thiếu các loại trang thiết bị và máy móc hiện đại. Hiện tại, số lượng người học đến Thư viện vẫn còn hạn chế, đặc biệt là sinh viên mới nhập học. Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra.

- Ý kiến phản hồi của các bên liên quan như cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và nhà quản lý còn khá hạn chế về số lượng, đặc biệt khó khăn khi tiếp cận để lấy phản hồi từ cựu sinh viên, việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học chưa đa dạng về hình thức, câu hỏi đánh giá chưa cụ thể gây ảnh hưởng tới chất lượng thông tin phản hồi. Việc thu thập ý kiến phản hồi chưa được thực hiện thường xuyên ở một số phòng ban có liên quan. Nhìn chung, việc đánh giá quá trình dạy và học có tính logic và hệ thống chưa cao, một số nội dung khảo sát chưa được cải thiện qua các năm. Việc tiếp cận các nguồn kinh phí phục vụ NCKH của các tổ chức nước

ngoài, các đề tài dự án cấp Quốc gia còn hạn chế. Chưa có tổng kết, đánh giá một cách khoa học về việc áp dụng các kết quả NCKH vào hoạt động dạy và học.

- Số lượng sinh viên thôi học và chưa tốt nghiệp chiếm tỷ lệ đáng kể, thời gian tốt nghiệp kéo dài nhưng hiện tại vẫn chưa có đánh giá toàn diện và các phân tích chính xác để tìm ra nguyên nhân cụ thể về việc sinh viên thôi học và chậm tốt nghiệp để có giải pháp khắc phục hiệu quả. Khó khăn trong việc liên hệ với sinh viên đã tốt nghiệp nên chưa khảo sát được đầy đủ về cơ hội việc làm sau sinh viên khi ra trường. Một số SV còn chưa hiểu rõ tầm quan trọng của NCKH đối với việc hình thành kiến thức, kỹ năng chuyên môn nên chưa hào hứng với các chương trình NCKH, mặt khác do kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài nghiên cứu hạn chế nên rất khó triển khai những đề tài, dự án chất lượng cao.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Lâm sinh**

- Tăng cường và mở rộng phạm vi khảo sát, chú trọng hơn nữa đến chất lượng thông tin phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến phản hồi của các nhà khoa học và nhà tuyển dụng phục vụ rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT theo định kỳ.

- Sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để công khai CĐR và CTĐT, tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng và người học dễ dàng tiếp cận với thông tin cập nhật về CĐR và CTĐT.

- Tăng cường liên kết với các đơn vị sử dụng lao động trong hoạt động đào tạo, xúc tiến tổ chức học kỳ doanh nghiệp để tăng cường kỹ năng nghề cho sinh viên theo yêu cầu của thực tiễn sản xuất, chú trọng bổ sung các môn học thực hành kỹ năng mềm vào CTĐT. Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH, tăng cường hoạt động thực tế của cán bộ, giảng viên để góp phần bổ sung tài liệu, kiến thức mới phục vụ cập nhật CTDH và nội dung các học phần. Đặc biệt chú trọng việc bổ sung thêm các tài liệu tham khảo mới cho các học phần

- Rà soát, đổi mới và bổ sung ngân hàng đề thi cho phù hợp với nội dung đổi mới CTĐT. Giám sát chặt chẽ việc ra đề thi, chấm thi và tạo điều kiện thuận lợi cho người học thực hiện quyền khiếu nại về KQHT

- Lập kế hoạch sử dụng nhân sự phù hợp và bổ sung, hoàn thiện văn bản quy định về chế độ cử cán bộ đi học tập bồi dưỡng để tăng cơ hội được tham gia đào tạo, nâng cao năng lực cho

đội ngũ cán bộ, GV và NCV. Có kế hoạch phù hợp để hỗ trợ GV nâng cao học hàm, học vị.

- Tăng cường hoạt động sinh hoạt học thuật, mở các khóa tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ nhân viên, đặc biệt là đội nhân viên phòng thí nghiệm. Tiếp tục thực hiện rà soát nhân sự, lập kế hoạch phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ, GV và NCV, hoàn thiện bộ tiêu chí về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân sự nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên, bổ sung thêm các mức phân loại cho từng tiêu chí cụ thể và chi tiết nhằm đảm bảo tính công bằng trong phân loại viên chức

- Vận dụng linh hoạt chính sách tuyển sinh, phương thức quảng bá để tuyển sinh với chất lượng đầu vào đảm bảo.

- Đầu tư, nâng cấp đường truyền Internet và hệ thống thiết bị kết nối internet để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng của Nhà trường. Cập nhật, hoàn thiện phần mềm chuyên dụng phục vụ quản lý kết quả học tập và lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thí nghiệm. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, từng bước xây dựng các phòng thí nghiệm chất lượng cao.

- Hỗ trợ kinh phí và khuyến khích các hoạt động NCKH của GV và sinh viên. Xây dựng kế hoạch và bổ sung kinh phí hợp lý cho công tác xuất bản bài giảng, giáo trình, và công bố bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín. Thực hiện đánh giá việc áp dụng kết quả NCKH vào việc dạy và học.

- Thực hiện việc đánh giá năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và tổ chức khảo sát về quá trình học tập nâng cao trình độ của sinh viên sau khi ra trường. Xác định chính xác nguyên nhân sinh viên thôi học, chậm tốt nghiệp để có giải pháp khắc phục phù hợp.

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Lâm nghiệp

Mã: LNH

Tên CTĐT: Lâm sinh

Mã CTĐT: 7620205

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức TB	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4.00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4.66	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5.00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								4.00	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4.4	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								4.29	7	100

Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1						6				
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3						6		5.40	5	100
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5			4.60	5	100
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4				4.3	5	100
Tiêu chí 9.4				4.5						
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5			4.33	6	100
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			4.60	5	100
Tiêu chí 11.2					5					



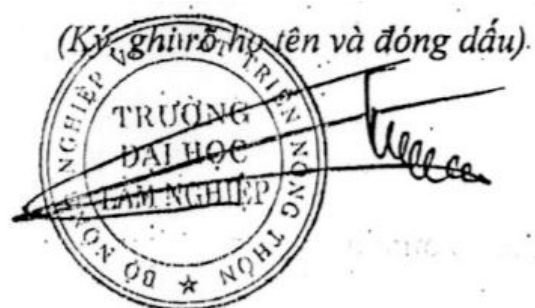
Tiêu chí 11.3				5						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4.62</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.

- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**



**HIỆU TRƯỞNG**

*Trần Văn Chức*

**PHỤ LỤC****CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 07/10/2020

**I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Lâm nghiệp
  - Tiếng Anh: Vietnam National University of Forestry
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: ĐHLN
  - Tiếng Anh: VNUF
3. Tên trước đây (nếu có): Trường ĐHLN
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5. Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại : 02433.840233 Số fax: 02433.840063
7. E-mail: [vnuf@vnuf.edu.vn](mailto:vnuf@vnuf.edu.vn) Thông tin điện tử: [www.vnuf.edu.vn](http://www.vnuf.edu.vn)
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1964
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1964
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1967
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

**II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo****IIa. Cơ sở chính**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Lâm học
  - Tiếng Anh: Faculty of Forestry
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Lâm học
  - Tiếng Anh: Faculty of Forestry

14. Tên trước đây (nếu có):.....
15. Tên CTĐT
- Tiếng Việt: Ngành Lâm sinh
  - Tiếng Anh: Silviculture
16. Mã CTĐT: 7620205
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 3 – tòa nhà A3, trường Đại học Lâm nghiệp, Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội
19. Số điện thoại liên hệ: 02433.608422 Số fax:
20. E-mail: [lamhoc@vnuf.edu.vn](mailto:lamhoc@vnuf.edu.vn) Thông tin điện tử: [www.lamhoc.vnuf.edu.vn](http://www.lamhoc.vnuf.edu.vn)
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1956
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1956
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1960

### **IIb. Phân hiệu**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT
- Tiếng Việt: Lâm học
  - Tiếng Anh: Faculty of Forestry
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
- Tiếng Việt: Lâm học
  - Tiếng Anh: Faculty of Forestry
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
- Tiếng Việt: Ngành Lâm sinh
  - Tiếng Anh: Silviculture
16. Mã CTĐT: 52620205
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phân hiệu Trường ĐHLN, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
19. Số điện thoại liên hệ: 02518951140 Số fax: 0613866242

20. Website: <https://vnuf2.edu.vn/gioi-thieu-khoa-lam-hoc.html>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn: 2016

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2017

### **III. Giới thiệu khái quát về khoa Lâm học**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (*nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật*).

#### **24a. Cơ sở chính**

Tiền thân là Khoa Lâm nghiệp của Học viện Nông – Lâm Hà Nội được thành lập năm 1956 và đã được đổi tên thành Khoa Lâm học theo Quyết định số 551/TCLĐ ngày 24/08/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đến nay, Khoa Lâm học trường Đại học Lâm nghiệp đã có truyền thống trên 60 năm xây dựng và phát triển với những nhiệm vụ chính là đào tạo nguồn lực, cán bộ khoa học Lâm nghiệp đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm 1956-1964, khoa Lâm học với tư cách là một khoa của Học viện Nông – Lâm Hà Nội. Với bao khó khăn của buổi đầu sơ khai: Cơ sở vật chất thiếu thốn, đội ngũ cán bộ giảng dạy còn non trẻ, số lượng sinh viên vào học ít ỏi (50 đến 100 sinh viên/1 năm) nhưng với quyết tâm và nghị lực, thầy và trò của khoa đã “đồng cam cộng khổ”, vượt qua thử thách. Từ năm 1956-1964, khoa đã đào tạo được 5 khóa chính quy, 2 khóa chuyên tu với tổng số 330 kỹ sư Lâm nghiệp ra trường trở thành những “người lính xung phong” đầu tiên trên mặt trận khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam.

Giai đoạn (1964- 1975) là chặng đường rất tự hào của khoa. Năm 1964, trường Đại học Lâm nghiệp được thành lập theo quyết định số 127/CP ngày 19/08/1964 của Thủ tướng Chính phủ với nòng cốt là khoa Lâm học và Bộ môn cơ khí Lâm nghiệp của Học viện Nông – Lâm Hà Nội. Trong thời gian này Khoa đã đào tạo được 9 khóa hệ chính quy, 6 khóa hệ tại chức đã đào tạo được 1161 kỹ sư Lâm nghiệp ra trường phục vụ cho sự phát triển Lâm nghiệp của đất nước. Cùng với việc đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học thời điểm này cũng được chú

trọng, nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được áp dụng vào thực tiễn sản xuất đem lại hiệu quả cao.

Giai đoạn tiếp theo (1975-1984) là những năm đất nước hoàn toàn giải phóng, Thầy và trò của khoa vẫn tiếp tục giữ vững truyền thống tốt đẹp của khoa: số lượng sinh viên đã tăng lên một cách rõ rệt, đặc biệt khoa đã đào tạo sinh viên hệ cử tuyển nhằm đào tạo cán bộ phục vụ cho các dân tộc miền núi cao. Trong 10 năm, với 10 khóa chính quy, 10 khóa tại chức, 2 khóa chuyên tu, cử tuyển đã có 1837 kỹ sư Lâm nghiệp ra trường phục vụ cho sự phát triển của ngành Lâm nghiệp.

Năm 1984, một mốc son rất đáng ghi nhớ của trường Đại học Lâm nghiệp nói chung và của khoa Lâm học nói riêng: sự kiện trường được chuyển địa điểm từ Đông Triều – Quảng Ninh về Xuân Mai – Chương Mỹ - Hà Nội hiện nay. Cùng với việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, khoa đã đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo từ đó đã thành lập ra các viện như: Viện công nghệ sinh học lâm nghiệp (2013); Viện kiến trúc cảnh quan (2015); Viện quản lý đất đai và phát triển nông thôn (2016);...Giai đoạn 1984-2016, với các hình thức đào tạo: chính quy, vừa học vừa làm, cử tuyển, Khoa đã đào tạo được trên 15.000 kỹ sư Lâm nghiệp (trong đó có gần 70% chính quy, 25% hệ vừa học vừa làm, 5% cử tuyển). Song song với việc đào tạo kỹ sư, khoa đã chú trọng tới việc đào tạo đội ngũ các nhà khoa học, nhà nghiên cứu phục vụ cho ngành.

Cũng từ năm 1984, khoa được giao nhiệm vụ đào tạo Cao học và Nghiên cứu sinh, hiện nay đã có 02 mã ngành đào tạo thạc sĩ, 02 mã ngành đào tạo tiến sĩ. Trên 1.250 thạc sĩ và 50 tiến sĩ đã tốt nghiệp, 45 nghiên cứu sinh và 68 học viên cao học đang được đào tạo và họ là những cán bộ khoa học giữ vị trí nòng cốt, những nhà khoa học, những nhà lãnh đạo của ngành, của các địa phương.

Cùng với định hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực của nhà trường, duy trì và giữ vững các ngành nghề truyền thống, phát triển các ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, từ Khoa Lâm học, nhiều Khoa, Viện và các đơn vị đã được hình thành và hiện nay đang đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của Trường Đại học Lâm nghiệp.

Từ năm 1994, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo Cao học và NCS, hiện nay đã có 02 mã ngành đào tạo thạc sĩ (Lâm học và Lâm nghiệp nhiệt đới), 02 mã ngành đào tạo tiến sĩ (Lâm sinh và Điều tra - Quy hoạch rừng). Tính đến 6/2018, trên 1.250 thạc sĩ và 60 tiến sĩ đã tốt

nghiệp. Hiện tại có 45 NCS và hàng trăm học viên cao học đang được đào tạo. Đây là những cán bộ khoa học và quản lý đã và đang giữ vị trí nòng cốt trong ngành lâm nghiệp và các cơ quan quản lý địa phương trong cả nước.

Ngoài việc đảm nhận công tác giảng dạy chuyên môn, các cán bộ giảng viên trong Khoa đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ việc ứng dụng khoa học vào thực tiễn sản xuất của ngành, đặc biệt là việc chuyển giao công nghệ lâm nghiệp vào thực tế sản xuất để tăng hiệu quả quản lý và sử dụng vốn rừng, phát triển kinh tế nông lâm nghiệp bền vững.. Vì vậy, các cán bộ giảng viên của Khoa đã rất coi trọng công tác nghiên cứu khoa học. Đã có rất nhiều đề tài trọng điểm cấp Nhà nước, cấp Bộ, Ngành hoặc các dự án tại các tỉnh, địa phương đã được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn. Chỉ tính riêng giai đoạn 1984-2018 đã có 05 đề tài cấp Nhà nước, 77 đề tài cấp Bộ và 89 đề tài cấp Cơ sở được triển khai hết sức thành công, góp phần mang lại uy tín và thương hiệu của trường Đại học Lâm nghiệp trong khối các trường Đại học và Cao đẳng có đào tạo về Lâm nghiệp. Ngoài ra, cũng trong giai đoạn này, đã có 50 đề tài cấp Khoa, 208 đề tài cấp Bộ môn được triển khai. Đây là những đề tài quy mô nhỏ chủ yếu cho Cán bộ giảng viên trẻ được trải nghiệm và từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ công tác giảng dạy. Một hoạt động cũng góp phần không nhỏ cho sự phát triển của Khoa Lâm học đó là việc các giảng viên tham gia hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2006 - 2018 đã có 242 chuyên đề NCKH với 586 lượt sinh viên tham gia NCKH. Trong đó có 01 công trình NCKH SV được giải Quốc gia; 04 công trình NCKH của sinh viên được giải nhì cấp Bộ, 23 công trình đạt giải nhất, nhì, khuyến khích ở cấp Trường.

Trong hành trình trên 60 năm qua, tập thể Khoa và nhiều cán bộ, giảng viên của Khoa đã được nhận phần thưởng cao quý :

- Khoa vinh dự được nhận Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba.
- Nhiều Bộ môn và các cá nhân được nhận Huân chương lao động, Bằng khen của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng và của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nhà nước phong tặng 01 Nhà giáo nhân dân và 12 danh hiệu Nhà giáo ưu tú.
- Chi bộ Khoa Lâm học liên tục được xếp loại Chi bộ trong sạch vững mạnh.

- Tập thể Khoa, các bộ môn và nhiều cá nhân được Hội đồng thi đua các cấp xét và công nhận là Tập thể lao động xuất sắc, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ...

## **24b. Phân hiệu**

### **Chức năng, nhiệm vụ:**

Khoa lâm học là đơn vị quản lý đào tạo cơ sở của Trường giúp Giám đốc Phân hiệu trực tiếp tổ chức thực hiện:

+ Mục tiêu đào tạo, đề xuất ý kiến đề bổ sung hoàn chỉnh mục tiêu đào tạo.

+ Công tác giảng dạy, thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Quản lý nội dung chuyên môn và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo; Trực tiếp quản lý, đào tạo, giáo dục rèn luyện toàn diện đối với học sinh sinh viên.

+ Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Giám đốc giao. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bố trí thiết bị dạy - học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học.

+ Phối hợp với các cơ sở sản xuất thực hiện các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao dịch vụ khoa học kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất, tăng thu nhập và góp phần xây dựng quỹ phúc lợi cho Khoa và Nhà trường.

+ Đào tạo các lớp ngắn hạn bồi dưỡng nâng cao trình độ cho sinh viên và cán bộ hoạt động trong lĩnh vực Lâm Nghiệp.

+ Khai thác dự án trong và ngoài nước về Phát triển Lâm nghiệp.

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc Khoa.

### **Cơ sở vật chất phục vụ thực hành thực tập và nghiên cứu khoa học:**

+ Hệ thống phòng thực hành thực tập thuộc Trung tâm thí nghiệm thực hành, nhà nuôi cấy mô, vườn ươm là hiện trường thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học.

+ Vườn trường với khuôn viên 20 ha trồng các loại cây gỗ lớn, cây mọc nhanh và khu vườn thực vật đáp ứng tốt các bài thực hành, thực tập cho các môn học chuyên ngành.

+ Trại trồng rừng với diện tích 200 ha tại huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận và với 1.000 ha rừng tự nhiên tại tiểu khu 121 - Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận giao cho Nhà trường xây dựng các mô hình học tập cùng với 58,000 ha thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai sẽ là hiện trường lý tưởng cho sinh viên, giảng viên Khoa Lâm học thực tập và nghiên cứu khoa học.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

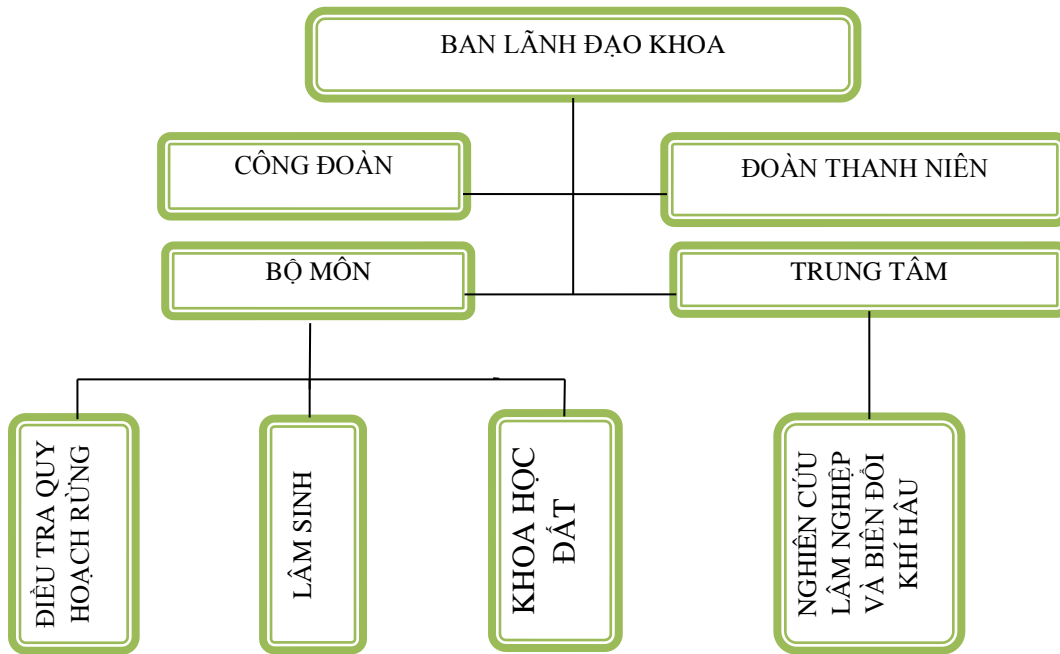
### 25a. Cơ sở chính



**Hình 1. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục – Trường ĐHLN – Cơ sở chính**

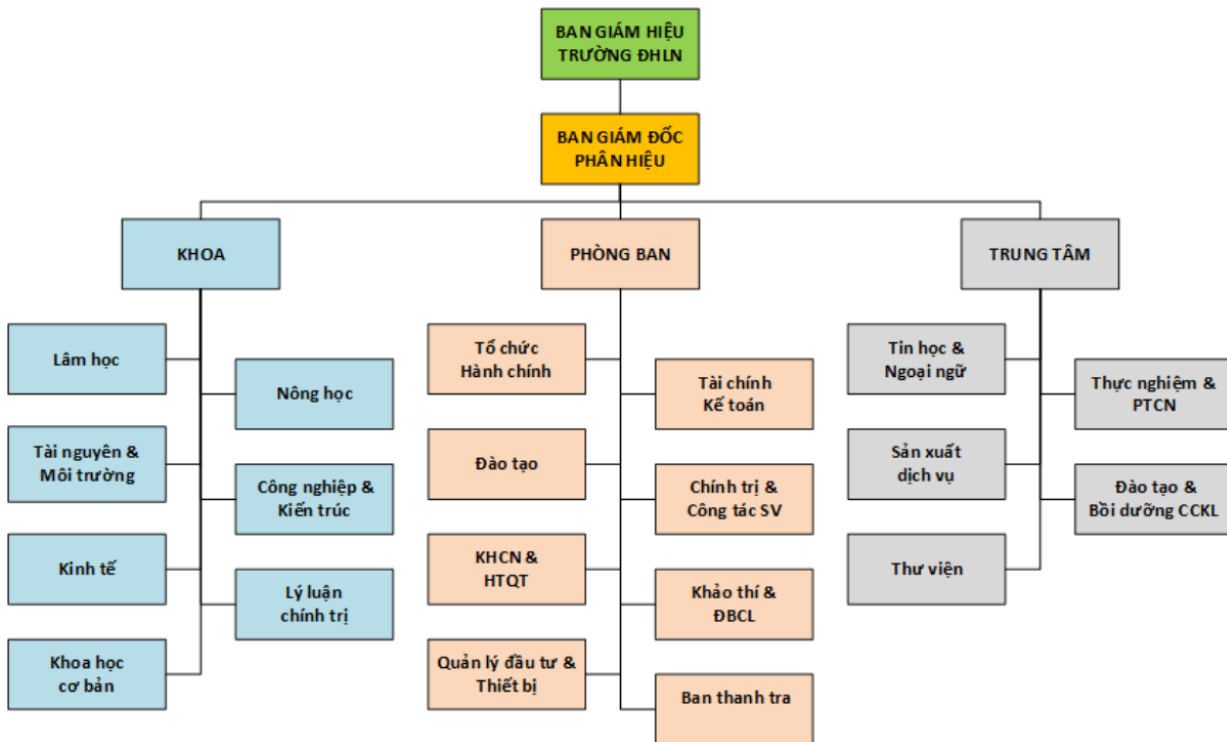
Về cơ cấu tổ chức hành chính, Khoa Lâm học bao gồm 3 bộ môn và 01 trung tâm. Trong đó các bộ môn đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn, trung tâm Nghiên cứu lâm nghiệp và Biến đổi khí hậu được phát triển từ Trung tâm thí nghiệm thực hành (2018) với nhiệm vụ chính là hỗ trợ hoạt động thực hành, thực tập các môn học trong Khoa đồng thời tổ chức nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu trong lâm nghiệp và biến đổi khí hậu. Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa được thể hiện thông qua hình vẽ dưới đây.





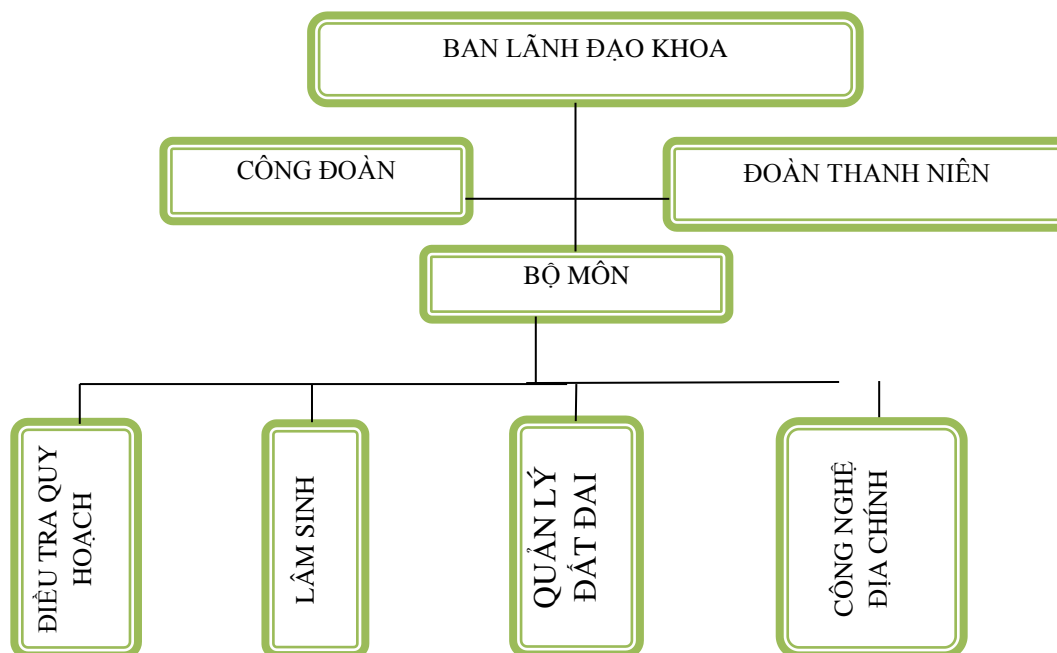
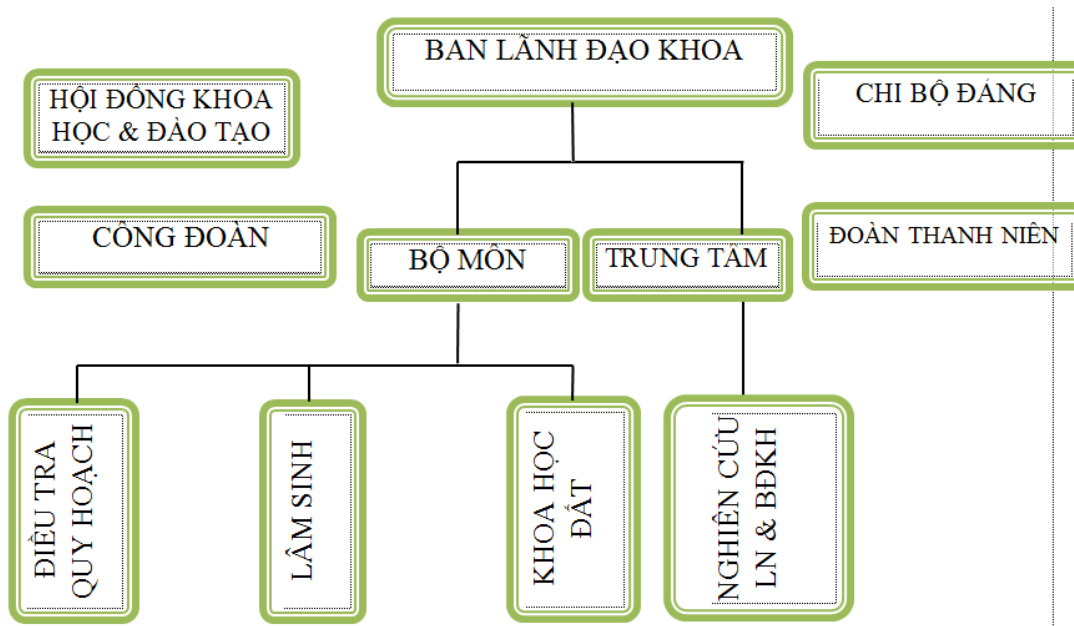
Hình 2. Cơ cấu tổ chức hành chính khoa Lâm học hiện nay (2019) - Cơ sở chính

25b. Phân hiệu



Hình 3. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục – Trường ĐHLN – Phân hiệu

Về cơ cấu tổ chức hành chính, Khoa Lâm học bao gồm 4 bộ môn. Trong đó các bộ môn đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn. Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa được thể hiện thông qua hình vẽ dưới đây.



**Hình 4. Cơ cấu tổ chức hành chính khoa Lâm học - Cơ sở Đồng Nai**

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

**26a. Cơ sở chính**

**Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục**

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Ban giám hiệu	Trần Văn Chứ	1962	NGND; GS.TS, Hiệu trưởng	0912.923.298	tvchuvfu@gmail.com
2		Trần Quang Bảo	1973	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0945.043.274	baofuv@yahoo.com
3		Bùi Thế Đồi	1973	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0936.394.889	buihedoi@gmail.com

**Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
1	Khoa Lâm học	Lê Xuân trường	1968	PGS.TS; Trưởng Khoa	0966.150.336	truongfuv@yahoo.com
		Trần Việt Hà	1973	TS; Phó Trưởng Khoa	0901.798.289	viethavfu@gmail.com
		Bùi Mạnh Hưng	1981	TS; Phó Trưởng Khoa	0981.311.211	hungbm@vnuf.edu.vn
<b>II</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công Đoàn, Hội</b>					
1	Chi ủy	Lê Xuân trường	1968	PGS.TS; Trưởng Khoa	0966.150.336	truongfuv@yahoo.com
		Trần Việt Hà		TS; Phó Trưởng	0901.798.289	

			1973	Khoa		viethavfu@gmail.com
		Nguyễn Hoàng Hương	1979	ThS; Ủy viên	0979.414.279	hoanghuongfuv@yahoo.com
2	Công đoàn	Nguyễn Minh Thanh	1965	PGS.TS; Chủ tịch công đoàn	0912.662.183	thanhminhnguyen65@gmail.com
		Lê Thị Khiếu	1978	ThS; Phó Chủ tịch công đoàn	0901.786.998	khieulevf@gmail.com
		Hoàng Thị Thu Trang	1987	ThS; Ủy viên	0917.317.389	trangmim@gmail.com
		Nguyễn Hoàng Hương	1979	ThS; Ủy viên	0979.414.279	hoanghuongfuv@yahoo.com
		Lê Thị Hạnh	1984	ThS; Ủy viên	0977.838.839	hanhsilv@gmail.com
3	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thanh Sơn	1990	ThS; Bí thư	0363.595.252	
<b>III</b>	<b>Các bộ môn và trung tâm</b>					
1	Bộ môn Lâm sinh	Trần Việt Hà	1973	TS; Trưởng Bộ môn	0901.798.289	viethavfu@gmail.com
2	Bộ môn Khoa học đất	Phí Đăng Sơn	1973	TS; Trưởng Bộ môn	0353.283.427	sphi.mailbok@gmail.com
3	Bộ môn ĐTQH R	Phạm Thế Anh	1980	TS; Trưởng Bộ môn	0936.063.353	keodtra@gmail.com
4	TTNCL	Nguyễn Minh		PGS.TS; Giám	0912.662.183	

	N&BD KH	Thanh	1965	độc		thanhminhnguyen65@gmail.com

**26b. Phân hiệu****Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục**

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Ban giám hiệu	Mai Hải Châu		TS; Phó Giám đốc	0933.997.010	chaudhln@gmail.com
2		Nguyễn Sỹ Hà	1976	TS; Phó Giám đốc	0983.099.007	nsha1976@gmail.com

**Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>I.</b>	<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>					
1	Khoa Lâm học	Nguyễn Văn Quý	1983	TS; Trưởng Khoa	0971.704.956	<a href="mailto:quynvfu@gmail.com">quynvfu@gmail.com</a>
		Nguyễn Xuân Hùng	1	ThS; Phó Trưởng Khoa	0937.446.877	<a href="mailto:nxhungthao@yahoo.com">nxhungthao@yahoo.com</a>
<b>II</b>	<b>Các bộ môn</b>					
1	Bộ môn Lâm sinh	Nguyễn Tuấn Bình	1973	ThS; Trưởng Bộ môn	0918.745.007	<a href="mailto:nguyentuanbinh2006@gmail.com">nguyentuanbinh2006@gmail.com</a>
2	Bộ môn	Phan Trọng Thế		ThS; Trưởng Bộ	0979.540.694	

	Quản lý đất đai		1990	môn		<a href="mailto:Thephan1990@gmail.com">Thephan1990@gmail.com</a>
3	Bộ môn ĐTQH R	<b>Nguyễn Thanh Tuấn</b>	1986	TS; Trưởng Bộ môn	0948.614.986	<a href="mailto:nttuan@vnuf2.edu.vn">nttuan@vnuf2.edu.vn</a>
4	Công nghệ địa chính	<b>Phan Văn Tuấn</b>	1987	ThS; Phó trưởng Bộ môn	0907.159.279	<a href="mailto:phanvantuandc@gmail.com">phanvantuandc@gmail.com</a>

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

**27a. Cơ sở chính**

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 02
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 02
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

**27b. Phân hiệu**

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 01
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Liên kết đào tạo trong nước



Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo:

**29a. Cơ sở chính: 06**

**29b. Phân hiệu: 02**

#### **IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

##### **30a. Cơ sở chính**

<b>TT</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	21	26	47
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	01	03	4
<b>II</b>	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	0	0	0
	<b>Tổng số</b>			<b>51</b>

##### **30b. Phân hiệu**

<b>TT</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>3</sup></b> <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	12	11	23
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp	0	0	0

<sup>1</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc điện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	đồng không xác định thời hạn			
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>4</sup> )	0	0	0
	<b>Tổng số</b>			<b>23</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

### 31. Thống kê, phân loại giảng viên

#### 31a. Cơ sở chính

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>5</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0				
2	Phó Giáo sư	4	2		2		
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	14	13		1		
5	Thạc sĩ	23	22	1			
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	<b>Tổng số</b>	<b>41</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

<sup>4</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>5</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.



**31b. Phân hiệu**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>6</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0				
2	Phó Giáo sư	0	0		0		
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	3	2		1		
5	Thạc sĩ	19	19	0			
6	Đại học	1	1	0			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	<b>Tổng số</b>	<b>23</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 42 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 78,85%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

<sup>6</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

## 32a. Cơ sở chính

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Hệ số quy đổi</b>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	0	0					0,00
2	Phó Giáo sư	3	4	2		2			7,8
3	Tiến sĩ khoa học	3	0						-
4	Tiến sĩ	2	14	11		2			23,2
5	Thạc sĩ	1	23	22	1				23,00
6	Đại học	0,5	0						-
	<b>Tổng</b>		<b>41</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>54,00</b>

## 32b. Phân hiệu

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Hệ số quy đổi</b>			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	0	0					0,00
2	Phó Giáo sư	3	0	0		0			0
3	Tiến sĩ khoa học	3	0						-
4	Tiến sĩ	2	3	3		0			6,00
5	Thạc sĩ	1	19	19	0				19,00
6	Đại học	0,5	1						0,5
	<b>Tổng</b>		<b>41</b>	<b>37</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25,50</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

**33a. Cơ sở chính**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0						1
2	Phó Giáo sư	4	9,8	4				3	1	
3	Tiến sĩ khoa học		0							
4	Tiến sĩ	14	34,1	9	5		10	4		
5	Thạc sĩ	23	56,1	7	16	2	21			
6	Đại học	0	0							
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>100</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>2</b>	<b>31</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	<b>1</b>

**33b. Phân hiệu**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0						
2	Phó Giáo sư	0	0	0						
3	Tiến sĩ khoa học		0							
4	Tiến sĩ	3	13,0	3	0		3			
5	Thạc sĩ	19	82,6	9	10		19			
6	Đại học	1	4,3	0	1		1			
	<b>Tổng</b>	<b>23</b>	<b>100</b>	<b>12</b>	<b>11</b>		<b>23</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 33,5 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 13,0%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực

hiện CTĐT: 82,6%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	<b>Tổng</b>	100	100

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

#### 35a. Cơ sở chính

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014-2015		103		95	15/30		0
2015-2016		80		77	15/30		0
2016-2017		90		88	15/30		0
2017-2018		63		60	15/30		0

2018-2019		31		28	15/30		0
-----------	--	----	--	----	-------	--	---

**35b. Phân hiệu**

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014-2015	202	121		101	A:13; A1:13; B:14;D1:13.5; V:15		0
2015-2016	181	101		81	A:13; A1:13; B:14;D1:13.5; V:17.5		0
2016-2017	167	127		121	ĐT:15;HB:18		0
2017-2018	-	-		56	ĐT:15;HB:18		0
2018-2019	-	26		23	ĐT:15;HB:18		0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

**36a. Cơ sở chính**

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Nghiên cứu sinh	4	5	3	2	3
2. Học viên cao học	76	57	18	32	77
3. Sinh viên đại học					

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Trong đó:					
Hệ chính quy	95	77	88	60	28
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0
Liên thông chính quy	30	25	20	0	0
VLVH	25	20	18	42	0
Liên thông VLVH	0	0	0	0	0

**36b. Phân hiệu***Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	90	126	122	101	85
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

**37a. Cơ sở chính**

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm học				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

**37b. Phân hiệu**

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm học				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

**38a. Cơ sở chính**

Các tiêu chí	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	27.235	27.709	27.709	28.862	33.815



2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	65	43	58	41	22
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	42	34	20	35	19
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	10,19	10,56	12,48	15,95	23,99

**38b. Phân hiệu**

Các tiêu chí	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	1.012,2	1.012,2	1.784,3	1.784,3	1.504,3
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	90	102	95	81	60
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	75	91	78	67	49
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	14.82	15.21	11.15	10.37	12.30

40. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

**40a. Cơ sở chính**

Các tiêu chí	Năm học				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng (người)	29	15	35	9	42
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	50,9	16,9	45,5	4,1	20

**40b. Phân hiệu**

Các tiêu chí	Năm học				
	2014-	2015-	2016-	2017-	2018-

	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng (người)	0	0	3	1	64
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	1,9	0,2	2,6

41. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

#### 41a. Cơ sở chính

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	2	2	1	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	63	76	57	18	32
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	90	72	83	56	25
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

#### 41b. Phân hiệu

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	9	85	79
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

42. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

**42a. Cơ sở chính**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	90	72	83	56	25
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	94,7	93,5	94,3	93,3	89,3

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
<p>3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

**42b. Phân hiệu**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	9	85	79
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	7,4	84,2	92,9
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019
các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyên xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

43. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

### 43a. Cơ sở chính

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0				1	1	4,0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	1	2		0	5,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	5	6	8	2	13,0
4	<b>Tổng</b>							<b>22,0</b>

### 43b. Phân hiệu

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	2	1,0
4	<b>Tổng</b>							<b>1,0</b>

Cách tính:  $Cột\ 9 = cột\ 3 * (cột\ 4 + cột\ 5 + cột\ 6 + cột\ 7 + cột\ 8)$

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.



**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: .....

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: .....

44. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

#### 45a. Cơ sở chính

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	5	15	17	
Từ 4 đến 6 đề tài		1		
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	5	16	17	

**45b. Phân hiệu**

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	2	
Từ 4 đến 6 đề tài		0		
Trên 6 đề tài				
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

46. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

**46a. Cơ sở chính**

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0						0
2	Sách giáo trình	1,5			1	1	1	4,5
3	Sách tham khảo	1,0		2				2,0
4	Sách hướng dẫn	0,5						0,0
5	<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6,5</b>

**46b. Phân hiệu**

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	1	1	3,0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	0	0,5
5	<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3,5</b>

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): .....

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

**47a. Cơ sở chính**

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		4	1	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	4	1	0

**47b. Phân hiệu**

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	2	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	2	1

48. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

**48a. Cơ sở chính**

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			2	4	4	15
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	13	19	27	12	7	78
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8	6	16	5	2	19
	<b>Tổng</b>							<b>112</b>

**48b. Phân hiệu**

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	1	0	0	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	1	1,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	2	1,0
	<b>Tổng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>3,5</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): .....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

**49a. Cơ sở chính**

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	15	20
Từ 6 đến 10 bài báo	1	3	
Từ 11 đến 15 bài báo		1	
Trên 15 bài báo			
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>5</b>	<b>19</b>	<b>20</b>

**49b. Phân hiệu**

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	7	8
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	6	5	7
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>8</b>

50. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình, kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

**50a. Cơ sở chính**

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	3	2	2	2	<b>12</b>
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	1	0	2	<b>2</b>
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	<b>0</b>
4	<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>14</b>

**50b. Phân hiệu**

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	1	0	<b>1</b>
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	1	1	0	<b>1</b>
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	0	0	0	0	<b>0,25</b>
4	<b>Tổng</b>		<b>1</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2,25</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): .....

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: .....

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

**51a. Cơ sở chính**

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	3	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	2	3
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	1	1
Trên 15 báo cáo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**51b. Phân hiệu**

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

**52. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp**

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0

Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

**52.1a. Cơ sở chính**

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	33	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
<b>Tổng số người học tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>33</b>	

**52.1b. Phân hiệu**

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
<b>Tổng số người học tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

**52.2a. Cơ sở chính**

<i>(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)TT</i>	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018- 2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	- 01 giải nhì cấp trường	- 02 giải nhì cấp trường	- 01 giải nhì cấp trường. - 01 giải khuyến khích cấp quốc gia	- 01 giải nhất cấp trường - 01 giải khuyến khích cấp trường	- 01 giải nhất cấp trường
2	Số bài báo được đăng, công trình					



<i>(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)TT</i>	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018- 2019
	được công bố					

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

### VIIa. Cơ sở chính

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 1706700 m<sup>2</sup>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 40.795 m<sup>2</sup>

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 11 phòng làm việc nhà A3 tổng diện tích 393,6 m<sup>2</sup>  
1 phòng 213A1 diện tích 18,7 m<sup>2</sup>

- Nơi học: 8 phòng thí nghiệm thực hành khoa Lâm học quản lý, tổng diện tích 236 m<sup>2</sup>

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 236 m<sup>2</sup>
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,46 m<sup>2</sup>/SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: >1000 đầu sách

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): .....

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 6 máy tính để bàn, 1 máy tính xách tay
- Dùng cho người học học tập: không có

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,67  
(tổng SV chính quy khoa K60-K63 thống kê là 205 SV)

### VIIb. Phân hiệu

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 261.060 m<sup>2</sup>
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 13.377 m<sup>2</sup>
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):
- Nơi làm việc: tổng diện tích 2.910 m<sup>2</sup>
  - Nơi học: 5.045 m<sup>2</sup>
  - Nơi vui chơi giải trí: 9.760 m<sup>2</sup>
56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)
- Tổng diện tích phòng học: 5.054 m<sup>2</sup>
  - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:  $5.054/481 = 10,51 \text{ m}^2/\text{SV}$
57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện:  
61 đầu sách/tài liệu
- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): .....
58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 08 bộ
  - Dùng cho người học học tập: 111 bộ
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,23  
(tổng SV chính quy khoa K60-K63 thống kê là 205 SV)

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

#### **VIIIa. Cơ sở chính**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

##### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 42

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 79,25

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 45,24

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 54,76

##### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 808

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 19,2

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 74,5%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 46,1%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 50,4%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 88,3%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 9,2%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4-10 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

17%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24/48

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,11

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,33

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,25

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,03

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,81

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,25

**VIIIb. Phân hiệu**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 23

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 20,69%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 55,17%

## 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 524 người

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 16,59

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 79-90%

## 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 46,1%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 50,4%

## 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 90,8%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 9,2%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 3-10 triệu đồng

## 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

17%

## 6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,03

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,12

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,12

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,043

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,23

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 10,51 m<sup>2</sup>

Phụ lục 1b: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá số 513/QĐ-ĐHLN -  
TCCB ngày 31/03/2020

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 513/QĐ-ĐHLN-TCCB

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
ngành Lâm sinh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Lâm học và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh và bổ sung nhân sự Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Lâm sinh, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Lâm học và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, TCCB, KT&ĐBCL.



Trần Văn Chứ

**Phụ lục II****DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	TS. Trần Việt Hà	Phó Trưởng Khoa Lâm học	Trưởng Ban thư ký
2	TS. Bùi Mạnh Hưng	Phó Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
3	ThS. Lê Thị Thu Hiền	Chuyên viên Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
4	TS. Cao Thị Thu Hiền	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên
5	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM Khoa học Đất	Thành viên
6	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM Điều tra QHR	Thành viên

(Danh sách này có 06 người).





## Phụ lục III

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

Nhóm	TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
I	1	ThS. Phạm Thị Hạnh	Phó Trưởng BM Lâm sinh	Trưởng nhóm
	2	ThS. Nguyễn Thanh Thủy Vân	Chuyên viên Khoa Lâm học	Thành viên
	3	ThS. Trần Thị Yên	Giảng viên Bộ môn Lâm sinh	Thành viên
	4	ThS. Hoàng Kim Nghĩa	Giảng viên BM Lâm sinh	Thành viên
	5	ThS. Phạm Thị Quỳnh	Giảng viên BM Lâm sinh	Thành viên
	6	ThS. Lê Hồng Liên	Giảng viên BM Lâm sinh	Thành viên
	7	ThS. Trần Thị Mai Sen	Giảng viên BM Lâm sinh	Thành viên
II	1	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM Khoa học Đất	Thành viên
	2	ThS. Nguyễn Hoàng Hương	P.Trưởng BM Khoa học Đất	Thành viên
	3	ThS. Trần Thị Nhâm	Giảng viên BM Khoa học Đất	Thành viên
	4	ThS. Trần Thị Quyên	Giảng viên BM Khoa học Đất	Thành viên
	5	TS. Đinh Mai Vân	Giảng viên BM Khoa học Đất	Thành viên
III	1	PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh	GD TT NCLN&BĐKH	Trưởng nhóm
	2	ThS. Đỗ Thị Quế Lâm	KS TTNCLN&BĐKH	Thành viên
	3	ThS. Phạm Quang Việt	KS TTNCLN&BĐKH	Thành viên
	4	ThS. Trần Thanh Sơn	KS TTNCLN&BĐKH	Thành viên
	5	ThS. Lương Kim Chi	Kỹ thuật viên TTNCLN&BĐKH	Thành viên
	6	ThS. Nguyễn Thị Dung	Chuyên viên Khoa Lâm học	Thành viên
	7	ThS. Lê Thị Khiếu	Phó GD TTNCLN&BĐKH	Thành viên
IV	1	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM Điều tra QHR	Trưởng nhóm
	2	TS. Nguyễn Hồng Hải	P. Trưởng BM Điều tra QHR	Thành viên
	3	TS. Vũ Tiến Hưng	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên
	4	ThS. Lê Tuấn Anh	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên
	5	ThS. Vũ Thị Hương	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên
	6	ThS. Vi Việt Đức	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên



V	1	PGS.TS. Lê Xuân Trường	Trưởng Khoa Lâm học	Trưởng nhóm
	2	TS. Trần Việt Hà	Phó Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
	3	TS. Bùi Mạnh Hưng	Phó Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
	4	ThS. Bùi Thị Vân	Kỹ thuật viên TTNCLN&BĐKH	Thành viên
	5	TS. Cao Thị Thu Hiền	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên
	6	ThS. Lương Thị Phương	Giảng viên BM Điều tra QHR	Thành viên

(Danh sách gồm có 31 người)



**Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Lâm sinh**

BỘ NÔNG NGHIỆP &amp; PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM

NAM

NGHIỆP

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1007/KH-ĐHLN-KT&amp;ĐBCL

*Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018***KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ****CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH LÂM SINH****1. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng.

**2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

**3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT – BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo công văn hướng dẫn 1074/KTKĐCLGD – KĐĐH và 1075/KTKĐCLGD – KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

**4. Hội đồng tự đánh giá***4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá*

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Lâm sinh được thành lập theo Quyết định số 867/QĐ – ĐHLN – TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

Hội đồng gồm có 17 thành viên.

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH LÂM SINH**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	GS. TS. Trần Văn Chứ	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS. TS. Trần Quang Bảo	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch

3	PGS. TS. Lê Xuân Trường	Trưởng Khoa Lâm học	Phó Chủ tịch TT
4	TS. Trần Việt Hà	P.Trưởng Khoa Lâm học	Thư ký
5	ThS. Nguyễn Tuấn Bình	Phụ trách khoa Lâm học (Phân hiệu)	Thành viên
6	PGS. TS. Phạm Minh Toại	P.Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	TS. Trịnh Hiền Mai	P.Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên
8	TS. Hà Quang Anh	P.Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
9	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM KH Đất	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Hoàng Hương	P.Trưởng BM KH Đất	Thành viên
11	ThS. Phạm Thị Hạnh	P.Trưởng BM Lâm sinh	Thành viên
12	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên
13	TS. Nguyễn Hồng Hải	P.Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên
14	PGS.TS. Nguyễn Minh Thanh	GD TTNCLN&BĐKH	Thành viên
15	ThS. Trần Thị Mai Sen	GV BM Lâm sinh	Thành viên
16	ThS. Lê Thị Khiếu	P.GD TT NCLN&BĐKH	Thành viên
17	Trần Mạnh Tuấn	Sinh viên K60 Lâm sinh	Thành viên

#### 4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Lâm sinh được thành lập theo quyết định số 867/QĐ – ĐHLN – TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp. Ban thư ký gồm có 05 thành viên, các nhóm công tác chuyên trách gồm 21 thành viên

#### DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Việt Hà	P.Trưởng Khoa Lâm học	Trưởng Ban thư ký

2	ThS. Lê Thị Thu Hiền	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
3	TS. Bùi Mạnh Hưng	P.Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
4	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM KH Đất	Thành viên
5	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên

**DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**

<b>Nhóm</b>	<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, Chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
I	1	TS. Trần Việt Hà	P.Trưởng Khoa LH	Trưởng nhóm
	2	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM KHĐ	Thành viên
	3	TS. Nguyễn Hồng Hải	P.Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên
	4	ThS. Phạm Thị Hạnh	P.Trưởng BM LS	Thành viên
	5	ThS. Nguyễn Thanh Thủy Vân	Trợ lý Khoa Lâm học	Thành viên
	6	ThS. Trần Thị Quyên	GV BM KHĐ	Thành viên
II	1	TS. Bùi Mạnh Hưng	P.Trưởng Khoa LH	Trưởng nhóm
	2	ThS. Nguyễn Hoàng Hương	P.Trưởng BM KHĐ	Thành viên
	3	ThS. Trần Thị Yến	GV BM Lâm sinh	Thành viên
	4	ThS. Nguyễn Thị Dung	Trợ lý Khoa Lâm học	Thành viên
	5	ThS. Trần Thanh Sơn	Bí thư liên chi	Thành viên
III	1	PGS.TS Nguyễn Minh Thanh	GD TT NCLN&BĐKH	Trưởng nhóm
	2	ThS. Lê Thị Khiếu	P.GD TT NCLN&BĐKH	Thành viên
	3	TS. Vũ Tiến Hưng	GV BM ĐTQHR	Thành viên
	4	TS. Trần Thị Nhâm	GV BM KHĐ	Thành viên
	5	ThS. Trần Thị Mai Sen	GV BM Lâm sinh	Thành viên
IV	1	PGS. TS. Lê Xuân Trường	Trưởng Khoa Lâm học	Trưởng nhóm
	2	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên
	3	TS. Cao Thị Thu Hiền	GV BM ĐTQHR	Thành viên
	4	TS. Đinh Mai Vân	GV BM KHĐ	Thành viên
	5	ThS. Phạm Thị Quỳnh	GV BM Lâm sinh	Thành viên
V	1	TS. Trần Việt Hà	P.Trưởng Khoa Lâm học	Trưởng nhóm
	2	PGS. TS. Lê Xuân Trường	Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
	3	TS. Bùi Mạnh Hưng	P.Trưởng Khoa Lâm học	Thành viên
	4	TS. Phí Đăng Sơn	Trưởng BM KHĐ	Thành viên
	5	TS. Phạm Thế Anh	Trưởng BM ĐTQHR	Thành viên

## 4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 16/5/2018- 30/09/2020	
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 6	Nhóm 2		
3	Tiêu chuẩn 7, 8, 9	Nhóm 3		
4	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 4		
5	Phụ trách các phần chung của báo cáo (Phần 1: Khái quát, phần 3: Kết luận, Phần 4: Phụ lục)	Nhóm 5		

## 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát lại mục tiêu, chuẩn đầu ra; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.</li> <li>- Tập hợp, pho tô đề cương chi tiết của CTĐT.</li> <li>- Đăng tải thông tin trên Website.</li> <li>- Tập hợp các văn bản, quy định khác minh chứng cho tiêu chuẩn 1, 2, 3.</li> <li>- Viết báo cáo TĐG tiêu chuẩn 1,2,3</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ, GV khoa Lâm học;</li> <li>- Thành viên nhóm 1</li> <li>- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo, tổ Website.</li> </ul>	Từ 16/5/2018-30/09/2020
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát các phương pháp tiếp cận trong dạy và học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ, GV khoa Lâm học.</li> </ul>	

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát lại các văn bản, quy trình, quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.</li> <li>- Thống kê danh sách đội ngũ giảng viên.</li> <li>- Rà soát bảng mô tả vị trí công việc của đội ngũ giảng viên, NCV.</li> <li>- Kiểm tra hồ sơ, bằng cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ giảng viên, NCV.</li> <li>- Rà soát công tác dự giờ, đánh giá năng lực giảng viên, NCV.</li> <li>- Kiểm tra sơ đồ tổ chức của Khoa và Bộ môn.</li> <li>- Tập hợp minh chứng khác theo yêu cầu của các tiêu chuẩn 4, 5, 6.</li> <li>- Viết báo cáo TĐG tiêu chuẩn 4,5,6.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên nhóm 2</li> <li>- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo, Phòng TCCB; Phòng KT&amp;ĐBCL, Tổ Website.</li> </ul>	Từ 16/5/2018-30/09/2020
3	Tiêu chuẩn 7, 8, 9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát lại đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học.</li> <li>- Rà soát cơ sở vật chất và trang thiết bị. phục vụ đào tạo.</li> <li>- Rà soát công tác tuyển sinh.</li> <li>- Thống kê các báo cáo về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, Đoàn, Hội,... của người học.</li> <li>- Kế hoạch đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng quy định chuẩn đầu ra của người học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ, GV, Sinh viên, khoa Lâm học,</li> <li>- Thành viên nhóm 3</li> <li>- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng Đào tạo, Phòng KT&amp;ĐBCL, Phòng CT&amp;CTSV, Phòng QTTB, Thư viện, Ban CNTT, Trung tâm XTĐT&amp;DH</li> </ul>	Từ 16/5/2018-30/09/2020

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hợp minh chứng đáp ứng các tiêu chí.</li> <li>- Thống kê chi tiết danh sách phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng..</li> <li>- Quy định về hoạt động của Thư viện, tập hợp danh mục sách, giáo trình... của ngành Lâm sinh.</li> <li>- Lấy ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng (Phòng thí nghiệm, vi tính,...), phản hồi của SV, GV về tài liệu của thư viện, các mặt hoạt động của thư viện.</li> <li>- Thu thập các minh chứng khác theo yêu cầu của tiêu chuẩn 7,8,9.</li> <li>- Viết báo cáo TĐG tiêu chuẩn 7,8,9.</li> </ul>		
4	Tiêu chuẩn 10, 11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp minh chứng về lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo.</li> <li>- Tổng hợp minh chứng cập nhật chương trình đào tạo.</li> <li>- Tổng hợp minh chứng sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học</li> <li>- Thống kê SV tốt nghiệp: Số lượng, thời gian TN trung bình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên, Sinh viên, Cựu sinh viên, Nhà tuyển dụng.</li> <li>- Thành viên nhóm 4</li> <li>- Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: Phòng KHCN, Phòng Đào tạo, Phòng CT&amp;CTSV, Trung tâm XTĐT&amp;DH, Phòng</li> </ul>	<p style="text-align: center;">Từ 16/5/2018- 30/09/2020</p>



<b>TT</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Các hoạt động</b>	<b>Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp</b>	<b>Thời gian</b>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê SV thôi học</li> <li>- Thống kê tỷ lệ SV có việc làm sau khi TN</li> <li>- Minh chứng hoạt động NCKH của người học.</li> <li>- Tập hợp MC theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn 10, 11.</li> <li>- Viết báo cáo TĐG tiêu chuẩn 10,11.</li> </ul>	QTTB.	
5	Các phần chung của báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập thông tin và viết báo cáo về các nội dung:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần I: Khái quát</li> <li>+ Phần III: Kết luận</li> <li>+ Phần IV: Phụ lục</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐ TĐG CTĐT ngành Lâm sinh</li> <li>- Thành viên nhóm 5. Đơn vị phối hợp phòng KT&amp;ĐBCL, Phòng Đào tạo, Phòng QTTB, Phòng CT&amp;CTSV, Phòng KHCN, Phòng TCCB, Trung tâm XTĐT&amp;DH.</li> </ul>	Từ 16/5/2018-30/09/2020

### **6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

<b>TT</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Các hoạt động</b>	<b>Nguồn cung cấp</b>	<b>Kinh phí thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tiêu	- Khảo sát nhu cầu	- Các đơn vị	Phòng	Từ	

	chuẩn 1, 2	thị trường lao động. - Khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên ngành Lâm sinh về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT.	tuyển dụng. - Cựu SV ngành Lâm sinh - Các giảng viên, các nhà khoa học.	TCKT	16/5/2018-30/09/2020	
2	Tiêu chuẩn 10	Khảo sát doanh nghiệp, cựu sinh viên, SV ngành Lâm sinh về CTĐT minh chứng cho việc thị trường lao động tham gia vào thiết kế CTĐT (khảo sát, hội thảo,...)	- Công ty, doanh nghiệp. - Cựu SV ngành Lâm sinh - Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến ngành Lâm sinh	Phòng TCKT	Từ 16/5/2018-30/09/2020	

### 7. Kế hoạch thuê chuyên gia

Không

### 8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (9 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Từ 10-30/4/2018	1. <b>Họp ban chỉ đạo đánh giá các chương trình đào tạo (CTĐT) năm 2018</b> (theo QĐ số 406/QĐ-ĐHLN-TCCB ngày 09/3/2018) để thảo luận mục đích, phạm vi, kế hoạch và đề xuất giải pháp triển khai tự đánh giá CTĐT.

<b>Thời gian</b>	<b>Các hoạt động</b>
	<p>2. <b>Khoa đề xuất CTĐT</b> thực hiện tự đánh giá trong năm 2018 và danh sách các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm Công tác chuyên trách của mỗi CTĐT.</p> <p>3. <b>Hiệu trưởng ra quyết định thành lập</b> Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</p>
Từ ngày 02-14/5/2018	<p><b>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 1):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách (CTCT);</li> <li>- Thảo luận về kế hoạch tự đánh giá CTĐT để trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá của mỗi CTĐT.</li> </ul>
Từ 15/5/2018-01/3/2019	<p><b>Các nhóm CTCT thực hiện các công việc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nội hàm của các tiêu chí;</li> <li>- Thu thập, nghiên cứu thông tin và minh chứng;</li> <li>- Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>- Viết báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công.</li> </ul>
Từ 02/3/2019-15/3/2020	<p><b>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 2):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận về những vấn đề phát sinh trong quá trình viết báo cáo;</li> <li>- Xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung;</li> </ul>
Từ 16/3/2020-30/5/2020	<p><b>Các nhóm CTCT tiếp tục thực hiện thu thập minh chứng và viết báo cáo</b> dưới sự chỉ đạo của Hội đồng TĐG.</p>
Từ 01/6-31/7/2020	<p><b>1. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT (lần 3):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> </ul>

<b>Thời gian</b>	<b>Các hoạt động</b>
	<p>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</p> <p><b>2. Ban thư ký các Hội đồng TĐG tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</b></p>
<p>Từ 01/8- 01/9/2020</p>	<p>1. <b>Hội đồng tự đánh giá CTĐT</b> xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. Các nhóm CTCT tiếp tục sửa báo cáo TĐG.</p> <p>2. <b>Hội đồng tự đánh giá CTĐT</b> họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.</p>
<p>Từ 02/9- 30/09/2020</p>	<p>1. <b>Các nhóm CTCT</b> tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý.</p> <p>2. <b>Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp (lần 4)</b> thông qua báo cáo tự đánh giá và nộp báo cáo cho Ban chỉ đạo đánh giá các CTĐT để nghiệm thu.</p>
<p>Từ 01/9- 30/10/2020</p>	<p><b>1. Hội Ban chỉ đạo đánh giá các CTĐT</b> để nghiệm thu các Báo cáo TĐG.</p> <p><b>2. Các HĐ TĐG chỉ đạo hoàn thiện các báo cáo TĐG.</b></p>
<p>Từ 01/9- 30/10/2020</p>	<p><b>Công bố bản báo cáo TĐG</b> (đã hoàn thiện) trong nội bộ Trường ĐHLN và đơn vị thực hiện CTĐT.</p>
<p>Từ 01/9- 30/10/2020</p>	<p>1. <b>Nhà trường gửi các báo cáo tự đánh giá</b> và công văn cho Bộ NN&amp;PTNT, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2. <b>Nhà trường, Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá</b>, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</p>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNCBLS;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, Viện CNG, Phòng KT&ĐBCL.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHO.HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Trần Quang Bảo**

**Phụ biểu 01. Kết quả khảo sát giáo viên về hệ thống công nghệ thông tin**

Năm	Quy mô mẫu	Kết quả khảo sát giáo viên về hệ thống công nghệ thông tin															
		Mức độ trang bị thiết bị tin học cho giảng dạy và học tập				Mức độ trang bị và sử dụng các phần mềm phục vụ giảng dạy và học tập				Mức độ trang bị các thiết bị kết nối mạng (mạng LAN, Wifi)				Tốc độ và độ ổn định của đường truyền kết nối mạng			
		Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Chấp nhận được (%)	Không hài lòng (%)
2017	28	3,6	35,7	57,1	3,6	3,7	29,6	51,9	14,8	3,6	28,6	53,6	14,3	3,6	25,0	60,7	10,7
2018	35	5,7	34,3	60,0	0,0	2,9	20,0	77,1	0,0	0,0	20,0	68,6	11,4	0,0	22,9	51,4	25,7
2019	39	5,1	53,8	41,0	0,0	5,1	43,6	43,6	7,7	5,1	33,3	51,3	10,3	5,1	30,8	46,2	17,9
2020	21	8,3	29,2	62,5	0,0	4,3	39,1	56,5	0,0	4,2	29,2	66,7	0,0	3,8	23,1	73,1	0,0

**Phụ biểu 02. Một số đề tài NCKH các cấp nổi bật và lĩnh vực áp dụng  
giai đoạn 2015-2019**

<b>STT</b>	<b>Tên đề tài/dự án</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Cấp quản lý</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Lĩnh vực áp dụng</b>
	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng Mỡ (Manglietia conifera Blume) có năng suất cao cung cấp gỗ lớn ở vùng Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung bộ,	PGS. TS. Bùi Thế Đồi	Bộ NN & PTNT	2015-2019	Trồng rừng, Khoa học đất
	Nghiên cứu xây dựng các mô hình phát triển bền vững lưu vực sông Đà, Mã số : KH-CN-TB/13-18,	PGS. TS. Bùi Thế Đồi	Nhà nước	2017-2018	Quản lý rừng bền vững
	Chương trình kiểm kê rừng toàn quốc (thực hiện tại tỉnh Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Đắk Nông, Hà Nội, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa và Bắc Giang).	PGS. TS. Bùi Thế Đồi	Bộ NN & PTNT	2013-2016	Điều tra rừng, GIS và Viễn thám
	Nghiên cứu khả năng tích lũy và phân hủy chất hữu cơ thực vật ở rừng phòng hộ đầu nguồn thủy điện Sông Đà.	PGS. TS. Nguyễn Minh Thanh	Bộ NN & PTNT	2011-2015	Khoa học đất,
	Đánh giá sinh trưởng và kỹ thuật trồng các loài cây phục vụ công tác trồng rừng sản	PGS. TS. Nguyễn Minh	Tỉnh	2019-2020	Trồng rừng, Điều tra

<b>STT</b>	<b>Tên đề tài/dự án</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Cấp quản lý</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Lĩnh vực áp dụng</b>
	xuất và đề xuất biện pháp kinh doanh hiệu quả.	Thanh			rừng, Sản lượng rừng
	Nghiên cứu xây dựng phương án điều chế rừng tự nhiên lá rộng thường xanh là rừng sản xuất tại vùng núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 2011 – 2015.	PGS. TS. Nguyễn Minh Thanh	Bộ NN & PTNT	2011-2015	Điều tra rừng, Quy hoạch Lâm nghiệp
	Monitoring Mangrove ExteNT & Services (MOMENTS): What is controlling Tipping Points?	ThS. Trần Thị Mai Sen	NĐ thu Việt Nam – Vương quốc Anh	2018-2020	Rừng ngập mặn
	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật phục hồi rừng ngập mặn bị suy thoái tại một số vùng sinh thái trọng điểm ven biển Việt Nam (Bắc Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ).	ThS. Trần Thị Mai Sen	Bộ NN & PTNT	2017-2021	Rừng ngập mặn
	Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh cây Phay (Duabanga	ThS. Trần Thị Mai Sen	Bộ NN & PTNT	2019-2023	



STT	Tên đề tài/dự án	Chủ trì	Cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực áp dụng
	sonneratia Buch-Ham) cung cấp gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ và Tây Bắc.				
	Nghiên cứu hiện trạng, nguyên nhân suy thoái rừng ngập mặn và xây dựng mô hình khôi phục rừng ngập mặn bền vững tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định.	ThS. Trần Thị Mai Sen	Tỉnh	2019-2020	Quản lý rừng bền vững, Rừng ngập mặn
	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám, phục vụ phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bắc Giang.	TS. Bùi Mạnh Hưng	Tỉnh	2018-2019	GIS và Viễn thám, Quản lý rừng bền vững
	Ảnh hưởng của khai thác tác động thấp đến tính đa dạng loài cây gỗ và cấu trúc của rừng tự nhiên có chứng chỉ bền vững, Mã số: 106.06-2016.22.	TS. Nguyễn Hồng Hải	Quốc gia	2017-2020	Điều tra rừng

**Phụ biểu 03. Bảng tóm tắt khảo sát ý kiến các bên liên quan từ 2015 - 2020**

<b>Năm học</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2018-2019</b>
<b>Nội dung khảo sát</b>	1.Đánh giá môn học/GV 2.Đánh giá chất lượng toàn khoá học 3.Khảo sát cựu sinh viên 4.Khảo sát bạn đọc thư viện 5.Khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng	1.Đánh giá môn học/GV 2.Đánh giá chất lượng toàn khoá học 3.Khảo sát cựu sinh viên 4.Đánh giá CSVC 5.Khảo sát bạn đọc thư viện 6.Khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng	1. Đánh giá môn học/GV 2. Đánh giá chất lượng toàn khoá học 3. Khảo sát cựu sinh viên 4. Đánh giá CSVC 5. Khảo sát bạn đọc thư viện 6. Ý kiến đơn vị tuyển dụng 7. Khảo sát tuần sinh hoạt công dân 8. Khảo sát người học về công tác đoàn thể	1. Đánh giá môn học/GV 2. Đánh giá chất lượng toàn khoá học 3. Khảo sát cựu sinh viên 4. Đánh giá CSVC 5. Khảo sát bạn đọc thư viện 6. Ý kiến đơn vị tuyển dụng 7. Khảo sát tuần sinh hoạt công dân 8. Khảo sát người học về công tác đoàn thể 9. Khảo sát về chuyên viên, nhân viên phục vụ	1. Đánh giá môn học/GV 2. Đánh giá chất lượng toàn khoá học 3. Khảo sát cựu sinh viên 4. Đánh giá CSVC 5. Khảo sát bạn đọc thư viện 6. Ý kiến đơn vị tuyển dụng 7. Khảo sát tuần sinh hoạt công dân 8. Khảo sát người học về công tác đoàn thể 9. Khảo sát về chuyên viên, nhân viên phục vụ

<b>Năm học</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2018-2019</b>
Bộ phận thực hiện khảo sát	- KT&ĐBCL - Thư viện, P. Đào tạo	- KT&ĐBCL - Thư viện, P. Đào tạo - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm	- KT&ĐBCL - Thư viện, P. Đào tạo - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm - Khoa Lâm học	- KT&ĐBCL - Thư viện, P. Đào tạo - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm - Khoa Lâm học	- KT&ĐBCL - Thư viện, P. Đào tạo - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm - Khoa Lâm học
Đối tượng được khảo sát	- SV cuối kỳ - SV trước khi ra trường - Cựu sinh viên - Nhà tuyển dụng	- SV cuối kỳ - SV trước khi ra trường - GV - Nhà tuyển dụng	- SV cuối kỳ - SV trước khi ra trường - Cựu sinh viên - GV - Nhà tuyển dụng	- SV cuối kỳ - SV trước khi ra trường - Cựu sinh viên - GV - Nhà tuyển dụng	- SV cuối kỳ - SV trước khi ra trường - Cựu sinh viên - GV - Nhà tuyển dụng
Thời gian khảo sát	- Cuối kỳ - Cuối khoá - 1 năm một lần	- Cuối kỳ - Cuối khoá - 1 năm một lần	- Cuối kỳ - Cuối khoá - 1 năm một lần - Thường xuyên	- Cuối kỳ - Cuối khoá - 1 năm một lần - Thường xuyên	- Cuối kỳ - Cuối khoá - 1 năm một lần - Thường xuyên
Cách	- Mẫu giấy trực	- Mẫu giấy trực tiếp	- Mẫu giấy trực	- Mẫu giấy trực tiếp/gọi	- Mẫu giấy trực tiếp/gọi

<b>Năm học</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>2018-2019</b>
thức khảo sát	tiếp		tiếp/gọi điện - Online	điện - Online	điện - Online
Bộ phận sử dụng kết quả khảo sát	- Phòng Đào tạo - Thư viện - Các Khoa chuyên môn	- Phòng Đào tạo - Thư viện - Các Khoa chuyên môn - Các GV - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm	- Phòng Đào tạo - Thư viện - Các Khoa chuyên môn - Các GV - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm	- Phòng Đào tạo - Thư viện - Các Khoa chuyên môn - Các GV - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm - Phòng Quản trị, thiết bị - Phòng CT&CTSV	- Phòng Đào tạo - Thư viện - Các Khoa chuyên môn - Các GV - Ban xúc tiến tuyển sinh và tư vấn việc làm - Phòng Quản trị, thiết bị - Phòng CT&CTSV

**Phụ biểu 04. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Cơ sở chính) [H11.11.01.02]**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học					Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)
					Tổng	Trong đó					
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học	Buộc thôi học		
	56	2011 – 2015	100	89					3	9	3,37
	57	2012 – 2016	84	84	2	3	1	6	2	6	13,10
	58	2013 – 2017	218	222	4		2	17	5	36	9,91
	59	2014 - 2018	197	210	5			15		48	7,14
	60	2015 - 2019	46	48			1	4		10	8,33
	61	2016 - 2020	66	63						54	0
<b>Trung bình</b>										<b>6,98</b>	

**Phụ biểu 05. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Phân hiệu) [H11.11.01.02]**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học				Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)	
					Tổng	Trong đó					
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học			Buộc thôi học
	58	2013 - 2017	42	42				3	1	3	9,5
	59	2014 - 2018	25	25				3	2	1	20
	60	2015 - 2019	35	35				4	5	4	25,7
	61	2016 - 2020	12	12		1		1	4	2	41,67
<b>Trung bình</b>										<b>24,22</b>	

**Phụ biểu 06. Thống kê Sinh viên trúng tuyển nhập học, quy mô theo hệ thống và tỷ lệ thôi học của SV ngành Lâm sinh giai đoạn 2015 - 2020 (Toàn trường)**

TT	Khóa	Khóa học	Quyết định nhập học	Quy mô theo hệ thống	Nghỉ học					Số SV còn lại đến ngày 22/7/2020	Tỷ lệ SV thôi học được xác lập (%)
					Tổng	Trong đó					
						Ngừng học	Nghỉ học tạm thời	Thôi học	Buộc thôi học		
	56	2011 - 2015	100	89					3	9	3,37
	57	2012 - 2016	84	84	2	3	1		2	6	13,10
	58	2013 - 2017	260	264	8		2	0	6	39	10,6
	59	2014 - 2018	222	235	0			8	2	49	8,51
	60	2015 - 2019	81	83	4		1		5	14	16,87
	61	2016 - 2020	78	75		1			4	56	8,0
<b>Trung bình</b>										<b>10,08</b>	

**Phụ biểu 07. Phân loại tốt nghiệp ngành Lâm sinh (Cơ sở chính)**

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2011 – 2015 (K56)	89	77	0	0		32	10				19
			0%	0.0%	1,69	41,56	12,99	,00	,00	,09	24,68
2012 – 2016 (K57)	84	66	0	0		34	9				15
			0%	0.0%	9,09	51,52	13,64	,00	,00	,03	22,73
2013 – 2017 (K58)	222	162	0	1		90	17			7	29
			0%	0,45	4,94	55,56	10,49	,00	,00	0,49	17,90
2014 – 2018	210	141	0	0	15	68	18				21



Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
(K59)										9	
			0%	0,00	0,64	48,23	12,77	,00	,00	3,48	14,89
2015 – 2019 (K60)	48	31	0	0		13	4				3
			0%	0,00	2,58	41,94	12,90	,00	,23	,68	9,68
2016 – 2020 (K61)	63	4	0	1		2	1				0
			0%	25,00	0,00	50,00	25,00	,00	,00	,00	0,00

**Phụ biểu 08. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Phân hiệu)**

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
Chưa đào tạo	0	0	0	0	0	0	0				0
			0%	0%	0%	0%	0%				0
Chưa đào tạo	0	0	0	0	0	0	0				0
			0%	0%	0%	0%	0%				0
2013 – 2017 (K58)	42	35	0	0	2	24	1				0
			0%	0,00%	5,71%	68,57%	2,86%				0
2014 – 2018 (K59)	25	19	0	0	4	10	5				0
			0%	0,00%	21,05%	52,63%	26,32%	0	0	0	0
2015 – 2019 (K60)	35	22	0	0	4	15	3				0
			0%	0,00%	18,18%	68,18%	13,64%				0
2016 – 2020 (K61)	12	4	0	0	0	3	1				0
			0%	0%	0%	75%	25%				0

**Phụ biểu 09. Phân loại tốt nghiệp ngành lâm sinh (Toàn trường)**

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
2011 – 2015 (K56)	89	77	0		9	32	10	0	0		19
			0%	0,00	11,69	41,56	12,99	0,00	0,00	9,09	24,68
2012 – 2016 (K57)	84	66	0		6	34	9	0	0		15
			0%	0,00	9,09	51,52	13,64	0,00	0,00	3,03	22,73
2013 – 2017 (K58)	264	162	0		8	90	17	0	0	17	29
			0%	0,45	4,94	55,56	10,49	0,00	0,00	10,49	17,90
2014 – 2018	235	141	0		15	68	18	0	0		21
			0%		10,64	48,23	12,77	0,00	0,00		14,89

Khóa học	Trúng tuyển nhập học	Tổng số người hoàn thành chương trình	Xếp loại TN sớm	Xếp loại TN đúng hạn				Xếp loại TN Muộn			
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
(K59)				00						3,48	
2015 – 2019 (K60)	83	31	0	0%	7	13	4	0	1		3
				,00	22,58	41,94	12,90	0,00	3,23	,68	9,68
2016 – 2020 (K61)	75	4	0	0%		2	1	0	0		0
				5,00	0,00	50,00	25,00	0,00	0,00	,00	0,00

**Phụ biểu 10. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm 2015-2020 (Cơ sở chính) [H11.11.02.03]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
				3 năm		4 năm		>4 năm		
		Số lượng	(%)	Số lượng		Số lượng	%	Số lượng	%	Năm
2011-2015 (K56)	89	77	86,52	0		51	66,23	26	33,77	4,3
2012-2016 (K57)	84	66	78,57	0		49	74,24	17	25,76	4,3
2013-2017 (K58)	222	162	72,97	0		116	71,60	46	28,40	4,3
2014-2018 (K59)	210	141	67,14	0		101	71,63	40	28,37	4,3
2015-2019 (K60)	48	31	64,58	0		24	77,42	7	22,58	4,2
2016-2020 (K61)	63	4	6,35	0		4	100,00	0	0,00	4,0
Trung bình										<b>4,2</b>

**Phụ biểu 11. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Phân hiệu) [H11.11.02.03]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
		Số lượng	(%)	3 năm		4 năm		>4 năm		
				Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Năm
2011-2015 (K56)	Chưa đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2012-2016 (K57)	Chưa đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2013-2017 (K58)	42	35	83,33	0	35	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>	
2014-2018 (K59)	25	19	76,00	0	19	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>	
2015-2019 (K60)	35	22	62,86	0	22	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>	
2016-2020 (K61)	12	4	33,33	0	4	100,00	0	0,00	<b>4,0</b>	
<b>Trung bình</b>										<b>4,0</b>

**Phụ biểu 12. Thống kê thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Lâm sinh qua các năm học giai đoạn 2015-2020 (Toàn trường) [H11.11.02.03]**

Khóa	Tổng số sinh viên	Tổng số người hoàn thành chương trình		Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp trong						Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập
				3 năm		4 năm		>4 năm		
		Số lượng	(%)	Số lượng	Số lượng	%	Số lượng	%	Năm	
2011-2015 (K56)	89	77	86,52	0	51	66,23	26	33,77	4,34	
2012-2016 (K57)	84	66	78,57	0	49	74,24	17	25,76	4,26	
2013-2017 (K58)	264	197	74,62	0	151	76,65	46	23,35	4,23	
2014-2018 (K59)	235	160	68,09	0	120	75,00	40	25,00	4,25	
2015-2019 (K60)	83	53	63,86	0	46	86,79	7	13,21	4,13	
2016-2020 (K61)	75	8	10,67	0	8	100,00	0	0,00	4,00	
<b>Trung bình</b>									<b>4,2</b>	

**Phụ biểu 13. Đối sánh tình hình việc làm của sinh viên ngành Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng và Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp qua các năm 2015-2019**

Ngành đào tạo/Năm tốt nghiệp		Tổng số Được khảo sát	Tình trạng việc làm				Tỷ lệ SVTN có việc làm
			Số SVTN có việc làm		Số SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số SVTN chưa có việc làm	
			Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân và liên doanh			
Lâm sinh	2015	63	36	6	7	14	77,8
	2016	20	7	19	1	04	87,1
	2017	93	33	39		21	77,42
	2018 & 2019	49	18	21	08	7	85,71
Quản lý TNR	2015	97	73	11	9	37	71,5
	2016	29	6	12		11	63,9
	2017	74	22	36		16	78,38
	2018 & 2019	82	21	37	5	24	70,73
Quản trị kinh doanh	2015	67	13	23	31	28	69,6
	2016	31	0	27		4	84,4
	2017	30	3	25		2	93,33
	2018 & 2019	15	2	11		2	86,67